

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN



BỘ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH BẢO HỘ LAO ĐỘNG
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, năm 2019

MỤC LỤC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC,
HỆ CHÍNH QUY, THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ,
NGÀNH BẢO HỘ LAO ĐỘNG

*(Ban hành theo Quyết định số:750/QĐ-ĐHCD ngày 30 tháng 08
năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn)*

TT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Trang
1.	1808	Triết học Mác – Lênin	3	1
2.	1809	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	13
3.	1810	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	28
4.	1802	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	50
5.	1807	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	63
6.	2315	Tiếng Anh 1	3	84
7.	2316	Tiếng Anh 2	3	105
8.	2317	Tiếng Anh 3	3	124
9.	2318	Tiếng Anh 4	3	145
10.	2319	Tiếng Anh 5	3	171
11.	2320	Tiếng Anh 6	3	184
12.	1446	Pháp luật đại cương và Luật an toàn, vệ sinh lao động	3	202
13.	2401	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	3	227
14.	1110	Đại cương về Công đoàn Việt Nam	2	247
15.	2113	Chọn 1 trong 3 học phần: - Kỹ năng giao tiếp - Kỹ năng quản trị văn phòng - Kỹ năng làm việc nhóm	2	263
16.	1225	Tâm lý học lao động	2	273
17.	1117	Quan hệ lao động 2	2	287
18.	2119	Đại số	2	298
19.	2120	Giải tích	2	308
20.	1047	Vật lý 1	2	318
21.	1048	Vật lý 2	2	330
22.	1016	Hoá học đại cương	3	342
23.	1015	Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật	2	355

24.	1019	Kỹ thuật điện	2	370
25.	1020	Kỹ thuật điện tử	2	387
26.	1006	Cơ học lý thuyết	2	399
27.	1009	Cung cấp điện	2	410
28.	1027	Môi trường và phát triển bền vững	2	421
29.	1021	Kỹ thuật đo lường	2	431
30.	1007	Cơ khí đại cương	2	443
31.	1041	Tổng quan về an toàn, vệ sinh lao động	2	455
32.	1049	Vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp	2	464
33.	1014	Ecgonômi	2	475
34.	1001	An toàn điện	2	487
35.	1002	An toàn hóa chất	2	501
36.	1050	Tiếng ồn, rung động trong sản xuất và kỹ thuật xử lý	2	512
37.	1018	Kỹ thuật chiếu sáng công nghiệp	2	521
38.	1025	Kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường nước	2	536
39.	1024	Kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường khí	2	546
40.	1029	Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn	2	556
41.	1017	Kỹ thuật an toàn trong xây dựng	2	568
42.	1005	Chế độ, chính sách về an toàn, vệ sinh lao động	2	579
43.	1051	Điều tra, thống kê tai nạn, sự cố lao động và bệnh nghề nghiệp	2	589
44.	1052	Quản lý rủi ro an toàn vệ sinh lao động	2	598
45.	1033	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	2	612
46.	1031	Quản lý an toàn máy, thiết bị tại nơi làm việc	2	624
47.	1053	Hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe, môi trường	2	633
48.	1012	Đồ án về kỹ thuật an toàn lao động	3	641
49.	1013	Đồ án về kỹ thuật vệ sinh lao động	3	651
50.	1055	Đồ án thực tập an toàn, vệ sinh lao động	2	661
51.	1056	Thực hành kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động	2	668
52.	1205	Tin học ứng dụng	2	675
53.	1046	Thực tập cuối khóa, làm đồ án tốt nghiệp	10	
Tổng cộng			126	

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Triết học Mác - Lênin

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Lý luận chính trị

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Hải Hoàng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, số 169, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: **0984.380.058** - E-mail: **hoangnh@dhcd.edu.vn**

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Mai Thị Dung**

- Chức danh, học vị: **Giảng viên chính, Tiến sỹ**

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, số 169, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: **0989.185.223** - E-mail: **dungmt@dhcd.edu.vn**

2.1. Giảng viên 3:

- Họ và tên: **Đặng Thị Phương Duyên**

- Chức danh, học vị: **Giảng viên chính, Tiến sỹ**

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, số 169, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: **0988.709.954** - E-mail: **duyendtp@dhcd.edu.vn**

2.1. Giảng viên 4:

- Họ và tên: **Đặng Xuân Giáp**

- Chức danh, học vị: **Giảng viên chính, Thạc sỹ**

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, số 169, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: **0948.032.233** - E-mail: **giapdx@dhcd.edu.vn**

2.1. Giảng viên 5:

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hiếu**

- Chức danh, học vị: **Giảng viên, Tiến sỹ**

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, số 169, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: **0972.328.847** - E-mail: **hieunt@dhcd.edu.vn**

2.1. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Trương Thị Xuân Hương
- Chức danh, học vị: **Giảng viên, Thạc sĩ**
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, số 169, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại 0945758388 - E-mail: huongttx@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN**
- Tên (tiếng Anh): **Philosophy of Marxism and Leninism**
- Mã học phần: **1808**

4. Số tín chỉ: 3

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 30
- Giờ thảo luận, kiểm tra: 15
- Giờ tự học: 135

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho người học những quan điểm khoa học, cách mạng, nhân văn của Triết học Mác - Lênin, hình thành thế giới quan triết học, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp làm việc khoa học; Rèn luyện cho người học khả năng tư duy logic, biện chứng; Bước đầu biết vận dụng sáng tạo phương pháp luận triết học vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CĐR	Mô tả nội dung CĐR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CĐR của CTĐT (Đáp ứng CĐR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Hiểu được khái niệm triết học, đối tượng của triết học, vấn đề cơ bản của triết học; sự ra đời, phát triển của triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.	2	LO.1, LO.2
<i>LO.1.2</i>	Hiểu và phân tích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Phép biện chứng duy vật; Nhận thức được giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin thông qua những luận điểm triết học duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật.	4	LO.1, LO.2
<i>LO.1.3</i>	Hiểu và phân tích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử; Nhận thức được giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học	4	LO.1, LO.2

	Mác - Lênin thông qua những luận điểm triết học duy vật lịch sử.		
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Phân biệt lập trường triết học của các triết gia và học thuyết của họ; xác định được tính tất yếu của sự ra đời Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin đối với sự phát triển xã hội.	2	LO.7, LO.8
<i>LO.2.2</i>	Biết vận dụng các phương pháp luận triết học trong nhận thức và thực tiễn; có khả năng vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận đó để phân tích và giải quyết các vấn đề thường gặp trong đời sống xã hội.	4	LO.7, LO.8
<i>LO.2.3</i>	Khả năng nhận định, đánh giá thực chất các mối quan hệ lớn của xã hội trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.	5	LO.7, LO.8
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Có tinh thần phê phán, phản biện, thái độ khách quan, khoa học, nhân văn trong đánh giá các vấn đề liên quan đến khoa học, lịch sử, vĩ nhân; Hình thành thế giới quan khoa học, lý tưởng cách mạng, nhân sinh quan tích cực.	5	LO.15 LO.16
<i>LO.3.2</i>	Biết đánh giá, nhận định, hình thành niềm tin khoa học, lý tưởng cách mạng, tin tưởng vào xu thế phát triển tất yếu của lịch sử xã hội; thái độ sống tích cực, nhân văn, đóng góp có ý nghĩa vào tiến trình phát triển bản thân, cộng đồng và xã hội.	5	LO.15 LO.16
<i>LO.3.3</i>	Có niềm tin khoa học, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong vận dụng phương pháp luận triết học vào quá trình học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn.	6	LO.15 LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Triết học Mác-Lênin giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm triết học cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin với tư cách là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác-Lênin là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng xã hội tiên bộ trong nhận thức và cải tạo xã hội. Học phần này là một nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác-Lênin trong chương trình cử nhân đại học nhằm giáo dục lý luận cho người học, giúp người học xây dựng thế giới quan và phương pháp luận khoa học để nhận thức và hoạt động thực tiễn hiệu quả, đồng thời

tiếp cận các môn khoa học khác.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp, hoạt động dạy&học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Giảng viên	Sinh viên		
1	<p>CHƯƠNG 1: TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI</p> <p>1.1. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC</p> <p>1.1.1. Khái lược về triết học</p> <p>1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.1.3. Biện chứng và siêu hình</p> <p>1.2. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI</p> <p>1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin</p> <p>1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin</p> <p>1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p>	<p>Thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề.</p>	<p>Đọc TLTK Làm BT chương 1 Phân nhóm, thảo luận cách thức học tập</p>	<p>LO.1.1 LO.2.1 LO.3.1</p>	<p>GS.TS Phạm Văn Đức (chủ biên), <i>Giáo trình Triết học Mác - Lênin (2019)</i>, Bộ Giáo dục và Đào tạo. (Chương 1)</p>

<p>2</p>	<p>CHƯƠNG 2. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG</p> <p>2.1. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC</p> <p>2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất</p> <p>2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</p> <p>2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>2.2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p>2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.3. LÝ LUẬN NHẬN THỨC</p> <p>2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức</p> <p>2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</p> <p>2.3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức</p> <p>2.3.5. Tính chất của</p>	<p>Thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, cá nhân đóng vai.</p>	<p>Nghiên cứu tài liệu, làm bài tập, nghe giảng, chuẩn bị bài theo nhóm; thuyết trình, thảo luận, phản biện, nêu ý kiến.</p>	<p>LO.1.2 LO.2.2 LO.3.2</p>	<p>GS.TS Phạm Văn Đức (chủ biên), <i>Giáo trình Triết học Mác - Lênin (2019)</i>, Bộ Giáo dục và Đào tạo. (Chương 2) TLTK: Bộ GD & ĐT(2010): <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i> Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội</p>
-----------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	chân lý				
3	<p>CHƯƠNG 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ</p> <p>3.1. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội</p> <p>3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</p> <p>3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên</p> <p>3.2. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC</p> <p>3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>3.2.2. Dân tộc</p> <p>3.2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại</p> <p>3.3. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI</p> <p>3.3.1. Nhà nước</p> <p>3.3.2. Cách mạng xã hội</p> <p>3.4. Ý THỨC XÃ HỘI</p>	Thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, bê cá, đóng vai.	Nghiên cứu tài liệu, làm bài tập, nghe giảng, chuẩn bị bài theo nhóm; thuyết trình, thảo luận, phản biện, nêu ý kiến.	LO.1.3 LO.2.3 LO.3.3	GS.TS Phạm Văn Đức (chủ biên), <i>Giáo trình Triết học Mác - Lênin (2019)</i> , Bộ Giáo dục và Đào tạo. (Chương 1)

TLTK: Bộ GD & ĐT (2010): *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

	<p>3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</p> <p>3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội</p> <p>3.5. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI</p> <p>3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người</p> <p>3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người</p> <p>3.5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử.</p> <p>3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam</p>				
4	<i>Bài kiểm tra lần 1:</i> <i>Chương 1, Chương 2</i>			<i>LO.1.1</i> <i>LO.1.2</i> <i>LO.2.1</i> <i>LO.2.2</i> <i>LO.3.1</i> <i>LO.3.2</i>	
5	<i>Bài kiểm tra lần 2:</i> <i>Chương 3; Võ bài tập</i>			<i>LO.1.3</i> <i>LO.2.3</i> <i>LO.3.3</i>	

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Không

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, dự lớp đầy đủ, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, tham gia có hiệu quả hoạt động nhóm, tích cực tư duy, nghe giảng, nêu ý kiến, trao đổi, thảo luận trên lớp; hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra

-đánh giá thường xuyên, kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần và các yêu cầu khác của giảng viên liên quan đến nội dung học phần; giữ kỷ luật học đường.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra - đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

+ Việc tham gia các buổi học trên lớp.

+ Ý thức học tập, năng lực làm việc nhóm, tinh thần tham gia xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

+ Làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên: Kiểm tra trên lớp, bài tập về nhà, bài tập nhóm*

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kì (tiết học thứ 20, 40)

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

- Tiêu chí đánh giá: đánh giá kỹ năng nhớ, hiểu biết, diễn đạt các nội dung, quan điểm triết học Mác - Lênin và vận dụng các nội dung đã học vào quá trình học tập của sinh viên và thực tiễn xã hội.

- Hình thức: Kiểm tra trên lớp (tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập nhóm) và bài tập về nhà.

10.3. Thi cuối kỳ:(Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Tiêu chí đánh giá: đánh giá kỹ năng hiểu biết, tư duy và vận dụng các nội dung, quan điểm của triết học Mác - Lênin vào quá trình học tập của sinh viên và thực tiễn xã hội.

- Hình thức: Thi viết: trắc nghiệm, tự luận (60 - 90 phút) (Theo ma trận đề thi – Phụ lục)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần								
		LO.1.1.	LO.1.2.	LO.1.3.	LO.2.1.	LO.2.2.	LO.2.3.	LO.3.1.	LO.3.2.	LO.3.3.
		1.	2.	3.	1.	2.	3.	1.	2.	3.

1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)									
2.1	Bài kiểm tra lần 1	X	X		X	X		X	X	
2.2	Bài kiểm tra lần 2			X			X			X
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F	Mức D	Mức C	Mức B	Mức A	
Chuyên cần	Tham dự dưới 80% số tiết học	Tham dự từ 80% số tiết học	Tham dự từ 85% số tiết học	Tham dự từ 95% số tiết học	Tham dự 100% số tiết học	80%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến; Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học; Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực; Các đóng góp rất hiệu quả	20%

Điểm trừ	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc tương đương 1 điểm)
----------	------------------------------------------------------------------------------------

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	GS.TS Phạm Văn Đức (chủ biên)	2019	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2009	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	<p>CHƯƠNG 1: TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI</p> <p>1.1. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC</p> <p>1.1.1. Khái lược về triết học</p> <p>1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.1.3. Biện chứng và siêu hình</p> <p>1.2. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI</p> <p>1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin</p> <p>1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin</p> <p>1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p>	5	2	
2	<p>CHƯƠNG 2. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG</p> <p>2.1. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC</p> <p>2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất</p> <p>2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</p>	12	5	

	<p>2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>2.2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p>2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.3. LÝ LUẬN NHẬN THỨC</p> <p>2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức</p> <p>2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</p> <p>2.3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức</p> <p>2.3.5. Tính chất của chân lý</p>			
3	<p>CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ</p> <p>3.1. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội</p> <p>3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</p> <p>3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên</p> <p>3.2. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC</p> <p>3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>3.2.2. Dân tộc</p> <p>3.2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại</p> <p>3.3. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI</p> <p>3.3.1. Nhà nước</p> <p>3.3.2. Cách mạng xã hội</p> <p>3.4. Ý THỨC XÃ HỘI</p> <p>3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</p> <p>3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội</p> <p>3.5. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI</p> <p>3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người</p> <p>3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người</p> <p>3.5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử.</p>	13	6	

	3.5. 4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam			
4	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>			2

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

Nguyễn Hải Hoàng

Nguyễn Hải Hoàng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Lý luận chính trị

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Dương Thị Thanh Xuân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0913.674.994 - E-mail: xuandt@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Lê Thị Thúy Nga
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0923.238.888 - E-mail: nga lethuy@dhcd.edu.vn

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Hải Hoàng
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0984.308.058 - E-mail: hoangnh@dhcd.edu.vn

2.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Công Đức
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0912.806.355 -E-mail: ducnc@dhcd.edu.vn

2.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Hương Mai
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0983.930.782 - E-mail: mainth@dhcd.edu.vn

2.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Tuyết Mai
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0385.568.968 -E-mail: maintt@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

- **Tên (tiếng Anh): Political Economics of Marxism and Leninism**

- **Mã học phần: 1809**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 21
- Giờ thực hành: 0
- Giờ kiểm tra: 1
- Giờ thảo luận: 18
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

- *Về kiến thức:* Sinh viên nhận biết được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Kinh tế chính trị, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.
- *Về kỹ năng:* Sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức đã học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề kinh tế - chính trị của đất nước và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.
- *Về thái độ:* Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
LO.1.1	Hiểu được sự ra đời, phát triển của môn học KTCT; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa nghiên cứu KTCT Mác – Lênin	2	LO.1, LO.2
LO.1.2	Nắm được lý luận giá trị lao động của C.Mác, từ đó vận dụng để hình thành tư duy và kỹ năng thực hiện hành vi kinh tế phù hợp khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay.	3	LO.1, LO.2
LO.1.3	Phân tích làm rõ lý luận giá trị thặng dư của C.Mác trong điều kiện nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh TBCN, để thấy được các quan hệ lợi ích cơ bản thông qua phân phối giá trị mới do lao động tạo ra giữa các chủ thể chính trong nền kinh. Trên cơ sở đó hình thành các kỹ năng giải	3	LO.1, LO.2

	quyết các quan hệ lợi ích khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Vận dụng lý luận của V.I.Lênin về độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường TBCN để lý giải được sự điều chỉnh của CNTB trong bối cảnh hiện nay.		
<i>LO.1.4</i>	Phân tích, làm rõ những lý luận cơ bản về nền kinh tế thị trường, các quan hệ lợi ích và đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích trong phát triển ở Việt Nam hiện nay. Hiểu được lý do khách quan phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, giải quyết được các vấn đề khi tham gia các quan hệ kinh tế - xã hội. Phân tích, làm rõ những lý luận cơ bản về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Đồng thời phân tích làm rõ những vấn đề về hội nhập kinh tế quốc tế, tác động của hội nhập và việc xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ trong hội nhập kinh tế quốc tế.	4	LO.1, LO.2
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Vận dụng phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác - Lênin vào phân tích lý luận giá trị lao động của C.Mác, từ đó hình thành tư duy và kỹ năng thực hiện hành vi kinh tế phù hợp khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay.	3	LO.7, LO.8
<i>LO.2.2</i>	Vận dụng những tri thức có được vào phân tích những vấn đề cơ bản lý luận giá trị thặng dư của C.Mác Trên cơ sở đó hình thành các kỹ năng giải quyết các quan hệ lợi ích khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.	3	LO.7, LO.8
<i>LO.2.3</i>	Vận dụng lý luận của V.I.Lênin về độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường TBCN, lý giải được sự điều chỉnh của CNTB trong bối cảnh hiện nay.	3	LO.7, LO.8
<i>LO.2.4</i>	Vận dụng lý luận nền tảng vào giải quyết các vấn đề khi tham gia các quan hệ kinh tế - xã hội, các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. vận dụng những nội dung về vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Những vấn đề về hội nhập kinh tế quốc tế, tác động của hội nhập và việc xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ trong hội nhập kinh tế quốc tế.	3	LO.7, LO.8

LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Vận dụng kiến thức chuyên môn về những vấn đề kinh tế - chính trị để lập kế hoạch phân đấu, rèn luyện bản thân về năng lực, trình độ, bản lĩnh vững vàng để xây dựng và phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.	3	LO.15 LO.16
<i>LO.3.2</i>	Phân tích làm rõ được những quan điểm sai trái phủ nhận tính chất tiên bộ của nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN nói chung, ở Việt Nam nói riêng. Hình thành niềm tin vào chế độ XHCN, luôn tin tưởng, ủng hộ đường lối đổi mới theo định hướng XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng.	4	LO.15 LO.16
<i>LO.3.3</i>	Thấy rõ tính khoa học trong quan điểm về vấn đề giá trị thặng dư, nền kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của chủ nghĩa Mác-Lênin, của Đảng Cộng sản Việt Nam.	4	LO.15 LO.16
<i>LO.3.4</i>	Nhận thức được tầm quan trọng, sự cần thiết phải góp sức mình vào xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Có thái độ và hành vi đúng đắn trong nhận thức và có trách nhiệm xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ. trách nhiệm của bản thân góp phần tuyên truyền và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước.	5	LO.15 LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức lý luận về Kinh tế chính trị Mác – Lênin như: Khái quát sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp, hoạt động dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Giảng viên	Sinh viên		

1	<p>Chương 1 ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN</p> <p>1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin</p> <p>2. Đối tượng và phương pháp của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p><i>2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</i></p> <p><i>2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</i></p> <p>3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p><i>3.1. Chức năng nhận thức</i></p> <p><i>3.2. Chức năng tư tưởng</i></p> <p><i>3.3. Chức năng thực tiễn</i></p> <p><i>3.4. Chức năng phương pháp luận</i></p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận, bài tập nhóm.</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.1</i></p>	<p>PGS.TS Ngô Tuấn Nghĩa (chủ biên) (2019) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin - Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>
2	<p>Chương 2 HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG</p> <p>1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa</p> <p><i>1.1. Sản xuất hàng hóa</i></p> <p><i>1.2. Hàng hóa</i></p> <p><i>1.3. Tiền</i></p> <p><i>1.4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt</i></p> <p>2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</p> <p><i>2.1. Thị trường</i></p> <p><i>2.2. Vai trò của một số chủ thể</i></p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận, bài tập nhóm.</p>	<p>Đọc Hướng dẫn học; Làm BT cá nhân chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây</p>	<p><i>LO.1.2LO.2.1LO.3.1</i></p>	<p>PGS.TS Ngô Tuấn Nghĩa (chủ biên) (2019) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin - Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>

	<i>chính tham gia thị trường</i> Thảo luận		dụng bài		
3	Chương 3 GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư <i>1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư</i> <i>1.2. Bản chất của giá trị thặng dư</i> <i>1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư</i> 2. Tích lũy tư bản <i>2.1. Bản chất của tích lũy tư bản</i> <i>2.2. Những nhân tố ảnh hưởng tới quy mô tích lũy</i> <i>2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản</i> 3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường <i>3.1. Lợi nhuận</i> <i>3.2. Lợi tức</i> <i>3.3. Địa tô</i> Thảo luận	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, bài tập nhóm.	Đọc Hướng dẫn học; Làm BT cá nhân chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	<i>LO.1.3LO.2.2LO.3.2</i> <i>LO.3.3</i>	PGS.TS Ngô Tuấn Nghĩa (chủ biên) (2019) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin - Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	Chương 4.CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường <i>1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền</i> <i>1.2. Quan hệ cạnh tranh ở trạng thái độc quyền</i> 2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo	Đọc Hướng dẫn học; Làm BT cá nhân chương 1 Tham gia phát biểu, trao	<i>LO.1.3LO.2.3LO.3.2</i>	PGS.TS Ngô Tuấn Nghĩa (chủ biên) (2019) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin - Bộ

	<p>quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường</p> <p>2.1. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm của độc quyền</p> <p>2.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm của độc quyền nhà nước</p> <p>3. Biểu hiện mới của độc quyền và độc quyền nhà nước trong điều kiện hiện nay. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p> <p>3.1. Biểu hiện mới của độc quyền</p> <p>3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước</p> <p>3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p> <p>Thảo luận</p>	<p>luận, bài tập nhóm.</p>	<p>đổi ý kiến, xây dựng bài</p>		<p>Giáo dục và Đào tạo</p>
5	<p>Chương 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM</p> <p>1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận, bài tập nhóm.</p>	<p>Độc Hướng dẫn học; Làm BT cá nhân chương 1</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.4LO.2.4LO.3.3 LO.3.4</p>	<p>PGS.TS Ngô Tuấn Nghĩa (chủ biên) (2019) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin - Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>

	<p>hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>3. quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam</p> <p>3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế</p> <p>3.2. Vai trò của Nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích</p> <p>Thảo luận</p>				
6	<p>Chương 6. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM</p> <p>1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</p> <p>1.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa</p> <p>1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam</p> <p>1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)</p> <p>2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</p> <p>2.1. Khái niệm và các hình thức Hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận, bài tập nhóm.	Đọc Hướng dẫn học; Làm BT cá nhân chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.4LO.2.4LO.3.3 LO.3.4	PGS.TS Ngô Tuấn Nghĩa (chủ biên) (2019) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin - Bộ Giáo dục và Đào tạo

	<p>2.3. <i>Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam</i></p> <p>Thảo luận</p>					
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	--

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước:

Người học đã học các học phần: Triết học Mác - Lênin - Mã HP: 1808

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra - đánh giá thường xuyên, kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, vấn đáp, thảo luận nhóm, bài tập, bài tập nhóm.

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trính) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)

+ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

+ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

+ Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ) hoặc bài tập nhóm, bài thảo luận.

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng

viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

+ Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.

+ Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề

+ Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.

- *Hình thức*: Thi viết (60 phút) với hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận (Theo ma trận đề thi – Phụ lục)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phân:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phân											
		LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 1.4	LO 2.1	LO 2.2	LO 2.3	LO 2.4	L O3 .1	LO 3.2	LO 3.3	LO 3.4
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)			X				X				X	
3	Điểm thi kết thúc học phân (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F	Mức D	Mức C	Mức B	Mức A	
Chuyên cần	Tham dự dưới 80% số tiết học	Tham dự từ 80% số tiết học	Tham dự từ 85% số tiết học	Tham dự từ 95% số tiết học	Tham dự 100% số tiết học	80%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến; Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học; Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực; Các đóng góp rất hiệu quả	20%

Điểm trừ	02 lần khiếm trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc tương đương 1 điểm)
----------	------------------------------------------------------------------------------------

- **Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- **Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình của nhóm**

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn	25%

				thành thạo trong trình bày	giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	PGS.TS Ngô Tuấn Nghĩa (chủ biên)	2019	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2009	Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của	Nxb Chính trị Quốc gia.

			chủ nghĩa Mác - Lênin	
--	--	--	-----------------------	--

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	<p>Chương 1 ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN</p> <p>1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin</p> <p>2. Đối tượng và phương pháp của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p><i>2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</i></p> <p><i>2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</i></p> <p>3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p><i>3.1. Chức năng nhận thức</i></p> <p><i>3.2. Chức năng tư tưởng</i></p> <p><i>3.3. Chức năng thực tiễn</i></p> <p>3.4. Chức năng phương pháp luận</p>	2	0	
2	<p>Chương 2 HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG</p> <p>1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa</p> <p><i>1.1. Sản xuất hàng hóa</i></p> <p><i>1.2. Hàng hóa</i></p> <p><i>1.3. Tiền</i></p> <p><i>1.4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt</i></p> <p>2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</p> <p><i>2.1. Thị trường</i></p> <p><i>2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường</i></p> <p>Thảo luận</p>	4	2	
3	<p>Chương 3. GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG</p> <p>1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư</p> <p><i>1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư</i></p> <p><i>1.2. Bản chất của giá trị thặng dư</i></p> <p><i>1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư</i></p> <p>2. Tích lũy tư bản</p> <p><i>2.1. Bản chất của tích lũy tư bản</i></p>	5	2	

	<p>2.2. Những nhân tố ảnh hưởng tới quy mô tích lũy</p> <p>2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản</p> <p>2. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</p> <p>3.1. Lợi nhuận</p> <p>3.2. Lợi tức</p> <p>3.3. Địa tô</p> <p>Thảo luận</p>			
4	<p>Chương 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG</p> <p>I. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường</p> <p>1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền</p> <p>1.2. Quan hệ cạnh tranh ở trạng thái độc quyền</p> <p>II. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường</p> <p>2.1. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm của độc quyền</p> <p>2.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm của độc quyền nhà nước</p> <p>III. Biểu hiện mới của độc quyền và độc quyền nhà nước trong điều kiện hiện nay. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p> <p>3.1. Biểu hiện mới của độc quyền</p> <p>3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước</p> <p>3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p> <p>Thảo luận</p>	2		1
5	<p>Chương 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM</p> <p>1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p>	4	2	

	<p>2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>3. quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam</p> <p>3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế</p> <p>3.2. Vai trò của Nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích</p> <p>Thảo luận</p>			
6	<p>Chương 6. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM</p> <p>1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</p> <p>1.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa</p> <p>1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam</p> <p>1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)</p> <p>2.Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</p> <p>2.1. Khái niệm và các hình thức Hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam</p> <p>2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam</p> <p>Thảo luận</p>	4	2	

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

Nguyễn Hải Hoàng

Lê Tố Anh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Lý luận chính trị

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1: Lê Tố Anh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, 301 nhà B, Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 0944463366 - Email: Toanh.secret@gmail.com

2.2. Giảng viên 2: Chu Thị Thanh Tâm

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, 301 nhà B, Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 0989084779 - Email: tinhtam09.ctvt@gmail.com

2.3. Giảng viên 3: Đào Thu Huyền

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, 301 nhà B, Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 01256247247 - Email: thuhuyen0801@gmail.com

2.4. Giảng viên 3: Bùi Thị Bích Thuận

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, 301 nhà B, Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 0982424968 - Email: thuanbb@dhcd.edu.vn

2.5. Giảng viên 3: Nguyễn Thị Huyền Trang

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, 301 nhà B, Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 0912938748 - Email: trangnth@dhcd.edu.vn

2.6. Giảng viên 6: Nguyễn Thị Hiền

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, 301 nhà B, Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 0979881435. - Email: hiennt1@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

- **Tên (tiếng Anh): Ho Chi Minh Ideology**

- **Mã học phần: 1807**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 22,5
- Giờ thực hành: 20
- Giờ thảo luận: 14
- Giờ kiểm tra: 1
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

- *Về kiến thức:* Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- *Về kỹ năng:* Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo Tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- *Về thái độ:* Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học.	2	LO.1 LO.2
<i>LO.1.2</i>	Hiểu được cơ sở hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	2	LO.1 LO.2
<i>LO.1.3</i>	Hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt	2	LO.1 LO.2

	Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.		
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, vận dụng xây dựng hình thành văn hóa, con người mới xã hội chủ nghĩa	3	LO.7
<i>LO.2.2</i>	Có khả năng phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo Tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.	4	LO.7
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Sinh viên hình thành bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội;	5	LO.15 LO.16
<i>LO.3.2</i>	Nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	5	LO.15 LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh từ khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, cơ sở hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Nhà nước của dân, do dân và vì dân, về đại đoàn kết, về văn hóa, đạo đức, con người.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

S T	Các nội dung cơ bản	Phương pháp, hoạt động dạy & học		CDR	Tài liệu học tập/
		Giảng viên	Sinh viên		học phần
1	Chương 1: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận, bài tập nhóm, bài tập cá nhân	Đọc TLTK Làm BT chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng	<i>LO.1.1</i> <i>LO.2.1</i> <i>LO.3.1</i>	GS.TS Mạch Quang Thắng (chủ biên) (2019) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. – Bộ Giáo dục và Đào tạo TLTK: Bộ

	<p>3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</p> <p>3.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p><i>a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học</i></p> <p><i>b. Thống nhất lý luận và thực tiễn</i></p> <p><i>c. Quan điểm lịch sử - cụ thể</i></p> <p><i>d. Quan điểm toàn diện hệ thống</i></p> <p><i>e. Quan điểm kế thừa và phát triển</i></p> <p>3.2. Một số phương pháp cụ thể</p> <p>4. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận</p> <p>4.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước</p> <p>4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác</p>				<p>Giáo dục và Đào tạo (2003) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p>
2	<p>Chương 2: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1.1. Cơ sở thực tiễn</p> <p><i>a. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i></p> <p><i>b. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i></p> <p>1.2. Cơ sở lý luận</p> <p><i>a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam</i></p> <p><i>b. Tinh hoa văn hóa nhân loại</i></p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận, bài tập nhóm, bài tập cá nhân</p>	<p>Đọc TLTK Làm BT chương 2 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.2</i> <i>LO.2.1</i> <i>LO.3.1</i></p>	<p>GS.TS Mạch Quang Thắng (chủ biên) (2019) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. – Bộ Giáo dục và Đào tạo TLTK: Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003) Giáo trình Tư tưởng Hồ</p>

<p><i>c. Chủ nghĩa Mác - Lênin</i></p> <p>1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh</p> <p><i>a. Phẩm chất Hồ Chí Minh</i></p> <p><i>b. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận</i></p> <p>2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>2.1. Thời kỳ trước 5.6.1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới</p> <p>2.2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.</p> <p>2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam.</p> <p>2.4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua sóng gió, thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo.</p> <p>2.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9 năm 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân</p> <p>3. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>3.1. Đối với cách mạng Việt Nam</p> <p><i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước</i></p>				<p>Chí Minh. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	------------------------------------------------------

	<p>ta,</p> <p>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại hiện nay</p> <p>3.2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại</p> <p>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự phát triển tiến bộ xã hội</p> <p>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh và độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.</p>				
3	<p>Chương 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DAN TỘC</p> <p>1.1. Vấn đề độc lập dân tộc</p> <p>a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc</p> <p>b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân.</p> <p>c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để</p> <p>d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ</p> <p>1.2. Về cách mạng giải phóng dân tộc</p> <p>a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.</p> <p>b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận, bài tập nhóm, bài tập cá nhân	Đọc TLTK Làm BT chương 3 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1 LO.3.2	GS.TS Mạch Quang Thắng (chủ biên) (2019) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. – Bộ Giáo dục và Đào tạo TLTK: Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

<p><i>cộng sản lãnh đạo</i></p> <p><i>c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công nông làm nền tảng.</i></p> <p><i>d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc</i></p> <p><i>e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng.</i></p> <p>2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM</p> <p>2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</p> <p><i>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</i></p> <p><i>b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan</i></p> <p><i>c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa</i></p> <p>2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam</p> <p><i>a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i></p> <p><i>b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i></p> <p>2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p><i>a. Tính chất đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ</i></p> <p><i>b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ</i></p> <p>3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA</p>				
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

	<p>ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề tiên lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.2. Chủ nghĩa xã hội và điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc</p> <p>3.3. Điều kiện để đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội</p> <p>4. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY</p> <p>4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định</p> <p>4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>4.3. Cùng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị</p> <p>4.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ</p>				
4	<p>Chương 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN</p> <p>1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</p> <p>1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>1.2. Đảng phải trong sạch, vững</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận, bài tập nhóm, bài tập cá nhân	Đọc TLTK Làm BT chương 4 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1 LO.3.2	GS.TS Mạch Quang Thắng (chủ biên) (2019) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. – Bộ Giáo dục và Đào tạo TLTK: Bộ Giáo dục và

	<p>mạnh</p> <p><i>a. Đảng là đạo đức, là văn minh</i></p> <p><i>b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng</i></p> <p><i>c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên</i></p> <p>2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM</p> <p>2.1. Nhà nước dân chủ</p> <p><i>a. Bản chất giai cấp của nhà nước</i></p> <p><i>b. Nhà nước của dân, do dân, vì dân</i></p> <p>2.2. Nhà nước pháp quyền</p> <p><i>a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp</i></p> <p><i>b. Nhà nước thượng tôn pháp luật</i></p> <p><i>c. Pháp quyền nhân nghĩa</i></p> <p>2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh</p> <p><i>a. Kiểm soát quyền lực</i></p> <p><i>b. Phòng, chống tiêu cực trong nhà nước</i></p> <p>3. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC</p> <p>3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh</p> <p>3.2. Xây dựng Nhà nước</p>				<p>Đào tạo (2003) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p>
5	<p>Chương 5: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ</p> <p>1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC</p> <p>1.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận, bài tập nhóm, bài tập cá nhân</p>	<p>Đọc TLTK Làm BT chương 5 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.1</i></p> <p><i>LO.2.2</i></p> <p><i>LO.3.1</i></p> <p><i>LO.3.2</i></p>	<p>GS.TS Mạch Quang Thắng (chủ biên) (2019) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. – Bộ Giáo dục và Đào tạo TLTK: Bộ</p>

<p><i>vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng</i></p> <p><i>b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam</i></p> <p>1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p><i>a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i></p> <p><i>b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i></p> <p>1.3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p><i>a. Mặt trận dân tộc thống nhất</i></p> <p><i>b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của mặt trận dân tộc thống nhất</i></p> <p>1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ</p> <p>2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế.</p> <p><i>a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho CM</i></p> <p><i>b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi mục tiêu cách mạng của thời đại.</i></p> <p>2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức</p> <p><i>a. Các lực lượng cần đoàn kết</i></p> <p><i>b. Hình thức tổ chức</i></p> <p>2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc</p>				<p>Giáo dục và Đào tạo (2003) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>tế</p> <p>a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình</p> <p>b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ</p> <p>3. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY</p> <p>3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đại đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ chương, đường lối của Đảng</p> <p>3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng</p> <p>3.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đại đoàn kết quốc tế.</p>				
6	<p>Chương 6: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI</p> <p>1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA</p> <p>1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác.</p> <p>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa</p> <p>b. Quan niệm Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác.</p> <p>1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa.</p> <p>a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng</p> <p>b. Văn hóa và một mặt trận</p> <p>c. Văn hóa phục vụ quần chúng</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận, bài tập nhóm, bài tập cá nhân	Đọc TLTK Làm BT chương 6 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.1</i></p> <p><i>LO.2.2</i></p> <p><i>LO.3.1</i></p> <p><i>LO.3.2</i></p>	GS.TS Mạch Quang Thắng (chủ biên) (2019) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. – Bộ Giáo dục và Đào tạo TLTK: Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

	<p><i>nhân dân</i></p> <p>1.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về Xây dựng nền văn hóa mới</p> <p>2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC</p> <p>2.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng</p> <p>a. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng.</p> <p>b. Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội.</p> <p>2.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng.</p> <p>a. Trung với nước, hiếu với dân</p> <p>b. Cần kiệm liêm chính, chí công, vô tư.</p> <p>c. Thương yêu con người, sống có tình nghĩa.</p> <p>d. Tinh thần quốc tế trong sáng</p> <p>2.3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng</p> <p>a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức</p> <p>b. Xây đi đôi với chống</p> <p>c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời</p> <p>3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI</p> <p>3.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về con người</p> <p>3.2. Về xây dựng đạo đức cách mạng</p>				
	<p><i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i></p>			<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.2</i></p> <p><i>LO.3.1</i></p> <p><i>LO.3.2</i></p>	

	<i>Thảo luận nhóm đề tài số 2</i>		Chuẩn bị bài và Thảo luận theo đề tài được giao	LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1 LO.3.2	
	<i>Thảo luận nhóm đề tài số 3</i>		Chuẩn bị bài và Thảo luận theo đề tài được giao	LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1 LO.3.2	

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Yêu cầu tiên quyết: Người học đã học các học phần

- Tên học phần học trước: Triết học Mác - Lênin Mã HP: 1808
- Tên học phần học trước: Kinh tế chính trị Mã HP: 1809
- Tên học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học Mã HP: 1810
- Tên học phần học trước: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam Mã HP: 1802

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- + Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)

++ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

++ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

++ **Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ)**

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

+ Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.

+ Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề

+ Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.

- Hình thức: Thi viết (90 phút)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần						
		LO1.1	LO1.2	LO1.3	LO2.1	LO2.2	LO3.1	LO3.2
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)			X		X	X	X
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F	Mức D	Mức C	Mức B	Mức A	
Chuyên cần	Tham dự dưới 80% số tiết học	Tham dự từ 80% số tiết học	Tham dự từ 85% số tiết học	Tham dự từ 95% số tiết học	Tham dự 100% số tiết học	80%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến; Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học; Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực; Các đóng góp rất hiệu quả	20%

Điểm trừ	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc tương đương 1 điểm)
----------	------------------------------------------------------------------------------------

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu.	25%

					Thể hiện ự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ khng rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp teo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	GS.TS Mạch Quang Thắng (chủ biên)	2018, 2019	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Hội đồng lý luận trung ương	2003	<i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2	Hồ Chí Minh	2011	Hồ Chí Minh toàn tập	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục □ đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	<p>Chương 1: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</p> <p>3.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p><i>a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học</i></p> <p><i>b. Thống nhất lý luận và thực tiễn</i></p> <p><i>c. Quan điểm lịch sử - cụ thể</i></p> <p><i>d. Quan điểm toàn diện hệ thống</i></p> <p><i>e. Quan điểm kế thừa và phát triển</i></p> <p>3.2. Một số phương pháp cụ thể</p> <p>4. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận</p> <p>4.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước</p> <p>4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác</p>	2	0	
2	<p>Chương 2: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1.1. Cơ sở thực tiễn</p> <p><i>a. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i></p> <p><i>b. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i></p> <p>1.2. Cơ sở lý luận</p> <p><i>a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam</i></p> <p><i>b. Tinh hoa văn hóa nhân loại</i></p> <p><i>c. Chủ nghĩa Mác - Lênin</i></p> <p>1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh</p> <p><i>a. Phẩm chất Hồ Chí Minh</i></p> <p><i>b. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận</i></p> <p>2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p>	4	1	

<p>2.1. Thời kỳ trước 5.6.1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm con đường cứu nước mới</p> <p>2.2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.</p> <p>2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam.</p> <p>2.4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua sóng gió, thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo.</p> <p>2.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9 năm 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân</p> <p>3. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>3.1. Đối với cách mạng Việt Nam</p> <p><i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta,</i></p> <p><i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại hiện nay</i></p> <p>3.2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại</p> <p><i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự phát triển tiến bộ xã hội</i></p> <p><i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh và độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.</i></p>			
<p>Chương 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DAN TỘC</p> <p>1.1. Vấn đề độc lập dân tộc</p> <p><i>a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các DT</i></p> <p><i>b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của ND</i></p> <p><i>c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để</i></p> <p><i>d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ</i></p> <p>1.2. Về cách mạng giải phóng dân tộc</p> <p><i>a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.</i></p> <p><i>b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng cộng sản lãnh đạo</i></p>	4	2	

<p><i>c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công nông làm nền tảng.</i></p> <p><i>d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc</i></p> <p><i>e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng.</i></p> <p>2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM</p> <p>2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</p> <p><i>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</i></p> <p><i>b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan</i></p> <p><i>c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa</i></p> <p>2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam</p> <p><i>a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i></p> <p><i>b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i></p> <p>2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p><i>a. Tính chất đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ</i></p> <p><i>b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ</i></p> <p>3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.2. CNXH và điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc</p> <p>3.3. Điều kiện để đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với CNXH</p> <p>4. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY</p> <p>4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định</p> <p>4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>4.3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị</p> <p>4.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ</p>			
<p>Chương 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN</p> <p>1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VN</p>	4	2	

<p>1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh</p> <p><i>a. Đảng là đạo đức, là văn minh</i></p> <p><i>b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng</i></p> <p><i>c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên</i></p> <p>2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM</p> <p>2.1. Nhà nước dân chủ</p> <p><i>a. Bản chất giai cấp của nhà nước</i></p> <p><i>b. Nhà nước của dân, do dân, vì dân</i></p> <p>2.2. Nhà nước pháp quyền</p> <p><i>a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp</i></p> <p><i>b. Nhà nước thượng tôn pháp luật</i></p> <p><i>c. Pháp quyền nhân nghĩa</i></p> <p>2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh</p> <p><i>a. Kiểm soát quyền lực</i></p> <p><i>b. Phòng, chống tiêu cực trong nhà nước</i></p> <p>3. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC</p> <p>3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh</p> <p>3.2. Xây dựng Nhà nước</p>			
<p>Chương 5: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ</p> <p>1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC</p> <p>1.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p><i>a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng</i></p> <p><i>b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam</i></p> <p>1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p><i>a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i></p> <p><i>b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i></p> <p>1.3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p><i>a. Mặt trận dân tộc thống nhất</i></p> <p><i>b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của mặt trận dân tộc thống nhất</i></p> <p>1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p>	4	1	

	<p>2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ</p> <p>2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế.</p> <p>a. <i>Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng</i></p> <p>b. <i>Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi mục tiêu cách mạng của thời đại.</i></p> <p>2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức</p> <p>a. <i>Các lực lượng cần đoàn kết</i></p> <p>b. <i>Hình thức tổ chức</i></p> <p>2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế</p> <p>a. <i>Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình</i></p> <p>b. <i>Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ</i></p> <p>3. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY</p> <p>3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ chương, đường lối của Đảng</p> <p>3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng</p> <p>3.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế.</p>			
6	<p>Chương 6: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI</p> <p>1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA</p> <p>1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác.</p> <p>a. <i>Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa</i></p> <p>b. <i>Quan niệm Hồ Chí Minh về quan hệ giữa VH với các lĩnh vực khác.</i></p> <p>1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa.</p> <p>a. <i>Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng</i></p> <p>b. <i>Văn hóa và một mặt trận</i></p> <p>c. <i>Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân</i></p> <p>1.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về Xây dựng nền văn hóa mới</p> <p>2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC</p> <p>2.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng</p> <p>a. <i>Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng.</i></p> <p>b. <i>Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội.</i></p> <p>2.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng.</p>	4,5	1,5	

	<p>a. Trung với nước, hiếu với dân b. Cần kiệm liêm chính, chí công, vô tư. c. Thương yêu con người, sống có tình nghĩa. d. Tinh thần quốc tế trong sáng</p> <p>2.3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng</p> <p>a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức b. Xây đi đôi với chống c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời</p> <p>3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI</p> <p>3.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về con người 3.2. Về xây dựng đạo đức cách mạng</p>			
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>			1
	<i>Thảo luận nhóm đề tài số 2</i>		2	
	<i>Thảo luận nhóm đề tài số 3</i>		2	

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

Nguyễn Hải Hoàng

Lê Tố Anh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Lý luận chính trị

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: **Lê Tố Anh**

- Chức danh, học hàm, học vị: **Giảng viên chính, Tiến sỹ**

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 0944463366

- Email: toanh.secret@gmail.com

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: **Chu Thị Thanh Tâm**

- Chức danh, học hàm, học vị: **Giảng viên, Thạc sỹ**

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 0989084779

- Email: tinhtam09.ctvt@gmail.com

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: **Đào Thu Huyền**

- Chức danh, học hàm, học vị: **Giảng viên, Thạc sỹ**

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ: 0856247247

- Email: thuhuyen0801@gmail.com

2.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: **Bùi Thị Bích Thuận**

- Chức danh, học hàm, học vị: **Giảng viên, Thạc sỹ**

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 0982424968

- Email: thuanbb@dhcd.edu.vn

2.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Huyền Trang**

- Chức danh, học hàm, học vị: **Giảng viên, Thạc sỹ**

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 0912938748

- Email: trangnth@dhcd.edu.vn

2.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hiền**

- Chức danh, học hàm, học vị: **Giảng viên kiêm nhiệm, Thạc sỹ**
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: 0979881435
- Email: **hiennt1@dhcd.edu.vn**

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
- Tên (tiếng Anh): **History of Communist Party of Vietnam**
- Mã học phần: **1802**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 21
- Giờ thảo luận: 18
- Giờ kiểm tra: 1
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ, đường lối chủ trương của Đảng, cách vận dụng đường lối vào cuộc sống và lý giải nhiều vấn đề thực tiễn đang đặt ra.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Trình bày được những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 – 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975), trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018).	1	LO.1 LO.2
<i>LO.1.2</i>	Giải thích được lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,	2	LO.1

	đường lối chủ trương của Đảng qua các thời kỳ.		LO.2
<i>LO.1.3</i>	Vận dụng đường lối chủ trương của Đảng vào cuộc sống, công việc hàng ngày, lý giải nhiều vấn đề thực tiễn đang diễn ra.	3	LO.1 LO.2
<i>LO.1.4</i>	Phân tích, được đường lối chủ trương của Đảng về nguyên nhân ra đời, nội dung, ý nghĩa và giá trị thực tế của Đường lối. Rút ra những bài học kinh nghiệm.	4	LO.1 LO.2
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Kỹ năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	3	LO.7
<i>LO.2.2</i>	Thực hành thành thạo phương pháp tư duy khoa học, phân tích, đánh giá về lịch sử	4	LO.7
<i>LO.2.3</i>	Đánh giá những biểu hiện đúng đắn, hạn chế trong đường lối của Đảng, đảng viên, cán bộ.	5	LO.7
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	nâng cao bản lĩnh chính trị, niềm tự hào dân tộc, lòng yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng cách mạng.	4	LO.15 LO.16
<i>LO.3.2</i>	Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, có niềm tin vào sự lựa chọn của Đảng và dân tộc.	5	LO.15 LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung học phần gồm có 4 chương:

- Chương nhập môn tập trung làm rõ đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp học tập, nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Từ chương I đến chương III trình bày sự ra đời và quá trình lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam theo tiến trình lịch sử dân tộc từ năm 1930 - 2018.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp, hoạt động dạy & học		CĐR TL học tập/ học phần TL tham khảo	
		Giảng viên	SV		
1	Chương nhập môn: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận, bài tập	Đọc TLTK Làm BT chương nhập môn Tham gia	<i>LO.1.1</i> <i>LO.1.2</i>	PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc (chủ biên)

	<p>NAM</p> <p>1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng</p> <p>2.2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng</p> <p>3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>3.1. Quán triệt phương pháp luận sử học</p> <p>3.2. Các phương pháp cụ thể</p> <p>Bài tập chương nhập môn</p>	nhóm, bài tập cá nhân	phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài		(2019), Giáo trình lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
2	<p>Chương 1: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)</p> <p>1.Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2 - 1930)</p> <p>1.1. Bối cảnh lịch sử</p> <p>1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng</p> <p>1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2 - 1930)</p> <p>1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)</p> <p>2.1. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 và khôi phục</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận, bài tập nhóm, bài tập cá nhân	Đọc Giáo trình Làm bài tập chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	<i>LO.1.1</i> <i>LO.1.2</i> <i>LO.1.3</i> <i>LO.1.4</i> <i>LO.2.1</i> <i>LO.2.2</i> <i>LO.2.3</i> <i>LO.3.1</i> <i>LO.3.2</i>	PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc (chủ biên) (2019), Giáo trình lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

	<p>phong trào 1932 - 1935</p> <p>2.2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939</p> <p>2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945</p> <p>2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945</p> <p>Bài tập chương 1</p>				
3	<p>Chương 2: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975)</p> <p>1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)</p> <p>1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 - 1946</p> <p>1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950</p> <p>1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951 - 1954</p> <p>1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ</p> <p>2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975)</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận, bài tập nhóm, bài tập cá nhân</p>	<p>Đọc Giáo trình</p> <p>Làm bài tập</p> <p>chương 2</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.1</i></p> <p><i>LO.1.2</i></p> <p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.1.4</i></p> <p><i>LO.2.1</i></p> <p><i>LO.2.2</i></p> <p><i>LO.2.3</i></p> <p><i>LO.3.1</i></p> <p><i>LO.3.2</i></p>	<p>PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc (chủ biên) (2019), Giáo trình lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</p>

	<p>2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965</p> <p>2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975</p> <p>2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975</p> <p>Bài tập chương 2</p>				
4	<p>Chương 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)</p> <p>1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)</p> <p>1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1981</p> <p>1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 - 1986</p> <p>2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018)</p> <p>1.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986 - 1996</p> <p>1.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 - 2018</p> <p>1.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới.</p> <p>Bài tập chương 3</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận, bài tập nhóm, bài tập cá nhân	<p>Đọc Giáo trình</p> <p>Làm bài tập</p> <p>chương 3</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.1</i></p> <p><i>LO.1.2</i></p> <p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.1.4</i></p> <p><i>LO.2.1</i></p> <p><i>LO.2.2</i></p> <p><i>LO.2.3</i></p> <p><i>LO.3.1</i></p> <p><i>LO.3.2</i></p>	PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc (chủ biên) (2019), Giáo trình lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Yêu cầu tiên quyết: Người học đã học các học phần

- Tên học phần học trước: Triết học Mác - Lênin Mã HP: 1808
- Tên học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mã HP: 1809
- Tên học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học Mã HP: 1810
- Tên học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh Mã HP: 1807

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: Nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra - đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra - đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra - đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp.

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra: Thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

Bài kiểm tra giữa kỳ. (Tuần 8)

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

- Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

- Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ)

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

- + Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.

- + Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề
- + Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.
- Hình thức: Thi viết (90 phút)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần								
		LO1.1	LO1.2	LO1.3	LO1.4	LO2.1	LO2.2	LO2.3	LO3.1	LO3.2
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)		X	X	X	X	X	X	X	
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F	Mức D	Mức C	Mức B	Mức A	
Chuyên cần	Tham dự dưới 80% số tiết học	Tham dự từ 80% số tiết học	Tham dự từ 85% số tiết học	Tham dự từ 95% số tiết học	Tham dự 100% số tiết học	80%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến; Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học; Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực; Các đóng góp rất hiệu quả	20%

Điểm trừ	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc tương đương 1 điểm)
----------	------------------------------------------------------------------------------------

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%

Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc (chủ biên)	2019	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Đảng Cộng sản Việt Nam	1998 đến 2020	Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1 đến 64	NXB Chính trị Quốc gia

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	<p>Chương nhập môn: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</p> <p>1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng</p> <p>2.2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng</p> <p>3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>3.1. Quán triệt phương pháp luận sử học</p> <p>3.2. Các phương pháp cụ thể</p> <p>Bài tập chương nhập môn</p>	02	0	
2	<p>Chương 1: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)</p> <p>1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2 - 1930)</p> <p>1.1. Bối cảnh lịch sử</p> <p>1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng</p> <p>1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương</p>	06	02	

	<p>lãnh chính trị đầu tiên của Đảng (2 - 1930)</p> <p>1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)</p> <p>2.1. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 và khôi phục phong trào 1932 - 1935</p> <p>2.2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939</p> <p>2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945</p> <p>2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945</p> <p>Bài tập chương 1</p>			
3	<p>Chương 2: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975)</p> <p>1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)</p> <p>1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 - 1946</p> <p>1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950</p> <p>1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951 - 1954</p> <p>1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ</p> <p>2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975)</p> <p>2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965</p> <p>2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975</p> <p>2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975</p> <p>Bài tập chương 2</p>	06	03	
4	<p>Chương 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH</p>	06	04	

	<p>CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)</p> <p>1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)</p> <p>1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1981</p> <p>1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 - 1986</p> <p>2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018)</p> <p>2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986 - 1996</p> <p>2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 - 2018</p> <p>2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới.</p> <p>Bài tập chương 3</p>			
	<p><i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i></p>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

Nguyễn Hải Hoàng

Lê Tố Anh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học****Trình độ đào tạo: Đại học****1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Lý luận chính trị****2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:****2.1. Giảng viên 1:****- Họ và tên giảng viên: Dương Thị Thanh Xuân****- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Tiến sỹ****- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.****- Điện thoại: 0913.674.994****E-mail: xuandt@dhcd.edu.vn****2.2. Giảng viên 2:****- Họ và tên giảng viên: Phạm Phương Lan****- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ****- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.****- Điện thoại: 0976.937.779****- E-mail: lanpp@dhcd.edu.vn****2.3. Giảng viên 3:****- Họ và tên giảng viên: Đặng Xuân Giáp****- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sỹ****- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.****- Điện thoại: 0948.032.233****-E-mail: giapdx@dhcd.edu.vn****2.4. Giảng viên 4:****- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Công Đức****- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ****- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.****- Điện thoại: 0912.806.355****-E-mail: ducnc@dhcd.edu.vn****2.5. Giảng viên 5:****- Họ và tên giảng viên: Đặng Thị Phương Duyên****- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sỹ****- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.****- Điện thoại: 0988.907.954****-E-mail: duyendtp@dhcd.edu.vn****2.6. Giảng viên 6:****- Họ và tên giảng viên: Lê Thị Thúy Nga****- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sỹ****- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn,**

Đông Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 0923.23.8888

- E-mail: lenga9@yahoo.com.vn

2.7. Giảng viên 7:

- Họ và tên giảng viên: **Nguyễn Thị Hiếu**

- Chức danh, học hàm, học vị: **Tiến sỹ**

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đông Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 0972.328.847

-E-mail:hieunt@dhcd.edu.vn

2.8. Giảng viên 8:

- Họ và tên giảng viên: **Nguyễn Thị Hương Mai**

- Chức danh, học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đông Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 0983.930.782

- E-mail: mainth@dhcd.edu.vn

2.9. Giảng viên 9:

- Họ và tên giảng viên: **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

- Chức danh, học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đông Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 0385.568.968

- E-mail: maintt@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

- Tên (tiếng Anh): Scientific socialism

- Mã học phần: 1810

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 21

- Giờ thực hành: 0

- Giờ kiểm tra: 1

- Giờ thảo luận: 18

- Giờ báo cáo thực tế: 0

- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

- *Về kiến thức*: Sinh viên nhận biết được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

- *Về kỹ năng*: Sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức đã học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị-xã hội của đất nước về chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

- *Về thái độ*: Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXH khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Hiểu được sự ra đời, các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXH khoa học; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa nghiên cứu CNXH khoa học.	2	LO.1 LO.2
<i>LO.1.2</i>	Nắm được khái niệm, đặc điểm, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thế giới và ở Việt Nam, từ đó đề ra phương hướng, giải pháp phát triển giai cấp công nhân hiện nay.	3	LO.1 LO.2
<i>LO.1.3</i>	<p>Phân tích, làm rõ nội dung về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, và quá độ lên CNXH ở Việt Nam.</p> <p>Phân tích, làm rõ dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN; vấn đề dân chủ XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>Nắm được cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH; liên hệ vấn đề này ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>Làm rõ vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>Làm rõ vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH, sự biến đổi và phương hướng xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay.</p>	4	LO.1 LO.2
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Vận dụng phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành CNXH KH vào phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.	3	LO.7
<i>LO.2.2</i>	Vận dụng những tri thức có được vào phân tích những vấn đề cơ bản về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam hiện nay.	3	LO.7
<i>LO.2.3</i>	<p>Vận dụng lý luận về dân chủ XHCN và nhà nước XHCN vào phân tích những vấn đề thực tiễn liên quan.</p> <p>Kỹ năng nhận diện những biến đổi trong cơ cấu xã</p>	3	LO.7

	<p>hội-giai cấp và nội dung liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>Vận dụng những nội dung về vấn đề dân tộc và tôn giáo để phân tích, giải thích những vấn đề của thực tiễn cuộc sống.</p> <p>Kỹ năng, phương pháp khoa học trong nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề gia đình và xây dựng gia đình hiện nay.</p>		
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Có hiểu biết kiến thức, nhận thức được những quan điểm sai trái phủ nhận tính chất tiến bộ của nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN nói chung, ở Việt Nam nói riêng. Có niềm tin vào chế độ XHCN, luôn tin tưởng, ủng hộ đường lối đổi mới theo định hướng XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng.	4	LO.15 LO.16
<i>LO.3.2</i>	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn về giai cấp công nhân để lập kế hoạch phân đấu, rèn luyện bản thân về năng lực, trình độ, bản lĩnh vững vàng để xây dựng và phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.	4	LO.15 LO.16
<i>LO.3.3</i>	Tự nhận thức được tầm quan trọng, sự cần thiết phải góp sức mình vào tăng cường xây dựng khối liên minh giai cấp, tầng lớp vững mạnh trong sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng XHCN ở Việt Nam. Có thái độ và hành vi đúng đắn trong nhận thức và có trách nhiệm xây dựng gia đình, xây dựng mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội.	5	LO.15 LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học như: Khái quát sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH; Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH; dân chủ XHCN và nhà nước XHCN; cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp, hoạt động dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Giảng viên	Sinh viên		
1	CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA	Thuyết giảng,	Đọc Hướng	<i>LO.1.1</i>	GS.TS Hoàng

	<p>HỌC</p> <p>1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>1.1.2. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận</p> <p>1.2. Vai trò của Các Mác và Phriđrich Ăngghen</p> <p>1.2.1. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị</p> <p>1.2.2. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen</p> <p>1.2.3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>2.1.1. Thời kỳ từ 1848 đến Công xã Pari (1871)</p> <p>2.1.2. Thời kỳ sau Công xã Pari đến 1895</p> <p>2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới</p> <p>2.2.1. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga</p> <p>2.2.2. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga</p> <p>2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay</p> <p>3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>3.1. Đối tượng nghiên cứu của</p>	<p>giải thích cụ thể, liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm.</p>	<p>dẫn học; Làm BT chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.3.1</i></p>	<p>Chí Bảo (chủ biên) (2019), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học Bộ GD & ĐT</p>
--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------	---------------------------------------------------------------------------------------

	<p><i>Chủ nghĩa xã hội khoa học</i></p> <p>3.2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học</p>				
2	<p>CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN</p> <p>1. Quan niệm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân</p> <p>1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân</p> <p>1.1.1. Giai cấp công nhân trên phương diện kinh tế - xã hội</p> <p>1.1.2. Giai cấp công nhân trên phương diện chính trị - xã hội</p> <p>1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>1.2.1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>1.2.2. Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>1.3.1. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>1.3.2. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử</p> <p>2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay</p> <p>2.1. Giai cấp công nhân hiện nay</p> <p>2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay</p> <p>2.2.1. Về nội dung kinh tế - xã hội</p> <p>2.2.2. Về nội dung chính trị - xã</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể; liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm.</p>	<p>Đọc</p> <p>Hướng dẫn học;</p> <p>Làm BT chương 1</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.2</i></p> <p><i>LO.2.1</i></p> <p><i>LO.3.2</i></p>	<p>GS.TS Hoàng Chí Bảo (chủ biên) (2019), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học Bộ GD & ĐT</p> <p>TLTK: Bộ GD & ĐT (2010): Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội</p>

	<p>hội</p> <p>2.2.3. Về nội dung văn hóa, tư tưởng</p> <p>3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam</p> <p><i>3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam</i></p> <p><i>3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</i></p> <p><i>3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</i></p> <p>3.3.1. Phương hướng</p> <p>3.3.2. Một số giải pháp chủ yếu</p> <p>Thảo luận</p>				
3	<p>CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. Chủ nghĩa xã hội</p> <p><i>1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa</i></p> <p><i>1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội</i></p> <p><i>1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội</i></p> <p>2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p><i>2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i></p> <p><i>2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i></p> <p>3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p><i>3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa</i></p> <p><i>3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở</i></p>	<p>Thuyết giảng, phân tích, liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm.</p>	<p>Đọc</p> <p>Hướng dẫn học;</p> <p>Làm BT chương 1</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.2</i></p> <p><i>LO.3.1</i></p> <p><i>LO.3.3</i></p>	<p>GS.TS Hoàng Chí Bảo (chủ biên) (2019), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học Bộ GD & ĐT TLTK: Bộ GD & ĐT (2010): Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa</p>

	<p><i>Việt Nam hiện nay</i></p> <p>3.2.1. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội Việt Nam</p> <p>3.2.2. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay</p> <p>Thảo luận</p>				Mác - Lênin Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
4	<p>CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <p>1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p><i>1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển dân chủ</i></p> <p>1.1.1. Quan niệm về dân chủ</p> <p>1.1.2. Sự ra đời, phát triển của dân chủ</p> <p><i>1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa</i></p> <p>1.2.1. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>1.2.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>2. Nhà nước chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p><i>2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa</i></p> <p>2.1.1. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>2.1.2. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>2.1.3. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p><i>2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa</i></p> <p>3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p><i>3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</i></p> <p>3.1.1. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p>	Thuyết giảng, phân tích, liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm.	Đọc Hướng dẫn học; Làm BT chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.3</i></p> <p><i>LO.3.1</i></p> <p><i>LO.3.4</i></p>	<p>GS.TS Hoàng Chí Bảo (chủ biên) (2019), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học Bộ GD & ĐT</p> <p>TLTK: Bộ GD & ĐT (2010): Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội</p>

	<p>3.1.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay</p> <p>3.3.1. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay</p> <p>3.3.2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa</p> <p>Thảo luận</p>				
5	<p>CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1.1. Khái niệm và vị trí cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội</p> <p>1.1.1. Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội-giai cấp</p> <p>1.1.2. Vị trí của cơ cấu xã hội-giai cấp trong cơ cấu xã hội</p> <p>1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã</p>	<p>Thuyết giảng, phân tích, liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm.</p>	<p>Đọc</p> <p>Hướng dẫn học;</p> <p>Làm BT chương 1</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.3</i></p> <p><i>LO.3.1</i></p> <p><i>LO.3.3</i></p>	<p>GS.TS Hoàng Chí Bảo (chủ biên) (2019), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học Bộ GD & ĐT</p> <p>TLTK: Bộ GD & ĐT (2010): Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin Nxb</p>

	<p><i>hội ở Việt Nam</i></p> <p>3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.2.1. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.2.2. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>Thảo luận</p>				Chính trị quốc gia, Hà Nội
6	<p>CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc</p> <p>1.1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc</p> <p>1.1.2. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc</p> <p>1.1.3. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin</p> <p>1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam</p> <p>1.2.1. Đặc điểm dân tộc Việt Nam</p> <p>1.2.2. Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam</p> <p>2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo</p> <p>2.1.1. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo</p> <p>2.1.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>	Thuyết giảng, phân tích, liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm.	Đọc Hướng dẫn học; Làm BT chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.3 LO.2.3 LO.3.1 LO.3.3	GS.TS Hoàng Chí Bảo (chủ biên) (2019), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học Bộ GD & ĐT TLTK: Bộ GD & ĐT (2010): Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin Nxb

	<p>2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay</p> <p>2.2.1. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>2.2.2. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay</p> <p>3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay</p> <p><i>Thảo luận</i></p>				Chính trị quốc gia, Hà Nội
7	<p>CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình</p> <p>1.1. Khái niệm gia đình</p> <p>1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội</p> <p>1.3. Chức năng cơ bản của gia đình</p> <p>2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội</p> <p>2.2. Cơ sở chính trị - xã hội</p> <p>2.3. Cơ sở văn hóa</p> <p>2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ</p> <p>3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>	Thuyết giảng, phân tích, liên hệ thực tế; câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm.	Đọc Hướng dẫn học; Làm BT chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.3</i></p> <p><i>LO.3.1</i></p> <p><i>LO.3.3</i></p>	GS.TS Hoàng Chí Bảo (chủ biên) (2019), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học Bộ GD &ĐT TLTK: Bộ GD &ĐT (2010): Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -

	<i>Thảo luận</i>				Lênin Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
--	-------------------------	--	--	--	-----------------------------------------------------

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Người học đã học các học phần

- Triết học Mác - Lênin Mã HP: 1808
- Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mã HP: 1809

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ trên lớp.

- **Mục tiêu:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- **Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)**

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- **Hình thức kiểm tra thường xuyên**

Kiểm tra bằng miệng, vấn đáp, thảo luận nhóm, bài tập, bài tập nhóm.

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- + Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)
- + Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.
- + Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ

ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

+ Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ) hoặc bài tập nhóm, bài thảo luận.

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

- + Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.
- + Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề
- + Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.

- Hình thức: Thi viết (60 phút) với hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận (Theo ma trận đề thi – Phụ lục)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

T	Điểm	Chuẩn đầu ra của học phần								
		LO1.			LO2.			LO3.		
T	bộ	1	2	3	1	2	3	1	2	3
phận										
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)		X			X			X	X
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có)

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F	Mức D	Mức C	Mức B	Mức A	

Chuyên cần	Tham dự dưới 80% số tiết học	Tham dự từ 80% số tiết học	Tham dự từ 85% số tiết học	Tham dự từ 95% số tiết học	Tham dự 100% số tiết học	80%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến; Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học; Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực; Các đóng góp rất hiệu quả	20%
Điểm trừ	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc tương đương 1 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu,	50%

			ràng	dụng video	hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%

Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	25%
--------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	GS.TS Hoàng Chí Bảo (chủ biên)	2019	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2009	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	2	0	

	<p>1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>1.1.2. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận</p> <p>1.2. Vai trò của Các Mác và Phrیدrich Ăngghen</p> <p>1.2.1. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị</p> <p>1.2.2. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen</p> <p>1.2.3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>2.1.1. Thời kỳ từ 1848 đến Công xã Pari (1871)</p> <p>2.1.2. Thời kỳ sau Công xã Pari đến 1895</p> <p>2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới</p> <p>2.2.1. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga</p> <p>2.2.2. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga</p> <p>2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay</p> <p>3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>3.1. Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>3.2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học</p>			
2	<p>CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN</p> <p>1. Quan niệm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân</p> <p>1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân</p> <p>1.1.1. Giai cấp công nhân trên phương diện kinh tế - xã hội</p> <p>1.1.2. Giai cấp công nhân trên phương diện chính trị - xã hội</p> <p>1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>1.2.1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>1.2.2. Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p>	3	2	

	<p>1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>1.3.1. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>1.3.2. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử</p> <p>2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay</p> <p>2.1. Giai cấp công nhân hiện nay</p> <p>2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay</p> <p>2.2.1. Về nội dung kinh tế - xã hội</p> <p>2.2.2. Về nội dung chính trị - xã hội</p> <p>2.2.3. Về nội dung văn hóa, tư tưởng</p> <p>3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam</p> <p>3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam</p> <p>3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p> <p>3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p> <p>3.3.1. Phương hướng</p> <p>3.3.2. Một số giải pháp chủ yếu</p> <p>Thảo luận</p>			
3	<p>CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. Chủ nghĩa xã hội</p> <p>1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội</p> <p>1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội</p> <p>2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa</p> <p>3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay</p> <p>3.2.1. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội Việt Nam</p> <p>3.2.2. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay</p>	4	1	

	Thảo luận			
4	<p>CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <p>1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển dân chủ</p> <p>1.1.1. Quan niệm về dân chủ</p> <p>1.1.2. Sự ra đời, phát triển của dân chủ</p> <p>1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>1.2.1. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>1.2.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>2. Nhà nước chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>2.1.1. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>2.1.2. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>2.1.3. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>3.1.1. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>3.1.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>3.2.1. Quan niệm và đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay</p> <p>3.3.1. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay</p> <p>3.3.2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa</p> <p>Thảo luận</p>	3		1
5	<p>CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1.1. Khái niệm và vị trí cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội</p>	3	2	

	<p>1.1.1. Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội-giai cấp</p> <p>1.1.2. Vị trí của cơ cấu xã hội-giai cấp trong cơ cấu xã hội</p> <p>1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.2.1. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.2.2. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>Thảo luận</p>			
6	<p>CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc</p> <p>1.1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc</p> <p>1.1.2. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc</p> <p>1.1.3. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin</p> <p>1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam</p> <p>1.2.1. Đặc điểm dân tộc Việt Nam</p> <p>1.2.2. Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam</p> <p>2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo</p> <p>2.1.1. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo</p> <p>2.1.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà</p> <p>2.2.1. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam</p>	4	2	

	<p>2.2.2. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay</p> <p>3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay</p> <p>Thảo luận</p>			
7	<p>CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình</p> <p>1.1. Khái niệm gia đình</p> <p>1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội</p> <p>1.3. Chức năng cơ bản của gia đình</p> <p>2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội</p> <p>2.2. Cơ sở chính trị - xã hội</p> <p>2.3. Cơ sở văn hóa</p> <p>2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ</p> <p>3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>	2	1	

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

Nguyễn Hải Hoàng

Lê Tố Anh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**Học phần: Tiếng Anh 1****Trình độ đào tạo: Đại học**

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ
2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:
 - 2.1. Giảng viên 1:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-4-38574148 - Email: huongntt@dhcd.edu.vn
 - 2.2. Giảng viên 2:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Lan Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: huongnl@dhcd.edu.vn
 - 2.3. Giảng viên 3:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Hiền Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: huongnth@dhcd.edu.vn
 - 2.4. Giảng viên 4:
 - Họ và tên giảng viên: Ngô Cẩm Bình
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: binhnc@dhcd.edu.vn
 - 2.5. Giảng viên 5:
 - Họ và tên giảng viên: Phạm Phương Lan
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: lanpp@dhcd.edu.vn
 - 2.6. Giảng viên 6:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Việt Phương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: phuongntv@dhcd.edu.vn
 - 2.7. Giảng viên 7:
 - Họ và tên giảng viên: Đinh Thị Lan
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: landt@dhcd.edu.vn
 - 2.8. Giảng viên 8:
 - Họ và tên giảng viên: Trịnh Thị Thanh Thủy
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: thuyttt@dhcd.edu.vn
- 2.9. Giảng viên 9:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: thunt@dhcd.edu.vn
- 2.10. Giảng viên 10:
 - Họ và tên giảng viên: Mai Thị Tình
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: tinhmt@dhcd.edu.vn
- 2.11. Giảng viên 11:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn An Giang
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: giangna@dhcd.edu.vn
- 2.12. Giảng viên 12:
 - Họ và tên giảng viên: Ngô Thị Thanh Vân
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: vanntt@dhcd.edu.vn
- 2.13. Giảng viên 13:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Quỳnh Anh
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: anhngq@dhcd.edu.vn
- 2.14. Giảng viên 14:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Phương Liên
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: lienntp@dhcd.edu.vn
- 2.15. Giảng viên 15:
 - Họ và tên giảng viên: Phạm Thị Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: huongpt@dhcd.edu.vn
- 2.16. Giảng viên 16:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Anh
 - Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: anhntk@dhcd.edu.vn
- 2.17. Giảng viên 17:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Ngọc Lan
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Phòng Công tác Sinh viên, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-35330367 - Email: lanmn@dhcd.edu.vn
- 2.18. Giảng viên 18:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thu Hà
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Phòng Quan hệ Quốc tế, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 84-24-35334480

- Email: thuha@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Tiếng Anh 1

- Tên (tiếng Anh): English 1

- Mã học phần: 2315

4. Số tín chỉ: 3

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 30

- Giờ thực hành/thảo luận: 15

- Giờ báo cáo thực tế: 0

- Giờ tự học: 135

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng và ngữ pháp cơ bản thường gặp, thực hành giao tiếp các câu nói thông thường, sử dụng vốn từ vựng và ngữ pháp cơ bản để có thể viết một số bài luận bằng tiếng Anh theo các chủ đề đã học, phát triển kỹ năng nghe và đọc hiểu theo nội dung đã học và đạt trình độ tương đương TOEIC 150- 200 điểm.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
LO.1.1	Nhớ và hiểu (đúng dạng thức, cách chia, đúng tình huống, ngữ cảnh, v.v.) những hiện tượng ngữ pháp cơ bản như động từ To Be, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, động từ khuyết thiếu : Can, Should, Would, cấu trúc Have to, danh từ đếm được, danh từ không đếm được, cách sử dụng của Some/ Any, các trạng từ chỉ mức độ thường xuyên, tính từ sở hữu, đại từ chỉ định	2	LO.4
LO.1.2	Vận dụng lượng từ vựng cần thiết, các cấu trúc câu và các hiện tượng ngữ pháp để thực hành được các hoạt động giao tiếp cơ bản, vận dụng được cách kết hợp tính từ với danh từ, danh từ với động từ, sử dụng được các cụm động từ, cách sử dụng các giới từ chỉ thời gian, chỉ phương hướng, chỉ nơi chốn...và phân biệt được các loại từ (danh từ, động từ, tính từ) thông qua cấu tạo từ.	3	
LO.2	Chuẩn về kỹ năng		
LO.2.1	+ Ghi nhớ các kỹ thuật nghe hiểu để lấy thông tin. + Ghi nhớ và hiểu các hoạt động giao tiếp, khả năng hội thoại với giáo viên và bạn cùng lớp về các chủ đề giao tiếp thông thường như thông tin cá nhân, ngành học, gia đình, quê quán, trường học ở Anh, cổ động trong thể	2	LO.9

	<p>thao, thu xếp cuộc hẹn, quảng cáo về các địa điểm nên đến thăm ở Sydney, hỏi đường, hỏi – đáp về giá cả, gọi món ăn, đưa ra lời khuyên, lời gợi ý trong các tình huống, ngữ cảnh cụ thể.</p> <p>+ Nhớ và hiểu một số chiến thuật, kỹ năng đọc hiểu một số đoạn văn miêu tả hoặc trần thuật (skimming, scanning) về các chủ đề: thông tin cá nhân; gia đình, trường học, lớp học, ngành học; cổ động trong thể thao, lễ hội Halloween, lễ cưới khác lạ trên thế giới, thức ăn và kiểu người ăn chay, quảng cáo về các địa điểm nên đến thăm ở Sydney và Một tai nạn kỳ lạ.</p> <p>+ Hiểu được một số bài viết cơ bản về bản thân, gia đình, sở thích, trường học, trang phục yêu thích, thức ăn thức uống yêu thích, viết lời nhắn, viết các câu thức mệnh lệnh, viết thông báo cho các câu lạc bộ ở trường, viết thư mời, làm bảng hỏi.</p>		
LO.2.2	<p>+ Vận dụng và phát triển khả năng nghe hiểu để lấy thông tin điền vào bảng biểu. Lựa chọn câu trả lời đúng/sai và trả lời câu hỏi về các các thông tin liên quan đến các chủ đề thông dụng như: thông tin cá nhân, gia đình, trường học ở Anh, cổ động trong thể thao, thu xếp cuộc hẹn, quảng cáo về các địa điểm nên đến thăm ở Sydney, hỏi đường, hỏi – đáp về giá cả, gọi món ăn, đưa ra lời khuyên, lời gợi ý trong các tình huống, ngữ cảnh cụ thể.</p> <p>+ Vận dụng và thực hành tham gia các hoạt động giao tiếp thông thường về các chủ đề như sở thích cá nhân, đặt một chuyến đi nghỉ ở đại lý du lịch, mua bán và hỏi giá cả ở cửa hàng, hoặc hỏi thông tin về giờ tàu xe, gọi đặt món trong nhà hàng, hỏi đường. Sử dụng các câu trúc diễn đạt sự đồng ý, cách hỏi và đưa ra lời khuyên đối với những vấn đề thông thường như: sắp xếp 1 cuộc hẹn, gọi điện, để lại lời nhắn qua điện thoại...</p> <p>+ Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp và vốn từ được học để phát triển các kỹ năng viết câu, viết đoạn văn, viết lời nhắn....</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học thực hành các bài đọc: đọc nhanh, đọc lướt, đọc chi tiết, đoán nghĩa từ mới qua ngữ cảnh... và trả lời các câu hỏi liên quan.</p>	3	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.1	Có năng lực tự chủ trong việc ghi nhớ và hiểu kiến thức cơ bản đã học để nghe, đọc hiểu, giao tiếp, viết đoạn văn có liên quan đến công việc	2	LO.11 LO.16
LO.3.2	Có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản đã học để nghe, đọc hiểu, giao tiếp, viết đoạn văn có liên quan đến công việc.	3	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên có thể rèn luyện & nâng cao kỹ năng ngôn ngữ thông qua lý thuyết, các bài đọc, bài tập & tình huống thực hành

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục	Phương pháp, hoạt động dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/
		Giảng viên	Sinh viên		
1	<p>Introduction</p> <p>IA. Meeting people</p> <p>IB. be, possessives and pronouns</p> <p>IC. Have got and articles</p> <p>ID. Time, days and dates</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Phần IA: Thực hành Bảng phiên âm quốc tế. Thực hành luyện phát âm bằng chữ cái; nghe và nói, giới thiệu về bản thân: tên, tuổi, từ đâu tới. Phần IB: + Luyện đọc số đếm Động từ To Be ở hiện tại, tính từ sở hữu và Đại từ. Đại từ chỉ định: This, That Phần IC + Cách sử dụng động từ Have got, mạo từ a, an, the. + Nghe đoạn hội thoại có sử dụng Have got, mạo từ a, an, the. Phần ID + Nghe hiểu, nhắc lại, điền thông tin về thời gian, số</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2</p>	<p>1, 2 Intro.</p>

			<p>thứ tự, ngày, tháng, năm. Ôn lại các kiến thức đã học trên lớp. Làm Bài tập (Tr. 4 – 7) phần Workbook. Chuẩn bị trước bài</p>		
2	<p>Unit 1 : Friends and family 1A. Vocabulary and listening: Family</p> <p>1B. Grammar: Present simple</p> <p>1C. Culture: The Royal Family</p> <p>1D. Grammar: Present simple</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>- Phần I A. + Từ vựng về mối quan hệ trong gia đình: anh, chị, em, cô, dì, chú, bác, bố mẹ, ông bà, con cháu. Sở hữu cách, danh từ số nhiều Phần 1B Thì hiện tại đơn khẳng định + phủ định). Cách phát âm các động từ có đuôi (s, es) + Đọc đoạn văn, tìm các ví dụ về câu khẳng định và phủ định của hiện tại đơn. + Hoàn thành bài tập chia động từ ở hiện tại đơn. Phần IC</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2</p>	<p>1, 2 Unit 1</p>

	<p>1E. Reading: The Amish</p> <p>1F. Everyday English: Making friends</p> <p>1G. Writing: A message</p> <p>Get ready for your exam</p>		<p>+ Đọc hiểu và trả lời câu hỏi; chọn tiêu đề cho từng đoạn văn về chủ đề gia đình hoàng gia.</p> <p>+ Nghe để điền từ thích hợp đã cho sẵn vào chỗ trống về chủ đề nên quân chủ.</p> <p>Phần 1D Thì hiện tại đơn (Nghị vấn) Câu hỏi : Yes/ No, Wh-questions.</p> <p>Phần 1E = Luyện đọc về cuộc sống bình dị của bộ tộc người Amish.</p> <p>- Phần 1F + Đọc và hoàn thành hội thoại về chủ đề kết bạn.</p> <p>+ Nghe 3 hội thoại lấy thông tin. Hoàn thành các câu hỏi từ nghe hội thoại.</p> <p>- Phần 1G Luyện và thực hành viết bài giới thiệu về bản</p>		
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

			<p>thân. Nói: Giới thiệu về bản thân. Cách sử dụng giới từ. Nghe hội thoại về tự giới thiệu bản thân và làm quen. Làm Bài tập (Tr. 14 – 18) phần Workbook. Ghi nhớ các kiến thức đã học. - Thực hành viết thông tin giới thiệu về bản thân theo nội dung đã gợi ý trong sách (Phần 6, Tr. 15).</p>		
3	<p>Unit 2: My time 2A. Vocabulary and listening: Free time and activities 2B. Grammar: Adverbs of frequency 2C. Culture: It's fun, but is it sport?</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Phần 2A + Từ vựng chỉ hoạt động thực hiện trong thời gian rảnh rỗi. Phần 2B Cách dùng trạng từ chỉ tần suất. Nói về sở thích và môn thể thao chơi trong thời gian rảnh rỗi. Phần 2C + Đọc bài</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2</p>	<p>1, 2 Unit 2</p>

	<p>2D. Grammar: can and adverbs</p> <p>2E. Reading: Extreme sports</p> <p>2F. Everyday English: Expressing likes and dislikes</p> <p>2G. Writing: An announcement</p> <p>Language review</p>		<p>về Cheerleading (Cổ động). Nghe bài phỏng vấn trên đài một trưởng nhóm cổ động viên người Mỹ (Kelly) và hoàn thành thông tin. Phần 2D Động từ khuyết thiếu Can và trạng từ. Nói: khả năng có thể làm gì. Phần 2E Từ vựng chỉ các bộ phận của cơ thể. Đọc bài về các môn thể thao mạo hiểm. Phần 2F +Nói về sở thích và không thích. Phần 2G + Viết thông báo cho câu lạc bộ. - Làm bài tập hoàn thành câu. Chia động từ ở hiện tại đơn với các động từ cho sẵn, hoàn thành câu theo từ gợi</p>		
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

			<p>ý.</p> <p>- Luyện đọc và nghe.</p> <p>Tự học: + Ôn tập kiến thức đã học trong bài 1, 2</p> <p>Đọc hội thoại về sở thích của mọi người.</p> <p>Ôn lại các kiến thức ngữ pháp và từ vựng đã học.</p> <p>Ghi nhớ các từ vựng về sở thích, các môn thể thao và bộ phận của cơ thể.</p> <p>- Làm Bài tập (Tr. 16 – 25) phần Workbook.</p>		
4	<p>Unit 3 : At school</p> <p>3A. Vocabulary and listening: School subject</p> <p>3B. Grammar: there is/there are; some/any with plural nouns</p> <p>3C. Culture: School in England</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Phần 3A</p> <p>Từ vựng về các môn học ở trường.</p> <p>Nói về thời gian biểu học các môn ở trường.</p> <p>Tên các đồ vật trong nhà.</p> <p>Phần 3B</p> <p>Cách sử dụng There is /There are, some, any và danh từ số nhiều.</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2</p>	<p>1, 2 Unit 3</p>

	<p>3D. Grammar: have to</p> <p>3E. Reading: Sumo school</p> <p>3F. Everyday English: Giving directions</p> <p>3G. Writing: A letter</p> <p>Get ready for your exam</p>		<p>Các giới từ chỉ vị trí: between, behind, in front of, near..... Phần 3C Tên các phòng chức năng ở trường học. Đọc bài về trường Eton College. Nghe phỏng vấn để lấy thông tin sinh viên đến từ trường công lập và hoàn thành thông tin về trường Whitebridge Comprehensive. Phần 3D Cách sử dụng Have to ở thể khẳng định, phủ định và nghi vấn. Nói về trường học lý tưởng. Phần 3E Đọc bài về trường đào tạo võ Sumo, phỏng vấn 1 võ sĩ Sumo chuyên nghiệp. Phần 3F Nghe hội thoại về</p>		
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

			<p>cách hỏi – nói về chỉ đường. Phần 3G Cách viết 1 lá thư chào mừng học viên đến trường. Luyện viết thư. Ôn lại và ghi nhớ các nội dung kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học. Nghe thêm các bài hội thoại liên quan đến chủ đề trường học. Làm Bài tập (Tr. 26 – 30) phần Workbook.</p>		
5	<p>REVISION 1 (Intro –Unit 3) Bài kiểm tra 1: TEST 1 (Intro –U3)</p>		<p>Ôn tập từ bài Intro – bài 3 Làm bài kiểm tra điều kiện số 1 Chữa bài kiểm tra</p>		1, 2 Review 1
6	<p>Unit 4: Special occasions 4A. Vocabulary and listening: LOthes 4B. Grammar: Present continuous</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Phần 4A Từ vựng về trang phục, màu sắc. Phần 4B - Ngữ pháp: Cách sử dụng hiện tại tiếp diễn. - Hoàn thành bài</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2</p>	1, 2 Unit 4

	<p>4C. Culture: Halloween</p> <p>4D. Grammar: Present simple and continuous</p> <p>4E. Reading: I do</p> <p>4F. Everyday English: Making arrangements</p> <p>4G. Writing: An invitation</p> <p>Language review</p>		<p>tập hoàn thành câu theo từ gợi ý sử dụng hiện tại tiếp diễn</p> <p>- Nguyên tắc chuyển sang động từ có đuôi - ing.</p> <p>Phần 4C Các từ vựng liên quan đến lễ hội. Đọc bài về lễ hội hóa trang Halloween.</p> <p>Phần 4D Phân biệt cách sử dụng thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. Một số động từ không dùng trong thì hiện tại tiếp diễn: believe, hate, know, like, love, mean....</p> <p>Phần 4E Đọc bài báo về các lễ cưới kỳ lạ trên thế giới. Nói về các hoạt động ở trường, hình thức lễ cưới thích nhất.</p> <p>Phần 4F</p>		
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

			<p>Dùng hiện tại tiếp diễn để sắp xếp lịch hẹn. Nghe thêm các bài hội thoại về cách sắp xếp thời gian (lên kế hoạch) cho các cuộc hẹn. Phần 4G - Viết thư mời tới dự tiệc Ôn lại kiến thức đã học ở bài 3 - 4</p>		
7	<p>Unit 5 : Healthy living 5A. Vocabulary and listening: Food</p> <p>5B. Grammar: Quantity</p> <p>5C. Culture: Fussy eaters?</p> <p>5D. Grammar: should/shouldn't</p> <p>5E. Reading: Feeling good</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Phần 5A Từ vựng về tên các đồ ăn, cách thức nấu ăn.</p> <p>Phần 5B Danh từ đếm được và không đếm được. Cách hỏi và nói về số lượng. Phần 5C - Đọc và nghe về các món ăn người ăn chay thường dùng.</p> <p>Phần 5D - Dùng Should/Shouldn't</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2</p>	<p>1, 2 Unit 5</p>

	<p>5F. Everyday English: In a café</p> <p>5G. Writing: A questionnaire</p> <p>Get ready for your exam</p>		<p>đưa ra lời khuyên. - Làm bài tập.</p> <p>Phần 5E Đọc về các cách chữa bệnh lạ. Nói: Chọn cách chữa bệnh ưa thích và giải thích lý do.</p> <p>Phần 5F - Cách đặt đồ ăn và đồ uống. Cách hỏi và nói về đồ ăn, đồ uống và giá cả.</p> <p>Phần 5G - Viết bảng hỏi về đồ ăn và lối sống - Xem lại và ghi nhớ các kiến thức ngữ pháp đã học</p>		
8	<p>Unit 6 : Going places</p> <p>6A. Vocabulary and listening: In town</p> <p>6B. Grammar: Past simple</p> <p>6C. Culture: Teen adventure</p> <p>6D. Grammar: Past simple</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Phần 6A Từ vựng chỉ các địa điểm ở các thành thị.</p> <p>Phần 6B Thì quá khứ đơn, dạng quá khứ của To Be và động từ khuyết thiếu Can. Nói: khả năng có thể làm gì khi còn bé...</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2</p>	<p>1, 2 Unit 6</p>

	<p>6E. Reading: Out on the town</p> <p>6F. Everyday English: Asking for information</p> <p>6G. Writing: A note</p> <p>Language review</p>		<p>Phần 6C Nghe và đọc các mục quảng cáo trên đài về các địa điểm thu hút khách du lịch tại Sydney.</p> <p>Phần 6D Thẻ khẳng định của thi quá khứ đơn. Động từ có qui tắc: V-ed và cách sử dụng. Phát âm động từ có đuôi ed</p> <p>Phần 6E Nói: Nhìn vào tranh và mô tả điều gì đang xảy ra. Đọc bài khoá và sắp xếp các bức tranh theo trật tự đúng. Các tính từ miêu tả cảm xúc: angry, happy...</p> <p>Phần 6F - Nghe hội thoại điền từ đã cho vào chỗ trống. - Nói: Hội thoại - gọi điện thoại đến nhà bảo tàng để hỏi</p>		
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

			thông tin về giờ mở cửa, giá vé và địa chỉ Phần 6G - Đọc các loại tin nhắn khác nhau. - Viết: Lời nhắn trên điện thoại, cảm ơn, bày tỏ sự cảm thông và chúc mừng. Làm bài tập hoàn thành câu với từ vựng cho sẵn về thực phẩm, về bệnh và về một số cách chữa trị.		
	Revision 2: U4-6		Ôn tập từ bài 4 - 6		1, 2 Review 2
	Bài kiểm tra 2: Test 2 (U4-U6) Test correction		Làm bài kiểm tra điều kiện số 2 - Chữa bài kiểm tra		
9	FINAL REVISION		Ôn tập cuối khóa		1, 2

9. Yêu cầu của học phần

9.1. Học phần học trước: Không có

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- Mục tiêu: Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được

thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)
- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến
- Hình thức kiểm tra thường xuyên
 - + Kiểm tra bài tập về nhà, bài tự học.
 - + Bài nghe, nói / thảo luận, đọc, viết trên lớp.

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- + Bài kiểm tra giữa kì (Tuần 7, 11 của học kì)
- + Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.
- + Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

+ Hình thức: Bài nghe và bài viết (bao gồm 3 kỹ năng: nghe, đọc, viết)

Thời gian và các dạng bài kiểm tra giữa kỳ: 2 tiết

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.
 - Các kỹ thuật đánh giá:
 - + Nắm được kiến thức và tổng kết được kiến thức đã học.
 - + Nắm được các kỹ năng và thể hiện được các kỹ năng giao tiếp theo chủ đề đã học.
 - + Lĩnh hội được kiến thức từ các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo.
 - Hình thức: Bài nghe và bài viết (bao gồm 3 kỹ năng nghe, đọc, viết) (90 phút)
- Đề thi xây dựng theo ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần					
		LO1.1	LO1.2	LO.2.1	LO.2.2	LO.3.1	LO.3.2
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)						
2.1.	Bài kiểm tra lần 1	X	X	X			
2.2.	Bài kiểm tra lần 2				X	X	X
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	

Chuyên cần	Nghỉ học quá 20% số tiết	Nghỉ học từ 11% → 19% số tiết	Nghỉ học từ 6% → 10% số tiết	Nghỉ học 1% → 5% số tiết	Đi học 100% số tiết	80%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	20%
Điểm trừ	Quy định 02 lần khiển trách hạ 1 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Falla, T. & Davies, P.A.	2012	Solutions- Elementary: Student's book (Từ Unit 1 đến hết Unit 6)	Oxford University Press
2	Falla, T. & Davies, P.A.	2012	Solutions- Elementary: Workbook (Từ Unit 1 đến hết Unit 6)	Oxford University Press

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	John Hughes, Helen Stephenson Paul Dummet	2017	Life	National Geographic Learning
	Mary Spratt, Alan Pulverness, Melanie Williams	2011	The TKT Course Modules 1, 2	Cambridge University Press

	Cambridge	2011	Cambridge English Preliminary English Test 6	Cambridge University Press
	Cambridge	2012	Cambridge English Preliminary English Test 7	Cambridge University Press
	Cambridge	2014	Cambridge English Preliminary English Test 8	Cambridge University Press

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL/ TH	KT
1	Introduction IA. Meeting people IB. be, possessives and pronouns IC. Have got and articles ID. Time, days and dates	2	1	
2	Unit 1 : Friends and family Vocabulary and listening: Family Grammar: Present simple Culture: The Royal Family Grammar: Present simple Reading: The Amish Everyday English: Making friends Writing: A message Get ready for your exam	3	2	
3	Unit 2: My time Vocabulary and listening: Free time and activities Grammar: Adverbs of frequency Culture: It's fun, but is it sport? Grammar: can and adverbs Reading: Extreme sports Everyday English: Expressing likes and dislikes Writing: An announcement Language review	3	2	
4	Unit 3 : At school Vocabulary and listening: School subject Grammar: there is/there are; some/any with plural nouns Culture: School in England Grammar: have to Reading: Sumo school Everyday English: Giving directions Writing: A letter Get ready for your exam	3	2	
5	REVISION 1 (Intro –Unit 3)	1	1	
	Bài kiểm tra 1: TEST 1 (Intro –U3)			1
	Test correction	1		

6	Unit 4: Special occasions Vocabulary and listening: LOthes Grammar: Present continuous Culture: Halloween Grammar: Present simple and continuous Reading: I do Everyday English: Making arrangements Writing: An invitation Language review	4	2	
7	Unit 5 : Healthy living Vocabulary and listening: Food Grammar: Quantity Culture: Fussy eaters? Grammar: Feeling good Reading: Feeling good Everyday English: In a café Writing: A questionnaire Get ready for your exam	4	2	
8	Unit 6 : Going places Vocabulary and listening: In town Grammar: Past simple Culture: Teen adventure Grammar: Past simple Reading: Out on the town Everyday English: Asking for information Writing: A note Language review	4	2	
	Revision 2: U4-U6	1	1	
	Bài kiểm tra2:TEST 2 (U4-6)			1
	Test correction	1		
9	FINAL REVISION	1		

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**Học phần: Tiếng Anh 2****Trình độ đào tạo: Đại học**

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ
2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:
 - 2.1. Giảng viên 1:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: huongntt@dhcd.edu.vn
 - 2.2. Giảng viên 2:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Lan Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: huongnl@dhcd.edu.vn
 - 2.3. Giảng viên 3:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Hiền Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: huongnth@dhcd.edu.vn
 - 2.4. Giảng viên 4:
 - Họ và tên giảng viên: Ngô Cẩm Bình
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: binhnc@dhcd.edu.vn
 - 2.5. Giảng viên 5: Phạm Phương Lan
 - Họ và tên giảng viên:
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: lanpp@dhcd.edu.vn
 - 2.6. Giảng viên 6:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Việt Phương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: phuongntv@dhcd.edu.vn
 - 2.7. Giảng viên 7:
 - Họ và tên giảng viên: Đinh Thị Lan
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: landt@dhcd.edu.vn
 - 2.8. Giảng viên 8:
 - Họ và tên giảng viên: Mai Thị Tinh
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 024-38574148
 - Email: tinhmt@dhcd.edu.vn
- 2.9. Giảng viên 9:
- Họ và tên giảng viên: Trịnh Thị Thanh Thủy
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148
 - Email: thuyttt@dhcd.edu.vn
- 2.10. Giảng viên 10:
- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148
 - Email: thunt@dhcd.edu.vn
- 2.11. Giảng viên 11:
- Họ và tên giảng viên: Nguyễn An Giang
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148
 - Email: giangna@dhcd.edu.vn
- 2.12. Giảng viên 12:
- Họ và tên giảng viên: Ngô Thị Thanh Vân
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148
 - Email: vanntt@dhcd.edu.vn
- 2.13. Giảng viên 13:
- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Quỳnh Anh
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148
 - Email: anhng@dhcd.edu.vn
- 2.14. Giảng viên 14:
- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Phương Liên
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148
 - Email: lienntp@dhcd.edu.vn
- 2.15. Giảng viên 15:
- Họ và tên giảng viên: Phạm Thị Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148
 - Email: huongpt@dhcd.edu.vn
- 2.16. Giảng viên 16:
- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Anh
 - Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148
 - Email: anhntk@dhcd.edu.vn
- 2.17. Giảng viên 17:
- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Ngọc Lan
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Phòng Công tác sinh viên, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-35330367
 - Email: lannn@dhcd.edu.vn
- 2.18. Giảng viên 18:
- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thu Hà
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Phòng Quan hệ quốc tế, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-35334480 - Email: thuha@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Tiếng Anh 2

- Tên (tiếng Anh): English 2

- Mã học phần: 2316

4. Số tín chỉ: 3

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 30
 - Giờ thực hành/thảo luận 15
 - Giờ báo cáo thực tế: 0
 - Giờ tự học: 135

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng và ngữ pháp cơ bản để có thể thực hành các cấu trúc ngữ pháp, thực hành các tình huống giao tiếp đơn giản khác nhau, đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn dưới 500 từ, và có thể viết một số đoạn viết ngắn (80-100 từ) bằng tiếng Anh theo các chủ đề đã học, đạt trình độ tương đương TOEIC 200- 250.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CĐR học phần	Mô tả nội dung CĐR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CĐR của CTĐT (Đáp ứng CĐR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
LO.1.1	+ Hiểu những hiện tượng ngữ pháp cơ bản sau đây (đúng dạng thức, cách chia, đúng tình huống, ngữ cảnh, v.v.): Thì quá khứ đơn So sánh của tính từ Thì hiện tại hoàn thành Thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn Từ định lượng (some, any, much, many, a lot of, a little, a few) + Hiểu và sử dụng đúng các cụm động từ. + Hiểu và sử dụng được các động từ hay sử dụng trong giao tiếp (make, do, have, take); các tiền tố và hậu tố của từ; cách kết hợp tính từ với danh từ, danh từ với động từ và danh từ với danh từ.	2	LO.4
LO.1.2	Vận dụng vào giao tiếp các từ vựng cần thiết liên quan đến các chủ đề khác nhau như mô tả tính cách, nói về thể thao, phong cảnh...; sử dụng đúng trọng âm của từ và trọng âm của câu; sử dụng đúng ngữ điệu của câu trần thuật, câu hỏi có/ không và câu hỏi có từ để hỏi.	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
LO.2.1	+ Với kỹ năng nghe: Ghi nhớ các kỹ thuật nghe như	1	LO.9

	<p>Listening for gist (Nghe lấy thông tin cụ thể); Listening for general information (Nghe lấy thông tin chung).</p> <p>+ Với kỹ năng nói: Ghi nhớ cách diễn đạt sự đồng ý/phản đối, sắp xếp 1 cuộc hẹn, gọi điện, để lại lời nhắn qua điện thoại...</p> <p>+ Với kỹ năng đọc: Nhớ một số chiến thuật áp dụng trong đọc hiểu các đoạn văn (từ 200 đến 350 từ) về các chủ đề khác nhau như: 1 sự kiện trong lịch sử, tiểu sử của các họa sĩ nổi tiếng, phong cảnh thiên nhiên, các sinh vật cổ đại, việc làm cho thanh niên, vấn đề nhập cư, giải thưởng của Công tước ở Edinburgh, âm nhạc và tính cách con người, 1 giải thể thao ở xứ Wales, nước Anh, câu chuyện về một ngôi sao lướt sóng, các quan điểm về việc săn bắt cáo ở Anh, bài báo về trò chơi ảo FarmVille.</p> <p>+ Với kỹ năng viết: Nhớ cấu trúc và viết được các câu đơn sử dụng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, so sánh hơn, so sánh tuyệt đối.</p>		
LO.2.2	<p>+ Với kỹ năng nghe: Vận dụng các kỹ năng nghe hiểu chọn phương án đúng/sai; trả lời câu hỏi; làm dạng bài trắc nghiệm; điền vào bảng biểu về các thông tin liên quan đến các chủ đề khác nhau như: tính cách con người, thử thách cá nhân, sở thích, các môn thể thao, các giải thi đấu, hỏi và chỉ đường, quan điểm về việc săn bắt động vật, mô tả các bức ảnh.</p> <p>+ Với kỹ năng nói: Vận dụng, sử dụng các mẫu câu, cụm từ để trao đổi quan điểm, diễn đạt sở thích, mô tả các bức ảnh, hỏi và trả lời về các hoạt động trong quá khứ, mẫu câu sử dụng trong hỏi và chỉ đường.... Thực hành được các hoạt động giao tiếp, có khả năng hội thoại với giáo viên và bạn cùng lớp về các chủ đề giao tiếp thông thường như nói về các danh nhân, mô tả hoạt động của cá nhân vào cuối tuần trước, nói về các danh thắng, nghề nghiệp, giao thông, thảo luận về thuận lợi và bất lợi của cuộc sống ở nước ngoài, mô tả bản thân, nói về kế hoạch cá nhân, thể thao, kể câu chuyện hoạt hình, phỏng vấn các bạn cùng lớp, hỏi và chỉ đường, mô tả các bức ảnh.</p> <p>+ Với kỹ năng đọc: Vận dụng kiến thức đã học thực hành các bài đọc: đọc nhanh, đọc lướt, đọc chi tiết, đoán nghĩa từ mới qua ngữ cảnh... và trả lời các câu hỏi liên quan.</p> <p>+ Với kỹ năng viết: Vận dụng, phát triển các kỹ năng viết đoạn ngắn (như lời nhắn qua email, quảng cáo, thư xin việc, bưu thiếp, sở thích, sở trường, nhược điểm của cá nhân, thư cảm ơn thân mật, nhật ký một kỳ nghỉ ...).</p> <p>+ Luyện tập được những câu có sử dụng từ nối cơ bản (với so, and, because, but, although.v.v.)</p>	3	LO.9
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.1	Có năng lực tự chủ trong việc hiểu kiến thức đã học để vận dụng vào giao tiếp, trình bày, viết văn bản, đọc tài	3	LO.11 LO.15

liệu liên quan đến công việc.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục	Phương pháp dạy&học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	<p>Unit 7: FAME Vocabulary and listening: Where are they from?</p> <p>Grammar: Past simple affirmative – irregular verbs</p> <p>Culture: Changing the world</p> <p>Grammar Past simple – Negative and Interrogative</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>+ Phần 7A: Thực hành nói và nghe về tên nước, quốc tịch và tiểu sử của một số người nổi tiếng.</p> <p>+ Phần 7B: Ôn tập về thể khẳng định của thì quá khứ đơn, các động từ bất quy tắc Luyện tập: hoàn thành câu; điền dạng đúng của động từ bất quy tắc ở dạng quá khứ Thực hành nói về các hoạt động khác nhau dùng thì quá khứ đơn. + Phần 7C: Đọc hiểu 1 đoạn văn về sự việc trong quá khứ. Luyện các bài tập sau đoạn đọc hiểu: chọn câu trả lời đúng, ghép các câu vào chỗ trống trong đoạn đọc, tìm dạng quá khứ của các động từ trong bài đọc; điền giới từ. Nghe các bạn thanh thiếu niên nói về nhân vật</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2</p>	<p>1, 2 Unit 7</p>

	<p>Reading: Famous artists</p> <p>Everyday English – Talking about your weekend</p> <p>G. Writing – An email message</p>	<p>anh hùng của họ. Đặt câu về người nổi tiếng. + Phần 7D: Thực hành cả 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở các bài tập liên quan đến thể phủ định và nghi vấn của thì quá khứ đơn + Phần 7E: Bài đọc về 2 họa sĩ nổi tiếng thế giới. Chiến lược đọc hiểu lấy thông tin trong đoạn văn về tiêu sử của người nào đó. Các từ/ cụm từ liệt kê các sự việc có thể xảy ra trong cuộc đời 1 người (bài tập 5 trang 73) Viết câu về người trong gia đình sử dụng các cụm từ trên.</p> <p>+ Phần 7F: Nghe và nói về các hoạt động cuối tuần Từ vựng: Các cụm từ diễn đạt sự quan tâm và thông cảm + Phần 7G: Email mô tả ngày cuối tuần - Từ vựng: các cụm động từ và danh từ chỉ các hoạt động. Chiến lược và cách thức viết email cho bạn bè và gia đình</p>		
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

			<p>Luyện viết email cho bạn bè về ngày nghỉ cuối tuần.</p> <p>Nghe và luyện thêm phần 4. Get Ready for your Exam (tr.76-77).</p>		
2	<p>Unit 8: In the world Vocabulary and listening: Geography</p> <p>Grammar: Comparative adjectives</p> <p>Culture: Landmarks</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>+ Phần 8A: Từ vựng về địa lý (núi, sông, biển, sa mạc, rừng....), các danh từ chỉ châu lục.</p> <p>- Nghe bài quảng cáo về kỳ nghỉ trên đảo. Nhận biết các tính từ mô tả các đặc điểm địa lý....</p> <p>- Viết 1 đoạn quảng cáo ngắn mô tả phong cảnh</p> <p>+ Phần 8B:</p> <p>- Ngữ pháp: Luyện và thực hành về các dạng so sánh của tính từ.</p> <p>- Nói: đặt câu hỏi và trả lời sử dụng tính từ so sánh;</p> <p>- Viết: so sánh các địa điểm trên bảng biểu.</p> <p>+ Phần 8C:</p> <p>- Đọc và làm các bài tập đọc hiểu về 1 phong cảnh nổi tiếng</p> <p>- Nghe: các hoạt động ngoài trời và các địa điểm, trả lời câu hỏi (đúng/sai.)</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2</p>	1, 2 Unit 8

	<p>Grammar: Superlative adjectives</p> <p>Reading: Dangerous</p> <p>Everyday English: Negotiating</p> <p>Writing: An advert</p> <p>Language Review:</p>	<p>- Nói: Mô tả các phong cảnh thiên nhiên nổi tiếng</p> <p>- Viết: Viết 1 đoạn mô tả ngắn về cảnh nổi tiếng của đất nước hay của 1 vùng</p> <p>+ Phần 8D:</p> <p>- Ngữ pháp: So sánh tuyệt đối của tính từ.</p> <p>- Thực hành cả 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở các bài tập liên quan đến so sánh tuyệt đối của tính từ.</p> <p>+ Phần 8E:</p> <p>- Từ vựng về động vật hoang dã</p> <p>Đọc hiểu: đọc bài về động vật đáng sợ nhất trong lịch sử.</p> <p>- Chiến lược làm bài đọc hiểu: đoán từ, thể loại từ qua ngữ cảnh</p> <p>Nghe và hoàn thành thông tin thiếu trong bài hát về hành tinh trái đất.</p> <p>+ Phần 8F</p> <p>- Bàn về các kế hoạch cho 1 kỳ nghỉ</p> <p>- Nghe các hội thoại + Nói về kế hoạch kỳ nghỉ</p> <p>+ Phần 8G</p> <p>- Đọc 1 bài mẫu</p>		
--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

			<p>về quảng cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách dùng từ nối because và so - Chiến lược viết quảng cáo <p>* Language Review: Ôn tập lại bài 7 và bài 8</p>		
3	<p>Unit 9: The world of work</p> <p>Vocabulary and listening: Jobs and work</p> <p>Grammar: Going to</p> <p>Culture: Jobs for teenagers</p> <p>Grammar: Will</p> <p>Reading: A year out</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>+ Phần 9A: Từ vựng về nghề nghiệp. Nghe: Mô tả các nghề nghiệp Nói: chủ đề về công việc</p> <p>+ Phần 9B: - Ngữ pháp: going to - Nghe + Nói: về kế hoạch trong tương lai gần.</p> <p>+ Phần 9C: - Đọc hiểu: Các công việc bán thời gian cho các thanh thiếu niên - Nghe: Ý kiến/ Quan điểm về việc làm bán thời gian - Nói: Thảo luận về việc làm bán thời gian</p> <p>+ Phần 9D: Ngữ pháp: Thì tương lai đơn Luyện tập điền từ và viết câu sử dụng will</p> <p>+ Phần 9E: - Đọc hiểu: Các năm tạm nghỉ - Từ vựng: Danh từ ghép (compound</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2</p>	<p>1, 2 Unit 9</p>

	<p>Everyday English: On the phone</p> <p>Writing: An application letter</p>		<p>nouns) - Nói: Thảo luận về các nghề nghiệp</p> <p>+ Phần 9F: - Nghe các cuộc điện thoại - Nói: Luyện tập nói số điện thoại; và thực hành các cuộc gọi điện</p> <p>+ Phần 9 G: Viết thư xin việc Đọc 2 thư xin việc. Chiến lược viết thư ở hình thức trang trọng</p>		
4	<p>Unit 10: Time to travel Vocabulary and listening: Transport</p> <p>Grammar: Present Perfect - Affirmative</p> <p>Culture: Gateway to the New World</p> <p>Grammar: Present Perfect- Negative and Interrogative</p> <p>Reading: Alone in</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>+ Phần 10 A: - Từ vựng về các phương tiện giao thông - Nghe + Nói về phương tiện đi học, đi làm</p> <p>+ Phần 10 B: Luyện tập Ngữ pháp về thì hiện tại hoàn thành</p> <p>+ Phần 10 C: - Đọc hiểu: Đảo Ellis. Nghe: về nguồn gốc của tổ tiên Nói về sự nhập cư.</p> <p>+ Phần 10 D: - Luyện tập thì hiện tại hoàn thành ở thể phủ định và nghi vấn</p> <p>+ Phần 10 E:</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2</p>	<p>1, 2 Unit 10</p>

	<p>the canyon</p> <p>Everyday English: Buying a train ticket</p> <p>Writing: A postcard</p>		<p>- Đọc hiểu: 1 bài báo, trả lời câu hỏi, làm bài tập có liên quan. - Từ vựng: các diễn đạt về thời gian - Nói: Phỏng vấn nhân vật trong bài báo (Aron Ralston)</p> <p>+ Phần 10 F, 10 G +Language Review Nghe hội thoại và các thông báo diễn ra tại nhà ga xe lửa Nói: làm việc theo cặp trao đổi về việc mua vé tàu, hỏi và trả lời về giờ tàu. Viết: học cách viết 1 bưu thiếp.</p>		
5	<p>Unit 1: All about you Vocabulary and listening: Personality</p> <p>Grammar: Present simple and continuous</p> <p>Culture: Teenage challenges</p> <p>Grammar: Verb + infinitive or – ing form</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>+ Phần 1A: Từ vựng về tính cách.</p> <p>+ Phần 1B: Luyện tập về thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn.</p> <p>+ Phần 1C: Đọc + Nghe hiểu: làm bài tập liên quan đến nội dung đoạn văn về phần thưởng của công tước xứ Edinburgh</p> <p>+ Phần 1D: - Ngữ pháp: Động từ nguyên</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2</p>	<p>3, 4 Unit 1</p>

	<p>E. Reading: Music and personality</p> <p>F. Everyday English: Exchanging opinions</p> <p>G. Writing: A personal profile</p> <p>Get ready for your exam</p>		<p>thể có “to” và động từ có đuôi-ing.</p> <p>- Luyện tập: hỏi và trả lời, điền dạng động từ, đặt câu về bản thân sử dụng động từ nguyên thể có “to” và động từ có đuôi-ing</p> <p>+ Phần 1E:</p> <p>- Đọc bài về thị hiếu âm nhạc và tính cách</p> <p>- Các bài tập liên quan đến thông tin bài đọc hiểu. Nghe và điền từ vào bài hát</p> <p>+ Phần 1F: Nghe và thực hành các hội thoại nói về sở thích cá nhân</p> <p>+ Phần 1G: Cách viết thông tin về cá nhân.</p> <p>+ Chữa phần Get ready for your exam</p>		
6	<p>Bài kiểm tra TEST 1 (U7-U10 + U1)</p> <p>Test correction</p>		<p>Làm bài kiểm tra điều kiện số 1</p> <p>Chữa bài kiểm tra</p>		1, 2, 3, 4
7	<p>Unit 2: Winning and Losing</p> <p>Vocabulary and listening: A question of sport</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm,</p>	<p>+ Phần 2A: Từ vựng về các môn thể thao; các động từ dùng với các môn thể thao (play, go, do)</p> <p>- Nghe các bình luận thể thao và nhận biết các môn thể thao.</p>	<p>LO.1.1</p> <p>LO.1.2</p> <p>LO.2.1</p> <p>LO.2.2</p>	<p>3, 4</p> <p>Unit 2</p>

	<p>Grammar: Past simple</p> <p>Culture: Village sports</p> <p>Grammar: Past simple and continuous</p> <p>Reading: Surf's up</p> <p>Everyday English: Talking about the past</p> <p>Writing: An informal letter Language Review</p>	<p>giao bài về nhà</p>	<p>+ Phần 2B: - Ngữ pháp: Thì quá khứ đơn - Cách phát âm đuôi "ed" - Luyện tập chia động từ và đặt câu hỏi ở thì quá khứ</p> <p>+ Phần 2C: - Đọc hiểu về 1 môn thể thao ở nước Anh - Nghe 1 chương trình Radio về 1 cuộc thi đấu đặc biệt</p> <p>+ Phần 2D: - Ngữ pháp: Thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn</p> <p>+ Phần 2E: - Đọc về một ngôi sao của môn thể thao lướt sóng, làm các bài tập liên quan đến bài đọc. - Nói: Thiết kế một bài phỏng vấn nhân vật trong bài đọc (Bethany).</p> <p>+ Phần 2F, 2G Nghe và nói về các hoạt động cuối tuần Viết: thư cảm ơn (thân mật) Chữa phần Language Review (tr.22-23).</p>		
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

8	<p>Unit 3: House and Home Vocabulary and listening: Landscapes</p> <p>Grammar: some, any, much, many, a lot of, a little, a few</p> <p>Culture: Different views</p> <p>D. Grammar: Articles</p> <p>E. Reading: Urban farmers</p> <p>F. Everyday English: Picture Description</p> <p>G. Writing: A holiday blog Get ready for your exam</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, làm việc nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>+ Phần 3A, 3B, 3C Từ vựng chỉ các điểm ở các thành thị và nông thôn Cách dùng của some, any, much, many, a lot of, a little, a few. Nghe và đọc các quan điểm khác nhau về việc săn bắt thú tại Anh.</p> <p>+ Phần 3D, 3E Ngữ pháp: Cách dùng mạo từ trong tiếng Anh. Đọc: đoạn viết về 1 trò chơi ảo trên mạng internet. Nghe: Nghe các quan điểm về việc săn bắt; nghe 1 bài hát và chọn câu trả lời đúng Nói: nói theo cặp, hỏi và trả lời câu hỏi phần 7. (Tr.29)</p> <p>+ Phần 3F, 3G Các từ/cụm từ dùng mô tả các bức ảnh.... Viết: blog của kỳ nghỉ Chữa phần Get ready for your exam</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2</p>	<p>3, 4 Unit 3</p>
9	<p>Bài kiểm tra 2 Test correction</p>		<p>Làm bài kiểm tra điều kiện số 2 Chữa bài kiểm tra</p>		<p>3, 4 Unit 1-3</p>

10	FINAL REVISION		Hệ thống lại những kiến thức đã học. Tổng kết và phản hồi		3, 4 Unit 1-3
----	----------------	--	-----------------------------------------------------------	--	------------------

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước

- Tiếng Anh 1 Mã HP: 2315

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- Mục tiêu: Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và làm các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)

+ Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.

+ Vận dụng được các kiến thức đã học để làm bài tập thực hành.

+ Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ

+ Tích cực tham gia ý kiến

- Hình thức kiểm tra thường xuyên

+ Kiểm tra bài tập về nhà, bài tự học.

+ Bài nghe, nói/ thảo luận, đọc và viết trên lớp.

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kì (Tuần 7, 11)

+ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

+ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; vận dụng tốt kỹ năng, kiến thức đã học vào làm bài kiểm tra)

+ Hình thức: Bài nghe và bài viết (bao gồm 3 kỹ năng: nghe, đọc, và viết)

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

+ Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.

+ Vận dụng tốt kỹ năng, kiến thức đã học vào làm bài kiểm tra.

Hình thức: Bài nghe và bài viết (90 phút – bao gồm 3 kỹ năng: nghe, đọc và viết)

Đề thi xây dựng theo ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần				
		LO1.1.	LO 1.2	LO 2.1	LO 2.2	LO 3.1

1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)					
2.1.	Bài kiểm tra lần 1	X	X			X
2.2.	Bài kiểm tra lần 2			X	X	X
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Nghỉ học quá 20% số tiết	Nghỉ học từ 11% → 19% số tiết	Nghỉ học từ 6% → 10% số tiết	Nghỉ học 1% → 5% số tiết	Đi học 100% số tiết	80%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	20%
Điểm trừ	Quy định 02 lần khiến trách hạ 1 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Falla, T. & Davies, P.A.	2012	Solutions- Elementary: Student's book (Từ Unit 7 đến hết Unit 10)	Oxford University Press

2	Falla, T. & Davies, P.A.	2012	Solutions- Elementary: Workbook (Từ Unit 7 đến hết Unit 10)	Oxford University Press
3	Falla, T. & Davies, P.A.	2012	Solutions-Pre-intermediate: Student's book (Từ Unit 1 đến hết Unit 3)	Oxford University Press
4	Falla, T. & Davies, P.A.	2012	Solutions-Pre-intermediate: workbook (Từ Unit 1 đến hết Unit 3)	Oxford University Press

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	John Hughes, Helen Stephenson Paul Dummet	2017	Life	National Geographic Learning
	Mary Spratt, Alan Pulverness, Melanie Williams	2011	The TKT Course Modules 1,2	Cambridge University Press
	Cambridge	2011	Cambridge English Preliminary English Test 6	Cambridge University Press
	Cambridge	2012	Cambridge English Preliminary English Test 7	Cambridge University Press
	Cambridge	2014	Cambridge English Preliminary English Test 8	Cambridge University Press

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL/ TH	KT
1	Unit 7- Fame 7A: Vocabulary and listening: Where are they from? 7B: Grammar: Past simple affirmative: irregular verbs 7C: Culture: Changing the world 7D: Grammar: Past simple: Negative and interrogative 7E: Reading: Famous artists 7F: Everyday English: Talking about your weekend 7G: Writing: An email message Ready for your Exam	3	2	
2	Unit 8- In the wild 8A: Vocabulary and listening: Geography 8B: Grammar: Comparative adjectives 8C: Culture: Landmarks 8D: Grammar: Superlative adjectives	4	2	

	8E: Reading: Dangerous! 8F: Everyday English: Negotiating 8G: Writing: An advert Language review			
3	Unit 9- The world of work 9A: Vocabulary and listening: Jobs and work 9B: Grammar: Going to 9C: Culture: Jobs for teenagers 9D: Grammar: Will 9E: Reading: A year out 9F: Everyday English: On the phone 9G: Writing: An application letter	4	2	
4	Unit 10- Time to travel 10A: Vocabulary and listening: Transport 10B: Grammar: Present perfect: affirmative 10C: Culture: Gateway to the New World 10D: Grammar: Present perfect: Negative and interrogative 10E: Reading: Alone in the canyon 10F: Everyday English: Buying a train ticket 10G: Writing: A postcard Language review	4	2	
5	Unit 1- All about you 1A: Vocabulary and listening: Personality 1B: Grammar: Present simple and continuous 1C: Culture: Teenage challenges 1D: Grammar: verb + infinitive or -ing form 1E: Reading: Music and personality 1F: Everyday English: Exchanging opinions 1G: Writing: A personal profile Get ready for your exam	4	2	
6	Mid – Term Test 1			1
7	Unit 2- Winning and losing 2A: Vocabulary and listening: A question of sport 2B: Grammar: Past simple 2C: Culture: Village sports 2D: Grammar: Past simple and continuous 2E: Reading: Surf's up 2F: Everyday English: Talking about the past 2G: Writing: An informal letter Language Review	4	2	
8	Unit 3- House and Home 3A: Vocabulary and listening: Landscapes 3B: Grammar: some, any, much, many, a lot of, a little, a few 3C: Culture: Different views 3D: Grammar: Articles 3E: Reading: Urban farmers 3F: Everyday English: Picture description 3G: Writing: A holiday blog	4	2	

	Get ready for your exam			
9	Test 2			1
10	Revision	1	1	

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Tiếng Anh 3

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ
2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:
 - 2.1. Giảng viên 1:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: huongntt@dhcd.edu.vn
 - 2.2. Giảng viên 2:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Lan Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: huongnl@dhcd.edu.vn
 - 2.3. Giảng viên 3:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Hiền Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: huongnth@dhcd.edu.vn
 - 2.4. Giảng viên 4:
 - Họ và tên giảng viên: Ngô Cẩm Bình
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: binhnc@dhcd.edu.vn
 - 2.5. Giảng viên 5:
 - Họ và tên giảng viên: Phạm Phương Lan
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: lanpp@dhcd.edu.vn
 - 2.6. Giảng viên 6:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Việt Phương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: phuongntv@dhcd.edu.vn
 - 2.7. Giảng viên 7:
 - Họ và tên giảng viên: Đinh Thị Lan
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: landt@dhcd.edu.vn

2.8. Giảng viên 8:

- Họ và tên giảng viên: Trịnh Thị Thanh Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: thuyttt@dhcd.edu.vn

2.9. Giảng viên 9:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: thunt@dhcd.edu.vn

2.10. Giảng viên 10:

- Họ và tên giảng viên: Mai Thị Tình
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: tinhmt@dhcd.edu.vn

2.11. Giảng viên 11:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn An Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: giangna@dhcd.edu.vn

2.12. Giảng viên 12:

- Họ và tên giảng viên: Ngô Thị Thanh Vân
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: vanntt@dhcd.edu.vn

2.13. Giảng viên 13:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Quỳnh Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: anhng@dhcd.edu.vn

2.14. Giảng viên 14:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Phương Liên
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: lienntp@dhcd.edu.vn

2.15. Giảng viên 15:

- Họ và tên giảng viên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: huongpt@dhcd.edu.vn

2.16. Giảng viên 16:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-24-38574148 - Email: anhntk@dhcd.edu.vn

2.17. Giảng viên 17:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Ngọc Lan

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Công tác Sinh viên , Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-24-35330367 - Email: lanmn@dhcd.edu.vn

2.18. Giảng viên 18:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thu Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Quan hệ Quốc tế, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-24-35334480 - Email: thuha@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Tiếng Anh 3
- Tên (tiếng Anh): English 3
- Mã học phần: 2317

4. Số tín chỉ: 3

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 30
- Giờ thực hành/ thảo luận: 15
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 135

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng và ngữ pháp cơ bản để có thể giao tiếp, thực hành các cấu trúc ngữ pháp, đọc hiểu và viết một số bài luận bằng tiếng Anh theo các chủ đề đã học, đạt trình độ tương đương TOEIC 250-300 và đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
LO.1.1	Vận dụng được cách dùng của các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như cấu trúc so sánh, too, enough, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành, thì tương lai đơn và tương lai gần, thì quá khứ hoàn thành, cấu trúc câu điều kiện loại 0, 1, 2, cách sử dụng của must, mustn't và need, câu gián tiếp, câu bị động, câu ước.	3	LO.4
LO.1.2	Áp dụng các từ vựng cần thiết liên quan đến các chủ đề khác nhau về văn hóa, lối sống, về cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, về nghề nghiệp, những thay đổi về môi trường, con người, kỹ thuật và công nghệ, du lịch, mô tả cảm xúc, cảm giác của con người ...	3	
LO.2	Chuẩn về kỹ năng		
LO.2.1	+ Hiểu các yêu cầu đối với kỹ năng nghe: nghe lấy thông tin chi tiết, nghe hiểu nội dung tổng quát...	2	LO.9

	<p>+ Hiểu được các hoạt động giao tiếp, có khả năng hội thoại với giáo viên và bạn cùng lớp về các chủ đề giao tiếp như phỏng vấn về các ban nhạc, những người nổi tiếng, các bài hội thoại có chủ đề về du lịch, cuộc sống, công việc của mỗi người, về cuộc đời và sự nghiệp của những người nổi tiếng, các bài hội thoại trên điện thoại,</p> <p>+ Hiểu được một số chiến thuật áp dụng trong đọc hiểu về các chủ đề khác nhau như những bài báo về các pha nguy hiểm trong phim ảnh, về việc mua bán qua trang mạng eBay, các phát minh khoa học kỹ thuật, ngày Cá tháng tư, những vụ nổ thiên thạch, tội phạm công nghệ, và về Ma Cà Rồng.</p> <p>+ Hiểu được các dạng văn bản (email, informal letters, formal letters).</p>		
LO.2. 2	<p>+ Vận dụng khả năng nghe hiểu chọn phương án đúng/sai; trả lời câu hỏi; làm dạng bài trắc nghiệm; điền vào bảng biểu về các thông tin liên quan đến các chủ đề khác nhau như: phỏng vấn về các ban nhạc, những người nổi tiếng, các bài hội thoại có chủ đề về du lịch, cuộc sống, công việc của mỗi người, về cuộc đời và sự nghiệp của những người nổi tiếng, các bài hội thoại trên điện thoại, ...</p> <p>+ Vận dụng giao tiếp về các chủ đề hằng ngày, yêu cầu và cung cấp thông tin, phản hồi các đề nghị, sử dụng câu để nói về con người và công việc, kể chuyện, mô tả môi trường xung quanh và so sánh, đưa ra ý kiến, lý do và giải thích.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học để thực hành các bài đọc: đọc nhanh, đọc lướt, đọc chi tiết, đoán nghĩa từ mới qua ngữ cảnh... và trả lời các câu hỏi liên quan.</p> <p>+ Vận dụng các cấu trúc với các dạng văn bản khác nhau (email, informal letters, formal letters).</p>	3	
LO.2. 3	<p>+ Phân tích các yêu cầu và vận dụng kỹ năng nghe vào các hoạt động nghe thông tin, chọn phương án đúng/sai; trả lời câu hỏi; làm dạng bài trắc nghiệm; điền vào bảng biểu.</p> <p>+ Phân tích các tình huống giao tiếp ra yêu cầu và cung cấp thông tin, phản hồi các đề nghị, đưa ra ý kiến, lý do và giải thích.</p> <p>+ Phân tích các yêu cầu và vận dụng kỹ năng đọc vào các hoạt động đọc bài báo về các chủ đề khác nhau.</p> <p>+ Phân tích các yêu cầu của bài viết và áp dụng vào viết đoạn văn ngắn mô tả, viết một bài luận, đoạn văn tường thuật / kể chuyện, viết một tin nhắn cho người thân, viết một email cho bạn bè, viết thư cá</p>	4	

	nhân (informal letters), viết thư giao dịch công việc (formal letters).		
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.1	Có năng lực tự chủ trong việc hiểu kiến thức đã học để vận dụng vào giao tiếp, trình bày, viết văn bản, đọc tài liệu liên quan đến công việc.	3	LO.11 LO.15
LO.3.2	Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá các tình huống giao tiếp, các dạng văn bản và tài liệu liên quan đến nghề nghiệp	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Anh 3 gồm 03 tín chỉ được phân bổ trong 11 tuần là học phần thứ 3 trong chương trình đào tạo tiếng Anh cho sinh viên các khoa, ngành của trường Đại học Công đoàn. Học phần này gồm có 7 chủ đề khác nhau, chủ yếu tập trung vào việc rèn luyện 4 kỹ năng nói, nghe, đọc, viết và ngữ âm, từ vựng.

Mục đích của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong một số tình huống quen thuộc hàng ngày, góp phần chuẩn bị một số kiến thức và năng lực ngôn ngữ cho sinh viên học tiếp các học phần tiếng Anh 4, 5 và 6. Sinh viên sẽ được học ngữ pháp và từ vựng kết hợp với luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Hiểu và vận dụng được cách dùng của các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như cấu trúc so sánh, too, enough, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành, thì tương lai đơn và tương lai gần, thì quá khứ hoàn thành, cấu trúc câu điều kiện loại 0, 1, 2, cách sử dụng của must, mustn't và need, câu gián tiếp, câu bị động, câu ước.
- Áp dụng các từ vựng cần thiết liên quan đến các chủ đề khác nhau về văn hóa, lối sống, về cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, về nghề nghiệp, về những thay đổi về môi trường, con người, kỹ thuật và công nghệ, du lịch, mô tả cảm xúc, cảm giác của con người ...
- Phát triển các kỹ năng viết như viết đoạn văn ngắn mô tả, viết một bài luận, đoạn văn tường thuật / kể chuyện, viết một tin nhắn cho người thân, viết một email cho bạn bè, viết thư cá nhân (informal letters), viết thư giao dịch công việc (formal letters).
- Phát triển được kỹ năng nghe thông tin, chọn phương án đúng/ sai; trả lời câu hỏi; làm dạng bài trắc nghiệm; điền vào bảng biểu.
- Phát triển được kỹ năng đọc các bài báo về các chủ đề khác nhau.

Các hình thức kiểm tra đánh giá bao gồm đánh giá thường xuyên, kiểm tra giữa kì và thi cuối kì.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục	Phương pháp, hoạt động dạy&học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Giảng viên	Sinh viên		
1	Unit 4: Lights, camera, action Vocabulary and	Thuyết giảng, giải	Phần 4A: Thực hành nói và nghe	LO.1.1 LO.1.2	1, 2 Unit 4

	<p>listening: At the cinema</p> <p>Grammar: Comparatives and superlatives</p> <p>Culture: Film fame</p> <p>Grammar: as...as, too, enough</p> <p>Reading: shaken and stirred</p>	<p>thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>về các thể loại phim, giới thiệu một số tính từ miêu tả về phim ảnh.</p> <p>Phần 4B: + So sánh hơn và so sánh hơn nhất + Luyện tập: Hoàn thành và viết câu với dạng so sánh hơn và hơn nhất. + Thực hành nói Phần 4C + Đọc hiểu bài khóa về giải Oscars và trả lời câu hỏi + Nghe lấy thông tin chi tiết về giải Mâm Xôi Vàng, trả lời câu hỏi và xác định thông tin đúng/ sai. Phần 4D + So sánh ngang bằng và không ngang bằng + Cấu trúc too và enough + Nghe và làm bài tập liên quan đến hiện tượng ngữ pháp. Part 4E + Đọc một bài báo về các pha nguy hiểm của các diễn viên đóng trong phim và chọn câu trả lời đúng. + Hoàn thành các cặp danh từ ghép hoặc cụm từ đã xuất hiện trong bài đọc hiểu. + Trình bày quan</p>	<p>LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3</p>	
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------	--

	<p>Everyday English: Buying tickets</p> <p>Writing: A film review</p> <p>Language review</p>		<p>điểm cá nhân về việc các diễn viên có nên tự đóng các pha nguy hiểm hay không.</p> <p>Part 4F + Nghe và nói đặt vé xem phim + Nghe lấy thông tin (điền các con số liên quan đến giá tiền, ngày tháng, mã số thẻ...)</p> <p>Part 4G + Viết nhận xét về một bộ phim + Học về liên từ: Although, however</p> <p>Part 4H: Ôn tập</p>		
2	<p>Unit 5 : Shopping Vocabulary and listening: At the shops</p> <p>Grammar: Present perfect</p> <p>Culture: street life</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Part 5A + Từ vựng về tên của một số sản phẩm và tên của các cửa hàng (cửa hàng bán bánh, cửa hàng bán thịt...)</p> <p>Part 5B + Ngữ pháp: Thì hiện tại hoàn thành. + Phân biệt been to và gone to. + Hoàn thành các dạng bài tập về thì hiện tại hoàn thành.</p> <p>Part 5C + Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về khu mua sắm và giải trí nổi tiếng Covent Garden. + Nghe lấy thông tin chi tiết các</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3</p>	<p>1, 2 Unit 5</p>

	<p>Grammar: present perfect</p> <p>Reading: Bids to become famous</p> <p>Everyday English: making a complaint</p>		<p>thông báo quảng cáo và lựa chọn đáp án đúng. Ôn và ghi nhớ các kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học. Học thuộc lòng các từ mới về chủ đề mua sắm Nghe và luyện thêm phần bài tập trong bài. Làm Bài tập (Tr. 34 – 42) phần Workbook. Thực hành viết nhận xét về một bộ phim (phần 8, Tr.41) - Chuẩn bị trước cho nội dung sẽ học tiếp theo. Part 5D + Ngữ pháp: Phân biệt thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn. + Hoàn thành bài tập liên quan đến thì hiện tại hoàn thành và quá khứ Part 5E + Đọc hiểu bài báo về đấu giá trực tuyến trên eBay và lựa chọn câu trả lời đúng. + Chiến lược làm bài đọc hiểu đoán nghĩa của từ theo bối cảnh. + Nói: bày tỏ quan điểm về mua hàng trực tuyến. Part 5F + Nghe bài hội</p>		
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

	<p>Writing: A formal letter</p> <p>Get ready for your exam</p>		<p>thoại về lời phàn nàn của khách hàng. + Nói theo chủ đề: khách hàng phàn nàn – cách đàm phán và giải quyết vấn đề của nhân viên bán hàng Part 5G + Viết một lá thư trang trọng: phàn nàn về một sản phẩm đã mua ở một cửa hàng hoặc trên 1 trang web. Part 5H Chuẩn bị sẵn sàng cho bài kiểm tra</p>		
3	<p>Unit 6: How techie are you? Vocabulary and listening: electronic devices</p> <p>Grammar: will and going to</p> <p>Culture: Screen time</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Part 6A + Từ vựng về các thiết bị điện tử và các cụm động từ đi kèm. + Nghe quảng cáo trên đài và xác nhận các thiết bị điện tử. Part 6B + Ngữ pháp: Thì tương lai đơn và tương lai gần. + Hoàn thành bài tập với 2 thì tương lai đơn và tương lai gần. Part 6C + Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về cách con người sử dụng truyền thông xã hội + Nghe phỏng vấn để lấy thông tin chi tiết về mạng xã hội và xác định</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3</p>	<p>1, 2 Unit 6</p>

	<p>Grammar: Zero conditional</p> <p>Reading: Brain waves</p> <p>Everyday English: Invitations</p> <p>Writing: messages</p> <p>Language review</p>	<p>thông tin đúng/sai. + Nói: thảo luận về mạng xã hội Part 6D + Ngữ pháp: câu điều kiện loại 0, might, may, could. + Hoàn thành bài tập với các dạng ngữ pháp. Part 6E + Đọc hiểu bài báo về các phát minh và xác định thông tin đúng/sai + Tìm hiểu và áp dụng chiến lược làm bài đọc hiểu tìm thông tin đúng sai: đọc kỹ, gạch chân những câu chứa thông tin cần thiết. + Từ vựng: trạng từ + Nói thảo luận các phát minh về khoa học và kỹ thuật Part 6F + Nghe và nói về từ chối, chấp nhận lời mời + Dùng Shall trong lời đề nghị và gợi ý Part 6G + Dùng Can trong yêu cầu và cho phép + Viết một tin nhắn đưa ra hướng dẫn hoạt động của thiết bị gia dụng. Ôn tập</p>		
4	Unit 7: Around the			LO.1.1 1, 2

	<p>world Vocabulary and listening: Body languages</p> <p>Grammar: Must, mustn't and needn't</p> <p>Culture: Giving and receiving</p> <p>Grammar: First conditional</p> <p>Reading: don't get fooled again</p> <p>Everyday English:</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Part 7A + Từ vựng về ngôn ngữ cơ thể. + Nghe các phong tục khi gặp mặt của các quốc gia trên thế giới. Part 7B + Học ngữ pháp :must, mustn't và needn't + Hoàn thành bài tập với các điểm ngữ pháp (must, mustn't và needn't). Part 7C + Đọc bài khóa về những quan điểm vào ngày Lễ Giáng sinh. + Nghe lấy thông tin chi tiết 4 người nói về những món quà được tặng vào những dịp đặc biệt. Part 7D + Ngữ pháp: câu điều kiện loại 1 + Đọc và hoàn thành bài tập ngữ pháp về sự mê tín trên thế giới. + Chiến lược: đọc bài, đoán thông tin thiếu, tìm từ liên quan đến chủ đề của từng đoạn, quan sát câu trước và sau chỗ trống. Part 7E + Đọc bài báo và trả lời câu hỏi về ngày Cá tháng 4 + Nghe và điền từ vào bài hát</p>	<p>LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3</p>	<p>Unit 7</p>
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------	---------------

	giving advice and recommendations Writing: invitations Get ready for your exam		Part 7F + Nghe và nói lấy thông tin và trao đổi thông tin tại đại lý du lịch + Học phân ngữ pháp: should và ought to đưa ra lời gợi ý, lời khuyên và đưa ý kiến. Part 7G + Viết một bức thư ngắn mời, chấp nhận và từ chối lời mời. Ôn tập		
5	REVISION 1 (U4-7) Bài kiểm tra TEST 1 (U4-U7) Test correction		Ôn tập từ bài 4 – bài 7 Làm bài kiểm tra điều kiện số 1 Chữa bài kiểm tra		1, 2
6	Unit 8: What if? Vocabulary and listening: Planet earth Grammar: Second conditional Culture: Rubbish	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Part 8A + Học từ vựng nói về thảm họa thiên nhiên (hạn hán, nạn đói, sóng thần...) + Nghe về thảm họa thiên nhiên + Viết và trình bày một bản tin về thảm họa thiên nhiên Part 8B + Ngữ pháp : Câu điều kiện loại 2 + Hoàn thành các bài tập với câu điều kiện loại 2. Part 8C + Đọc hiểu, nghe và trả lời câu hỏi về tái sử dụng rác thải. + Nghe hiểu nội	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3	1, 2 Unit 8

	<p>Grammar: I wish</p> <p>Reading: A real danger</p> <p>Everyday English: Stimulus discussion</p> <p>Writing: An essay</p> <p>Language review</p>		<p>dung tổng quát các ý kiến về tái chế.</p> <p>+ Nói: thảo luận về việc tái chế Part 8D</p> <p>+ Học ngữ pháp : câu ước</p> <p>+ Nói: Thảo luận với bạn về những điều ước của bản thân, về những điều kiện không có thật. Part 8E</p> <p>+ Đọc hiểu, nghe và xác nhận thông tin đúng/sai về các vụ va chạm thiên thạch.</p> <p>+ Chiến lược: xem trước các minh họa liên quan đến bài đọc. Part 8F</p> <p>+ Thảo luận về những sự kiện gây quỹ</p> <p>+ Nghe các ưu nhược điểm của các hình thức gây quỹ. Part 8G</p> <p>+ Từ vựng liên quan đến vấn đề môi trường</p> <p>+ Ôn tập</p>		
7	<p>Unit 9 : Crime scene Vocabulary and listening: Crimes and criminals</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về</p>	<p>Part 9A</p> <p>+ Học từ vựng về các loại hình tội phạm và các loại tội phạm</p> <p>+ Nghe bản tin và xác định loại hình tội phạm</p> <p>+ Thảo luận nhóm</p>	<p>LO.1.1</p> <p>LO.1.2</p> <p>LO.2.1</p> <p>LO.2.2</p> <p>LO.2.3</p>	<p>1, 2</p> <p>Unit 9</p>

	<p>Grammar: Past perfect</p> <p>Culture: Outlaws</p> <p>Grammar: Reported speech</p> <p>Reading: High-tech crime</p> <p>Everyday English: Reporting a theft</p> <p>Writing: An email</p>	<p>nhà</p>	<p>về loại hình phạm tội nào là nguy hiểm nhất.</p> <p>Part 9B</p> <p>+ Ngữ pháp : thì quá khứ hoàn thành</p> <p>+ Hoàn thành bài tập với thì quá khứ hoàn thành</p> <p>+ Đọc và hoàn thành bài tập về câu chuyện ăn trộm trong cửa hàng.</p> <p>Part 9C</p> <p>+ Đọc hiểu và hoàn thành bài tập về huyền thoại Robin Hood.</p> <p>+ Nghe lấy thông tin chi tiết các ý kiến về trộm cắp và xác định câu đúng/ sai.</p> <p>Part 9D</p> <p>+ Học ngữ pháp: Câu gián tiếp và cách chuyển đổi giữa câu trực tiếp và gián tiếp.</p> <p>+ Hoàn thành các bài tập về câu gián tiếp.</p> <p>Part 9E</p> <p>+ Đọc bài báo và hoàn thành bài tập về tội phạm công nghệ.</p> <p>+ Nói: thảo luận về tội phạm mạng</p> <p>Part 9F</p> <p>+ Nghe tường thuật lại một vụ mất cắp.</p> <p>+ Thực hành nói: đóng vai thuật lại</p>		
--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

	Get ready for your exam		<p>một vụ mất cắp. + Từ vựng: đưa ra lời yêu cầu lịch sự. Part 9G + Viết một email gửi bạn bè để tường thuật lại một vụ phạm tội mà mình chứng kiến. Ôn tập</p>		
8	<p>Unit 10 : The written word Vocabulary and listening: Publications</p> <p>Grammar: The passive</p> <p>Culture: To be or not to be</p> <p>Grammar: The passive</p> <p>Reading: Vampire</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Part 10A + Từ vựng về các loại sách, báo. + Nghe: bảng hỏi và hoàn thành bài tập. Part 10B + Ngữ pháp : bị động (thì hiện tại và thì quá khứ đơn). + Hoàn thành bài tập với dạng bị động. Part 10C + Đọc đoạn văn về William Shakespeare và điền từ vào chỗ trống + Nghe lấy thông tin chi tiết 3 bài phỏng vấn và trả lời câu hỏi Part 10D + Học ngữ pháp: dạng câu bị động (thì hiện tại hoàn thành và thì tương lai). + Hoàn thành bài tập với dạng bị động. Part 10E</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3</p>	<p>1, 2 Unit 10</p>

	<p>stories</p> <p>Everyday English: Arranging to meet</p> <p>Writing: An informal letter</p> <p>Language review</p>		<p>+ Đọc đoạn văn về chủ đề ma cà rồng, xác định tiêu đề và trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Nghe bài hát Bloodletting và điền từ còn thiếu.</p> <p>+ Thảo luận về thể loại sách yêu thích và lý do</p> <p>Part 10F</p> <p>+ Nghe: Sắp xếp công việc để gặp gỡ người khác.</p> <p>+ Nói: Đóng vai một đôi bạn và làm theo các hướng dẫn cho sẵn (Sắp xếp công việc để gặp gỡ người khác).</p> <p>Part 10G</p> <p>+ Viết một bức thư thân mật cho bạn bè với các yêu cầu cho sẵn.</p> <p>Ôn tập</p>		
	Revision 2: U8-10		Ôn tập từ bài 8-10		1, 2
	Bài kiểm tra 2: Test 2 (U8-10) Test correction		Làm bài kiểm tra điều kiện số 2 Chữa bài kiểm tra		
9	FINAL REVISION		Ôn tập cuối khóa		1, 2

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước

- Tiếng Anh 1 Mã HP: 2315
- Tiếng Anh 2 Mã HP: 2316

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- Mục tiêu: Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)

+ Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ

+ Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ

+ Tích cực tham gia ý kiến

- Hình thức kiểm tra thường xuyên

+ Kiểm tra bài tập về nhà, bài tự học.

+ Bài nghe, nói /thảo luận, đọc, viết trên lớp.

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kì (Tuần 7, 11 của học kì)

+ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

+ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

+ Hình thức: Bài nghe và bài viết (bao gồm 3 kỹ năng: nghe, đọc, viết)

Thời gian và các dạng bài kiểm tra giữa kỳ: 2 tiết

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

Được thực hiện để đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng của sinh viên ở cả việc học trên lớp và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua bài kiểm tra, đánh giá 3 kỹ năng: nghe, đọc, viết.

- Mục đích

- Củng cố kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm của sinh viên, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và hình thành thái độ tích cực đối với môn học.

- Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và dạy cho phù hợp.

- Tiêu chí kiểm tra cuối kì

- Nắm được kiến thức và tổng kết được kiến thức đã học.

- Nắm được các kỹ năng và thể hiện được các kỹ năng giao tiếp theo chủ đề đã học.

- Lĩnh hội được kiến thức từ các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo.

- Hình thức kiểm tra cuối kỳ: Bài nghe và bài viết (bao gồm 3 kỹ năng nghe, đọc, viết)

- Nội dung: Gồm các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng và đọc hiểu của 12 tuần học.

Bài thi nghe: 20%

Bài thi đọc, viết: 80%

- Thời gian: 90 phút

- Đề thi theo ma trận đề thi

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần						
		LO1.1	LO1.2	LO.2.1	LO.2.2	LO.2.3	LO.3.1	LO.3.2
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X

2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)							
2.1.	Bài kiểm tra lần 1	X	X	X	X			
2.2.	Bài kiểm tra lần 2					X	X	X
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận
- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Nghỉ học quá 20% số tiết	Nghỉ học từ 11% → 19% số tiết	Nghỉ học từ 6% → 10% số tiết	Nghỉ học 1% → 5% số tiết	Đi học 100% số tiết	80%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	20%
Điểm trừ	Quy định 02 lần khiển trách hạ 1 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm

Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm
----------------	----------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Falla, T. & Davies, P.A.	2012	Solutions- Pre-Intermediate: Student's book (Unit 4-10)	Oxford University Press
2	Falla, T. & Davies, P.A.	2012	Solutions- Pre-Intermediate: Workbook (Unit 4-10)	Oxford University Press

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	John Hughes, Helen Stephenson Paul Dummet	2017	Life	National Geographic Learning
2	Mary Spratt, Alan Pulverness, Melanie Williams	2011	The TKT Course Modules 1,2	Cambridge University Press
3	Cambridge	2011	Cambridge English Preliminary English Test 6	Cambridge University Press
4	Cambridge	2012	Cambridge English Preliminary English Test 7	Cambridge University Press
5	Cambridge	2014	Cambridge English Preliminary English Test 8	Cambridge University Press

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TH	KT
1	Unit 4: Lights, camera, action Vocabulary and listening: At the cinema Grammar: Comparatives and superlatives Culture: Film fame Grammar: as...as, too, enough Reading: shaken and stirred Everyday English: Buying tickets	3	2	

	Writing: A film review Language review			
2	Unit 5 : Shopping Vocabulary and listening: At the shops Grammar: Present perfect Culture: street life Grammar: present perfect Reading: Bids to become famous Everyday English: making a complaint Writing: A formal letter Get ready for your exam	3	2	
3	Unit 6: How techie are you? Vocabulary and listening: electronic devices Grammar: will and going to Culture:Screen time Grammar: Zero conditional Reading: Brain waves Everyday English: Invitations Writing: messages Language review	3	2	
4	Unit 7: Around the world Vocabulary and listening: Body languages Grammar: Must, mustn't and needn't Culture: Giving and receiving Grammar: First conditional Reading: don't get fooled again Everyday English: giving advice and recommendations Writing: invitations Get ready for your exam	3	2	
5	REVISION 1 (U4-7)	2	1	
	Bài kiểm tra 1: TEST 1 (U4-U7)			1
	Test correction	1		
6	Unit 8: What if? Vocabulary and listening: Planet earth Grammar: Second conditional Culture: Rubbish Grammar: I wish Reading: A real danger Everyday English: Stimulus discussion Writing: An essay Language review	3	2	
7	Unit 9 : Crime scene Vocabulary and listening: Crimes and criminals Grammar: Past perfect Culture: Outlaws Grammar: Reported speech	4	2	

	Reading: High-tech crime Everyday English: Reporting a theft Writing: An email Get ready for your exam			
8	Unit 10 : The written word Vocabulary and listening: Publications Grammar: The passive Culture: To be or not to be Grammar: The passive Reading: Vampire stories Everyday English: Arranging to meet Writing: An informal letter Language review	5	2	
	Revision 2: U8-10	2		
	Bài kiểm tra 2: TEST 2 (U8-10)			1
	Test correction	1		
9	FINAL REVISION	2		

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Tiếng Anh 4

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ
2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:
 - 2.1. Giảng viên 1:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: huongntt@dhcd.edu.vn
 - 2.2. Giảng viên 2:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: thunt@dhcd.edu.vn
 - 2.3. Giảng viên 3:
 - Họ và tên giảng viên: Ngô Thị Thanh Vân
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: vanntt@dhcd.edu.vn
 - 2.4. Giảng viên 4:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Lan Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: huongnl@dhcd.edu.vn
 - 2.5. Giảng viên 5:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Hiên Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: huongnth@dhcd.edu.vn
 - 2.6. Giảng viên 6:
 - Họ và tên giảng viên: Ngô Cẩm Bình
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: binhnc@dhcd.edu.vn
 - 2.7. Giảng viên 7:
 - Họ và tên giảng viên: Phạm Phương Lan
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: lanpp@dhcd.edu.vn

2.8. Giảng viên 8:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Việt Phương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email:

phuongntv@dhcd.edu.vn

2.9. Giảng viên 9:

- Họ và tên giảng viên: Đinh Thị Lan
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: landt@dhcd.edu.vn

2.10. Giảng viên 10:

- Họ và tên giảng viên: Mai Thị Tình
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: tinhmt@dhcd.edu.vn

2.11. Giảng viên 11:

- Họ và tên giảng viên: Trịnh T. Thanh Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: thuyttt@dhcd.edu.vn

2.12. Giảng viên 12:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn An Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: giangna@dhcd.edu.vn

2.13. Giảng viên 13:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Quỳnh Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: anhng@dhcd.edu.vn

2.14. Giảng viên 14:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Phương Liên
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: lienntp@dhcd.edu.vn

2.15. Giảng viên 15:

- Họ và tên giảng viên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: huongpt@dhcd.edu.vn

2.16. Giảng viên 16:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Tầng 2 nhà B- Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: anhntk@dhcd.edu.vn

2.17. Giảng viên 17:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thu Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: : Phòng Quan hệ Quốc tế - Tầng 2 nhà A - ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-35334480 - Email: thuha@dhcd.edu.vn

2.18. Giảng viên 18:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Ngọc Lan
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Công tác Sinh viên - Tầng 1 nhà B- ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-35330367 - Email: lannn@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): TIẾNG ANH 4
- Tên (tiếng Anh): English Course for the Fourth Term
- Mã học phần: 2318

4. Số tín chỉ: 3

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 30
- Giờ thực hành/ thảo luận: 15
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 135

6. Mục tiêu của học phần:

+ Nhớ cách phát âm đúng các từ thông dụng, kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cách viết đoạn văn, kỹ năng đọc trong các chủ đề đã học.

+ Hiểu các dạng câu hỏi đặc biệt, câu hỏi có mục đích đặc biệt và cách trả lời câu hỏi có trong phần 1, phần 2, phần 5 và phần 6 của bài thi TOEIC.

+ Vận dụng vốn từ và kiến thức ngữ pháp đã học để mô tả tranh thông qua hoạt động nói ở câu hỏi 1, 2, 3 và hoạt động viết ở câu hỏi 1-5

+ Luyện tập theo dạng thức bài thi TOEIC

+ Đạt trình độ tương đương TOEIC 350 - 400 điểm.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		LO.4
LO.1.1	- Nhớ cách phát âm đúng và rõ ràng các từ tiếng Anh, các kiến thức ngữ pháp cơ bản và số lượng từ vựng cần thiết, các cấu trúc câu để sử dụng trong các hoạt động giao tiếp.	1	
LO.1.2	- Hiểu cách sử dụng trọng âm khi phát âm các âm tiết và từ, nhóm từ quan trọng, nhấn mạnh các từ được chú trọng trong câu, nghĩa của từ tiếng Anh thương mại để có thể thực hiện các dạng bài đọc, bài nghe theo dạng thức bài thi TOEIC.	2	
LO.1.3	- Sử dụng đúng ngữ điệu trong các câu trần thuật và	3	

	câu hỏi, các cấu trúc ngữ pháp cơ bản làm các bài tập theo dạng thức bài thi TOEIC một cách hiệu quả.		
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		LO.9
LO.2.1	Nhớ cách hình thành trật tự của câu trong khi viết	1	
LO.2.2	Hiểu cách sử dụng các tính từ, trạng từ, giới từ và liên từ phụ thuộc, câu hỏi mô tả bức tranh và ý nghĩa của đoạn văn ngắn và điền từ đúng vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn.	2	
LO.2.3	Sử dụng đúng đại từ nhân xưng làm chủ ngữ, danh từ chỉ người, vật, giới từ chỉ vị trí của người/vật trong bức tranh. Vận dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học vào các hoạt động đọc hiểu đơn giản như: hoàn thành câu (Incomplete Sentences) và hoàn thành đoạn văn (Text Completion) trong phần 5, và phần 6, giáo trình Longman Preparation series for the New TOEIC test- Intermediate course và luyện các bài tập theo dạng thức bài thi TOEIC.	3	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		LO.11
LO.3.1	Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học trong hoạt động giao tiếp tiếng Anh tại nơi làm việc.	2	LO.16
LO.3.2	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau và sử dụng tiếng Anh để phục vụ cho công việc chuyên môn sau này.	3	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng Anh học phần 4 gồm ba tín chỉ được phân bổ trong 12 tuần với các nội dung cơ bản sau:

- Phần nghe: gồm 2 phần (Part 1, 2).

Phần 1 (tả tranh): Nghe mô tả tranh về người và vật.

Phần 2 (hỏi – đáp): Nghe các câu hỏi về thời gian, người, quan điểm, lựa chọn, gợi ý, lý do và địa điểm.

- Phần đọc: Gồm 2 phần (Part 5, 6).

Phần 5: Hoàn thành câu với các hiện tượng ngữ pháp như: danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ, liên từ.

Phần 6 : Hoàn thành đoạn văn với các kiến thức ngữ pháp và từ vựng như: động từ khiếm khuyết, so sánh của tính từ, các câu so sánh, trạng từ chỉ tần suất, các thì của động từ.

- Phần nói: Sinh viên làm quen hoạt động nói cụ thể: đọc to 1 bài khóa về các chủ đề như du lịch, mua sắm, công việc, mô tả tranh về người hay các hoạt động hàng ngày như giải trí, đi ăn ở ngoài, làm các công việc nhà

- Phần viết: Viết câu đơn dựa vào tranh và từ hay cụm từ cho trước . Các bức tranh mô tả người tham gia các hoạt động như: gặp gỡ đồng nghiệp, làm việc tại văn phòng, nấu ăn, ăn ở nhà hay nhà hàng, sử dụng giao thông công cộng, đi du lịch, mua sắm, giải trí.....

- Học phần 4 tập trung phát triển kiến thức và 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và ngữ âm

nhằm giúp sinh viên làm quen và nắm vững kiến thức và kỹ năng làm bài thi TOEIC.

- Cuối mỗi phần đều có các bài thực hành để sinh viên luyện tập theo dạng thức bài thi TOEIC. Học phần này cũng nhằm góp phần chuẩn bị một số kiến thức và năng lực ngôn ngữ cho sinh viên học tiếp môn tiếng Anh học phần 5.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

TT	Các nội dung cơ bản	Phương pháp, hoạt động dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập
		Giảng viên	Sinh viên		
1	Listening: Part 1 – Photos Introducing Strategy overview Practice: Photos of people: Photo 1 - 3 + Language strategies + Test strategies	Giới thiệu nội dung, giải thích chiến lược làm bài; hướng dẫn SV làm các bài luyện; chữa bài tập	Đọc hướng dẫn, quan sát tranh, thảo luận, phát biểu, tập mô tả; làm các bài luyện nghe theo hướng dẫn của GV	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.3.1	
	Reading: Part 5 – Incomplete sentences Introducing Strategy Overview + Language strategies + Test strategies Word form: + Nouns Language Strategies Practice (pg. 72-73) + Verbs Language Strategies Practice (pg. 74-75) + Adjectives Language Strategies Practice (pg. 76-77) + Adverbs Language Strategies Practice (pg. 78-79)	Giới thiệu nội dung, giải thích chiến lược làm bài; hướng dẫn SV làm các bài luyện; chữa bài tập	Đọc hướng dẫn, học các chiến lược làm bài; trả lời các câu hỏi của GV, phát biểu, làm các bài luyện ngữ pháp theo hướng dẫn của GV	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.3.1 LO.3.2	
2	Speaking: Questions: 1 -2 - Introducing: Guide to the TOEIC Speaking Test (pg. 131- 136). - Quick guide : read a Text Aloud (pg. 137) - Walk through - Get it Right: Tips and Tasks for Answering Correctly : Pronunciation,	Giới thiệu nội dung, giải thích chiến lược làm bài; giảng lý thuyết, hướng dẫn SV làm các bài luyện;	Đọc hướng dẫn, tập đọc to một đoạn văn, học lý thuyết, làm các bài luyện phát âm, trọng âm và ngữ điệu theo hướng dẫn	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.3.1 LO.3.2	

	Stress and Intonation (pg. 138- 139)	chữa phát âm và trọng âm của SV.	của GV, phát biểu.		
	Writing: Questions: 1 -5 -Introducing: Guide to the TOEIC Writing Test (pg. 161- 166). - Quick guide - Walk through - Get it right (pg. 167 – 172)	Giới thiệu nội dung, giải thích chiến lược làm bài; giải thích các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng; hướng dẫn SV làm các bài luyện; chữa bài luyện.	Đọc hướng dẫn, quan sát tranh ảnh, học các chiến lược làm bài, tập viết câu, làm các bài luyện theo hướng dẫn của GV	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.3.1 LO.3.2	
	Listening: Part 1 – Photos Practice: Photos of things + Language strategies + Test strategies (Photos 4 – 6) - Photo Strategy Practice (pg .31 - 33)	Giới thiệu nội dung, giải thích chiến lược làm bài; hướng dẫn SV làm các bài luyện; chữa bài tập	Đọc hướng dẫn, quan sát tranh, thảo luận, phát biểu, tập mô tả tranh; làm các bài luyện nghe theo hướng dẫn của GV	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.3.1 LO.3.2	
3	Reading: Part 5 – Incomplete sentences Word form + Pronouns: Language Strategies Practice (pg. 80-81) Context: + Nouns: Test Strategies Practice (pg.82-83) + Verbs: Test Strategies Practice (pg. 84-85) + Adjectives: Test Strategies Practice(pg. 86-87)	Giới thiệu lại nội dung, giải thích lại chiến lược làm bài; hướng dẫn SV làm tiếp các bài luyện; chữa bài tập	Đọc hướng dẫn, ôn các chiến lược làm bài; làm tiếp các bài luyện theo hướng dẫn của GV	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3	Longman Preparation Series for the TOEIC Test
4	Speaking: Questions: 1 -2 Get it Right: Tips and Tasks for Answering Correctly (pg. 139 -146) + Pronunciation + Stress	Giảng lý thuyết, giải thích chiến lược làm bài; hướng dẫn	Đọc hướng dẫn, học lý thuyết, làm các bài luyện phát âm,	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3	Skills for the TOEIC Test

	+ Intonation + Pausing	SV làm các bài luyện; chỉnh ngữ điệu của SV, chữa bài luyện	trọng âm và ngữ điệu theo hướng dẫn của GV, phát biểu.		
	Writing: Questions :1 -5 Get it Right: Tips and Tasks for Answering Correctly (pg. 173 – 176) + Writing your response + Two – Clause responses	Giải thích các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng; hướng dẫn SV làm các bài luyện; chữa bài tập	Đọc hướng dẫn, quan sát tranh ảnh, học các chiến lược làm bài, tập viết câu mô tả tranh, làm các bài luyện theo hướng dẫn của GV	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3	Skills for the TOEIC Test
5	Listening: Part 2: Question – Response: Strategy overview Statements + Language strategy practice: Practice A, B, C, D + Test strategy practice: Practice E, (Practice pg.39) Occupations + Language strategy practice: Practice A, B, C, D + Test strategy practice: Practice E, (Practice pg.43)	Giới thiệu nội dung, giải thích chiến lược làm bài; hướng dẫn SV làm các bài luyện; chữa bài tập	Đọc hướng dẫn, học các chiến lược làm bài, làm các bài luyện nghe theo chủ đề dưới hướng dẫn của GV	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3	Longman Preparation Series for the TOEIC Test
	Reading:Part 5 – Incomplete Sentences Context + Adverbs: Test Strategies Practice (pg. 88-89) + Conjunctions: Test Strategies Practice (pg. 90-91) + Prepositions: Test Strategies Practice (pg. 92-93) Grammar tip	Hướng dẫn SV làm tiếp các bài luyện; chữa bài tập; giới thiệu các thủ thuật ngữ pháp và từ vựng	Đọc hướng dẫn, ôn các chiến lược làm bài; làm tiếp các bài luyện theo hướng dẫn của GV	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3	Longman Preparation Series for the TOEIC Test

	Vocabulary tip Strategy practice (pg. 95-98)				
6	Speaking: Questions: 1 -2 Progressive Practice : Get Ready Progressive Practice: Get Set Progressive Practice: Go for the TOEIC Test (pg. 147- 150)	Hướng dẫn SV làm tiếp các bài luyện; chỉnh phát âm, trọng âm và ngữ điệu của SV, chữa bài luyện	Đọc hướng dẫn, ôn lý thuyết, làm các bài luyện phát âm, trọng âm và ngữ điệu theo hướng dẫn của GV, phát biểu.	LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3	Skills for the TOEIC Test
	Writing: Questions:1 -5 Progressive practice: + Get ready + Get set + Go for the TOEIC test (pg. 177- 182)	Hướng dẫn SV làm tiếp các bài luyện viết kiểm tra tiến bộ; chữa bài luyện, hướng dẫn SV làm bài kiểm tra thử	Đọc hướng dẫn, quan sát tranh ảnh, ôn các chiến lược làm bài, tập viết câu, làm các bài luyện theo hướng dẫn của GV	LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3	Skills for the TOEIC Test
7	Listening : Part 2 Question – Response Activities: + Language strategy practice: Practice A, B, C, D + Test strategy practice: Practice E, (Practice pg.46) Time: + Language strategy practice: Practice A, B, C, D + Test strategy practice: Practice E, (Practice pg.50)	Hướng dẫn SV làm tiếp các bài luyện theo chủ đề; chữa bài tập	Đọc hướng dẫn, làm tiếp các bài luyện nghe theo chủ đề dưới hướng dẫn của GV	LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3	Longman Preparation Series for the TOEIC Test
	Reading : Part 6 - Text completion Introducing Strategy Overview + Language strategies + Test strategies Verb patterns: Language strategies: verb	Giới thiệu nội dung, giải thích ngữ pháp; hướng dẫn SV làm các bài luyện theo chủ đề;	Đọc hướng dẫn, học các chiến lược làm bài; trả lời các câu hỏi của GV, phát biểu, làm các bài	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3	Longman Preparation Series for the TOEIC Test

	<p>tenses + Present tenses Practice (pg. 101-102) + Past tenses Practice (pg. 103-104) + Future tenses Practice (pg. 105-106) + Modal auxiliaries Practice (pg. 107-108)</p>	chữa bài tập	luyện ngữ pháp theo hướng dẫn của GV		
	Test 1 (Listening + Reading)				
	<p>Listening : Part 2 Question-Response Location: + Language strategy practice: Practice A, B, C, D (pg. 51-53) + Test strategy practice: Practice E, (Practice pg.54) Reason: + Language strategy practice: Practice A, B, C, D (pg. 55-57) + Test strategy practice: Practice E, (pg.58)</p>	Hướng dẫn SV làm tiếp các bài luyện theo chủ đề; chữa bài tập	Đọc hướng dẫn, làm tiếp các bài luyện nghe theo chủ đề dưới hướng dẫn của GV	LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3	Longman Preparation Series for the TOEIC Test
8	<p>Reading: Part 6 - Text completion Modifier Choices Language Strategies + Adjectives: Comparative and superlative forms Practice (pg.110-111) + Adverbs of frequency Practice (pg. 112-113) + Verbal adjectives: Present and Past Participles Practice (pg. 114-115)</p>	Giới thiệu nội dung, giải thích ngữ pháp; hướng dẫn SV làm các bài luyện theo chủ đề; chữa bài tập	Đọc hướng dẫn, học các chiến lược làm bài; trả lời các câu hỏi của GV, phát biểu, làm các bài luyện ngữ pháp theo hướng dẫn của GV	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3	Longman Preparation Series for the TOEIC Test
9	<p>Listening : Part 2 Question-Response How: + Language strategy practice: Practice A, B, C, D (pg. 59-61) + Test strategy practice: Practice E,</p>	Hướng dẫn SV làm tiếp các bài luyện theo chủ đề; chữa bài tập	Đọc hướng dẫn, làm tiếp các bài luyện nghe theo chủ đề dưới hướng dẫn của GV	LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3	Longman Preparation Series for the TOEIC Test

	(PracticePg.62) Auxiliaries: + Language strategy practice: Practice A, B, C, D (pg. 63-65) + Test strategy practice: Practice E, (pg.66) Grammar tip Vocabulary tip Strategy review (pg. 68)				
	Speaking: Question 3 Describe a Picture Walk Through Get it Right: Tips and Tasks for Answering Correctly + Grammar and Vocabulary + Cohesion and Structuring a Response (pg. 151- 157)	Giới thiệu nội dung, giải thích chiến lược làm bài; giải thích các câu trúc ngữ pháp, từ vựng, hướng dẫn SV làm các bài luyện về ngữ pháp, chữa bài luyện	Đọc hướng dẫn, học phần lý thuyết và chiến lược làm bài, làm các bài luyện ngữ pháp theo hướng dẫn của GV.	LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3	Longman Preparation Series for the TOEIC Test
10	Reading: Part 6 - Text completion Context + Test strategies + Practice (pg. 117-118) Main idea and details + Test strategies + Practice (pg.119-121) Grammar tip Vocabulary tip Strategy practice (pg. 123- 127)	Hướng dẫn SV làm tiếp các bài luyện theo chủ đề; chữa bài tập, giới thiệu các thủ thuật ngữ pháp và từ vựng	Đọc hướng dẫn, học các chiến lược làm bài; trả lời các câu hỏi của GV, phát biểu, làm các bài luyện ngữ pháp theo hướng dẫn của GV	LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3	Longman Preparation Series for the TOEIC Test
	Speaking: Question 3 Progressive Practice : Get Ready Progressive Practice: Get Set (pg. 158 -159)	Hướng dẫn SV làm các bài luyện kiểm tra tiến bộ, chữa bài luyện	Làm các bài luyện kiểm tra tiến bộ theo hướng dẫn của GV, chữa bài tập	LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3	Skills for the TOEIC Test
11	Speaking: Questions 1-2, 3 Progressive Practice: Go for the TOEIC Test (pg. 160)	Hướng dẫn SV làm bài kiểm tra thử, chữa bài	Làm bài kiểm tra thử theo hướng dẫn của GV,	LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3	Skills for the TOEIC Test

	Revision		chữa bài.		
	Writing: Questions 1 -5 Further practice and consolidation				Skills for the TOEIC Test
	Test 2 (Speaking + Writing)				
12	Consolidations and Feedback	Hướng dẫn ôn tập, giải đáp thắc mắc của SV.	Ôn tập, nêu câu hỏi thắc mắc cho GV (nếu có)		Longman Preparation Series for the TOEIC Test *Skills for the TOEIC Test

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước

- Tiếng Anh 1 Mã HP: 2315
- Tiếng Anh 2 Mã HP: 2316
- Tiếng Anh 3 Mã HP: 2317

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- Mục tiêu: Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)

+ Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ

+ Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ

+ Tích cực tham gia ý kiến

- Hình thức kiểm tra thường xuyên

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kỳ (Tuần 8)

+ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

+ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

+ Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ)

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

+ Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.

+ Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề

+ Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.

Hình thức: Thi viết (90 phút)

Đề thi: Theo ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần							
		LO1.1	LO1.2	LO1.3	LO.2.1	LO.2.2	LO.2.3	LO 3.2	LO3.3
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)								
2.1.	Bài kiểm tra lần 1	X	X	X	X				
2.2.	Bài kiểm tra lần 2					X	X	X	X
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Nghỉ học quá 20% số tiết	Nghỉ học từ 11% → 19% số tiết	Nghỉ học từ 6% → 10% số tiết	Nghỉ học 1% → 5% số tiết	Đi học 100% số tiết	80%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia	Hiếm khi tham gia	Thỉnh thoảng	Thường xuyên phát	Tham gia phát biểu ý	20%

	hoạt động tại lớp	phát biểu xây dựng bài	tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	kiến thức cực, các đóng góp rất hiệu quả	
Điểm trừ	Quy định 02 lần khiển trách hạ 1 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

RUBRIC ĐIỂM THẢO LUẬN NHÓM				
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%

Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Lin Lougheed	2018	Longman Preparation Series for the TOEIC Test – Intermediate Course.	NXB Pearson Education, Inc.
2	Collins	2013	Skills for the TOEIC test – Speaking and Writing	NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm	Tên sách, giáo trình,	NXB, tên tạp chí/nơi ban
----	-------------	-----	-----------------------	--------------------------

		XB	tên bài báo, văn bản	hành VB
	John Hughes, Helen Stephenson Paul Dummet	2017	Life	National Geographic Learning
	Mary Spratt, Alan Pulverness, Melanie Williams	2011	The TKT Course Modules 1,2	Cambridge University Press
	Cambridge	2011	Cambridge English Preliminary English Test 6	Cambridge University Press
	Cambridge	2012	Cambridge English Preliminary English Test 7	Cambridge University Press
	Cambridge	2014	Cambridge English Preliminary English Test 8	Cambridge University Press

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

TT	Các nội dung cơ bản	Phân bổ thời gian		
		LT	TL/TH	KT
1	<p>Listening: Part 1 - Photos Introducing Strategy overview Photo 1: + Language strategies: Vocabulary What do you see? Analyze this + Test strategies: Prepositions and actions Similar sounds Extra practice Photo 2: + Language strategies: Vocabulary What do you see? Analyze this + Test strategies: Prepositions and actions Similar sounds Extra practice Photo 3 + Language strategies: Vocabulary What do you see?</p>	1		

	<p>Analyze this + Test strategies: Prepositions and actions Similar sounds Extra practice Kỹ năng Nghe: Phần 1 - Tả tranh Giới thiệu khái quát cấu trúc phần 1 bài thi nghe TOEIC. Giới thiệu các chiến lược ngôn ngữ và chiến lược làm bài thi nghe phần tả tranh (Tranh tả người). Hướng dẫn làm các bài luyện (bức tranh tả người 1-3).</p>			
	<p>Reading: Part 5 – Incomplete sentences Introducing Strategy Overview + Language strategies + Test strategies Word form: + Nouns Language Strategies Practice (pg. 72-73) + Verbs Language Strategies Practice (pg. 74-75) + Adjectives Language Strategies Practice (pg. 76-77) + Adverbs Language Strategies Practice (pg. 78-79) Kỹ năng Đọc: Phần 5 - Hoàn thành Câu - Giới thiệu khái quát cấu trúc Phần 5: Hoàn thành câu. - Giới thiệu tổng quát chiến lược (chiến lược ngôn ngữ, chiến lược làm bài) - Word form: Danh từ Chiến lược ngôn ngữ Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 72-73) - Word form: Động từ Chiến lược ngôn ngữ Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 74-75) - Word form: Tính từ Chiến lược ngôn ngữ Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 76-77) - Word form: Trạng từ Chiến lược ngôn ngữ Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 78-79)</p>	1	1	
2	<p>Speaking: Questions: 1- 2 - Introducing: Guide to the TOEIC Speaking Test (pg. 131- 136).</p>	1		

	<p>- Quick guide: Read a Text Aloud (pg. 137)</p> <p>- Walk through</p> <p>- Get it Right: Tips and Tasks for Answering Correctly (pg. 138- 139):</p> <p>+ Pronunciation</p> <p>+ Stress</p> <p>+ Intonation</p> <p>Kỹ năng Nói: Câu hỏi 1-2</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên đọc 1 đoạn văn to và rõ ràng.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên thực hành phát âm đúng và nhận diện những âm dễ nhầm lẫn.</p>			
	<p>Writing: Questions: 1-5</p> <p>- Introducing: Guide to the TOEIC Writing Test (pg. 161- 166).</p> <p>- Quick guide: Write a Sentence Based on a Picture (pg. 167)</p> <p>- Walk through: Write a Sentence Based on a Picture (pg. 168)</p> <p>- Get it right: Tips and Tasks for Answering Correctly (pg. 169- 172)</p> <p>+ Grammar and Vocabulary: Writing basic sentences</p> <p>+ Using Prepositions and Modifiers to Give Details.</p> <p>+ Using Function words</p> <p>Kỹ năng Viết: Câu hỏi 1-5</p> <p>+ Nhìn vào tranh và từ cho trước đặt câu.</p> <p>+ Ngữ pháp và từ vựng cần nắm vững các thủ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Kiến thức cơ bản trong việc viết câu đúng như theo qui tắc trật tự câu, trật tự từ đặc biệt là cấu trúc (Subject – verb - object ● Sử dụng chữ in hoa và dấu câu thích hợp. ● Nhận biết các đặc trưng ngữ pháp cơ bản để dùng trong câu: phải chọn cấu trúc câu đúng và thì của động từ. ● Dùng các giới từ để mô tả người hay vật ở đâu. ● Dùng các từ bỏ nghĩa để mô tả các từ khác và đưa ra chi tiết. ● Làm quen với các từ chức năng như các giới từ, liên từ và một số trạng từ.... 	1	1	
3	<p>Listening: Part 1- Photos</p> <p>Photos of things</p> <p>Photo 4:</p> <p>+ Context</p> <p>+ Language strategies:</p> <p>Vocabulary</p> <p>What do you see?</p> <p>Analyze this</p>	1		

<p>+ Test strategies: Prepositions and actions Similar sounds Photo 5: + Context + Language strategies: Vocabulary What do you see? Analyze this + Test strategies: Prepositions and actions Similar sounds Photo 6: + Context + Language strategies: Vocabulary What do you see? Analyze this + Test strategies: Prepositions and actions Similar sounds Extra practice Grammar tip Vocabulary tip Strategy Practice (pg. 31 - 33) Kỹ năng Nghe: Phần 1 - Tả tranh Giới thiệu các chiến lược ngôn ngữ và chiến lược làm bài thi nghe phần tả tranh (tranh sự vật, cảnh vật) Hướng dẫn làm các bài luyện (bức tranh 4-6). Giới thiệu các thủ thuật ngữ pháp và từ vựng khi làm bài nghe phần tả tranh (tr. 30) Hướng dẫn làm bài luyện về chiến lược làm phần tả tranh (tr. 31-33)</p>			
<p>Reading : Part 5 – Incomplete sentences Word form + Pronouns: Language Strategies Practice (pg. 80-81) Context: + Nouns: Test Strategies Practice (pg.82-83) + Verbs: Test Strategies Practice (pg. 84-85) + Adjectives: Test Strategies Practice(pg. 86-87) Kỹ năng Đọc: Phần 5 - Hoàn thành câu - Word form: Đại từ</p>	1	1	

	<p>Chiến lược làm bài thi Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 80-81) Context: + Danh từ trong ngữ cảnh Chiến lược làm bài thi Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 82-83) + Động từ trong ngữ cảnh Chiến lược làm bài thi Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 84-85) + Tính từ trong ngữ cảnh Chiến lược làm bài thi Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 86-87)</p>			
	<p>Speaking : Question 1- 2 Get it Right: Tips and Tasks for Answering Correctly (pg. 139 – 146): + Pronunciation + Stress + Intonation and Pausing - Giới thiệu về thủ thuật (tip) khi phát âm một từ, cần để ý đến số âm tiết của từ đó và trọng âm của từ đó để phát âm đúng. Kỹ năng Nói: Câu hỏi 1-2 - Giới thiệu về thủ thuật (tip) về trọng âm của từ trong các câu để nhấn mạnh thông tin hoặc chỉ sự tương phản. - Giới thiệu về thủ thuật (tip) dùng ngữ điệu đúng trong các câu trần thuật và câu hỏi.</p>	1		
4	<p>Writing: Questions: 1-5 - Get it Right: Tips and Tasks for Answering Correctly (pg. 173 – 176): + Writing your response + Two – Clause Responses + Relevancy Kỹ năng Viết: Câu hỏi 1-5 Writing your response (pg. 173) Nhận biết các thủ thuật: - Nhận biết khả năng kết hợp của các cặp từ như (noun + noun; verb + noun). - Nhận diện mối liên hệ giữa các từ đã cho và bức tranh. - Tìm kiếm các từ chức năng. Two – Clause Responses (pg. 175) - Thủ thuật tìm kiếm các liên từ (từ nối) như while, but, so..... Relevancy (pg. 176) Thủ thuật / mẹo đảm bảo phần viết đúng/ có liên quan với bức tranh.</p>	1	1	
5	Listening: Part 2 Question – Response:			

<p>Introducing Strategy overview Statements + Language strategy practice: Practice A, B, C, D (pg. 36-39) + Test strategy practice: (Practice E - pg.39) Occupations + Language strategy practice: Practice A, B, C, D(pg. 40-42) + Test strategy practice: (Practice E - pg.43) Kỹ năng Nghe: Phần 2 Hỏi - Đáp - Giới thiệu tổng quát các chiến lược làm phần nghe Hỏi – Đáp - Statements: Câu trần thuật + Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược ngôn ngữ (Bài luyện A, B, C, D – tr. 36-39). + Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược làm bài thi (Bài luyện E – tr. 39) - Occupations: câu hỏi Who + Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược ngôn ngữ (Bài luyện A, B, C, D – tr. 40-42). + Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược làm bài thi (Bài luyện E – tr. 43)</p>	1		
<p>Reading: Part 5 – Incomplete Sentences Context + Adverbs: Test Strategies Practice (pg. 88-89) + Conjunctions: Test Strategies Practice (pg. 90-91) + Prepositions: Test Strategies Practice (pg. 92-93) Grammar tip Vocabulary tip Strategy practice (pg. 95-98) Kỹ năng Đọc: Phần 5 - Hoàn thành câu - Chọn trạng từ phù hợp ngữ cảnh + Chiến lược làm bài thi + Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 88-89) - Chọn liên từ phù hợp ngữ cảnh + Chiến lược làm bài thi + Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 90-91) - Chọn giới từ phù hợp ngữ cảnh + Chiến lược làm bài thi + Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 92-93) - Giới thiệu các thủ thuật về ngữ pháp khi làm Phần 5 (tr. 94) - Giới thiệu các thủ thuật về từ vựng khi làm Phần 5 (tr. 94)</p>	1	1	

	- Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 95-98)			
6	<p>Speaking: Questions 1- 2</p> <p>- Progressive practice: Get ready, Get set and Go for the TOEIC test.</p> <p>*Get ready</p> <p>Kỹ năng Nói – Câu hỏi 1 - 2</p> <p>Ôn lại các cách phát âm, trọng âm và ngữ điệu để luyện tập.</p> <p>- Phần A (tr.147): Đọc đồng thời nghe băng sau đó đọc to cùng với băng.</p> <p>- Phần B (tr.148): Nghe các phần trả lời mẫu và đọc lại bài khóa ở phần A. Chú ý các phần được đánh dấu thể nào và các vấn đề phát âm của từ khi đọc. Sau đó nghe phần phát âm của các từ và cụm từ ở phần Text 1 và Text 2 (tr. 148) nhắc lại và thực hành.</p> <p>- Phần C (tr. 148): Đọc lại bài khóa ở phần A và ghi âm lại. So sánh phần phát âm với mẫu và ghi lại những lỗi phát âm chưa đúng hay những từ nhấn mạnh chưa đúng.</p> <p>- Phần D (tr. 148): Nghe lại phần đã ghi âm và tự đánh giá theo tiêu chí được đưa ra ở phần dưới.</p> <p>* Get set</p> <p>- Phần A (tr.149): Đọc trước đoạn văn, chú ý các từ gạch chân chú ý cách phát âm, trọng âm của từ và câu, ngữ điệu.</p> <p>- Phần B (tr.149): Nghe bài đọc mẫu và đọc lại bài khóa ở phần A. Đọc to và ghi âm lại. So sánh phần phát âm với mẫu và ghi lại những lỗi phát âm chưa đúng hay những từ nhấn mạnh chưa đúng.</p> <p>- Phần C (tr. 149): Nghe lại phần đã ghi âm và tự đánh giá theo tiêu chí được đưa ra ở phần dưới.</p> <p>*Go for the TOEIC test (tr.150)</p> <p>Vận dụng lý thuyết đã học, thực hành đọc to luyện phát âm, trọng âm và ngữ điệu.</p>	1	1	
	<p>Writing: Questions 1- 5</p> <p>Progressive practice: Get ready, Get set and Go for the TOEIC test</p> <p>Kỹ năng Viết – Câu hỏi 1-5</p> <p>Áp dụng lý thuyết vào làm bài tập:</p> <p>* Get ready</p> <p>- Phần A (tr.177): Nhìn vào các bức tranh và các cặp từ đã cho khoanh vào chức năng đúng của mỗi từ sau đó khoanh vào chủ ngữ, tân ngữ và động từ thích hợp với bức tranh.</p> <p>- Phần B (tr.178): Kiểm tra phần viết cho mỗi bức tranh, đối với những phần viết chưa đúng ghi cụ thể lỗi như: lỗi ngữ pháp, quên từ chính hay không liên quan</p>	1	1	

	<p>đến bức tranh.</p> <p>- Phần C (tr.178): Đặt câu cho các bức tranh ở phần A, dùng các cặp từ đã cho sau đó đánh giá bài viết ở phần C theo các tiêu chí được đưa ra ở phần D.</p> <p>* Get set</p> <p>- Phần A (tr.179): nhìn vào bức tranh và cặp từ đã cho hoàn thành thông tin.</p> <p>- Phần B (tr.180): đặt câu cho mỗi bức tranh bằng việc trả lời câu hỏi bằng câu hoàn chỉnh, dùng cả hai từ chính trong câu.</p> <p>- Phần C (tr.180): dựa vào các cặp từ mới đặt câu dựa vào các bức tranh sau đó đánh giá bài viết ở phần C theo các tiêu chí được đưa ra ở phần D.</p> <p>*Go for the TOEIC test(pg. 181- 182)</p> <p>Thực hành tổng hợp các phần đã đề cập trong bài theo dạng thức bài thi TOEIC.</p>			
7	<p>Listening: Part 2 Question – Response</p> <p>Activities:</p> <p>+ Language strategy practice: Practice A, B, C, D(pg. 43-46)</p> <p>+ Test strategy practice: (Practice E - pg.46)</p> <p>Time:</p> <p>+ Language strategy practice: Practice A, B, C, D(pg. 47-49)</p> <p>+ Test strategy practice: (Practice E - pg.50)</p> <p>Kỹ năng Nghe: Phần 2 - Hỏi – Đáp</p> <p>Activities: câu hỏi What</p> <p>+ Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược ngôn ngữ (Bài luyện A, B, C, D – tr. 43-46).</p> <p>+ Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược làm bài thi (Bài luyện E – tr. 46)</p> <p>- Time: câu hỏi When</p> <p>+ Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược ngôn ngữ (Bài luyện A, B, C, D – tr. 47-49).</p> <p>+ Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược làm bài thi (Bài luyện E – tr. 50)</p>	1	1	
	<p>Reading: Part 6 - Text completion</p> <p>Introducing Strategy Overview</p> <p>+ Language strategies</p> <p>+ Test strategies</p> <p>Verb patterns:</p> <p>Language strategies: verb tenses</p> <p>+ Present tenses</p> <p>Practice (pg. 101-102)</p> <p>+ Past tenses</p> <p>Practice (pg. 103-104)</p> <p>+ Future tenses</p>	1	1	

	<p>Practice (pg. 105-106) + Modal auxiliaries Practice (pg. 107-108) Kỹ năng Đọc: Phần 6 - Hoàn thành đoạn văn Giới thiệu tổng quát chiến lược phần 6 + Chiến lược ngôn ngữ + Chiến lược làm bài thi Động từ loại: các thì của động từ Hướng dẫn làm các bài luyện</p>			
	Kiểm tra kỹ năng Nghe và Đọc			1
8	<p>Listening: Part 2 Question-Response Location: + Language strategy practice: Practice A, B, C, D (pg. 51-53) + Test strategy practice: Practice E, (Practice pg.54) Reason: + Language strategy practice: Practice A, B, C, D (pg. 55-57) + Test strategy practice: Practice E, (pg.58) Kỹ năng Nghe: Phần 2 Hỏi – Đáp - Location: câu hỏi Where + Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược ngôn ngữ (Bài luyện A, B, C, D – tr. 51-53). + Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược làm bài thi (Bài luyện E – tr. 54) - Reason: câu hỏi Why + Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược ngôn ngữ (Bài luyện A, B, C, D – tr. 55-57). + Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược làm bài thi (Bài luyện E – tr. 58)</p>	1	1	
	<p>Reading: Part 6 - Text completion Modifier Choices Language Strategies + Adjectives: Comparative and superlative forms Practice (pg.110-111) + Adverbs of frequency Practice (pg. 112-113) + Verbal adjectives: Present and Past Participles Practice (pg. 114-115) Kỹ năng Đọc: Phần 6 - Hoàn thành đoạn văn - Lựa chọn bổ ngữ + Tính từ: Dạng so sánh hơn và so sánh nhất Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 110-111) + Trạng từ tần suất</p>	1	1	

	<p>Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 112-113) + Động tính từ: hiện tại phân từ và quá khứ phân từ. Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 114-115) + Ngữ cảnh Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 116-117)</p>			
9	<p>Listening: Part 2 Question-Response How: + Language strategy practice: Practice A, B, C, D (pg. 59-61) + Test strategy practice: Practice E, (Practice pg.62) Auxiliaries: + Language strategy practice: Practice A, B, C, D (pg. 63-65) + Test strategy practice: Practice E, (pg.66) Grammar tip Vocabulary tip Strategy review (pg. 68) Kỹ năng Nghe: Phần 2: Hỏi – Đáp How: câu hỏi How + Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược ngôn ngữ (Bài luyện A, B, C, D – tr. 59-61). + Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược làm bài thi (Bài luyện E – tr. 62) Auxiliaries: câu hỏi dùng trợ động từ + Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược ngôn ngữ (Bài luyện A, B, C, D – tr. 63-65). + Hướng dẫn làm bài luyện chiến lược làm bài thi (Bài luyện E – tr. 66) Giới thiệu các thủ thuật ngữ pháp và từ vựng khi làm bài nghe phần Hỏi - Đáp (tr. 67) Hướng dẫn làm bài luyện về chiến lược làm bài nghe phần Hỏi - Đáp (tr. 68)</p>	1	1	
	<p>Speaking: Question 3 Quick guide: Describe a picture (pg. 151) - Walk through: Describe a picture (pg. 152) - Get it right: Tips and Tasks for Answering Correctly (pg. 153- 157) + Grammar and Vocabulary + Cohesion and Structuring a Response Kỹ năng Nói : Câu hỏi 3 A What You'll See and Hear Hướng dẫn sinh viên mô tả 1 bức tranh về 1 hay nhiều người, cố gắng nhận diện chủ đề chính và chi tiết quan</p>	2	1	

	<p>trọng trong bức tranh. B What You'll Do Nhìn vào bức tranh ở phần A, đoán xem mọi người đang làm gì. Nghe và chú ý cách người nói mô tả. Chú ý cách phát âm, ngữ điệu và trọng âm. Get it right Yêu cầu của câu hỏi 3 ở phần kiểm tra nói câu trả lời được đánh giá theo tiêu chí giống như ở các câu hỏi 1 và 2 như phát âm, ngữ điệu và trọng âm. Trong phần này người nói được đánh giá thêm về việc sử dụng cấu trúc ngữ pháp, từ vựng và sự liên kết từ. - Ngữ pháp và từ vựng: để trả lời câu hỏi 3 hiệu quả, sinh viên cần biết từ vựng cơ bản (danh từ, tính từ, giới từ, động từ và trạng từ) và thể hiện khả năng dùng ngữ pháp đúng bằng các cấu trúc câu logic và mạch lạc. - Sự liên kết trong câu: đưa ra các thủ thuật sắp xếp câu trả lời rõ ràng và mạch lạc dễ hiểu. Thủ thuật dùng các trạng từ hoặc tính từ để mô tả sự chắc chắn hay không chắc chắn khi không chắc chắn về một vấn đề.</p>			
10	<p>Speaking : Question 3 Progressive practice: Get ready, Get set Kỹ năng Nói – Câu hỏi 3 Áp dụng lý thuyết của phần câu hỏi 3 để luyện tập: * Get ready (tr. 158) - Phần A (tr.158): Nhìn tranh và đánh số của các vật cạnh các từ đã cho. - Phần B (tr.158): Nghe cùng câu trả lời, khi nghe đánh số các câu từ 1 -6 theo thứ tự nghe được. - Phần C (tr.158): Tạo câu trả lời theo mẫu - Phần D (tr.158): Nghĩ về câu trả lời hay nghe lại phần ghi âm và tự đánh giá theo tiêu chí được đưa ra ở phần dưới. * Get set (tr.159) - Nhìn tranh và suy nghĩ cách mô tả sau đó nghe đoạn mô tả mẫu. Nghe lại đoạn mô tả mẫu để tìm câu trả lời cho các câu hỏi. Đánh số các câu hỏi từ 1 -8 theo đúng trật tự như câu trả lời được nhắc đến ở đoạn mẫu.</p>	2	1	
	<p>Reading: Part 6 - Text completion Test strategies + Context: word meaning; part of speech, pronoun, verb tense. + Practice (pg. 117-118) Main idea and details</p>	1	1	

	+ Test strategies + Practice (pg.119-121) Grammar tip Vocabulary tip Strategy practice (pg. 123-127) Kỹ năng Đọc: Phần 6 - Hoàn thành đoạn văn - Các chiến lược làm bài thi + Ngữ cảnh: chọn từ, từ loại, đại từ, thì của động từ cho phù hợp ngữ cảnh. + Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 117-118) - Ý chính và chi tiết + Các chiến lược làm bài + Hướng dẫn làm bài luyện (tr. 119-121) - Giới thiệu các thủ thuật ngữ pháp (tr. 122) - Giới thiệu các thủ thuật từ vựng (tr. 122) - Hướng dẫn làm bài luyện (tr.123-127)			
11	Speaking Progressive practice: Go for the TOEIC test (pg. 160) Revision Kỹ năng Nói Vận dụng kiến thức đã học ở bài trước nhìn vào các bức tranh đã cho và mô tả tranh chi tiết và rõ ràng. Ôn tập	4	1	
	Writing Kỹ năng Viết Hệ thống kiến thức đã học Luyện tập viết bài mô tả về thành phố hay làng quê. Thảo luận và giải đáp các thắc mắc.	2	1	
	Kiểm tra kỹ năng Nói và Viết			1
12	Tổng kết và phản hồi	2	0	

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Tiếng Anh 5

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ
2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:
 - 2.1. Giảng viên 1:
 - Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B-Trường Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: huongntt@dhcd.edu.vn
 - 2.2. Giảng viên 2:
 - Họ tên giảng viên: Nguyễn Lan Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- Đại học Công đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: huongnl@dhcd.edu.vn
 - 2.3. Giảng viên 3:
 - Họ tên giảng viên: Nguyễn Thị Hiền Hương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: huongnth@dhcd.edu.vn
 - 2.4. Giảng viên 4:
 - Họ tên giảng viên: Ngô Cẩm Bình
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 -Email: binhnc@dhcd.edu.vn
 - 2.5. Giảng viên 5:
 - Họ tên giảng viên: Phạm Phương Lan
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: lanpp@dhcd.edu.vn
 - 2.6. Giảng viên 6:
 - Họ tên giảng viên: Nguyễn Thị Việt Phương
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
 - Điện thoại: 024-38574148 - Email: phuongntv@dhcd.edu.vn
 - 2.7. Giảng viên 7:
 - Họ tên giảng viên: Đinh Thị Lan
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: landt@dhcd.edu.vn

2.8. Giảng viên 8:

- Họ tên giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Anh
- Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: anhntk@dhcd.edu.vn

2.9. Giảng viên 9:

- Họ tên giảng viên: Mai Thị Tình
- Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: tinhmt@dhcd.edu.vn

2.10. Giảng viên 10:

- Họ tên giảng viên: Trịnh T. Thanh Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: thuyttt@dhcd.edu.vn

2.11. Giảng viên 11:

- Họ tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu
- Chức danh, học hàm, học vị : Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: thunt@dhcd.edu.vn

2.12. Giảng viên 12:

- Họ tên giảng viên : Nguyễn An Giang
- Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: giangna@dhcd.edu.vn

2.13. Giảng viên 13:

- Họ tên giảng viên: Ngô Thị Thanh Vân
- Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: vanntt@dhcd.edu.vn

2.14. Giảng viên 14:

- Họ tên giảng viên: Nguyễn Quỳnh Anh
- Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: anhnq@dhcd.edu.vn

2.15. Giảng viên 15:

- Họ tên giảng viên: Nguyễn Thị Phương Liên
- Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: lienntp@dhcd.edu.vn

2.16. Giảng viên 16:

- Họ tên giảng viên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: huongpt@dhcd.edu.vn

2.17. Giảng viên 17:

- Họ tên giảng viên: Nguyễn Ngọc Lan
- Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: lanngn@dhcd.edu.vn

2.18. Giảng viên 18:

- Họ tên giảng viên: Nguyễn Thu Hà
- Chức danh, học hàm, học vị : Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Quan hệ Quốc tế - Tầng 2 nhà B- ĐH Công Đoàn
- Điện thoại: 024-38574148 - Email: thuha@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần:

- Tên (tiếng Việt): TIẾNG ANH 5
- Tên (tiếng Anh): English 5
- Mã học phần: 2319

4. Số tín chỉ: 3

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 30
- Giờ thực hành/ thảo luận: 15
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 135

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên có kiến thức về từ vựng tiếng Anh dùng trong giao tiếp và các tình huống kinh doanh, thương mại, thường xuất hiện trong các bài thi TOEIC, vận dụng được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản và nâng cao và các thủ thuật khác nhau để làm bài thi TOEIC, tự đánh giá và phát triển được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, nói và viết để làm bài thi TOEIC một cách hiệu quả. Đạt trình độ tương đương TOEIC 450 - 500 điểm.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
LO.1.1	Hiểu và vận dụng được các chiến lược nghe hội thoại (phần 3); các chiến lược đọc hiểu; thủ thuật đọc lướt (skimming) lấy ý chính; đọc lấy thông tin cụ thể (scanning); nhận biết từ đồng nghĩa, thủ thuật đoán nghĩa của từ qua ngữ cảnh và các chiến lược đọc nhanh.	2	LO.4
LO.1.2	- Vận dụng được các chiến lược và cách thức trả lời câu hỏi 4-6 trong bài thi Nói TOEIC. - Phân tích được các yêu cầu của câu hỏi 6 -7 trong đề thi	3	

	Viết của TOEIC. Trả lời được các thư điện tử liên quan đến những chủ đề khác nhau.		
LO.1.3	- Phân tích được các chiến lược nghe hội thoại, trả lời câu hỏi “Where”. - Phân tích được các dạng bài đọc hiểu, vận dụng được các chiến lược đọc hiểu mẫu văn bản đa dạng; thủ thuật đọc lướt lấy ý chính (skimming); đọc lấy thông tin cụ thể (scanning) dựa trên các câu hỏi đọc hiểu, thủ thuật đoán nghĩa của từ mới qua ngữ cảnh. Các chiến lược đọc nhanh các dạng mẫu đơn đăng ký.	4	
LO.1.4	- Đánh giá, đưa ra quan điểm cá nhân, giải thích, đề xuất cũng như đưa ra lý do trong bài thi nói TOEIC, câu hỏi 4-6. - Phân tích và vận dụng được các yêu cầu khi trả lời thư điện tử.	5	
LO.1.5	- Đánh giá và phân tích được cấu trúc phần 4 của bài thi TOEIC. Có khả năng tự học, tự vận dụng được các chiến lược nghe đoạn nói ngắn (TALKS) và thủ thuật chọn phương án đúng cho các câu hỏi. - Đánh giá và phân tích được đặc điểm, yêu cầu của câu hỏi 7- 9 trong bài thi Nói TOEIC, vận dụng linh hoạt các cụm từ dùng để xác nhận đã nghe được câu hỏi; sắp xếp thời gian trả lời; mở đầu cho phần trả lời; các cách nói về thời gian, ngày tháng, địa điểm và giá cả. Đánh giá được các cách thức trả lời dựa trên thông tin cung cấp ở các chủ đề khác nhau.	5	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
LO.2.1	Nhớ được các kỹ năng cần có khi nghe đoạn hội thoại (Conversations) và bài nói chuyện ngắn (Talks) để xác định phương án trả lời đúng nhất. Nhớ được các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong những tình huống về chủ đề hàng ngày; Nhớ được các kỹ năng đọc lướt và nhận biết được các thông tin bao quát của văn bản; kỹ năng đọc kỹ và hiểu được các thông tin chi tiết trong văn bản; kỹ năng đọc hiểu và suy luận. Nhớ được kỹ năng Viết thư điện tử (email), sử dụng các loại câu đúng ngữ pháp, dùng từ nối phù hợp; sử dụng từ vựng phù hợp với văn phong, ngữ cảnh của bài viết; đọc e-mail và trả lời thành thạo các e-mail	1	LO.9
LO.2.2	Vận dụng các kỹ năng đã học để làm được bài thi TOEIC 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết.	3	
LO.2.5	Đánh giá được sự tiến bộ trong việc thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết của bản thân người học và các bạn cùng lớp.	5	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.2	Có năng lực tự chủ trong việc vận dụng các kỹ năng và kiến thức tiếng Anh để làm việc ở môi trường hội nhập quốc tế,	3	LO.11 LO.16

	có thể giao tiếp với người nước ngoài.		
LO.3.3	Có năng lực phân tích, phản biện, thuyết trình bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề khác nhau trong cuộc sống thường ngày và tại nơi làm việc.	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên có kiến thức về từ vựng tiếng Anh dùng trong giao tiếp và các tình huống kinh doanh, thương mại, thường xuất hiện trong các bài thi TOEIC, vận dụng được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản và nâng cao và các thủ thuật khác nhau để làm phần nghe Part 3; Part 4; phần đọc Part 7; trả lời các câu hỏi 4-9 phần nói và câu hỏi 6-7 trong đề thi Viết của bài thi TOEIC, tự đánh giá và phát triển được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, nói và viết để làm bài thi TOEIC một cách hiệu quả.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp, hoạt động dạy&học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Giảng viên	Sinh viên		
1	Nội dung 1 (Tuần 1) 1.1. Listening: Part 3. Conversations Strategy overview 1.1.2. Occupations 1.2. Reading: Part 7– Reading comprehension + Activities Bài tập Nội dung 1	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, làm việc theo cặp/nhóm, giao bài về nhà	Đọc TLTK Làm BT Nội dung 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.1 LO.2.1	
2	Nội dung 2 (Tuần 2) 2.1. Speaking: Questions 4-6: 2.1.1. Quick guide 2.1.2. Walk through 2.1.3. Get it right (understand the questions) 2.2. Writing (Questions 6-7) 2.2.1. Quick guide 2.2.2. Walk through 2.2.3. Get it right (understanding the e-mail and the questions) Bài tập Nội dung 2	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Đọc TLTK Làm BT Nội dung 2 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.2 LO.2.1	
3	Nội dung 3 (Tuần 3) 3.1. Listening: Conversations	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi	Đọc TLTK Làm BT Nội dung 3	LO.1.1 LO.1.3 LO.2.1	

	<p>3.1.1. Time 3.1.2. Locations 3.2. Reading – Part 7 3.2.1. Forms 3.2.2. Letters, e-mails, faxes, and memos Bài tập Nội dung3</p>	<p>mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>		
4	<p>Nội dung 4 (Tuần 4) 4.1. Speaking (Questions 4-6) + Structuring your response 4.2. Writing (Questions 6-7) + Structuring your response Bài tập Nội dung4</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK Làm BT Nội dung 4 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.2 LO.2.1</p>	
5	<p>Nội dung 5 (Tuần 5) 5.1. Listening: Conversations 5.1.1. Reasons 5.1.2. Meaning in context 5.1.3. Test strategies 5.2. Reading – Part 7 5.2.1. Tables, indexes and charts 5.2.2. Instructions and Notices 5.2.3. Text message chains and online chat discussions Bài tập Nội dung 5</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK Làm BT nội dung 5 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.1 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2</p>	
6	<p>Nội dung 6 (Tuần 6) 6.1. Speaking (Questions 4-6) + Progressive practice: Get ready 6.2. Writing (Questions 6-7) + Progressive practice: Get ready Bài tập Nội dung6</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK Làm BT Nội dung 6 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.2 LO.1.4 LO.2.1 LO.2.2</p>	

7	<p>Nội dung 7 (Tuần 7)</p> <p>7.1. Reading</p> <p>7.1.1. Grammar tip</p> <p>7.1.2. Vocabulary tip</p> <p>7.1.3. Strategy Practice</p> <p>7.2. Listening: Conversations</p> <p>7.2.1. Grammar tip</p> <p>7.2.2. Vocabulary tip</p> <p>7.2.3. Strategy Practice</p> <p>7.2.4. Bài kiểm tra số 1 (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</p> <p>Bài tập Nội dung 7</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm BT nội dung 7</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài 7.1; 7.2.</p> <p>Làm bài kiểm tra số 1</p>	<p>LO.1.1</p> <p>LO.1.3</p> <p>LO.2.1</p> <p>LO.2.2</p> <p>LO.2.5</p>	
8	<p>Nội dung 8 (Tuần 8)</p> <p>8.1. Listening: TALKS</p> <p>8.1.1. Advertisement</p> <p>8.1.2. Weather</p> <p>8.1.3. News</p> <p>8.2. Speaking– Questions 7-9</p> <p>8.2.1. Quick guide</p> <p>8.2.2. Walk through</p> <p>Bài tập Nội dung 8</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm BT nội dung 8</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.1</p> <p>LO.1.3</p> <p>LO.1.2</p> <p>LO.1.5</p> <p>LO.2.1</p> <p>LO.2.2</p>	
9	<p>Nội dung 9 (Tuần 9)</p> <p>9.1. Listening: TALKS</p> <p>9.1.1. Phone messages</p> <p>9.1.2. Special announcements</p> <p>9.1.3. Business announcements</p> <p>9.2. Writing (Questions 6-7)</p> <p>9.2.1. Progressive practice: Get set</p> <p>9.2.2. Go for TOEIC test</p> <p>Bài tập Nội dung 9</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm BT nội dung 9</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.1</p> <p>LO.1.3</p> <p>LO.1.2</p> <p>LO.1.4</p> <p>LO.2.1</p> <p>LO.2.2</p> <p>LO.2.5</p>	
10	<p>Nội dung 10 (Tuần 10)</p> <p>10.1. Listening: TALKS-</p> <p>10.1.1. Test strategies</p> <p>10.1.2. Grammar tip</p> <p>10.1.3. Vocabulary tip</p> <p>10.1.4. Strategy Practice</p> <p>10.1.5. Listening</p> <p>Comprehension Review – Part 4</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm BT nội dung 10</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.1</p> <p>LO.1.3</p> <p>LO.1.4</p> <p>LO.1.5</p> <p>LO.2.1</p> <p>LO.2.2</p> <p>LO.2.5</p>	

	10.2. Speaking– Questions 7-9: Get it right Bài tập Nội dung 10				
11	Nội dung 11 (Tuần 11) 11.1. Speaking (Questions 7-9) + Progressive practice: Get ready, Get set and Go for the TOEIC test 11.2. Speaking + Writing (Mid- term Test 2) Bài tập Nội dung 11	Giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Đọc TLTK Làm BT nội dung 11.1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài nội dung 11.1 Làm bài kiểm tra 2	LO.1.2 LO.1.4 LO.2.1 LO.2.2 LO.2.5 LO.3.1 LO.3.2	
12	Nội dung 12 (Tuần 12) Kiểm tra (Speaking TEST (Questions 7-9)		Làm bài kiểm tra nói (với những sinh viên chưa làm ở tuần 11)	LO.2.1 LO.2.2 LO.2.5 LO.3.1 LO.3.2	

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước

- Tiếng Anh 1 Mã HP: 2315
- Tiếng Anh 2 Mã HP: 2316
- Tiếng Anh 3 Mã HP: 2317
- Tiếng Anh 4 Mã HP: 2318

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- Mục tiêu: Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)

+ Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ

+ Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ

+ Tích cực tham gia ý kiến

- Hình thức kiểm tra thường xuyên

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kì (Tuần 7 – Bài kiểm tra 1; Tuần 11 + 12: Bài kiểm tra 2)

+ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

+ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định các kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ cần nắm vững. Bày tỏ quan điểm cá nhân, truyền đạt lại thông tin một rõ ràng, mạch lạc, logic. Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

+ Hình thức: Bài làm viết (Kỹ năng Đọc và Nghe) trên lớp (2 tiết), bài kiểm tra Nói (2 tiết)

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần										
		LO1.1	LO1.2	LO1.3	LO1.4	LO1.5	LO2.1	LO2.2	LO2.5	LO3.2	LO3.3	
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)											
2.1	Bài kiểm tra lần 1	X	X	X			X	X		X		
2.2	Bài kiểm tra lần 2				X	X			X		X	
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

- Các kỹ thuật đánh giá:

+ Xác định các kiến thức (về ngữ pháp; ngữ âm; từ vựng tiếng Anh) và kỹ năng ngoại ngữ (Nghe, Nói, Đọc, Viết) theo tiêu chí đánh giá của 1 bài thi TOEIC.

+ Vận dụng các chiến lược làm bài thi TOEIC.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.

- Hình thức: Thi viết (90 phút)-Trắc nghiệm khách quan

- Đề thi: Theo ma trận đề thi.

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Nghỉ học quá 20% số tiết	Nghỉ học từ 11% →19% số tiết	Nghỉ học từ 6% → 10% số tiết	Nghỉ học 1% →5% số tiết	Đi học 100% số tiết	80%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	20%
Điểm trừ	Quy định 02 lần khiển trách hạ 1 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Lin Lougheed	2018	Longman Preparation Series for the TOEIC Test – Intermediate course	Pearson Education
2	Collins	2012	Skills for the TOEIC test – Speaking and Writing	Harper Collins Publishers Ltd

11.2. Danh mục liệu tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	John Hughes, Helen Stephenson Paul Dummet	2017	Life	National Geographic Learning
	Mary Spratt, Alan Pulverness, Melanie Williams	2011	The TKT Course Modules 1,2	Cambridge University Press
	Cambridge	2011	Cambridge English Preliminary English Test 6	Cambridge University Press
	Cambridge	2012	Cambridge English Preliminary English Test 7	Cambridge University Press
	Cambridge	2014	Cambridge English Preliminary English Test 8	Cambridge University Press

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL/TH	KT
1	Nội dung 1 (Tuần 1) 1.1. Listening: Part 3. Conversations Strategy overview 1.1.2. Occupations 1.2. Reading: Part 7 – Reading comprehension + Activities Bài tập Nội dung 1	3	1	
2	Nội dung 2 (Tuần 2) 2.1. Speaking: Questions 4-6: 2.1.1. Quick guide 2.1.2. Walk through 2.1.3. Get it right (understand the questions) 2.2. Writing (Questions 6-7) 2.2.1. Quick guide 2.2.2. Walk through 2.2.3. Get it right (understanding the e-mail and the questions)	2	2	

	Bài tập Nội dung2			
3	Nội dung 3 (Tuần 3) 3.1. Listening: Conversations 3.1.1. Time 3.1.2. Locations 3.2. Reading – Part 7 3.2.1. Forms 3.2.2. Letters, e-mails, faxes, and memos Bài tập Nội dung3	3	1	
4	Nội dung 4 (Tuần 4) 4.1. Speaking (Questions 4-6) + Structuring your response 4.2. Writing(Questions 6-7) + Structuring your response Bài tập Nội dung4	2	1	
5	Nội dung 5 (Tuần 5) 5.1. Listening: Conversations 5.1.1. Reasons 5.1.2. Meaning in context 5.1.3. Test strategies 5.2. Reading– Part 7 5.2.1. Tables, indexes and charts 5.2.2. Instructions and Notices 5.2.3. Text message chains and online chat discussions Bài tập Nội dung 5	3	2	
6	Nội dung 6 (Tuần 6) 6.1. Speaking (Questions 4-6) + Progressive practice: Get ready 6.2. Writing(Questions 6-7) + Progressive practice: Get ready Bài tập Nội dung6	2	1	
7	Nội dung 7 (Tuần 7) 7.1. Reading 7.1.1. Grammar tip 7.1.2. Vocabulary tip 7.1.3. Strategy Practice 7.2. Listening: Conversations 7.2.1. Grammar tip 7.2.2. Vocabulary tip 7.2.3. Strategy Practice 7.2.4. Bài kiểm tra số 1 (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra) Bài tập Nội dung 7	3	2	1
8	Nội dung 8 (Tuần 8) 8.1. Listening: TALKS 8.1.1. Advertisement	2	1	

	8.1.2. Weather 8.1.3. News 8.2. Speaking– Questions 7-9 8.2.1. Quick guide 8.2.2. Walk through Bài tập Nội dung 8			
9	Nội dung 9 (Tuần 9) 9.1. Listening: TALKS 9.1.1. Phone messages 9.1.2. Special announcements 9.1.3. Business announcements 9.2. Writing(Questions 6-7) 9.2.1. Progressive practice: Get set 9.2.2. Go for TOEIC test Bài tập Nội dung 9	2	1	
10	Nội dung 10 (Tuần 10) 10.1. Listening: TALKS 10.1.1. Test strategies 10.1.2. Grammar tip 10.1.3. Vocabulary tip 10.1.4. Strategy Practice 10.1.5. Listening Comprehension Review – Part 4 10.2. Speaking– Questions 7-9: Get it right Bài tập Nội dung 10	2	1	
11	Nội dung 11 (Tuần 11) 11.1. Speaking (Questions 7-9) + Progressive practice: Get ready, Get set and Go for the TOEIC test 11.2. Speaking + Writing(Mid- term Test 2) Bài tập Nội dung 11	2	1	
12	Nội dung 12 (Tuần 12) Kiểm tra (Speaking TEST (Questions 7-9)	2	1	1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Tiếng Anh 6

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ
2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:
 - 2.1. Giảng viên 1:
Họ tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu Hương
Chức danh, học hàm, học vị : Tiến sĩ
Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Trường Đại học Công Đoàn
Điện thoại: 84-4-38574148
Email : huongntt@dhcd.edu.vn
 - 2.2. Giảng viên 2:
Họ tên giảng viên: Nguyễn Lan Hương
Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn
Điện thoại: 84-4-38574148
Email: huongnl@dhcd.edu.vn
 - 2.3. Giảng viên 3:
Họ tên giảng viên: Nguyễn Thị Hiền Hương
Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn
Điện thoại: 84-4-38574148
Email: huongnth@dhcd.edu.vn
 - 2.4. Giảng viên 4:
Họ tên giảng viên: Ngô Cẩm Bình
Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn
Điện thoại: 84-4-38574148
Email: binhnc@dhcd.edu.vn
 - 2.5. Giảng viên 5:
Họ tên giảng viên: Phạm Phương Lan
Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn
Điện thoại: 84-4-38574148
Email: lanpp@dhcd.edu.vn
 - 2.6. Giảng viên 6:
Họ tên giảng viên: Nguyễn Thị Việt Phương
Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ
Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn
Điện thoại: 84-4-38574148

Email: phuongntv@dhcd.edu.vn

2.7. Giảng viên 7:

Họ tên giảng viên: Đinh Thị Lan

Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn

Điện thoại: 84-4-38574148

Email: landt@dhcd.edu.vn

2.8. Giảng viên 8:

Họ tên giảng viên: Mai Thị Tình

Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn

Điện thoại: 84-4-38574148

Email: tinfmt@dhcd.edu.vn

2.9. Giảng viên 9:

Họ tên giảng viên: Ngô Thị Thanh Vân

Chức danh, học hàm, học vị : Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ : Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn

Điện thoại: 84- 4-38574148

Email: vanntt@dhcd.edu.vn

2.10. Giảng viên 10:

Họ tên giảng viên: Trịnh T. Thanh Thủy

Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn

Điện thoại: 84- 4-38574148

Email: thuyltt@dhcd.edu.vn

2.11. Giảng viên 11:

Họ tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu

Chức danh' học hàm, học vị : Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn

Điện thoại: 84- 4-38574148

Email: thunt@dhcd.edu.vn

2.12. Giảng viên 12:

Họ tên giảng viên : Nguyễn An Giang

Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ : Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn

Điện thoại :84- 4-38574148

Email: giangna@dhcd.edu.vn

2.13. Giảng viên 13:

Nguyễn Quỳnh Anh

Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ : Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn

Điện thoại: 84- 4-38574148

Email: anhng@dhcd.edu.vn

2.14. Giảng viên 14:

Họ tên giảng viên: Nguyễn Thị Phương Liên

Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn

Điện thoại: 84-4-38574148

Email: lienntp@dhcd.edu.vn

2.15. Giảng viên 15:

Họ tên giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Anh

Chức danh, học hàm, học vị : Cử nhân

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn

Điện thoại: 84-4-38574148

Email: anhntk@dhcd.edu.vn

2.16. Giảng viên 16:

Họ tên giảng viên: Phạm Thị Hương

Chức danh, học hàm, học vị : Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ- Trường Đại học Công Đoàn

Điện thoại: 84-4-38574148

Email: huongpt@dhcd.edu.vn

2.17. Giảng viên 17:

Họ tên giảng viên: Nguyễn Thu Hà

Chức danh, học hàm, học vị : Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Phòng Quan hệ quốc tế - Trường Đại học Công Đoàn

Điện thoại: 84- 4-38574148

Email: thuha@dhcd.edu.vn

2.18. Giảng viên 18:

Họ tên giảng viên: Nguyễn Ngọc Lan

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Phòng Công tác sinh viên - Trường Đại học Công Đoàn

Điện thoại: 84- 4-38574148

Email: lann@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Tiếng Anh 6

- Tên (tiếng Anh): English 6

- Mã học phần: 2320

4. Số tín chỉ: 3

5. Cấu trúc học phần: Tiếng Anh 6

- Giờ lý thuyết: 30

- Giờ thực hành/ thảo luận: 15

- Giờ báo cáo thực tế: 0

- Giờ tự học: 135

6. Mục tiêu của học phần:

Kết thúc học phần Tiếng Anh 6, sinh viên có thể:

+ Xác định được nội dung một đoạn thông điệp đã nghe, giải thích được vấn đề và đề xuất được giải pháp cho vấn đề đó.

+ Đề xuất được quan điểm cá nhân (tán thành hoặc phản đối) về một chủ đề, giải thích lựa chọn đó hoặc thảo luận về chủ đề đó.

+ Phân tích được bố cục, cách viết và tiêu chí đánh giá bài luận thể hiện quan điểm cá nhân.

+ Xây dựng được một bài luận tối thiểu 300 từ bày tỏ quan điểm về một trong các chủ đề đã học.

+ Đạt trình độ tương đương TOEIC 500 - 600 điểm (Nghe – Đọc) và 200 điểm (Nói –

Viết)

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức ngôn ngữ		LO.4
LO.1.1	Ngữ âm		
	Phát âm chính xác từ	2	
	Sử dụng trọng âm khi phát âm vào các âm tiết và từ, nhóm từ quan trọng	2	
	Nhấn giọng vào các từ khi đọc các câu, đoạn quan trọng	3	
	Phát âm liền mạch liên kết giữa các từ	3	
LO.1.2	Ngữ pháp		
	Vận dụng thì của động từ, giới từ, mạo từ, cụm từ và mệnh đề... thuần thục và chính xác vào các kỹ năng ngôn ngữ đọc-viết- nói-nghe	3	
	Tổng hợp và giải thích được các chủ đề ngữ pháp đã học	4	
	Xây dựng được câu, đoạn đúng ngữ pháp về chủ đề được yêu cầu	4	
LO.1.3	Từ vựng		
	Hiểu được nội dung các đoạn văn hoặc bài khóa, các văn bản thường dùng trong cuộc sống giao tiếp hàng ngày cũng như trong công việc	2	
	Hiểu và vận dụng được từ vựng của các chủ đề đã học vào các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết	3	
	Tổ chức và sắp xếp được các từ, cấu trúc đã học cho một nhiệm vụ cụ thể	3	
	Xây dựng được một bài nói, viết... dựa trên vốn từ và cấu trúc đã học	3	
LO.2	Chuẩn về kỹ năng		
LO.2.1	Kỹ năng nghe		LO.9
	Hiểu được nội dung văn bản diễn đạt bằng tiếng Anh	2	
	Xác định được các cách phát âm trong các đoạn hội thoại thực tế hàng ngày với tốc độ nói chậm hay với tốc độ nhanh một cách tự nhiên trong các đoạn hội thoại	2	
	Phân biệt được cách sử dụng tiếng Anh để giao tiếp tự nhiên trong văn phòng, doanh nghiệp, cửa hàng hoặc trên đường phố	4	

	Trả lời chính xác câu hỏi phần 1, 2, 3, 4 của bài thi TOEIC	4
LO.2.2	Kỹ năng nói	
	Phát âm chính xác, đúng ngữ điệu trọng âm	2
	Mô tả chính xác một bức tranh bất kỳ, trả lời những câu hỏi ngắn, trình bày trôi chảy, rõ ràng giải pháp cho một vấn đề và nêu ra quan điểm cá nhân	3
	Trả lời được chính xác Câu hỏi 10, Câu hỏi 11 bài thi Nói TOEIC	3
	Đề xuất được cách giải quyết cho một vấn đề (một lời phàn nàn hoặc yêu cầu của khách hàng) và trình bày với phát âm rõ ràng, đúng ngữ điệu, trọng âm, đúng ngữ pháp, sử dụng từ vựng phù hợp, dễ hiểu đúng với yêu cầu và bao quát hết nội dung	3
	Biện hộ được quan điểm của bản thân về một chủ đề, đồng ý hay không đồng ý với một nhận định, giải thích về một sự ưu ái, hoặc tranh luận ý kiến của mình về một tình huống với phát âm rõ ràng, đúng ngữ điệu, trọng âm, đúng ngữ pháp, sử dụng từ vựng phù hợp, dễ hiểu đúng với yêu cầu và bao quát hết nội dung	3
LO.2.3	Kỹ năng đọc	
	Hiểu được nội dung những bài đọc ngắn hoặc dài, nắm được những kỹ năng và các bước xử lý thông tin (information processing) không bỏ sót thông tin khi đọc	2
	Xác định được các bẫy trong câu hỏi: Bài thi TOEIC ở dưới dạng MCQs (multiple choice questions) có nhiều đáp án dùng để đánh lạc hướng	4
	Lựa chọn được phương án trả lời đúng	4
LO.2.4	Kỹ năng viết	
	Tạo ra câu đúng về ngữ pháp và từ vựng dựa trên một bức tranh, câu trả lời tương thích với bức tranh đưa ra	3
	Xây dựng một đoạn ngắn đúng ngữ pháp và sự đa dạng trong mẫu câu sử dụng, tổ chức sắp xếp bài viết rõ ràng, viết đoạn văn nêu ra quan điểm về một vấn đề, các ý hỗ trợ cho quan điểm liên kết, từ vựng đa dạng	3
	Phân tích được bố cục, cách viết và tiêu chí đánh giá bài luận thể hiện quan điểm cá nhân	4
	Xây dựng được một bài luận tối thiểu 300 từ bày tỏ quan điểm về một trong các chủ đề sau:	4

	* work issues * travel and transportation choices * friendship and family * shopping practice * leisure time activities		
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.1	Tích cực, chủ động trong các giờ học giao tiếp trên lớp	3	LO.11 LO.16
LO.3.2	Biết chia sẻ thông tin, tham gia nhiệt tình các hoạt động theo nhóm	3	
LO.3.3	Có ý thức tự học, tự chuẩn bị bài theo yêu cầu của giảng viên	3	
LO.3.4	Thảo luận, làm việc nhóm, tìm kiếm chia sẻ thông tin với bạn học để tìm ra phương pháp học tốt và hiệu quả nhất	3	
LO.3.5	Áp dụng được lý thuyết đồng thời luyện cách làm bài TOEIC đạt hiệu quả	3	
LO.3.6	Sử dụng được 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống thực tế của công việc	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bao gồm: nghe hiểu một đoạn thông điệp và giải thích được vấn đề, nói được giải pháp cho một vấn đề, viết một bài luận bày tỏ quan điểm cá nhân, thảo luận và nói được quan điểm của cá nhân về một vấn đề, thực hành các bài thi TOEIC 4 kỹ năng.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp, hoạt động dạy & học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Giảng viên	Người học		
1	1. Speaking Question 10: Propose a solution 1.1. Quick Guide 1.2. Walk through 1.3. Get it right 1.4. Tips and Tasks for Answering Correctly 1.5. Understanding the voicemail message: 1.5.1. Tip 1: Task 1.5.2. Tip 2: Task	Giảng, giải thích, thảo luận và thực hành	- Đọc trang 56 - Học các mẫu câu Phàn nàn, Yêu cầu (trang 59) - Học các mẫu câu dùng để xin lỗi với các lời phàn nàn của khách; các mẫu câu thể hiện mình đã hiểu yêu cầu của khách và thể hiện mình	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.2 LO.3.1 LO.3.4	Giáo trình: Collins - Skills for the TOEIC Test speaking and Writing

			đã hiểu ra vấn đề (trang 61, 62)		
2.	2. Writing Question 8: Write an opinion essay 2.1. Quick guide 2.2. Definition 2.3. Targeted skills 2.4. A good response 2.5. Things to remember 2.6. Walk through: write an opinion essay	Giảng, giải thích, thảo luận	Đọc nội dung trang 127 - Tìm hiểu về thời gian viết, độ dài, bố cục, tiêu chí chấm điểm bài luận, các câu hỏi thường gặp trong bài luận	LO.1.2 LO.1.3 LO.2.4 LO.2.4 LO.3.1 LO.3.5	Giáo trình: Collins - Skills for the TOEIC Test speaking and Writing
3	3. Speaking Question 10: Propose a solution 3.1. Structuring your response: Tip 1: Task 1, Task 2 3.2. Get it right: Tips and Tasks for Answering Correctly 3.3. Structuring your response: 3.3.1. Tip 2: Task 1, Task 3.3.2. Tip 3 : Task 1, Task 2	Giảng, giải thích, thảo luận, thực hành	Học các mẫu câu dùng để đưa ra lý do cho 1 vấn đề, các mẫu câu dùng để trả lời các yêu cầu khó của khách hàng (trang 63) - Học các mẫu câu dùng để đưa ra giải pháp, các cách diễn đạt nhằm đưa ra nhiều sự lựa chọn giải quyết cho khách hàng (trang 64, 65)...	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.2 LO.3.1 LO.3.4	Giáo trình: Collins - Skills for the TOEIC Test speaking and Writing
4	4. Writing Question 8: Write an opinion essay 4.1. Get it right: Tips and tasks for answering correctly 4.2. Understanding the topic and the question Tip 1: Task Tip 2: Task 4.3. Structuring your response 4.3.1. Tip 1: Task 4.3.2. Tip 2: Task	Giảng, giải thích, thảo luận	- Đọc nội dung trang 128-132 - Tìm hiểu kiểu bài luận, cấu trúc bài luận - Tìm hiểu cách phân tích câu hỏi - Tìm hiểu cách xác định nội dung để trả lời câu hỏi - Tìm hiểu các nội dung liên	LO.1.2 LO.1.3 LO.2.4 LO.2.4 LO.3.1 LO.3.5	Giáo trình: Collins - Skills for the TOEIC Test speaking and Writing

			quan đến chủ đề bài luận		
5	5. Speaking Question 10: Propose a solution 5.1. Progressive Practice: Get Ready 5.2. Progressive Practice: Get Set 5.3. Progressive Practice: Go for the TOEIC Test	Giảng, giải thích, thảo luận, thực hành	Ôn tập lại các kiến thức đã học	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.2 LO.3.1 LO.3.4	Giáo trình: Collins - Skills for the TOEIC Test speaking and Writing
6	6. Writing Question 8: Write an opinion essay 6.1. Tip 3: Task 6.2. Tip 4: Task	Giảng, giải thích, thảo luận, thực hành	- Đọc trang 133-136 - Tìm hiểu cấu trúc bài luận - Các từ và cấu trúc được sử dụng khi viết luận	LO.1.2 LO.1.3 LO.2.4 LO.3.1 LO.3.5	Giáo trình: Collins - Skills for the TOEIC Test speaking and Writing
7	7. Speaking Question 11: Express an opinion 7.1. Quick Guide 7.2. Walk Through 7.3. Get It Right: Tips and Tasks for answering correctly 7.4. Understanding the Topic and Question 7.4.1. Tip 1: Task 7.4.2. Tip 2: Task	Giảng, giải thích, thảo luận, thực hành	- Đọc trang 71 - Đọc trước bảng: Các loại câu hỏi (trang 73) - Học các cách diễn đạt để đưa ra ý kiến của bản thân (Tip 1 - trang 75, 76) - Học các cách diễn đạt để giới thiệu các vấn đề chính sẽ được đề cập tới trong câu trả lời của mình cho khách hàng (Tip 2 - trang 76)	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.2 LO.3.1 LO.3.4	Giáo trình: Collins - Skills for the TOEIC Test speaking and Writing
8	8. Writing Question 8: Write an opinion essay 8.1. Understanding the Topic and Question 8.1.1. Tip 3: Task 8.1.2. Tip 4: Task 8.1.3. Tip 5: Task 8.1.4. Tip 6: Task	Giảng, giải thích, thảo luận, thực hành	- Đọc nội dung trang 133-136 - Tìm hiểu cách viết dàn ý chi tiết cho bài viết - Tìm hiểu các cấu trúc câu, từ nối... thường	LO.1.2 LO.1.3 LO.2.4 LO.3.1 LO.3.2 LO.3.5	Giáo trình: Collins - Skills for the TOEIC Test speaking and Writing

			được sử dụng trong phần mở đầu, phần chính và phần kết của bài luận		
9	9. Speaking Question 11: Express an opinion 9.1. Quick Guide 9.2. Walk Through 9.3. Get It Right: Tips and Tasks for answering correctly 9.4. Structuring your response 9.4.1. Tip 3: Task 9.4.2. Tip 4: Task	Giảng, giải thích, thảo luận, thực hành	Học các cấu trúc dùng để giới thiệu 3 vấn đề chính, các lý do cho các ý kiến của bản thân và các cách đưa ra ví dụ chứng minh (Tip 3 - trang 77) - Học cách nhắc lại ý kiến của mình trong phần kết luận (Tip 4 - trang 78)	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.2 LO.3.1 LO.3.2 LO.3.4	Giáo trình: Collins - Skills for the TOEIC Test speaking and Writing
10	10. Writing Question 8: writing an opinion essay 10.1. Progressive Practice: Get ready 10.2. Progressive Practice: Get set 10.3. Progressive Practice: Go for the TOEIC Test	Giảng, giải thích, thảo luận, thực hành	- Đọc nội dung trang 137-141 - Tìm hiểu các lỗi có thể gặp khi viết bài luận - Tìm hiểu cách sửa lỗi bài luận - Tìm hiểu các bước viết bài luận	LO.1.2 LO.1.3 LO.2.4 LO.3.1 LO.3.2 LO.3.5	Giáo trình: Collins - Skills for the TOEIC Test speaking and Writing
11	11. Speaking Question 11: Express an opinion 11.1. Progressive Practice: Get Ready 11.2. Progressive Practice: Get Set 11.3. Progressive Practice: Go For the TOEIC Test	Thảo luận, thực hành	Luyện tập tình huống được giao tiếp	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.2 LO.3.1 LO.3.2 LO.3.4	Giáo trình: Collins - Skills for the TOEIC Test speaking and Writing
12	Test		Kiểm tra lại các kiến thức và kỹ năng đã học	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.2 LO.3.5	

13	Practice the different questions in listening part (part 1,2,3,4) (page 300 - 312).	- Giải thích đúng sai ở các câu hỏi khó	Luyện tập theo yêu cầu của giảng viên	LO.1.3 LO.2.1 LO.3.1 LO.3.4	Giáo trình Longman Preparation series for the New TOEIC Test Introductory Course
14	Practice all the questions in reading parts	Giải thích đúng sai ở các câu hỏi khó	Luyện tập theo yêu cầu của giảng viên	LO.1.2 LO.1.3 LO.2.3 LO.3.1 LO.3.3	Giáo trình Longman Preparation series for the New TOEIC Test Introductory Course
15	Practice all different questions in listening parts (part 1,2,3,4)	Giải thích đúng sai ở các câu hỏi khó	Luyện tập theo yêu cầu của giảng viên	LO.1.3 LO.2.1 LO.3.1 LO.3.4	Giáo trình Longman Preparation series for the New TOEIC Test Introductory Course
16	Practice all the questions in reading parts Part 5+ 6+ 7	- Giải thích đúng sai ở các câu hỏi khó	Luyện tập theo yêu cầu của giảng viên	LO.1.2 LO.1.3 LO.2.3 LO.3.1 LO.3.3	Giáo trình Longman Preparation series for the New TOEIC Test Introductory Course
17	Practice all different questions in listening parts (part 1,2,3,4) (page 300 - 312).	Giải thích đúng sai ở các câu hỏi khó	Luyện tập theo yêu cầu của giảng viên	LO.1.3 LO.2.1 LO.3.1 LO.3.4	Giáo trình Longman Preparation series for the New TOEIC Test Introductory Course
18	Practice all the questions in reading parts (page 313 - 339).	Giải thích đúng sai ở các câu hỏi khó	Luyện tập theo yêu cầu của giảng viên	LO.1.2 LO.1.3 LO.2.3 LO.3.1 LO.3.3	Giáo trình Longman Preparation series for the New TOEIC Test Intermediate

					Course
19	Practice all different questions in listening parts (part 1,2,3,4) (page 342 - 354).	Giải thích đúng sai ở các câu hỏi khó	Luyện tập theo yêu cầu của giảng viên	LO.1.3 LO.2.1 LO.3.1 LO.3.4	Giáo trình Longman Preparation series for the New TOEIC Test Intermediate Course
20	Practice all the questions in reading parts Part 5+ 6+ 7 (page 355 - 383).	Giải thích đúng sai ở các câu hỏi khó		LO.1.2 LO.1.3 LO.2.3 LO.3.1 LO.3.3	Giáo trình Longman Preparation series for the New TOEIC Test Intermediate Course
21	Test		Ôn tập theo hướng dẫn của giảng viên	LO.2.1 LO.2.3 LO.3.5	
22	Review All Practice Test Review all the methods & skills in listening and reading parts in a test.	Trả lời các câu hỏi thắc mắc của sinh viên trong bài thi nghe, bài thi đọc hiểu	Ôn tập theo hướng dẫn của giảng viên	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3 LO.3.6	Giáo trình Longman Preparation series for the New TOEIC Test Introductory Course Giáo trình Longman Preparation series for the New TOEIC Test Intermediate Course
23	Answer the questions from students	Trả lời các câu hỏi thắc mắc của sinh viên trong bài thi nghe, nói, đọc,	Ôn tập theo hướng dẫn của giảng viên	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3 LO.3.6	Giáo trình Longman Preparation series for the New TOEIC Test Introductory Course Giáo trình Longman

		viết			Preparation series for the New TOEIC Test Intermediate Course
--	--	------	--	--	---------------------------------------------------------------

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước

- Tiếng Anh 1 Mã HP: 2315
- Tiếng Anh 2 Mã HP: 2316
- Tiếng Anh 3 Mã HP: 2317
- Tiếng Anh 5 Mã HP: 2319

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ bài tập, và thực hành trên lớp.

- Mục tiêu đánh giá thường xuyên: Kiểm tra đánh giá thường xuyên nhằm củng cố kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm của sinh viên, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và dạy cho phù hợp.

- Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)

Hiểu và sử dụng được kiến thức trong mỗi nội dung môn học

Chuẩn bị bài đầy đủ.

Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp

Thể hiện kỹ năng phân tích, đánh giá khi thực hiện nhiệm vụ cụ thể

- Hình thức kiểm tra thường xuyên

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập nghe, nói, đọc, viết (điều kiện)

Kiểm tra bài tập về nhà, bài tự học.

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

Được thực hiện để kiểm tra kiến thức trên lớp và việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua bài kiểm tra, đánh giá theo 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết.

- Mục tiêu kiểm tra giữa kỳ:

Kiểm tra giữa kỳ nhằm đánh giá kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm của sinh viên, thái độ học tập và khả năng tiếp thu của sinh viên.

Đánh giá kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của sinh viên trong bài thi TOEIC.

Đánh giá sự tiến bộ của sinh viên sau ½ thời gian học

Điều chỉnh việc dạy và học nếu cần thiết để đạt mục tiêu học tập

- Tiêu chí kiểm tra giữa kỳ

Nắm được kiến thức và tổng kết được kiến thức đã học.

Hiểu và vận dụng được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và vận dụng được các kỹ năng này theo chủ đề đã học.

Lĩnh hội được kiến thức từ các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo

Làm quen với bài thi TOEIC.

- Hình thức kiểm tra giữa kỳ

Kiểm tra trên lớp theo 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết

Thời gian và các dạng bài kiểm tra giữa kỳ: 90 phút, dạng bài Nghe – Đọc theo đề thi TOEIC chuẩn

Phần thi Nói – Viết theo các câu hỏi của đề thi chuẩn.

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

Được thực hiện để đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được của sinh viên ở cả môn học trên lớp và việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua bài kiểm tra, đánh giá theo 4 kỹ năng: Nghe, đọc, nói, viết

- Mục tiêu thi cuối kỳ:

Đánh giá tổng hợp việc sử dụng kiến thức và kỹ năng của sinh viên trong kỳ học

Đánh giá khả năng làm bài thi TOEIC 4 kỹ năng của sinh viên

Đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên

Làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến hoạt động dạy, học của giảng viên và sinh viên

- Tiêu chí thi cuối kỳ

Vận dụng và phân tích kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng đã học

Sử dụng thành thạo 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho bài thi TOEIC hoàn chỉnh

- Hình thức thi cuối kỳ

Bài thi TOEIC 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết

Đề thi: Theo ma trận đề thi (phụ lục)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần												
		LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 2.1	LO 2.2	LO 3	LO 4	LO 3.1	LO 3.2	LO 3.3	LO 3.4	LO 3.5	LO 3.6
1	Điểm chuyên cần (10 %)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20 %)													
2.1.	Bài kiểm tra lần 1	X	X		X	X			X					
2.2.	Bài kiểm tra			X			X	X		X	X	X		

	lần 2 (nếu có)													
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Nghỉ học quá 20% số tiết	Nghỉ học từ 11% → 19% số tiết	Nghỉ học từ 6% → 10% số tiết	Nghỉ học 1% → 5% số tiết	Đi học 100% số tiết	80%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	20%
Điểm trừ	Quy định 02 lần khiển trách hạ 1 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Lin Lougheed	2018	Giáo trình Longman Preparation series for the New TOEIC Test Introductory Course	Pearson Education
2	Lin Lougheed	2018	Giáo trình Longman Preparation Series for the New TOEIC Test- Intermediate Course- Fourth	Pearson Education

			Edition	
3	Collins	2013	Giáo trình: Collins - Skills for the TOEIC Test speaking and Writing	Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	John Hughes, Helen Stephenson Paul Dummet	2017	Life	National Geographic Learning
	Mary Spratt, Alan Pulverness, Melanie Williams	2011	The TKT Course Modules 1,2	Cambridge University Press
	Cambridge	2011	Cambridge English Preliminary English Test 6	Cambridge University Press
	Cambridge	2012	Cambridge English Preliminary English Test 7	Cambridge University Press
	Cambridge	2014	Cambridge English Preliminary English Test 8	Cambridge University Press
6	Kang Jin-Oh Kang Won-Ki	2013	Economy TOEIC LC1000	Nxb Tổng hợp TPHCM
7	Các trang web		www.international.ouc.bc.ca/pronunciation www.listen.org www.manythings.org	

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL/TH	KT
1	Tuần 1 Nội dung 1: Speaking 1. Speaking Question 10: Propose a solution 1.1. Quick Guide: 1.2. Walk through: 1.3. Get it right: Tips and 1.3. 1.4. Tasks for Answering Correctly 1.5. Understanding the voicemail message: 1.5.1. Tip 1: Task	2	1	

	<p>1.5.2. Tip 2: Task Nội dung 2: Writing Writing Question 8: Write an opinion essay 2.1. Quick guide 2.2. Definition 2.3. Targeted skills 2.4. A good response 2.5. Things to remember 2.6. Walk through: write an opinion essay</p>			
2	<p>Tuần 2: Nội dung 3 :Speaking Question 10: Propose a solution 3.1.Structuring your response: Tip 1: Task 1, Task 2 3.2. Get it right: Tips and Tasks for Answering Correctly 3.3.Structuring your response: 3.3.1. Tip 2: Task 1, Task 3.3.2. Tip 3 : Task 1, Task 2 Nội dung 4: Writing Writing Question 8: Write an opinion essay 4.1.Get it right: Tips and tasks for answering correctly 4.2. Understanding the topic and the question Tip 1: Task Tip 2: Task 4.3. Structuring your response 4.3.1.Tip 1: Task 4.3.2.Tip 2: Task</p>	2	1	
3	<p>Tuần 3: Nội dung 5: Speaking 5. Speaking Question 10: Propose a solution 5.1. Progressive Practice: Get Ready 5.2. Progressive Practice: Get Set 5.3. Progressive Practice: Go for the TOEIC Test Nội dung 6: Writing 6. Writing Question 8: Write an opinion essay 6.1.Tip 3: Task 6.2.Tip 4: Task</p>	2	1	
4	<p>Tuần 4: Nội dung 7: Speaking 7. Speaking Question 11: Express an opinion 7.1. Quick Guide 7.2. Walk Through 7.3. Get It Right: Tips and Tasks for answering correctly 7.4. Understanding the Topic and Question</p>	2	1	

	<p>7.4.1. Tip 1: Task 7.4.2. Tip 2: Task Nội dung 8: Writing 8. Writing Question 8: Write an opinion essay 8.1. Understanding the Topic and Question 8.1.1. Tip 3: Task 8.1.2. Tip 4: Task 8.1.3. Tip 5: Task 8.1.4. Tip 6: Task</p>			
5	<p>Tuần 5: Nội dung 9: Speaking 9. Speaking Question 11: Express an opinion 9.1. Quick Guide 9.2. Walk Through 9.3. Get It Right: Tips and Tasks for answering correctly 9.4. Structuring your response 9.4.1. Tip 3: Task 9.4.2. Tip 4: Task Nội dung 10: Writing 10. Writing Question 8: writing an opinion essay 10.1. Progressive Practice: Get ready 10.2. Progressive Practice: Get set 10.3. Progressive Practice: Go for the TOEIC Test</p>	2	2	
6	<p>Tuần 6: Nội dung 11: Speaking 11. Speaking Question 11: Express an opinion 11.1. Progressive Practice: Get Ready 11.2. Progressive Practice: Get Set 11.3. Progressive Practice: Go For the TOEIC Test Nội dung 12: Speaking & Writing Test</p>	2	1	1
7	<p>Tuần 7: Nội dung 13: Listening Practise the different questions in listening part (part 1,2,3,4) (page 300 - 312). Nội dung 14: Reading Practice all the questions in reading parts</p>	4	1	
8	<p>Tuần 8: Nội dung 15: Listening Practise all different questions in listening parts (part 1,2,3,4) Nội dung 16: Reading Practice all the questions in reading parts Part 5+ 6+ 7</p>	4	1	
9	<p>Tuần 9:</p>	2	1	

	Nội dung 17: Listening Practise all different questions in listening parts (part 1,2,3,4) (page 300 - 312). Nội dung 18: Reading Practice all the questions in reading parts (page 313 - 339)			
10	Tuần 10: Nội dung 19: Listening Practise all different questions in listening parts (part 1,2,3,4) (page 342 - 354). Nội dung 20: Reading Practice all the questions in reading parts Part 5+ 6+ 7 (page 355 -383)	2	1	
11	Tuần 11: Nội dung 21: Test Nội dung 22: Review All Practice Test Review all the methods & skills in listening and reading parts in a test		2	1
12	Tuần 12: Nội dung 23: Answer the questions Answer the questions from students	4	2	

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Pháp luật đại cương và Luật an toàn, vệ sinh lao động

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Luật

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Phan Thị Thanh Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0944854188 - Email: huyenlinhldxh@yahoo.com.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Huy Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0934652338 - Email: khoant@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **Pháp luật đại cương và Luật an toàn, vệ sinh lao động**
- Tên (tiếng Anh): **Introduction to laws and Occupational safety and health law**
- Mã học phần: **1446**

4. Số tín chỉ: 3

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 30
- Giờ thực hành: 10
- Giờ thảo luận: 5
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 135

6. Mục tiêu của học phần:

Sinh viên hiểu, biết đánh giá, phân tích một cách khoa học các vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật; luật ATVSLĐ. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức pháp lý về lĩnh vực Nhà nước và pháp luật cũng như luật ATVSLĐ để soạn thảo các văn bản

thông dụng trong lĩnh vực lao động như ATVSLĐ, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động..., có kỹ năng nhất định trong đàm phán, thương lượng, xây dựng các văn bản này; tham gia giải quyết các vụ việc thông thường trong lĩnh vực ATVSLĐ; có khả năng tư vấn cho các đối tượng là người sử dụng lao động, người lao động, cá nhân và tổ chức khác về các vấn đề thông dụng trong lĩnh vực ATVSLĐ. Tạo ý thức tôn trọng và chấp hành đúng pháp luật nói chung và luật ATVSLĐ nói riêng cho người học, từ đó sinh viên có nhận thức và xử sự đúng đắn khi tham gia quan hệ pháp luật nói chung và luật ATVSLĐ nói riêng, tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh luật ATVSLĐ khi thực hiện các công việc chuyên môn.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Hiểu được nguồn gốc của Nhà nước	2	LO.1 LO.2
<i>LO.1.2</i>	Phân tích nguồn gốc Nhà nước	4	
<i>LO.1.3</i>	Hiểu được bản chất của hợp đồng lao động	2	
<i>LO.1.4</i>	Vận dụng được các kiến thức lý luận về ATVSLĐ	3	
<i>LO.1.5</i>	Vận dụng kiến thức chuyên môn để đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể	3	
<i>LO.1.6</i>	Vận dụng được các quy định của pháp luật về ATVSLĐ để áp dụng vào những tình huống cụ thể	3	
	Đánh giá được chế độ ATVSLĐ ở Việt Nam hiện nay	4	
<i>LO.1.7</i>	Hiểu được các quy định của pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi	2	
	Đánh giá về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi ở Việt Nam hiện nay	5	

LO.1.8	Phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về ATVSLĐ	4	
LO.1.9	Hiểu được các nguyên tắc giải quyết tranh chấp ATVSLĐ	2	
	Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống về tranh chấp ATVSLĐ	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		LO.5
LO.2.1	Nhớ được các kỹ năng cần thiết khi phân tích các quy định của pháp luật về ATVSLĐ.	1	LO.6
LO.2.2	Vận dụng các kỹ năng đã học để soạn thảo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, xây dựng nội quy ATVSLĐ.	3	
LO.2.3	Đánh giá được việc áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành trong ATVSLĐ.	5	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.1	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết quyền lợi cho các bên trong ATVSLĐ.	3	LO.15
LO.3.2	Có năng lực Phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp đề tư vấn về quyền lợi trách nhiệm, nghĩa vụ cho các bên trong ATVSLĐ.	4	LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Pháp luật đại cương và Luật ATVSLĐ là môn khoa học pháp lí nghiên cứu các vấn đề lí luận về Nhà nước và pháp luật cũng như thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về ATVSLĐ. Đồng thời, môn học còn trang bị cho người học các vấn đề pháp lý cụ thể về luật ATVSLĐ như: thỏa ước lao động tập thể, an toàn lao động, về sinh lao động.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp, hoạt động dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập
		Giảng viên	Sinh viên		Tài liệu tham khảo

1	<p>Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước</p> <p>1.1. Nguồn gốc, bản chất, đặc trưng và kiểu Nhà nước</p> <p>1.1.1. Nguồn gốc của Nhà Nước</p> <p>1.1.2. Bản chất của Nhà nước</p> <p>1.1.3. Các đặc trưng cơ bản của Nhà nước</p> <p>1.1.4. Kiểu Nhà nước</p> <p>1.2. Chức năng, bộ máy và hình thức Nhà nước.</p> <p>1.2.1. Chức năng của Nhà nước</p> <p>1.2.2. Bộ máy Nhà nước</p> <p>1.2.3. Hình thức Nhà nước</p> <p>Câu hỏi Chương 1:</p> <p>1. Phân tích nguồn gốc Nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin?</p> <p>2. Phân biệt Nhà nước với các tổ chức xã hội khác?</p> <p>3. Chứng minh Nhà nước luôn mang bản chất giai cấp sâu sắc?</p> <p>4. Phân tích các hình thức và phương pháp thức hiện chức năng của Nhà nước?</p> <p>5. Phân tích hình thức chính thể của Nhà nước?</p> <p>6. Phân biệt nhà nước đơn nhất với nhà nước liên bang?</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Đọc TLTK Giao vấn đề nghiên cứu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.1	Luật Công đoàn và các văn bản hướng dẫn thi hành
2	<p>Chương 2: Một số vấn đề cơ bản về Pháp luật</p> <p>2.1. Nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và chức năng của pháp luật</p> <p>2.1.1. Nguồn gốc của pháp luật</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề,	Đọc TLTK Giao vấn đề nghiên cứu Tham gia	LO.1.2	Luật Công đoàn và các văn bản hướng dẫn thi hành

<p>2.1.2. Bản chất của pháp luật</p> <p>2.1.3. Các thuộc tính cơ bản của pháp luật</p> <p>2.1.4. Chức năng của pháp luật</p> <p>2.2. Hình thức pháp luật và kiểu pháp luật</p> <p>2.2.1. Hình thức pháp luật</p> <p>2.2.2. Kiểu pháp luật</p> <p>2.3. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>2.3.1. Quy phạm pháp luật</p> <p>2.3.2. Văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>2.4. Quan hệ pháp luật</p> <p>2.4.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật</p> <p>2.4.2. Các yếu tố cấu thành của quan hệ pháp luật</p> <p>2.5. Thực hiện pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý</p> <p>2.5.1. Thực hiện pháp luật</p> <p>2.5.2. Vi phạm pháp luật</p> <p>2.5.3. Trách nhiệm pháp lý</p> <p>2.6. Ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa</p> <p>2.6.1. Ý thức pháp luật</p> <p>2.6.2. Pháp chế xã hội chủ nghĩa</p> <p>Câu hỏi Chương 2:</p> <p>1. Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của pháp luật?</p>	<p>phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>		
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------	-------------------------------------------------	--	--

	<p>2. Phân tích bản chất của pháp luật? Liên hệ với bản chất của pháp luật Việt Nam hiện nay?</p> <p>3. Phân biệt pháp luật với các quy phạm xã hội khác?</p> <p>4. Phân tích cấu trúc của quy phạm pháp luật? Lấy ví dụ minh họa?</p> <p>5. Phân tích các yếu tố cấu thành của quan hệ pháp luật? Lấy ví dụ minh họa?</p> <p>6. Phân tích các hình thức thực hiện pháp luật? Lấy ví dụ minh họa?</p> <p>7. Phân tích các yếu tố cấu thành của vi phạm pháp luật? Lấy ví dụ minh họa?</p> <p>8. Phân tích mối quan hệ giữa ý thức pháp luật với pháp luật?</p>				
3	<p>Chương 3: Khái quát chung về luật ATVSLĐ</p> <p>3.1. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật ATVSLĐ</p> <p>3.1.1. Đối tượng điều chỉnh của Luật ATVSLĐ</p> <p>3.1.2. Phương pháp điều chỉnh của Luật ATVSLĐ</p> <p>3.2. Nguyên tắc của Luật ATVSLĐ</p> <p>3.2.1. Nguyên tắc bảo đảm</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Giao vấn đề nghiên cứu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	LO.1.3	<p>Luật ATVSLĐ và các văn bản hướng dẫn thi hành</p>

	<p>ATVSLĐ</p> <p>3.2.2. Nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp về ATVSLĐ</p> <p>3.2.3. Nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.</p> <p>3.3. Nguồn của pháp luật</p> <p>ATVSLĐ</p> <p>3.3.1. Văn bản luật</p> <p>3.3.2. Văn bản dưới luật</p> <p>3.3.3. Điều ước quốc tế.</p> <p>Câu hỏi Chương 3:</p> <p>1. Phân tích đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật ATVSLĐ?</p> <p>2. Phân tích các nguyên tắc cơ bản của Luật ATVSLĐ?</p>				
4	<p>Chương 4: Pháp luật về ATVSLĐ</p> <p>4.1. Khái quát chung về ATVSLĐ</p> <p>4.1.1. Đặc trưng của công tác ATVSLĐ</p> <p>4.1.2. Nội dung công tác ATVSLĐ</p> <p>4.1.3. Phân loại TNLĐ, BNN</p> <p>4.2. Giao kết về ATVSLĐ</p> <p>4.2.1. Nguyên tắc giao kết ATVSLĐ</p> <p>4.2.2. Chủ thể giao kết ATVSLĐ</p> <p>4.2.3. Thời điểm giao kết</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Giao vấn đề nghiên cứu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.4</p> <p>LO2</p> <p>LO3</p>	<p>Luật ATVSLĐ và các văn bản hướng dẫn thi hành</p>

	<p>ATVSLĐ 4.2.4. Quy trình giao kết ATVSLĐ 4.3. Thực hiện, sửa đổi bổ sung, chính sách ATVSLĐ</p> <p>4.3.1. Thực hiện chính sách ATVSLĐ</p> <p>4.3.2. Sửa đổi, bổ sung thỏa ước lđ tập thể về ATVSLĐ</p>				
5	<p>Chương 5: Pháp luật về đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể về nội dung ATVSLĐ</p> <p>5.1. Đối thoại tại nơi làm việc.</p> <p>5.1.1. Khái niệm, đặc điểm và mục đích của đối thoại tại nơi làm việc</p> <p>5.1.2. Phân loại đối thoại tại nơi làm việc</p> <p>5.1.3. Thực hiện đối thoại tại nơi làm việc</p> <p>5.2. Thương lượng tập thể.</p> <p>5.2.1. Khái niệm, đặc điểm và mục đích của thương lượng tập thể</p> <p>5.2.2. Phân loại thương lượng tập thể</p> <p>5.2.3. Thực hiện thương lượng tập thể</p> <p>5.3. Thỏa ước lao động tập thể</p> <p>5.3.1. Khái niệm, đặc điểm, nội</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Giao vấn đề nghiên cứu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.5</p> <p>LO2</p> <p>LO3</p>	<p>Luật ATVSLĐ và các văn bản hướng dẫn thi hành</p>

	<p>dung và phân loại thoả ước lao động tập thể</p> <p>5.3.2. Ký kết thoả ước lao động tập thể về ATVSLĐ</p> <p>5.3.3. Thực hiện, sửa đổi bổ sung và chấm dứt thoả ước lao động tập thể.</p> <p>Câu hỏi Chương 5:</p> <p>1. Phân tích và bình luận các quy định của pháp luật hiện hành về quy trình thương lượng tập thể?</p> <p>2. So sánh hợp đồng lao động với thoả ước lao động tập thể?</p>				
6	<p>Chương 6: Pháp luật về ATVSLĐ</p> <p>6.1. Khái niệm về ATVSLĐ</p> <p>6.1.1. Khái niệm ATVSLĐ</p> <p>6.1.2. Ý nghĩa của ATVSLĐ</p> <p>6.1.3. Một số nguyên tắc cơ bản của pháp luật về ATVSLĐ</p> <p>6.2. Chế độ ATVSLĐ</p> <p>6.2.1. Chế độ ATVSLĐ</p> <p>6.2.2. Chính sách ATVSLĐ</p> <p>6.3. Quy định khác về ATVSLĐ</p> <p>6.3.1. Trả lương khi người lao động làm thêm giờ</p> <p>6.3.2. Trả lương khi người lao động làm việc ban đêm</p> <p>6.3.3. Trả lương khi làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Giao vấn đề nghiên cứu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.6</p> <p>LO2</p>	<p>Luật ATVSLĐ và các văn bản hướng dẫn thi hành</p>

	<p>6.3.4. Trả lương khi người lao động nghỉ chế độ</p> <p>6.3.5. Trả lương khi người lao động đi học</p> <p>6.3.6. Trả lương cho người học nghề, tập nghề</p> <p>6.3.7. Trả lương khi người lao động tham gia đình công</p> <p>6.3.8. Tạm ứng tiền lương, khấu trừ tiền lương và cúp lương của người lao động.</p>				
7	<p>Chương 7: Pháp luật về thời giờ làm việc và nghỉ ngơi</p> <p>7.1. Thời giờ làm việc</p> <p>7.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi</p> <p>7.1.2. Nguyên tắc pháp lý cơ bản của thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi</p> <p>7.1.3. Các loại thời giờ làm việc</p> <p>7.2. Thời giờ nghỉ ngơi</p> <p>7.2.1. Thời giờ nghỉ ngơi theo ngày</p> <p>7.2.2. Thời giờ nghỉ ngơi theo tuần</p> <p>7.2.3. Thời giờ nghỉ ngơi theo tháng</p> <p>7.2.4. Thời giờ nghỉ ngơi theo năm</p> <p>Câu hỏi Chương 7:</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Giao vấn đề nghiên cứu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.7</p> <p>LO2</p>	<p>Luật ATVSLĐ và các văn bản hướng dẫn thi hành</p>

	<p>1. Phân tích ý nghĩa của thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi?</p> <p>2. Phân tích các quy định của pháp luật về các loại thời giờ làm việc?</p> <p>3. Phân tích các quy định của pháp luật về chế độ nghỉ hàng năm, nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương?</p>				
8	<p>Chương 8: Pháp luật về kỷ luật lao động và trách nhiệm về ATVSLĐ</p> <p>8.1. Kỷ luật lao động</p> <p>8.1.1. Khái niệm kỷ luật lao động</p> <p>8.1.2. Ý nghĩa kỷ luật lao động</p> <p>8.1.3. Nội quy lao động và các biện pháp đảm bảo và tăng cường kỷ luật lao động</p> <p>8.1.4. Trách nhiệm ATVSLĐ</p> <p>8.2. Trách nhiệm vật chất</p> <p>8.2.1. Khái niệm đặc điểm của trách nhiệm vật chất</p> <p>8.2.2. Căn cứ xác định trách nhiệm vật chất</p> <p>8.2.3. Mức bồi thường và cách thực hiện bồi thường theo trách nhiệm vật chất.</p> <p>8.2.4. Áp dụng trách nhiệm vật chất.</p> <p>Câu hỏi Chương 8:</p> <p>1. Phân tích các quy định của pháp</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Giao vấn đề nghiên cứu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.8</p> <p>LO2</p>	<p>Luật ATVSLĐ và các văn bản hướng dẫn thi hành</p>

	<p>luật hiện hành về nội quy ATVSLĐ?</p> <p>2. So sánh căn cứ áp dụng trách nhiệm vật chất với trách nhiệm kỷ luật trong ATVSLĐ?</p> <p>3. Phân tích và bình luận các quy định của pháp luật về quy trình xử lý kỷ luật về ATVSLĐ?</p>				
9	<p>Chương 9: Pháp luật về giải quyết tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.1. Tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.1.1. Khái niệm tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.1.2. Đặc điểm của tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.1.3. Phân loại tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.2. Giải quyết tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.2.1. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.2.2. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.2.3. Thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.2.4. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.3. Đình công và giải quyết đình công</p> <p>9.3.1. Khái niệm và dấu hiệu cơ bản của đình công</p> <p>9.3.2. Đình công hợp pháp.</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Giao vấn đề nghiên cứu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.9</p> <p>LO2</p> <p>LO3</p>	<p>Luật ATVSLĐ và các văn bản hướng dẫn thi hành</p>

	<p>9.3.3. Đình công bất hợp pháp</p> <p>9.3.4. Giải quyết đình công</p> <p>Câu hỏi Chương 9:</p> <p>1. Phân biệt tranh chấp lao động cá nhân với tranh chấp lao động tập thể?</p> <p>2. Phân tích quy trình giải quyết tranh chấp lao động?</p> <p>3. Phân tích các dấu hiệu của đình công?</p> <p>4. Phân tích các điều kiện của một cuộc đình công công hợp pháp?</p>				
	<p>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</p>				
	<p>Thảo luận nhóm</p>		<p>Chuẩn bị bài và Thảo luận theo đề tài được giao</p>		
	<p>Thảo luận nhóm</p>		<p>Chuẩn bị bài và Thảo luận theo đề tài được giao</p>		

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Không yêu cầu

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần)trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 13)

++ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

++ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

++ Hình thức: Bài làm viết, trắc nghiệm, vấn đáp trên lớp (1 giờ)

10.3. Thi cuối kỳ:(Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

- + Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.

- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.
 - + Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề
 - + Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.
- Hình thức: Thi viết (90 phút) Theo ma trận đề thi (Phụ lục)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

T T	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần													
		LO. 1.1	LO. 1.2	LO. 1.3	LO. 1.4	LO. 1.5	LO. 1.6	LO. 1.7	LO. 1.8	LO. 1.9	LO. 2.1	LO. 2.2	LO. 2.3	LO. 3.1	LO. 3.2
1	Điểm chuyên cần	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20 %)														
2. 1	Bài kiểm tra lần 1		X												
2. 2	Bài kiểm tra lần 2 (nếu có)									X					

3	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
---	-----------------------------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Nghỉ học quá 20% số tiết	Nghỉ học từ 11% → 19% số tiết	Nghỉ học từ 6% → 10% số tiết	Nghỉ học 1% → 5% số tiết	Đi học 100% số tiết	80%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học,	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	20%
Điểm trừ	Quy định 02 lần khiển trách hạ 1 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

RUBRIC ĐIỂM THẢO LUẬN NHÓM				
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm

Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm
-----------------------	----------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt	Bài trình bày đầy đủ. Giọng	Phần trình bày có bố cục rõ ràng, giọng nói	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát.	25%

quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ,	nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định
-------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Trường Đại học Công đoàn	2010	Giáo trình Pháp luật lao động	NXB Lao động

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Quốc Hội	2006	Luật Công đoàn và các văn bản hướng dẫn thi hành	Quốc hội, Chính phủ, Bộ...
2	Quốc Hội	2019	Bộ luật Dân sự	Quốc hội
3	Quốc Hội	2016	Luật ATVSLĐ và các văn bản hướng dẫn thi hành	Quốc hội

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL/TH	KT
1	Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước 1.1. Nguồn gốc, bản chất, đặc trưng và kiểu Nhà nước 1.1.1. Nguồn gốc của Nhà Nước	5	2	

	<p>1.1.2. Bản chất của Nhà nước</p> <p>1.1.3. Các đặc trưng cơ bản của Nhà nước</p> <p>1.1.4. Kiểu Nhà nước</p> <p>1.2. Chức năng, bộ máy và hình thức Nhà nước.</p> <p>1.2.1. Chức năng của Nhà nước</p> <p>1.2.2. Bộ máy Nhà nước</p> <p>1.2.3. Hình thức Nhà nước</p> <p>Câu hỏi Chương 1:</p> <p>1. Phân tích nguồn gốc Nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin?</p> <p>2. Phân biệt Nhà nước với các tổ chức xã hội khác?</p> <p>3. Chứng minh Nhà nước luôn mang bản chất giai cấp sâu sắc?</p> <p>4. Phân tích các hình thức và phương pháp thực hiện chức năng của Nhà nước?</p> <p>5. Phân tích hình thức chính thể của Nhà nước?</p> <p>6. Phân biệt nhà nước đơn nhất với nhà nước liên bang?</p>			
2	<p>Chương 2: Một số vấn đề cơ bản về Pháp luật</p> <p>2.1. Nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và chức năng của pháp luật</p> <p>2.1.1. Nguồn gốc của pháp luật</p> <p>2.1.2. Bản chất của pháp luật</p> <p>2.1.3. Các thuộc tính cơ bản của pháp luật</p> <p>2.1.4. Chức năng của pháp luật</p> <p>2.2. Hình thức pháp luật và kiểu pháp luật</p> <p>2.2.1. Hình thức pháp luật</p> <p>2.2.2. Kiểu pháp luật</p> <p>2.3. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>2.3.1. Quy phạm pháp luật</p> <p>2.3.2. Văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>2.4. Quan hệ pháp luật</p> <p>2.4.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật</p>	5	2	1

	<p>2.4.2. Các yếu tố cấu thành của quan hệ pháp luật</p> <p>2.5. Thực hiện pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý</p> <p>2.5.1. Thực hiện pháp luật</p> <p>2.5.2. Vi phạm pháp luật</p> <p>2.5.3. Trách nhiệm pháp lý</p> <p>2.6. Ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa</p> <p>2.6.1. Ý thức pháp luật</p> <p>2.6.2. Pháp chế xã hội chủ nghĩa</p> <p>Câu hỏi Chương 2:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của pháp luật? 2. Phân tích bản chất của pháp luật? Liên hệ với bản chất của pháp luật Việt Nam hiện nay? 3. Phân biệt pháp luật với các quy phạm xã hội khác? 4. Phân tích cấu trúc của quy phạm pháp luật? Lấy ví dụ minh họa? 5. Phân tích các yếu tố cấu thành của quan hệ pháp luật? Lấy ví dụ minh họa? 6. Phân tích các hình thức thực hiện pháp luật? Lấy ví dụ minh họa? 7. Phân tích các yếu tố cấu thành của vi phạm pháp luật? Lấy ví dụ minh họa? 8. Phân tích mối quan hệ giữa ý thức pháp luật với pháp luật? 			
3	<p>Chương 3: Khái quát chung về luật ATVSLĐ</p> <p>3.1. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật ATVSLĐ</p> <p>3.1.1. Đối tượng điều chỉnh của Luật ATVSLĐ</p> <p>3.1.2. Phương pháp điều chỉnh của Luật ATVSLĐ</p> <p>3.2. Nguyên tắc của Luật ATVSLĐ</p> <p>3.2.1. Nguyên tắc bảo vệ người lao động</p>	3	1	

	<p>3.2.2. Nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động</p> <p>3.2.3. Nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.</p> <p>3.3. Nguồn của pháp luật ATVSLĐ</p> <p>3.3.1. Văn bản luật</p> <p>3.3.2. Văn bản dưới luật</p> <p>3.3.3. Điều ước quốc tế.</p> <p>Câu hỏi Chương 3:</p> <p>1. Phân tích đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật ATVSLĐ?</p> <p>2. Phân tích các nguyên tắc cơ bản của Luật ATVSLĐ?</p>			
4	<p>Chương 4: Pháp luật về ATVSLĐ</p> <p>4.1. Khái quát chung về ATVSLĐ</p> <p>4.1.1. Định nghĩa, đặc trưng của hợp đồng về ATVSLĐ</p> <p>4.1.2. Nội dung hợp đồng ATVSLĐ</p> <p>4.1.3. Phân loại hợp đồng ATVSLĐ</p> <p>4.2. Giao kết hợp đồng ATVSLĐ</p> <p>4.2.1. Nguyên tắc giao kết hợp đồng ATVSLĐ</p> <p>4.2.2. Chủ thể giao kết hợp đồng ATVSLĐ</p> <p>4.2.3. Thời điểm giao kết hợp đồng ATVSLĐ</p> <p>4.2.4. Quy trình giao kết hợp đồng ATVSLĐ</p> <p>4.3. Thực hiện, sửa đổi bổ sung, chấm dứt hợp đồng ATVSLĐ</p> <p>4.3.1. Thực hiện hợp đồng ATVSLĐ</p> <p>4.3.2. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng ATVSLĐ.</p> <p>4.3.3. Chấm dứt hợp đồng ATVSLĐ.</p> <p>Câu hỏi Chương 4:</p> <p>1. Phân tích các đặc trưng của hợp đồng ATVSLĐ?</p> <p>2. Phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về giao kết hợp đồng ATVSLĐ?</p>	4	4	

	<p>3. Phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về việc điều chuyển người lao động sang làm công việc so với hợp đồng ATVSLĐ?</p> <p>3. Phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về chấm dứt hợp đồng ATVSLĐ?</p> <p>4. Phân biệt trợ cấp thôi việc với trợ cấp mất việc làm?</p>			
5	<p>Chương 5: Pháp luật về đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể</p> <p>5.1. Đối thoại tại nơi làm việc.</p> <p>5.1.1. Khái niệm, đặc điểm và mục đích của đối thoại tại nơi làm việc</p> <p>5.1.2. Phân loại đối thoại tại nơi làm việc</p> <p>5.1.3. Thực hiện đối thoại tại nơi làm việc</p> <p>5.2. Thương lượng tập thể.</p> <p>5.2.1. Khái niệm, đặc điểm và mục đích của thương lượng tập thể</p> <p>5.2.2. Phân loại thương lượng tập thể</p> <p>5.2.3. Thực hiện thương lượng tập thể</p> <p>5.3. Thỏa ước lao động tập thể</p> <p>5.3.1. Khái niệm, đặc điểm, nội dung và phân loại thỏa ước lao động tập thể</p> <p>5.3.2. Ký kết thỏa ước lao động tập thể</p> <p>5.3.3. Thực hiện, sửa đổi bổ sung và chấm dứt thỏa ước lao động tập thể.</p> <p>Câu hỏi Chương 5:</p> <p>1. Phân tích và bình luận các quy định của pháp luật hiện hành về quy trình thương lượng tập thể?</p> <p>2. So sánh hợp đồng lao động với thỏa ước lao động tập thể?</p>	2	2	
6	<p>Chương 6: Pháp luật về ATVSLĐ</p> <p>6.1. Khái niệm, nguyên tắc và ý nghĩa của ATVSLĐ</p>	2	2	

	<p>6.1.1. Khái niệm ATVSLĐ</p> <p>6.1.2. Ý nghĩa của ATVSLĐ</p> <p>6.1.3. Một số nguyên tắc cơ bản của pháp luật về ATVSLĐ</p> <p>6.2. Chế độ về ATVSLĐ</p> <p>6.2.1. Chế độ ATVSLĐ</p> <p>6.2.2. Chính sách về ATVSLĐ</p> <p>6.3. Quy định khác về ATVSLĐ</p> <p>6.3.1. Trả lương khi người lao động làm thêm giờ</p> <p>6.3.2. Trả lương khi người lao động làm việc ban đêm</p> <p>6.3.3. Trả lương khi làm việc môi trường nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm</p> <p>6.3.4. Trả lương khi người lao động nghỉ chế độ</p> <p>6.3.5. Trả lương khi người lao động đi học</p> <p>6.3.6. Trả lương cho người học nghề, tập nghề.</p> <p>Câu hỏi Chương 6:</p> <p>1. So sánh mức lương tối thiểu vùng với mức lương tối thiểu ngành?</p> <p>2. Phân tích các quy định của pháp luật về chế độ tiền lương?</p> <p>3. Phân tích các quy định về tiền thưởng?</p>			
7	<p>Chương 7: Pháp luật về thời giờ làm việc và nghỉ ngơi</p> <p>7.1. Thời giờ làm việc</p> <p>7.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi</p> <p>7.1.2. Nguyên tắc pháp lý cơ bản của thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi</p> <p>7.1.3. Các loại thời giờ làm việc</p> <p>7.2. Thời giờ nghỉ ngơi</p> <p>7.2.1. Thời giờ nghỉ ngơi theo ngày</p> <p>7.2.2. Thời giờ nghỉ ngơi theo tuần</p> <p>Câu hỏi Chương 7:</p>	2	2	

	<p>1. Phân tích ý nghĩa của thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi?</p> <p>2. Phân tích các quy định của pháp luật về các loại thời giờ làm việc?</p> <p>3. Phân tích các quy định của pháp luật về chế độ nghỉ hàng năm, nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương?</p>			
8	<p>Chương 8: Pháp luật về kỷ luật lao động và trách nhiệm về ATVSLĐ</p> <p>8.1. Kỷ luật về ATVSLĐ</p> <p>8.1.1. Khái niệm kỷ luật ATVSLĐ</p> <p>8.1.2. Ý nghĩa kỷ luật ATVSLĐ</p> <p>8.1.3. Nội quy lao động và các biện pháp đảm bảo và tăng cường kỷ luật ATVSLĐ</p> <p>8.1.4. Trách nhiệm kỷ luật ATVSLĐ</p> <p>8.2. Trách nhiệm vật chất</p> <p>8.2.1. Khái niệm đặc điểm của trách nhiệm vật chất</p> <p>8.2.2. Căn cứ xác định trách nhiệm vật chất</p> <p>8.2.3. Mức bồi thường và cách thực hiện bồi thường theo trách nhiệm vật chất.</p> <p>8.2.4. Áp dụng trách nhiệm vật chất.</p> <p>Câu hỏi Chương 8:</p> <p>1. Phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về nội quy ATVSLĐ?</p> <p>2. So sánh căn cứ áp dụng trách nhiệm vật chất với trách nhiệm kỷ luật trong ATVSLĐ?</p> <p>3. Phân tích và bình luận các quy định của pháp luật về quy trình xử lý kỷ luật ATVSLĐ?</p>	1	1	
9	<p>Chương 9: Pháp luật về giải quyết tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.1. Tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.1.1. Khái niệm tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.1.2. Đặc điểm của tranh chấp ATVSLĐ</p>	2	1	1

<p>9.1.3. Phân loại tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.2. Giải quyết tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.2.1. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.2.2. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.2.3. Thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.2.4. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp ATVSLĐ</p> <p>9.3. Đình công và giải quyết về ATVSLĐ</p> <p>9.3.1. Khái niệm và dấu hiệu cơ bản của đình công</p> <p>9.3.2. Đình công hợp pháp.</p> <p>9.3.3. Đình công bất hợp pháp</p> <p>9.3.4. Giải quyết đình công</p> <p>Câu hỏi Chương 9:</p> <p>1. Phân biệt tranh chấp lao động cá nhân với tranh chấp lao động tập thể?</p> <p>2. Phân tích quy trình giải quyết tranh chấp lao động?</p> <p>3. Phân tích các dấu hiệu của đình công?</p> <p>4. Phân tích các điều kiện của một cuộc đình công công hợp pháp?</p>			
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Bộ môn Tin học

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thủy Khánh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin học, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 84-4-38573608

- Email: khanhnt@dhcd.edu.vn

2.1. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Trần Minh Tuyền

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin học, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 84-4-38573608

- Email: tuyentm@dhcd.edu.vn

2.1. Giảng viên 3:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thanh Bình

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin học, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 84-4-38573608

- Email: binhnt@dhcd.edu.vn

2.1. Giảng viên 4:

- Họ và tên giảng viên: Lê Thị Bích Phượng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin học, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 84-4-38573608

- Email: phuonglbt@dhcd.edu.vn

2.1. Giảng viên 5:

- Họ và tên giảng viên: Trần Thanh Thủy

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin học, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 84-4-38573608

- Email: thuytt@dhcd.edu.vn

2.1. Giảng viên 6:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin học, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-4-38573608 - Email: trangnt@dhcd.edu.vn

2.1. Giảng viên 7:

- Họ và tên giảng viên: Lê Thị Hào
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin học, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-4-38573608 - Email: haolt@dhcd.edu.vn

2.1. Giảng viên 8:

- Họ và tên giảng viên: Dương Thị Lan Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin học, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-4-38573608 - Email: huongdtl@dhcd.edu.vn

2.1. Giảng viên 9:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Hồng Thúy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin học, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-4-38573608 - Email: thuynth@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản**
- Tên (tiếng Anh): **Fundamentals of Informatics – basic Informatics skills**
- Mã học phần: **2401**

4. Số tín chỉ: 3**5. Cấu trúc học phần:**

- Giờ lý thuyết: 36
- Giờ thực hành: 18
- Giờ thảo luận: 0
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 135

Giải thích cách làm: Ghi đúng như Quy chế 43 “Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 tiết thực tập, thực tế tại cơ sở”. Riêng giờ

tự học học phần 2 tín chỉ ghi 90 tiết; 3 tín chỉ ghi 135 tiết

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tin học, CNTT xét trên quan điểm của người ứng dụng. Cung cấp các hiểu biết có tính hệ thống về tin học, hệ điều hành, phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu PowerPoint, mạng Internet.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Hiểu các khái niệm đại cương về Tin học, kiến trúc máy tính, an toàn thông tin và một số ứng dụng Tin học.	2	LO.3
<i>LO.1.2</i>	Hiểu khái niệm, chức năng, vai trò của hệ điều hành. Hiểu nguyên tắc hoạt động và cách quản lý dữ liệu của máy tính thông qua phần mềm hệ thống Windows.	2	
<i>LO.1.3</i>	Hiểu được cách thức tổ chức, soạn thảo, định dạng, lưu trữ và đánh giá văn bản bằng phần mềm soạn thảo Microsoft Word.	3	
<i>LO.1.4</i>	Hiểu được cách thức tổ chức, định dạng và tính toán dữ liệu bằng phần mềm bảng tính Microsoft Excel.	3	
<i>LO.1.5</i>	Hiểu được cách thức tổ chức, thiết kế và định dạng các bài thuyết trình bằng phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint	3	
<i>LO.1.6</i>	Hiểu được các kiến thức cơ bản về Internet, kỹ năng tìm kiếm thông tin và cách thức làm việc của một số ứng dụng trên Internet.	2	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Biết cách sử dụng các thiết bị phần cứng đúng qui trình và	3	LO.10

	các chương trình phần mềm trong máy tính.		
LO.2.2	Thực hiện các thao tác quản lý cơ bản trên phần mềm hệ thống quản phần mềm Windows.	3	
LO.2.3	Biết cách soạn thảo văn bản thành thạo bằng phần mềm Microsoft Word: định dạng văn bản, chèn các đối tượng vào văn bản, sử dụng bảng biểu trong văn bản.	5	
LO.2.4	Biết cách sử dụng bảng tính cơ bản bằng phần mềm Microsoft Excel: tạo lập dữ liệu và định dạng, sử dụng một số hàm tính toán cơ bản, thiết kế đồ thị.	5	
LO.2.5	Biết cách xây dựng bài thuyết trình bằng phần mềm Microsoft PowerPoint: thiết kế, biên tập nội dung bài thuyết trình. Biết áp dụng, thay đổi các kiểu hiệu ứng cho các đối tượng của trang thuyết trình.	5	
LO.2.6	Biết cách sử dụng một số trình duyệt web thông dụng, sử dụng công cụ tìm kiếm thông tin trên mạng, sử dụng thư điện tử.	3	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.3	Soạn thảo và định dạng một văn bản hành chính (tùy chọn) theo mẫu quy định.	4	LO.15 LO.16
LO.3.4	Phân tích, đưa ra các giải pháp trong việc sử dụng bảng tính để giải quyết các bài toán quản lý cơ bản.	4	
LO.3.5	Phân tích, thiết kế và sử dụng các bài thuyết trình hiệu quả	4	
LO.3.6	Khai thác và tìm kiếm thông tin trên Internet. Quản lý và sử dụng thư điện tử cơ bản	3	

Giải thích cách làm:

Có 6 cấp độ trong thang nhận thức Bloom gồm:

- + Cấp độ 1: Nhớ (Remembering)
- + Cấp độ 2: Hiểu (Understanding)
- + Cấp độ 3: Vận dụng (Applying)
- + Cấp độ 4: Phân tích (Analyzing)
- + Cấp độ 5: Đánh giá (Evaluating)
- + Cấp độ 6: Sáng tạo (Creating).

LO.1 là ký hiệu về chuẩn kiến thức; LO.1.1. là ký hiệu về chuẩn kiến thức mà sinh viên phải đạt được khi học chương 1;.....: LO.1.5. là ký hiệu về chuẩn kiến thức mà sinh

viên phải đạt được khi học chương 5 (Ghi chú: Không nhất thiết phải liệt kê đủ theo chương; Ví dụ, Nếu chương 2 không yêu cầu về chuẩn kiến thức đối với sinh viên thì khi mã hóa LO.1.1 tiếp sau là LO.1.3.)

Cột Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT) giảng viên không phải làm

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức có tính hệ thống về Đại cương về tin học, cơ bản hệ điều hành, phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint, cơ bản về Internet.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp, hoạt động dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Giảng viên	Sinh viên		
1	<p>CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ TIN HỌC</p> <p>1.1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ SỞ CỦA TIN HỌC</p> <p>1.1.1. Thông tin và dữ liệu</p> <p>1.1.2. Quá trình xử lý thông tin</p> <p>1.1.3. Khái niệm Tin học và Công nghệ thông tin</p> <p>1.1.4. Biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử</p> <p>1.2. MÁY TÍNH ĐIỆN TỬ (COMPUTER)</p> <p>1.2.1. Giới thiệu máy tính điện tử</p> <p>1.2.2. Các thế hệ máy tính</p> <p>1.2.3. Các kiểu máy tính</p> <p>1.2.4. Kiến trúc cơ bản của máy tính cá nhân</p> <p>1.3. MẠNG MÁY TÍNH</p> <p>1.3.1. Khái niệm</p> <p>1.3.2. Các loại mạng máy tính thông dụng</p> <p>1.4. AN TOÀN THÔNG TIN MÁY TÍNH</p> <p>1.4.1. An toàn cho thiết bị phần cứng</p> <p>1.4.2. An toàn cho dữ liệu và các chương trình phần mềm</p> <p>1.5. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài Làm BT chương 1</p>	<p>LO.1.1 LO2.1</p>	<p>Tài liệu học tập Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản tr 7-tr 26</p>

	THÔNG TIN <i>Bài tập chương 1</i>				
2	<p>CHƯƠNG 2 : HỆ ĐIỀU HÀNH</p> <p>2.1. GIỚI THIỆU HỆ ĐIỀU HÀNH</p> <p>2.2. LÀM VIỆC VỚI HỆ ĐIỀU HÀNH</p> <p>2.2.1. Các thành phần cơ bản của màn hình Windows</p> <p>2.2.2. Một số lệnh làm việc cơ bản trong Windows</p> <p>2.2.2. Các đối tượng làm việc trong Windows</p> <p>2.2.4. Một số khái niệm cơ bản File, Folder, Shortcut</p> <p>2.3. WINDOWS EXPLORER</p> <p>2.3.1. Cửa sổ màn hình</p> <p>2.3.2. Thay đổi hình thức hiển thị trên khung phải</p> <p>2.4. QUẢN LÝ THƯ MỤC VÀ TẬP TIN</p> <p>2.4.1. Tạo thư mục</p> <p>2.4.2. Tạo Shortcut</p> <p>2.4.3. Đổi tên tập tin hay thư mục</p> <p>2.4.4. Di chuyển một tập tin hay thư mục</p> <p>2.4.5. Sao chép một tập tin hay thư mục</p> <p>2.4.6. Xóa tập tin hay thư mục</p> <p>2.4.7. Tìm kiếm tập tin hay thư mục</p> <p>2.5. QUẢN LÝ CẤU HÌNH CỬA WINDOWS</p> <p>2.5.1. Đổi mật khẩu đăng nhập</p> <p>2.5.2. Loại bỏ chương trình</p> <p>2.5.3. Cấu hình ngày, giờ hệ thống</p> <p>2.5.4. Thay đổi thuộc tính vùng miền (Regional Settings)</p> <p>2.6. SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT</p> <p><i>Bài tập chương 2</i></p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thực hiện các BT chương 2	LO.1.2 LO.2.2	Tài liệu học tập Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản tr 27-tr 44
3	<p>CHƯƠNG 3 : MICROSOFT WORD</p> <p>3.1. KHÁI NIỆM VỀ VĂN</p>	Thuyết giảng, giải thích	Đọc TLTK Tham	LO.1.3 LO.2.3 LO.3.3	Tài liệu học tập Kỹ năng sử dụng

<p>BẢN VÀ VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Phân loại văn bản</p> <p>3.2. YÊU CẦU CHUNG VỀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN</p> <p>3.2.1. Yêu cầu chung về nội dung văn bản</p> <p>3.2.2. Yêu cầu về ngôn ngữ văn bản</p> <p>3.2.3. Yêu cầu về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản</p> <p>3.3. MỘT SỐ THAO TÁC CƠ BẢN</p> <p>3.3.1. Các thao tác ban đầu</p> <p>3.3.2. Một số thao tác với file văn bản</p> <p>3.4. CÁC KỸ NĂNG SOẠN THẢO, HIỆU CHỈNH</p> <p>3.4.1. Kỹ năng soạn thảo văn bản</p> <p>3.4.2. Kỹ năng hiệu chỉnh văn bản</p> <p>3.5. CÁC KỸ NĂNG ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN</p> <p>3.5.1. Định dạng ký tự</p> <p>3.5.2. Định dạng đoạn</p> <p>3.5.3. Định dạng TAB</p> <p>3.5.4. Sao chép định dạng</p> <p>3.5.5. Định dạng trang văn bản</p> <p>3.6. IN VĂN BẢN</p> <p>3.7. CÁC THAO TÁC SOẠN THẢO ĐẶC BIỆT</p> <p>3.7.1. Chèn các ký tự đặc biệt</p> <p>3.7.2. Chữ đầu tiên của đoạn viết to</p> <p>3.7.3. Chèn hình ảnh</p> <p>3.7.4. Tạo chữ nghệ thuật</p> <p>3.7.5. Tạo công thức toán học</p> <p>3.7.6. Biểu đồ</p> <p>3.7.7. Công cụ vẽ hình</p> <p>3.7.8. Sơ đồ tổ chức</p> <p>3.7.9. Văn bản dạng cột</p> <p>3.7.10. Chèn ghi chú</p> <p>3.8. BẢNG BIỂU (TABLE)</p>	<p>cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thực hiện các BT chương 3</p>	<p>CNTT cơ bản tr 45-tr 100</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------

	<p>3.8.1. Khái niệm</p> <p>3.8.2. Tạo bảng biểu</p> <p>3.8.3. Di chuyển con trỏ trong bảng</p> <p>3.8.4. Hiệu chỉnh bảng biểu</p> <p>3.8.5. Sắp xếp dữ liệu trong bảng</p> <p>3.8.6. Tính toán trong bảng</p> <p><i>Bài tập chương 3</i></p>				
4	<p>CHƯƠNG 4: MICROSOFT EXCEL</p> <p>4.1. GIỚI THIỆU CHUNG</p> <p>4.2. MỘT SỐ THAO TÁC CƠ BẢN</p> <p>4.2.1. Các thao tác ban đầu</p> <p>4.2.2. Các thao tác cơ bản đối với file bảng tính</p> <p>4.3. DỮ LIỆU TRONG BẢNG TÍNH</p> <p>4.3.1. Địa chỉ</p> <p>4.3.2. Thao tác chung về nhập dữ liệu</p> <p>4.3.3. Các kiểu dữ liệu</p> <p>4.3.4. Các phương pháp tham chiếu</p> <p>4.3.5. Nhập dữ liệu tự động cho dãy biến đổi đều</p> <p>4.3.6. Sắp xếp dữ liệu</p> <p>4.4. HIỆU CHỈNH VÀ ĐỊNH DẠNG BẢNG TÍNH</p> <p>4.4.1. Lựa chọn khối ô</p> <p>4.4.2. Hiệu chỉnh cấu trúc bảng</p> <p>4.4.3. Hiệu chỉnh dữ liệu trong ô</p> <p>4.4.4. Định dạng bảng tính</p> <p>4.5. HÀM TRONG EXCEL (FUNCTION)</p> <p>4.5.1. Hàm trong Excel</p> <p>4.5.2. Các hàm thường dùng</p> <p>4.6. BIỂU ĐỒ - ĐỒ THỊ TRONG EXCEL</p> <p>4.6.1. Vẽ đồ thị</p> <p>4.6.2. Hiệu chỉnh đồ thị</p> <p>4.6.3. Định dạng đồ thị</p> <p><i>Bài tập chương 4</i></p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thực hiện các BT chương 4	LO.1.4 LO.2.4 LO.3.4	Tài liệu học tập Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản tr 101-tr 146
5	<p>CHƯƠNG 5: MICROSOFT POWERPOINT</p>	Thuyết giảng,	Đọc TLTK	LO.1.5 LO.2.5	Tài liệu học tập Kỹ năng

	<p>5.1. GIỚI THIỆU VÀ CÁC THAO TÁC CƠ BẢN</p> <p>5.1.1. Giới thiệu</p> <p>5.1.2. Khởi động</p> <p>5.1.3. Màn hình làm việc</p> <p>5.1.4. Các thao tác cơ bản với file thuyết trình</p> <p>5.2. LÀM VIỆC VỚI CÁC TRANG TRÌNH DIỄN (SLIDE)</p> <p>5.2.1. Bố cục trang thuyết trình (Slide Layout)</p> <p>5.2.2. Các thao tác với Slide</p> <p>5.2.3. Trang thuyết trình chủ (Slide Master)</p> <p>5.2.4. Chèn các đối tượng</p> <p>5.2.5. Định dạng Slide</p> <p>5.3. TẠO HIỆU ỨNG CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG</p> <p>5.3.1. Hiệu ứng cho các đối tượng trên Slide</p> <p>5.3.2. Hiệu ứng chuyển slide</p> <p>5.4. TRÌNH CHIẾU</p> <p>5.4.1. Thiết lập trình chiếu</p> <p>5.4.2. Trình chiếu</p> <p>5.5. IN ẤN</p> <p><i>Bài tập chương 5</i></p>	<p>giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thực hiện các BT chương 5</p>	<p>LO.3.5</p>	<p>sử dụng CNTT cơ bản tr 147-tr 168</p>
<p>6</p>	<p>CHƯƠNG 6: INTERNET</p> <p>6.1. GIỚI THIỆU CHUNG</p> <p>6.2. MẠNG INTERNET</p> <p>6.2.1. Khái niệm</p> <p>6.2.2. Lịch sử hình thành</p> <p>6.2.3. Kết nối Internet</p> <p>6.2.4. Một số khái niệm cơ bản trên Internet</p> <p>6.2.5. Các dịch vụ và ứng dụng trên Internet</p> <p>6.3. TRÌNH DUYỆT WEB (WEB BROWSER)</p> <p>6.3.1. Giới thiệu</p> <p>6.3.2. Trình duyệt WEB Google Chrome</p> <p>6.4. TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET</p> <p>6.4.1. Giới thiệu</p> <p>6.4.2. Các cách tìm kiếm thông tin</p> <p>6.5. TẢI THÔNG TIN VÀ</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thực hiện các BT chương 6</p>	<p>LO.1.6 LO.2.6 LO.3.6</p>	<p>Tài liệu học tập Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản tr 169-tr 195</p>

	<p>ĐƯA THÔNG TIN LÊN MẠNG</p> <p>6.5.1. Tải thông tin (download) từ trên mạng</p> <p>6.5.2. Đưa thông tin (upload) lên mạng</p> <p>6.6. THƯ ĐIỆN TỬ (EMAIL)</p> <p>6.6.1. Khái niệm</p> <p>6.6.2. Các mô hình hoạt động của dịch vụ E mail</p> <p>6.6.3. Sử dụng dịch vụ thư điện tử (Email)</p> <p>6.6.4. Các chức năng cơ bản của Webmail</p> <p>6.6.5. Cách sử dụng Webmail của Google.</p> <p>6.6.6. Cài đặt Email trả lời tự động.</p> <p>6.7 GIỚI THIỆU MỘT SỐ ỨNG DỤNG</p> <p>6.7.1. Mạng xã hội</p> <p>6.7.2. Các diễn đàn (Forum)</p> <p>Bài tập chương 6</p>				
	<p>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</p>				
	<p>Bài kiểm tra số 1</p>		<p>Thực hiện theo đề tài được giao</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.2 LO.2.3 LO.3.3</p>	
	<p>Bài kiểm tra số 2</p>		<p>Chuẩn bị bài và Thảo luận theo đề tài được giao</p>	<p>LO.1.1 LO.1.2 LO.1.4 LO.2.2 LO.2.3 LO.2.4 LO.3.4</p>	

Giải thích cách làm: Cột CDR của từng chương giảng viên chỉ cần gộp của CDR về kiến thức, về kỹ năng, về Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp đã thống kê ở bảng trên theo thứ tự chương khi giảng từ 1 đến hết.

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Người học đã học các học phần

- Tên học phần tiên quyết:

Mã HP:

- Tên học phần tiên quyết:

Mã HP:

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận, hoàn thành tốt các bài tập làm trên máy tính, các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

9. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

9.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ lý thuyết, thảo luận và các giờ làm bài tập trên máy tính.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị và làm bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập trên máy (điều kiện)

9.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 6, tuần 12)

++ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau các chương học, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

++ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

++ Hình thức: Bài làm trên máy tính (1 giờ)

9.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

- + Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.
 - + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.
 - + Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề
 - + Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.
- Hình thức: Thi trên máy tính (90 phút) (Theo ma trận đề thi – Phụ lục)

9.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần						
		LO1.1 LO1.2	LO.1.3	LO.1.4 LO.1.5 LO.1.6	LO.2.1 LO.2.2 LO.2.3	LO.2.4 LO.2.5 LO.2.6	LO.3.1 LO.3.3	LO.3.4 LO.3.5 LO.3.6
<u>1</u>	<u>Điểm chuyên cần (10%)</u>	<u>X</u>	<u>X</u>	<u>X</u>	<u>X</u>	<u>X</u>	<u>X</u>	<u>X</u>
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)							
2.1.	Bài kiểm tra lần 1	X	X		X		X	
2.2.	Bài kiểm tra lần 2	X		X		X		X
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X

Giải thích cách làm: Cột CDR của học phần nếu ở mục 7 liệt kê bao nhiêu chuẩn thì ở bảng đánh giá phải liệt kê hết. Riêng phần điểm chuyên cần và điểm thi kết thúc học phần đánh hết các chuẩn cần phải có.

9.6. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần	Đi học khá chuyên cần	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70%

		30%-40%	20%-30%			
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30%
Điểm trừ	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh giá thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung	Nội dung phù hợp với yêu cầu,	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ	50%

	không phù hợp	hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH		
Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định	Trọng số

đánh giá	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

	hiếu					
--	------	--	--	--	--	--

10. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

10.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Bộ môn Tin học	Được cập nhật hàng năm	Tài liệu học tập: Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	

10.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	PGS.TS. Vũ Quang Thọ	2015	Giáo trình tin học đại cương	NXB Lao động

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL/TH	KT
1	CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ TIN HỌC 1.1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ SỞ CỦA TIN HỌC 1.1.1. Thông tin và dữ liệu 1.1.2. Quá trình xử lý thông tin 1.1.3. Khái niệm Tin học và Công nghệ thông tin 1.1.4. Biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử 1.2. MÁY TÍNH ĐIỆN TỬ (COMPUTER) 1.2.1. Giới thiệu máy tính điện tử 1.2.2. Các thế hệ máy tính 1.2.3. Các kiểu máy tính 1.2.4. Kiến trúc cơ bản của máy tính cá nhân 1.3. MẠNG MÁY TÍNH	4		

	1.3.1. Khái niệm 1.3.2. Các loại mạng máy tính thông dụng 1.4. AN TOÀN THÔNG TIN MÁY TÍNH 1.4.1. An toàn cho thiết bị phần cứng 1.4.2. An toàn cho dữ liệu và các chương trình phần mềm 1.5. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN <i>Bài tập chương 1</i>			
2	CHƯƠNG 2 : HỆ ĐIỀU HÀNH 2.1. GIỚI THIỆU HỆ ĐIỀU HÀNH 2.2. LÀM VIỆC VỚI HỆ ĐIỀU HÀNH 2.2.1. Các thành phần cơ bản của màn hình Windows 2.2.2. Một số lệnh làm việc cơ bản trong Windows 2.2.2. Các đối tượng làm việc trong Windows 2.2.4. Một số khái niệm cơ bản File, Folder, Shortcut 2.3. WINDOWS EXPLORER 2.3.1. Cửa sổ màn hình 2.3.2. Thay đổi hình thức hiển thị trên khung phải 2.4. QUẢN LÝ THƯ MỤC VÀ TẬP TIN 2.4.1. Tạo thư mục 2.4.2. Tạo Shortcut 2.4.3. Đổi tên tập tin hay thư mục 2.4.4. Di chuyển một tập tin hay thư mục 2.4.5. Sao chép một tập tin hay thư mục 2.4.6. Xóa tập tin hay thư mục 2.4.7. Tìm kiếm tập tin hay thư mục 2.5. QUẢN LÝ CẤU HÌNH CỦA WINDOWS 2.5.1. Đổi mật khẩu đăng nhập 2.5.2. Loại bỏ chương trình 2.5.3. Cấu hình ngày, giờ hệ thống 2.5.4. Thay đổi thuộc tính vùng miền (Regional Settings) 2.6. SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT <i>Bài tập chương 2</i>	4	1	
3	CHƯƠNG 3 : MICROSOFT WORD 3.1. KHÁI NIỆM VỀ VĂN BẢN VÀ VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Phân loại văn bản 3.2. YÊU CẦU CHUNG VỀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN 3.2.1. Yêu cầu chung về nội dung văn bản 3.2.2. Yêu cầu về ngôn ngữ văn bản 3.2.3. Yêu cầu về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản 3.3. MỘT SỐ THAO TÁC CƠ BẢN 3.3.1. Các thao tác ban đầu 3.3.2. Một số thao tác với file văn bản 3.4. CÁC KỸ NĂNG SOẠN THẢO, HIỆU CHỈNH 3.4.1. Kỹ năng soạn thảo văn bản	10	6	

	<p>3.4.2. Kỹ năng hiệu chỉnh văn bản</p> <p>3.5. CÁC KỸ NĂNG ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN</p> <p>3.5.1. Định dạng ký tự</p> <p>3.5.2. Định dạng đoạn</p> <p>3.5.3. Định dạng TAB</p> <p>3.5.4. Sao chép định dạng</p> <p>3.5.5. Định dạng trang văn bản</p> <p>3.6. IN VĂN BẢN</p> <p>3.7. CÁC THAO TÁC SOẠN THẢO ĐẶC BIỆT</p> <p>3.7.1. Chèn các ký tự đặc biệt</p> <p>3.7.2. Chữ đầu tiên của đoạn viết to</p> <p>3.7.3. Chèn hình ảnh</p> <p>3.7.4. Tạo chữ nghệ thuật</p> <p>3.7.5. Tạo công thức toán học</p> <p>3.7.6. Biểu đồ</p> <p>3.7.7. Công cụ vẽ hình</p> <p>3.7.8. Sơ đồ tổ chức</p> <p>3.7.9. Văn bản dạng cột</p> <p>3.7.10. Chèn ghi chú</p> <p>3.8. BẢNG BIỂU (TABLE)</p> <p>3.8.1. Khái niệm</p> <p>3.8.2. Tạo bảng biểu</p> <p>3.8.3. Di chuyển con trỏ trong bảng</p> <p>3.8.4. Hiệu chỉnh bảng biểu</p> <p>3.8.5. Sắp xếp dữ liệu trong bảng</p> <p>3.8.6. Tính toán trong bảng</p> <p><i>Bài tập chương 3</i></p>			
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>			1
4	<p>CHƯƠNG 4: MICROSOFT EXCEL</p> <p>4.1. GIỚI THIỆU CHUNG</p> <p>4.2. MỘT SỐ THAO TÁC CƠ BẢN</p> <p>4.2.1. Các thao tác ban đầu</p> <p>4.2.2. Các thao tác cơ bản đối với file bảng tính</p> <p>4.3. DỮ LIỆU TRONG BẢNG TÍNH</p> <p>4.3.1. Địa chỉ</p> <p>4.3.2. Thao tác chung về nhập dữ liệu</p> <p>4.3.3. Các kiểu dữ liệu</p> <p>4.3.4. Các phương pháp tham chiếu</p> <p>4.3.5. Nhập dữ liệu tự động cho dãy biến đổi đều</p> <p>4.3.6. Sắp xếp dữ liệu</p> <p>4.4. HIỆU CHỈNH VÀ ĐỊNH DẠNG BẢNG TÍNH</p> <p>4.4.1. Lựa chọn khối ô</p> <p>4.4.2. Hiệu chỉnh cấu trúc bảng</p> <p>4.4.3. Hiệu chỉnh dữ liệu trong ô</p> <p>4.4.4. Định dạng bảng tính</p> <p>4.5. HÀM TRONG EXCEL (FUNCTION)</p>	10	6	

	<p>4.5.1. Hàm trong Excel 4.5.2. Các hàm thường dùng 4.6. BIỂU ĐỒ - ĐỒ THỊ TRONG EXCEL 4.6.1. Vẽ đồ thị 4.6.2. Hiệu chỉnh đồ thị 4.6.3. Định dạng đồ thị Bài tập chương 4</p>			
5	<p>CHƯƠNG 5: MICROSOFT POWERPOINT 5.1. GIỚI THIỆU VÀ CÁC THAO TÁC CƠ BẢN 5.1.1. Giới thiệu 5.1.2. Khởi động 5.1.3. Màn hình làm việc 5.1.4. Các thao tác cơ bản với file thuyết trình 5.2. LÀM VIỆC VỚI CÁC TRANG TRÌNH DIỄN (SLIDE) 5.2.1. Bố cục trang thuyết trình (Slide Layout) 5.2.2. Các thao tác với Slide 5.2.3. Trang thuyết trình chủ (Slide Master) 5.2.4. Chèn các đối tượng 5.2.5. Định dạng Slide 5.3. TẠO HIỆU ỨNG CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG 5.3.1. Hiệu ứng cho các đối tượng trên Slide 5.3.2. Hiệu ứng chuyển slide 5.4. TRÌNH CHIẾU 5.4.1. Thiết lập trình chiếu 5.4.2. Trình chiếu 5.5. IN ÁN Bài tập chương 5</p>	4	2	
6	<p>CHƯƠNG 6: INTERNET 6.1. GIỚI THIỆU CHUNG 6.2. MẠNG INTERNET 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Lịch sử hình thành 6.2.3. Kết nối Internet 6.2.4. Một số khái niệm cơ bản trên Internet 6.2.5. Các dịch vụ và ứng dụng trên Internet 6.3. TRÌNH DUYỆT WEB (WEB BROWSER) 6.3.1. Giới thiệu 6.3.2. Trình duyệt WEB Google Chrome 6.4. TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET 6.4.1. Giới thiệu 6.4.2. Các cách tìm kiếm thông tin 6.5. TẢI THÔNG TIN VÀ ĐƯA THÔNG TIN LÊN MẠNG 6.5.1. Tải thông tin (download) từ trên mạng 6.5.2. Đưa thông tin (upload) lên mạng 6.6. THƯ ĐIỆN TỬ (EMAIL)</p>	4	1	

	6.6.1. Khái niệm 6.6.2. Các mô hình hoạt động của dịch vụ E mail 6.6.3. Sử dụng dịch vụ thư điện tử (Email) 6.6.4. Các chức năng cơ bản của Webmail 6.6.5. Cách sử dụng Webmail của Google. 6.6.6. Cài đặt Email trả lời tự động. 6.7 GIỚI THIỆU MỘT SỐ ỨNG DỤNG 6.7.1. Mạng xã hội 6.7.2. Các diễn đàn (Forum) <i>Bài tập chương 6</i>			
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

Nguyễn Thủy Khánh

Nguyễn Thủy Khánh

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: ĐẠI CƯƠNG VỀ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Quan hệ lao động và Công đoàn

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Anh Tuấn

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Quan hệ lao động và Công đoàn, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 84-4-38517078

- Email: tuanna@dhcd.edu.vn

2.2. Các giảng viên trong khoa

TS. Nguyễn Thị Thùy Yên

Ths. Nguyễn Hoàng Mai

Ths. Lê Thanh Thủy

Ths. Bùi Thị Minh Phương

- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 84-4-38517

- Email:

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Đại cương về Công đoàn Việt Nam

- Tên (tiếng Anh): Overview of the Vietnam Trade Union

- Mã học phần: **1110**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20

- Giờ thực hành: 05

- Giờ thảo luận: 05

- Giờ báo cáo thực tế: 0

- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Mục tiêu của học phần (bằng tiếng Việt):

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam như quá trình hình thành và phát triển của tổ chức Công đoàn Việt Nam, tính chất, vị trí, vai trò, chức năng của Công đoàn Việt Nam, nguyên tắc tổ chức

và hoạt động của Công đoàn Việt Nam

Giúp cho sinh viên làm quen với các kỹ năng trong tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam như: Kỹ năng tổ chức làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết tình huống trong môn học, từ đó nắm được một số kỹ năng cần có đối với cán bộ Công đoàn.

Môn học giúp cho sinh viên học tự tin trong giả quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ lao động, trình bày một vấn đề, thân thiện với các đồng nghiệp trong công việc; nhiệt tình với mọi công việc được giao; bản lĩnh trong việc giải quyết những tình huống nảy sinh trong công việc.

6.2. Mục tiêu của học phần (bằng tiếng Anh):

Equip learners with basic knowledge about the organization and operation of the Vietnam Trade Union, such as the formation and development of the Vietnam Trade Union, the nature, position, role and functions of the Trade Union. Vietnamese delegation, principles of organization and operation of the Vietnam Trade Union.

Help students get acquainted with the skills in the organization and activities of the Vietnam Trade Union such as: teamwork organization skills, communication skills, skills in dealing with situations in the subject, from which to grasp some skills required for Union officials.

The course helps students learn confidently in solving problems that arise in labor relations, presenting a problem, friendly with colleagues at work; enthusiasm for all assigned jobs; bravery in dealing with situations that arise at work.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR Học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	- Nhớ được các khái niệm cơ bản	1	LO.1
	- Hiểu được bản chất hoạt động công đoàn	2	LO.4

	- Vận dụng kiến thức chuyên môn để xác định được vị trí, vai trò, chức năng của tổ chức công đoàn trong thực tiễn	3	
	- Phân tích được vị trí, vai trò, chức năng trong công đoàn Việt Nam	4	
LO.1.2	- Vận dụng được kiến thức chuyên môn để xác định vị trí, vai trò, chức năng trong hoạt động Công đoàn	3	
	- Phân tích được các vị trí, vai trò, chức năng trong hoạt động Công đoàn	4	
	- Đánh giá được hiệu quả áp dụng các vị trí, vai trò, chức năng trong hoạt động Công đoàn	5	
LO.1.3	- Hiểu được các kỹ năng cơ bản trong hoạt động công đoàn	2	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
LO.2.1	- Vận dụng được kiến thức chuyên môn để xác định bản chất, vai trò của hoạt động công đoàn	3	LO.5 LO.6
	- Phân tích được các nội dung trong hoạt động công đoàn	4	
LO.2.2	- Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp trong hoạt động công đoàn	4	
	- Đánh giá tính hiệu quả việc áp dụng các nội dung, hình thức hoạt động công đoàn trong thực tiễn	5	
LO.2.3	- Vận dụng được các kỹ năng trong hoạt động công đoàn	3	
	- Sáng tạo phát triển các kỹ năng hoạt động công đoàn	6	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.1	- Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn tổ chức các hoạt động trong hoạt động công đoàn	3	LO.15 LO.16
LO.3.2	- Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch xây dựng các nội dung và hình thức hoạt động công đoàn	3	
	- Có trách nhiệm nghề nghiệp trong việc vận dụng kiến thức chuyên môn để bảo vệ quyền, lợi ích chính	3	

	đáng của đoàn viên và người lao động tại công đoàn các cấp		
LO.3.3	- Có năng lực thực hiện các kỹ năng bảo vệ quyền lợi ích, hợp pháp chính đáng của đoàn viên, người lao động.	5	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

- Bằng tiếng Việt:

Môn học gồm ba nhóm vấn đề chính:

Vấn đề thứ nhất: Khái quát sự hình thành và phát triển của tổ chức Công đoàn Việt Nam qua các thời kỳ;

Vấn đề thứ hai: Tính chất, vị trí, mối quan hệ của Công đoàn Việt Nam với các thành viên trong hệ thống chính trị, mối quan hệ với người sử dụng lao động, người lao động; Vai trò, các chức năng cơ bản của Công đoàn Việt Nam;

Vấn đề thứ ba: Nguyên tắc, phương pháp hoạt động của Công đoàn Việt Nam, các hoạt động cơ bản của Công đoàn, nhiệm vụ quyền hạn của đoàn viên Công đoàn.

- Bằng tiếng Anh:

The subject consists of three main groups of problems: The first issue: Overview of the formation and development of the Vietnam Trade Union organization through periods;

The second issue: The nature, position, relationship of the Vietnam Trade Union with members in the political system, relationship with the employer, the employee; The role and basic functions of the Vietnam Trade Union;

The third issue: Principles and methods of operation of the Vietnam Trade Union, the basic activities of the Trade Union, duties and powers of Trade Union members.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp, hoạt động dạy & học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Giảng viên	Sinh viên		
1	CHƯƠNG 1	- Thuyết giảng	- Lắng nghe bài	LO.1.1 LO.2.1	Tài liệu học tập tr5-

<p>QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</p> <p>1.1. SỰ HÌNH THÀNH CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</p> <p><i>1.1.1. Hoàn cảnh ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam</i></p> <p><i>1.1.2. Công đoàn Cách mạng Việt Nam</i></p> <p>1.2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</p> <p><i>1.2.1. Công đoàn Việt Nam trong thời kỳ 1930 – 1945</i></p> <p><i>1.2.2. Công đoàn Việt Nam trong thời kỳ 1945 – 1954</i></p> <p><i>1.2.3. Công đoàn Việt Nam trong thời kỳ 1954 – 1975</i></p> <p><i>1.2.4. Công đoàn Việt Nam trong thời kỳ 1975 – 1986</i></p> <p><i>1.2.5. Công đoàn Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới</i></p>	<p>- Động não</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>giảng</p> <p>- Suy nghĩ, tự do nêu ý tưởng riêng</p> <p>- Phát biểu và chia sẻ các quan điểm, cùng nhau nắm vững vấn đề học tập</p> <p>- Hoàn thành bài tập theo chương</p>	<p><i>LO.3.1</i></p>	<p>tr36</p> <p>1. Giáo trình” Đại cương Công đoàn Việt Nam” do PGS. TS Phạm Văn Hà chỉ biên, H, 2020</p> <p>2. Giáo trình Lý luận và Nghiệp vụ Công đoàn do PGS.TSKH Nguyễn Việt Vượng chủ biênH, 2015</p> <p>3. Giáo trình "Quan hệ đối tác xã hội” do PGS.TS Phạm Văn Hà chủ biênH, 2019</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	Bài tập chương 1	Thảo luận nhóm	Phát biểu và chia sẻ các quan điểm, cùng nhau nắm vững vấn đề học tập	<i>LO.2.1</i> <i>LO.3.1</i>	
2	<p>CHƯƠNG 2</p> <p>TÍNH CHẤT, VỊ TRÍ, VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</p> <p>2.1. TÍNH CHẤT CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</p> <p><i>2.1.1. Khái niệm</i></p> <p><i>2.1.2. Tính chất của Công đoàn Việt Nam</i></p> <p>2.2. VỊ TRÍ CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</p> <p><i>2.2.1. Khái niệm</i></p> <p><i>2.2.2. Vị trí của Công đoàn Việt Nam</i></p> <p><i>2.2.3. Mối quan hệ của Công đoàn Việt Nam</i></p> <p>2.3. VAI TRÒ CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</p> <p><i>2.4.1. Khái niệm</i></p> <p><i>2.4.2. Vai trò của Công đoàn Việt Nam</i></p>	<p>- Thuyết giảng</p> <p>- Động não</p> <p>- Thảo luận nhóm, đóng vai học tập</p>	<p>- Lắng nghe bài giảng</p> <p>- Suy nghĩ, tự do nêu ý tưởng riêng</p> <p>- Phát biểu và chia sẻ các quan điểm, cùng nhau nắm vững vấn đề học tập. Sinh viên đóng vai diễn, qua đó sinh viên thể hiện quan</p>	<i>LO.1.2</i> <i>LO.2.2</i> <i>LO.3.2</i>	

	<p>2.4. CHỨC NĂNG CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</p> <p>2.4.1. Khái niệm</p> <p>2.4.2. Chức năng của Công đoàn Việt Nam</p>		điểm, thái độ và cách ứng xử hợp lý		
	<i>Bài tập Chương 2</i>	Thảo luận nhóm, đóng vai học tập	- Phát biểu và chia sẻ các quan điểm, cùng nhau nắm vững vấn đề học tập. Sinh viên đóng vai diễn, qua đó sinh viên thể hiện quan điểm, thái độ và cách ứng xử hợp lý	LO.2.2 LO.3.2	
3	<p>CHƯƠNG 3</p> <p>TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</p> <p>3.1. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</p>	<p>- Thuyết giảng</p> <p>- Động não</p>	<p>- Lắng nghe bài giảng</p> <p>- Suy nghĩ, tự do nêu ý tưởng</p>	LO.1.3 LO.2.3 LO.3.3	

<p>3.1.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>3.1.2. <i>Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam</i></p> <p>3.1.3. <i>Hệ thống tổ chức của Công đoàn Việt Nam</i></p> <p>3.2. HOẠT ĐỘNG CỦA CĐ VIỆT NAM</p> <p>3.2.1. <i>Nội dung hoạt động của Công đoàn Việt Nam</i></p> <p>3.2.2. <i>Phương pháp hoạt động của Công đoàn Việt Nam</i></p>	<p>- Thảo luận nhóm, đóng vai học tập</p>	<p>riêng</p> <p>- Phát biểu và chia sẻ các quan điểm, cùng nhau nắm vững vấn đề học tập. Sinh viên đóng vai diễn, qua đó sinh viên thể hiện quan điểm, thái độ và cách ứng xử hợp lý</p>		
<p><i>Bài tập Chương 3</i></p>	<p>Thảo luận nhóm, đóng vai học tập</p>	<p>- Phát biểu và chia sẻ các quan điểm, cùng nhau nắm vững vấn đề học tập. Sinh viên đóng vai diễn, qua đó sinh</p>	<p><i>LO.2.3</i> <i>LO.3.3</i></p>	

			viên thể hiện quan điểm, thái độ và cách ứng xử hợp lý		
4	Bài kiểm tra thường xuyên (1 tiết/1 bài) (Đánh giá năng lực người học tại thời điểm kết thúc Chương 2)	Giao bài tập tình huống cho cá nhân	Hoàn thành bài kiểm tra trong thời gian 1 tiết	<i>LO.1.1</i> <i>LO.2.1</i> <i>LO.1.2</i> <i>LO.2.2</i> <i>LO.3.2</i>	
6	Bài thi kết thúc học phần (90 phút/1 bài) (Đánh giá năng lực người học tại thời điểm kết thúc thời gian ôn thi học phần)	Bài viết	Hoàn thành bài thi học phần trong thời gian 90 phút	<i>LO.1.1</i> <i>LO.2.1</i> <i>LO.3.1</i> <i>LO.1.2</i> <i>LO.2.2</i> <i>LO.3.2</i> <i>LO.1.3</i> <i>LO.2.3</i> <i>LO.3.3</i>	

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Người học đã học các học phần

- Triết học Mac- Lenin

Mã HP: 1808

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên tích cực tham gia học tập và đóng góp ý kiến trao đổi, xây dựng bài học. Sinh viên suy nghĩ, tự do nêu ý tưởng riêng nhằm kích thích tư duy, tìm sáng kiến để giải quyết vấn đề.

Sinh viên tích cực phát biểu và chia sẻ các quan điểm, thảo luận nhóm để nắm vững vấn đề học tập. Sinh viên chủ động và tích cực đóng vai diễn, qua đó thể hiện quan điểm, thái độ và cách ứng xử hợp lý.

Sinh viên hoàn thành việc tham gia các bài tập theo Chương, Kiểm tra thường xuyên, tham dự kì thi kết thúc học phần đúng quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua

1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X	X	X	X			
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình.

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Nghi học quá 20% số tiết	Nghi học từ 11% → 19% số tiết	Nghi học từ 6% → 10% số tiết	Nghi học 1% → 5% số tiết	Đi học 100% số tiết	80%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến,	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học,	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	20%
Điểm trừ	Quy định 02 lần khiển trách hạ 1 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

RUBRIC ĐIỂM THẢO LUẬN NHÓM				
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%

Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

	nghe không hiểu					
--	-----------------------	--	--	--	--	--

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Phạm Văn Hà	2020	Giáo trình Đại cương Công đoàn Việt Nam	Nxb Dân trí

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	PGS.TSKH. Nguyễn Việt Vượng	2015	Giáo trình Lý luận và nghiệp vụ công đoàn (3 tập)	Nxb Lao động, Hà Nội
2	PGS. TS Phạm Văn Hà	2019	Giáo trình Quan hệ đối tác xã hội	Nxb Lao động, Hà Nội

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL/TH	KT
1	<p>CHƯƠNG 1</p> <p>QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</p> <p>1.1. SỰ HÌNH THÀNH CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</p> <p><i>1.1.1. Hoàn cảnh ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam</i></p> <p><i>1.1.2. Công đoàn Cách mạng Việt Nam</i></p> <p>1.2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</p> <p><i>1.2.1. Công đoàn Việt Nam trong thời kỳ 1930 – 1945</i></p> <p><i>1.2.2. Công đoàn Việt Nam trong thời kỳ 1945 – 1954</i></p> <p><i>1.2.3. Công đoàn Việt Nam trong thời kỳ 1954 – 1975</i></p>	5		

	1.2.4. Công đoàn Việt Nam trong thời kỳ 1975 – 1986 1.2.5. Công đoàn Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới			
	Bài tập thảo luận Chương 1		3	
2	CHƯƠNG 2 TÍNH CHẤT, VỊ TRÍ, VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM 2.1. TÍNH CHẤT CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM <i>2.1.1. Khái niệm</i> <i>2.1.2. Tính chất của Công đoàn Việt Nam</i> 2.2. VỊ TRÍ CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM <i>2.2.1. Khái niệm</i> <i>2.2.2. Vị trí của Công đoàn Việt Nam</i> <i>2.2.3. Mối quan hệ của Công đoàn Việt Nam</i> 2.3. VAI TRÒ CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM <i>2.4.1. Khái niệm</i> <i>2.4.2. Vai trò của Công đoàn Việt Nam</i> 2.4. CHỨC NĂNG CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM 2.4.1. Khái niệm 2.4.2. Chức năng của Công đoàn Việt Nam	5		
	Bài tập Chương 2 - Thảo luận - Thực hành đóng vai xử lý tình huống		3	
	Đánh giá giữa kì, bài kiểm tra			1
3	CHƯƠNG 3 TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM 3.1. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM <i>3.1.1. Khái niệm</i>	10		

	<p>3.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam</p> <p>3.1.3. Hệ thống tổ chức của Công đoàn Việt Nam</p> <p>3.2. HOẠT ĐỘNG CỦA CĐ VIỆT NAM</p> <p>3.2.1. Nội dung hoạt động của Công đoàn Việt Nam</p> <p>3.2.2. Phương pháp hoạt động của Công đoàn Việt Nam</p>			
	<p>Bài tập Chương 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận - Thực hành trả bài trên lớp các tình huống công đoàn bảo vệ quyền lợi ích, hợp pháp cho người lao động 		3	
		20	9	1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Nguyễn Anh Tuấn

TS. Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Học phần: Kỹ năng giao tiếp
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Bộ môn Khoa học cơ bản

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Vũ Thị Nga
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Khoa học cơ bản, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-4-38517074 - Email: ngavt@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Đỗ Thị Vân Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-4-38517080 Email: vananhdt@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **KỸ NĂNG GIAO TIẾP**
- Tên (tiếng Anh): **Communication skill**
- Mã học phần: **2113**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 30
- Giờ thực hành: 0
- Giờ thảo luận: 0
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Môn học Kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên cách nhìn khái quát về vai trò kỹ năng giao tiếp trong mọi hoạt động của xã hội cũng như đặc thù riêng với các đối tượng thân chủ của ngành CTXH. Đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên bước đầu làm

quen với những kỹ năng cần thiết khi tham gia vào mọi hoạt động giao tiếp trong cuộc sống. Nắm được vai trò, tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập và trong công việc.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Hiểu được khái quát vai trò, chức năng của giao tiếp	2	LO.1 LO.2
<i>LO.1.2</i>	Hiểu và phân tích được các khái niệm về giao tiếp; cấu trúc của hoạt động giao tiếp; các phương tiện giao tiếp.	2	
<i>LO.1.3</i>	Liên hệ và vận dụng được các kiến thức cơ bản về giao tiếp vào các nhóm kỹ năng giao tiếp cụ thể.	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Kỹ năng phân tích, đánh giá các quan hệ giao tiếp một cách hợp lý, trên cơ sở đó sinh viên có thể hoàn thiện hoạt động giao tiếp của mình;	4	LO.7
<i>LO.2.2</i>	Vận dụng các kỹ năng giao tiếp đã được trang bị một cách phù hợp, hiệu quả;	3	
<i>LO.2.3</i>	Kỹ năng thiết lập, phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống, học tập cũng như trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.	4	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Hiểu đúng về tầm quan trọng, vai trò của giao tiếp;	2	LO.15 LO.16
<i>LO.3.2</i>	Biết tự đánh giá điểm mạnh, hạn chế trong giao tiếp của bản thân và đề ra những biện pháp để hoàn thiện;	4	

LO.3.3	Tích cực đổi mới trong giao tiếp để đạt hiệu quả tốt hơn.	5	
--------	-----------------------------------------------------------	---	--

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Kỹ năng giao tiếp là môn học có tính thực tiễn cao, cung cấp cho sinh viên những kiến thức lí thuyết và thực hành thông qua hệ thống bài tập về các tình huống giao tiếp cụ thể. Trong quá trình học, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, ứng xử, đồng thời thực hành để rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức môn học vào các tình huống giao tiếp hằng ngày cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp và hoạt động dạy & học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Giảng viên	Sinh viên		
1	<p>Chương 1: Tổng quan về giao tiếp</p> <p>1. Các khái niệm</p> <p>1.1. Giao tiếp</p> <p>1.2. Kỹ năng giao tiếp</p> <p>2. Vai trò, chức năng của giao tiếp</p> <p>2.1. Vai trò của giao tiếp</p> <p>2.1.1. Vai trò của giao tiếp đối với đời sống xã hội</p> <p>2.1.2. Vai trò của giao tiếp đối với cá nhân</p> <p>2.1.2. Chức năng của giao tiếp</p> <p>2.2.1. Nhóm chức năng xã hội</p> <p>2.2.2. Nhóm chức năng tâm lí</p> <p>3. Phân loại giao tiếp</p> <p>3.1. Phân loại giao tiếp theo tính chất của tiếp xúc</p> <p>3.2. Phân loại giao tiếp theo quy cách của giao tiếp</p> <p>3.3. Phân loại giao tiếp theo vị thế</p> <p>3.4. Phân loại giao tiếp theo số lượng người tham gia giao tiếp và tình chất của mối quan hệ giữa họ.</p> <p>4. Cấu trúc của hoạt động giao tiếp</p> <p>5. Các phương tiện giao tiếp</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, giao bài về nhà	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm BT chương 1.</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.1</p> <p>LO.2.1</p> <p>LO.3.1</p>	Tr1 → tr80 (tài liệu chính)

	5.1. Phương tiện giao tiếp ngôn ngữ 5.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ				
	<p>Chương 2 : Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản</p> <p>1. Kỹ năng nghe hiệu quả trong giao tiếp</p> <p>1.1. Lợi ích của việc lắng nghe</p> <p>1.2. Những sai lầm thường mắc phải khi nghe</p> <p>1.3. Các mức độ lắng nghe và kỹ năng nghe có hiệu quả</p> <p>1.3.1. Các mức độ lắng nghe</p> <p>1.3.2. Kỹ năng lắng nghe có hiệu quả</p> <p>2. Kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp</p> <p>2.1. Kỹ năng đặt câu hỏi</p> <p>2.1.1. Dùng câu hỏi để thu thập thông tin</p> <p>2.1.2. Dùng câu hỏi với các mục đích khác</p> <p>2.2. Kỹ năng thuyết trình</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Các bước xây dựng một bài thuyết trình</p> <p>2.3. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại</p> <p>2.3.1. Gọi điện thoại</p> <p>2.3.2. Trả lời điện thoại</p> <p>2.4. Một số kỹ năng xã giao tiếp</p> <p>2.4.1. Chào hỏi</p> <p>2.4.2. Giới thiệu làm quen</p> <p>2.4.3. Bắt tay</p> <p>2.4.4. Trao danh thiếp</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, giao bài về nhà	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm bài thuyết trình</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.2</p> <p>LO.2.2</p> <p>LO.3.2</p>	Tr 96 → tr189 (tài liệu học chính)
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>				
	<p>Chương 3 : Kỹ năng giao tiếp trong đặc thù</p> <p>1. Kỹ năng giao tiếp bằng thư tín</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Một số quy tắc khi viết thư tín</p> <p>1.3. Phân loại thư tín</p> <p>1.4. Kỹ năng viết một số loại thư tín</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, giao	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm bài thuyết trình</p> <p>Tham gia phát biểu, trao</p>	<p>LO.1.3</p> <p>LO.2.3</p> <p>LO.3.3</p>	Tài liệu học chính + Tài liệu tham khảo

1.4.1. Thư đặt hàng, xác nhận đặt hàng, từ chối đặt hàng 1.4.2. Thư khiếu nại, trả lời khiếu nại, từ chối khiếu nại 1.4.3. Thư bán hàng 1.4.4. Thư yêu cầu thanh toán 2. Kỹ năng giao tiếp với thân chủ 2.1. Các hình thức giao tiếp với thân chủ 2.2. Nguyên tắc khi giao tiếp với thân chủ 2.3. Quá trình tác động tâm lý 2.4. Đặc điểm tâm lý chung của từng nhóm thân chủ 2.5. Những yêu cầu đối với nhân viên CTXH	bài về nhà	đổi ý kiến, xây dựng bài		
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------	--------------------------	--	--

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Không

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- Tham gia học tập trên lớp:

+ Đi học đầy đủ đảm bảo ít nhất 80% giờ nghe giảng trên lớp.

+ Tập trung nghe giảng.

+ Tích cực thảo luận, tham gia ý kiến xây dựng bài và làm bài tập.

- Phần tự học:

+ Hoàn thành tốt các bài tập được giao cho cá nhân, nhóm.

+ Đọc tài liệu trước khi lên lớp theo hướng dẫn của giảng viên.

10.2. Kiểm tra, đánh giá định kì: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

Hình thức đánh giá định kì: Kiểm tra tự luận 01 bài/50 phút trên lớp.

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

Hình thức đánh giá cuối kỳ: Kiểm tra tự luận, thời gian 90 phút.

(Theo ma trận đề thi - Phụ lục)

10.4. Lịch trình kiểm tra và thi (kể cả thi lại)

- Kiểm tra định kì
- + Kiểm tra 01 lần vào tuần 9.
- Thi hết học phần và thi lại theo kế hoạch của nhà trường.

10.5. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

T T	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần								
		LO1.1	LO1.2	LO1.3	LO2.1	LO2.2	LO2.3	LO3.1	LO3.2	LO3.3
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X	X					
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)				X	X	X	X	X	X

10.6. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Nghỉ học quá 20% số tiết	Nghỉ học từ 11% →19% số tiết	Nghỉ học từ 6% → 10% số tiết	Nghỉ học 1% →5% số tiết	Đi học 100% số tiết	80%

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	20%
Điểm trừ	Quy định 02 lần khiển trách hạ 1 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

RUBRIC ĐIỂM THẢO LUẬN NHÓM				
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ	50%

		thích		dụng video	thể	
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm	Tên sách, giáo trình,	NXB, tên tạp chí/nơi ban
----	-------------	-----	-----------------------	--------------------------

		XB	tên bài báo, văn bản	hành VB
2	TS Nguyễn Thị Hiền	2017	Kỹ năng giao tiếp	NXB Khoa học Xã hội

11.2. Danh mục liệu tài liệu tham khảo: Không

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL/TH	KT
1	<p>Chương 1: Tổng quan về giao tiếp</p> <p>1. Các khái niệm</p> <p>1.1. Giao tiếp</p> <p>1.2. Kỹ năng giao tiếp</p> <p>2. Vai trò, chức năng của giao tiếp</p> <p>2.1. Vai trò của giao tiếp</p> <p>2.1.1. Vai trò của giao tiếp đối với đời sống xã hội</p> <p>2.1.2. Vai trò của giao tiếp đối với cá nhân</p> <p>2.1.2. Chức năng của giao tiếp</p> <p>2.2.1. Nhóm chức năng xã hội</p> <p>2.2.2. Nhóm chức năng tâm lí</p> <p>3. Phân loại giao tiếp</p> <p>3.1. Phân loại giao tiếp theo tính chất của tiếp xúc</p> <p>3.2. Phân loại giao tiếp theo quy cách của giao tiếp</p> <p>3.3. Phân loại giao tiếp theo vị thế</p> <p>3.4. Phân loại giao tiếp theo số lượng người tham gia giao tiếp và tình chất của mối quan hệ giữa họ.</p> <p>4. Cấu trúc của hoạt động giao tiếp</p> <p>5. Các phương tiện giao tiếp</p> <p>5.1. Phương tiện giao tiếp ngôn ngữ</p> <p>5.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ</p>	6		
2	<p>Chương 2 : Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản</p> <p>1. Kỹ năng nghe hiệu quả trong giao tiếp</p> <p>1.1. Lợi ích của việc lắng nghe</p> <p>1.2. Những sai lầm thường mắc phải khi nghe</p> <p>1.3. Các mức độ lắng nghe và kỹ năng nghe có hiệu quả</p> <p>1.3.1. Các mức độ lắng nghe</p> <p>1.3.2. Kỹ năng lắng nghe có hiệu quả</p> <p>2. Kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp</p> <p>2.1. Kỹ năng đặt câu hỏi</p> <p>2.1.1. Dùng câu hỏi để thu thập thông tin</p> <p>2.1.2. Dùng câu hỏi với các mục đích khác</p> <p>2.2. Kỹ năng thuyết trình</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p>	12		

	2.2.2. Các bước xây dựng một bài thuyết trình 2.3. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại 2.3.1. Gọi điện thoại 2.3.2. Trả lời điện thoại 2.4. Một số kỹ năng xã giao 2.4.1. Chào hỏi 2.4.2. Giới thiệu làm quen 2.4.3. Bắt tay 2.4.4. Trao danh thiếp			
3	Chương 3 : Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh 1. Kỹ năng giao tiếp bằng thư tín 1.1. Khái niệm 1.2. Một số quy tắc khi viết thư tín thương mại 1.3. Phân loại thư tín thương mại 1.4. Kỹ năng viết một số loại thư tín thương mại 1.4.1. Thư đặt hàng, xác nhận đặt hàng, từ chối đặt hàng 1.4.2. Thư khiếu nại, trả lời khiếu nại, từ chối khiếu nại 1.4.3. Thư bán hàng 1.4.4. Thư yêu cầu thanh toán 2. Kỹ năng giao tiếp với khách hàng 2.1. Các hình thức giao tiếp với khách hàng 2.2. Nguyên tắc khi giao tiếp với khách hàng 2.3. Quá trình bán hàng và tác động tâm lí 2.4. Đặc điểm tâm lí chung của khách hàng 2. 5. Những yêu cầu đối với người bán hàng	11		
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Ngọc Hải

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

TS. Vũ Thị Nga

về tâm lý con người được ứng dụng trong hoạt động lao động. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến các quy luật, cơ chế và cách thức vận hành các hiện tượng tâm lý với vai trò là nền tảng, hỗ trợ và chi phối đến hiệu quả hoạt động lao động

Bên cạnh việc cung cấp và phân tích các kiến thức thuộc phạm trù tâm lý như một công cụ gây ảnh hưởng lên hiệu quả hoạt động lao động, giáo trình còn trang bị cho người học một số kỹ năng cần thiết nhằm định hướng cho người học bước đầu biết vận dụng kiến thức vào nghề nghiệp liên quan nhằm cải thiện điều kiện lao động, ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe và tính mạng cho người lao động trong đời sống và trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	- Hiểu được đối tượng và các phương pháp nghiên cứu môn học cơ bản. Nắm được các kiến thức cơ bản về tâm lý học nói chung và tâm lý học lao động nói riêng	2	LO.2
<i>LO.1.2</i>	- Nắm được hoạt động nhận thức của người lao động từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính, trí nhớ của người lao động	4	
<i>LO.1.3</i>	Nắm được đặc điểm tâm lý cá nhân của người lao động: Xu hướng, Tính khí, tính cách, năng lực, tình cảm và cảm xúc. Nội dung và ứng dụng các quy luật tâm lý cá nhân.	4	
<i>LO.1.4</i>	Nắm được vấn đề tâm lý học trong tổ chức lao động khoa học như các trạng thái tâm lý nảy sinh trong lao động, tâm trạng lao động, tâm thế lao động, khả năng làm việc, chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý và các yếu tố thẩm mỹ, an toàn trong lao động	3	
<i>LO.1.5</i>	- Nắm được khái niệm, phân loại và quá trình hình thành của tập thể lao động. - Nắm được nội dung và vận dụng các quy luật tâm lý tác động trong tập thể lao động. - Hiểu được nguyên nhân hình thành cũng như các loại mâu	4	

	thuần tồn tại trong tập thể, cách thức giải quyết các mâu thuẫn đó. Từ đó vận dụng thành công để giải quyết những mâu thuẫn tồn tại trong tập thể mình- Nắm được các khái niệm về lãnh đạo và người lãnh đạo. - Nắm được nội dung và vận dụng đặc điểm tâm lý của người quản lý để phát triển các phẩm chất tâm lý cần thiết của người quản lý.		
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
LO.2.2	- Vận dụng các quy luật tâm lý vào trong hoạt động lao động nhằm phát huy hiệu quả hoạt động và bảo vệ sức khỏe cho người lao động	3	LO.5 LO.6 LO.7
LO.2.3	Vận dụng các đặc điểm tâm lý cá nhân trong các tình huống nảy sinh trong hoạt động lao động		
LO.2.4	Vận dụng các vấn đề tâm lý nhằm cải thiện điều kiện lao động, ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe và tính mạng cho người lao động trong đời sống và trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.	3	
LO.2.5	- Vận dụng để giải quyết các tình huống về nhân sự nảy sinh trong quá trình quản lý an toàn lao động - Vận dụng thành công để giải quyết những mâu thuẫn tồn tại trong tập thể lao động	3	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.2	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn để nhận biết tâm lý của các đối tượng trong hoạt động lao động	3	LO11 LO12 LO13
LO.3.3	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định	4	LO14 LO15 LO16
LO.3.4	Có năng lực phân tích các tình huống về nhân sự nảy sinh trong quá trình lao động và trách nhiệm với công việc	3	
LO.3.5	Có năng lực vận dụng kiến thức đã học để áp dụng các phong cách quản lý dưới góc độ tâm lý học	4	
	Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra) <i>Thảo luận nhóm đề tài số 1</i> <i>Thảo luận nhóm đề tài số 2</i> <i>Thảo luận nhóm đề tài số 3</i>		

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Tâm lý học lao động cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản của tâm lý học, tâm lý học lao động bản chất hiện tượng tâm lý con người, các quá trình nhận thức của người lao động, nhân cách của người lao động, một số vấn đề tâm lý học

trong tổ chức lao động khoa học, những yếu tố tâm sinh lý ảnh hưởng đến sự an toàn lao động của người lao động, tâm lý học quản lý trong tập thể lao động, những biện pháp kích thích lao động, xây dựng bầu không khí tâm lý lành mạnh nhằm nâng cao năng suất lao động và sự phát triển tích cực của những tập thể sản xuất và các phương pháp nghiên cứu cơ bản của tâm lý học lao động như: phương pháp quan sát, điều tra, trắc nghiệm, thực nghiệm, phỏng vấn, phương pháp nghiên cứu tiêu sử cá nhân, phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR Học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của sinh viên		
1	Chương 1: Những vấn đề chung về tâm lý học và tâm lý học lao động 1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.1.1. Khái niệm tâm lý 1.1.2. Khái niệm chung về lao động 1.2. Tâm lý học lao động như là một khoa học ứng dụng kiến thức tâm lý học vào hoạt động lao động 1.2.1. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý con người 1.2.2. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu TLHLĐ 1.2. Các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học lao động 1.2.1. Phương pháp luận 1.2.3. Phương pháp nghiên cứu TLHLĐ	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, chia sẻ ghép đôi, học nhóm, , giao bài về nhà	Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.2.1	Q1,2
2	Chương 2: Hoạt động nhận thức của người lao động 2.1. Nhận thức cảm tính của người lao động 2.1.1. Cảm giác 2.1.2. Tri giác 2.2. Nhận thức lý tính 2.2.1. Tư duy 2.2.2. Tưởng tượng 2.2.3. Trí nhớ	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, nghiên	Đọc TLTK Tham gia phát biểu, chia sẻ ghép đôi, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.2.2	Q1,2

		cứu tình huống , giao bài về nhà			
3	<p>Chương 3: Nhân cách người lao động</p> <p>3.1.Xúc cảm, tình cảm trong lao động</p> <p>3.1.1. Xúc cảm của người lao động</p> <p>3.1.2. Tình cảm của người lao động</p> <p>3.2.Ý chí và hành động ý chí</p> <p>3.2.1. Ý chí của người lao động</p> <p>3.2.2. Hành động của người lao động</p> <p>3.3. Nhân cách người lao động</p> <p>3.3.1 Các thuộc tính tâm lý cá nhân</p> <p>3.3.2.Động cơ nghề nghiệp và vấn đề hướng nghiệp</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài cho nhóm thuyết trình	Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thuyết trình nhóm theo đề tài	LO.2.3	Q1,2
4	<p>Chương 4: Một số vấn đề Tâm lý học trong tổ chức lao động khoa học</p> <p>4.1.Các trạng thái tâm lý nảy sinh trong lao động</p> <p>4.1.1 Tâm trạng trong lao động của người lao động</p> <p>4.1.2. Tâm thế của người lao động</p> <p>4.1.3. Khả năng làm việc</p> <p>4.2.Xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý</p> <p>4.2.1. Ý nghĩa của giờ giải lao</p> <p>4.2.2.Yếu tố thẩm mỹ trong lao động</p> <p>4.2.3Vấn đề an toàn trong lao động</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm	Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thuyết trình theo nhóm	LO.2.4	Q1
5	<p>Chương 5: Tâm lý học quản lý tập thể lao động</p> <p>5.1.Khái niệm chung về tập thể lao động</p> <p>5.1.1. Khái niệm tập thể</p> <p>5.1.2. Đặc trưng của tập thể lao động</p> <p>5.1.3. Các giai đoạn phát triển của tập thể</p> <p>5.2. Các hiện tượng tâm lý xã hội trong</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết	Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài,	LO2.5	Q1,3,4

	tập thể 5.2.1. Bầu không khí tâm lý trong tập thể 5.2.1. Xung đột trong tập thể lao động 5.3. Nhân cách người lãnh đạo 5.3.1. Khái niệm lãnh đạo, quản lý 5.3.2. Các phương pháp quản lý tập thể lao động 5.3.3. Phong cách lãnh đạo 5.3.4. Uy tín nhà lãnh đạo	vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	thuyết trình theo nhóm		
6	<i>Thảo luận, bài tập nhóm đề tài số 1</i>		Chuẩn bị bài và Thảo luận theo đề tài được giao	<i>LO.2</i>	
	<i>Thảo luận, bài tập nhóm đề tài số 2</i>		Chuẩn bị bài và Thảo luận theo đề tài được giao	<i>LO.2</i>	
	<i>Thảo luận, bài tập nhóm đề tài số 3</i>		Chuẩn bị bài và Thảo luận theo đề tài được giao	<i>LO.2</i>	

9. Yêu cầu của học phần học trước

9.1. *Yêu cầu của học phần học trước:* Không

9.2. *Yêu cầu khác:*

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. *Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %*

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*
- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến
- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*
- Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- + Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)
- + Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.
- + Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)
- + Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ)

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.
- Các kỹ thuật đánh giá:
 - + Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.
 - + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.
 - + Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề
 - + Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.
- Hình thức: Thi viết (90 phút)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần				
		LO2.1	LO2.2	LO2.3	LO2.4	LO2.5
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ					

	(20%)							
2.1	Bài kiểm tra lần 1			X				X
2.2	Bài kiểm tra lần 2 (nếu có)							
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0-4,9)	Mức D⁺ (5,0 – 5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C⁺ (6,5-6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B⁺ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A⁺ (9,0-10)	
Tham gia đi học	Không đi học (< 30% số tiết)	Đi học không chuyên cần (30%-39% số	Đi học không chuyên cần (40	Đi học khá chuyên cần (50 %-	Đi học khá chuyên cần (60 %-	Đi học chuyên cần (70% -79% số	Đi học chuyên cần (80% -89% số	Đi học đầy đủ, chuyên cần (90	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần	60%

		tiết)	%- 49% số số tiết)	59% số tiết)	69%) số tiết	tiết)	tiết)	%- 99% số số tiết)	(100 % số tiết)	
Tham gia phát biểu, đóng góp bài trên lớp	Khôn g tham gia hoạt động tại lớp	Khôn g tham gia hoạt động tại lớp	Hiế m khi tham gia phát biểu xây dựng bài đóng góp khôn g hiệu quả	Thín h thoả ng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp khôn g hiệu quả	Thín h thoả ng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp khôn g hiệu quả	Thườ ng xuyê n phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Thườ ng xuyê n phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tha m gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	Tha m gia phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	40%
Ghi chú	Nếu sinh viên nghỉ > 20% số tiết và không tham gia phát biểu, đóng góp bài trên lớp thì không đủ điều kiện thi									

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

RUBRIC ĐIỂM THẢO LUẬN NHÓM

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn
----------	------------------

đánh giá	Mức F	Mức D và D⁺	Mức C và C⁺	Mức B và B⁺	Mức A và A⁺
		Trừ tối đa 0 điểm	Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm, bị trừ đi tối đa 01 điểm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 01 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Thường xuyên tham gia góp ý và đóng góp ý kiến hay, được cộng thêm tối đa 01 điểm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp hiệu quả cao, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình của nhóm

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D và D⁺ 4,0-5,4	Mức C và C⁺ 5,5-6,9	Mức B và B⁺ 7,0-8,4	Mức A và A⁺ 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình họa rõ ràng,	50%

	không phù hợp	và giải thích chưa rõ ràng	hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng,	Bài trình bày đầy đủ;giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu; sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu;bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát;thời gian trình bày đúng quy định;tương tác tốt với	Phần trình bày ngắn gọn;bố cục rõ rang;giọng nói rõ ràng, lưu loát;thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe;người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày;thời gian trình bày đúng quy định	25%

	phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	tác với người nghe	với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	người nghe; người nghe hiểu được nội dung trình bày		
--	--------------------------------------------------------	--------------------	---------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------	--	--

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

10.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Lê Thị Dung	2009	Tâm lý học lao động	NXB lao động Hà Nội
2	Nguyễn Quang Uẩn	2007	Tâm lý học Đại cương	NXB ĐH Sư phạm

10.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Vũ Dũng	2011	Tâm lý học quản lý	NXB Đại học Quốc Gia
2	Nguyễn Bá Dương	2012	Tâm lý học quản lý	NXB Từ Điển Bách Khoa

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	Chương 1: Những vấn đề chung về tâm lý học và tâm lý học lao động 1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.1.1. Khái niệm tâm lý 1.1.2. Khái niệm chung về lao động 1.2. Tâm lý học lao động như là một khoa học ứng dụng kiến thức tâm lý học vào hoạt động lao động 1.2.1. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý con người 1.2.2. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu TLHLĐ 1.2. Các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học lao động 1.2.1. Phương pháp luận 1.2.3. Phương pháp nghiên cứu TLH LĐ	4	1	
2	Chương 2: Hoạt động nhận thức của người lao động 2.1. Nhận thức cảm tính của người lao động 2.1.1. Cảm giác 2.1.2. Tri giác 2.2. Nhận thức lý tính 2.2.1. Tư duy 2.2.2. Tưởng tượng 2.2.3. Trí nhớ	4	2	
3	Chương 3: Nhân cách người lao động 3.1. Xúc cảm, tình cảm trong lao động 3.1.1. Xúc cảm của người lao động 3.1.2. Tình cảm của người lao động 3.2. Ý chí và hành động ý chí 3.2.1. Ý chí của người lao động 3.2.2. Hành động của người lao động 3.4. Nhân cách người lao động 3.3.2. Các thuộc tính tâm lý cá nhân 3.3.2. Động cơ nghề nghiệp và vấn đề hướng nghiệp	3	1	
4	Chương 4: Một số vấn đề Tâm lý học trong tổ chức lao động khoa học 4.1. Các trạng thái tâm lý nảy sinh trong lao động 4.1.1. Tâm trạng trong lao động của người lao động 4.1.2. Tâm thế của người lao động 4.1.4. Khả năng làm việc 4.2. Xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý 4.2.1. Ý nghĩa của giờ giải lao 4.2.2. Yếu tố thẩm mỹ trong lao động 4.2.3. Vấn đề an toàn trong lao động	3	1	
5	Chương 5: Tâm lý học quản lý tập thể lao động	3	2	

5.1.Khái niệm chung về tập thể lao động 5.1.1. Khái niệm tập thể 5.1.2. Đặc trưng của tập thể lao động 5.1.3. Các giai đoạn phát triển của tập thể 5.2. Các hiện tượng tâm lý xã hội trong tập thể 5.2.1.Bầu không khí tâm lý trong tập thể 5.2.1.Xung đột trong tập thể lao động 5.3.Nhân cách người lãnh đạo 5.3.1. Khái niệm lãnh đạo, quản lý 5.3.2.Các phương pháp quản lý tập thể lao động 5.3.3.Phong cách lãnh đạo 5.3.4.Uy tín nhà lãnh đạo			
<i>Thảo luận nhóm đề tài số 2 : Lấy ví dụ phân tích các hiện tượng tâm lý xã hội phổ biến đang nảy sinh trong tập thể lao động</i>	3	2	
<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

PGS.TS. Đỗ Thị Vân Anh

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

TS. Lê Thị Thủy

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: QUAN HỆ LAO ĐỘNG 2

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Quan hệ lao động và Công đoàn

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thuỳ Yên
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Quan hệ lao động và Công đoàn, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-4-38517078 - Email: yennt@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Hoàng Mai
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-4-38517078 - Email: mainh@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **Quan hệ lao động 2**
- Tên (tiếng Anh): **Labor realtions (Module 2)**
- Mã học phần: **1117**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20
- Giờ thực hành, thảo luận: 10
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức về quan hệ lao động nói chung và xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại doanh nghiệp nói riêng. Nắm được các quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ, nắm rõ các nguyên tắc, tiêu chí, nội dung, hình thức xây dựng quan hệ lao động hài hòa,

ổn định, tiến bộ. Làm rõ vai trò của các chủ thể trong xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Hiểu được các nội dung cơ bản của xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.	2	LO.1 LO.4
<i>LO.1.2</i>	Vận dụng được các quan điểm của Đảng và Nhà nước, các nguyên tắc xây dựng chiến lược quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.	3	
<i>LO.1.3</i>	Đánh giá được nhiệm vụ của các chủ thể tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.	4	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Có kỹ năng tìm kiếm, thu thập, phân tích, tổng hợp và xác định được các vấn đề thuộc nội dung xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại doanh nghiệp.	3	LO.5 LO.6
<i>LO.2.2</i>	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm trong việc vận dụng, phân tích đến các nội dung xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại doanh nghiệp.	3	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Có khả năng tư vấn cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ. Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, thúc đẩy quyền công bằng, bình đẳng giữa các chủ thể tham gia	3	LO.15 LO.16

	quan hệ lao động		
--	------------------	--	--

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm ba nhóm vấn đề chính:

Vấn đề thứ nhất: Các kiến thức tổng quan về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ: khái niệm xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, đặc điểm, nội dung, tiêu chí của xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ và vai trò của các chủ thể trong xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ của doanh nghiệp.

Vấn đề thứ hai: Nội dung, hình thức, tiêu chí trong xây dựng quan hệ lao động xây dựng

Vấn đề thứ ba: Thời cơ, thách thức và những giải pháp xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	<p>Chương 1: Cơ sở lý luận về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp</p> <p>1.1. Các khái niệm liên quan</p> <p>1.1.1. Quan hệ lao động</p> <p>1.1.2. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp</p> <p>1.1.3. Quan hệ lao động cá nhân</p> <p>1.1.4. Quan hệ lao động tập thể</p> <p>1.1.5. Trang chấp lao động</p> <p>1.1.6. Đình công</p> <p>1.1.7. Cơ chế hai bên, ba bên</p> <p>1.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp</p> <p>1.2.1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ</p>	Thuyết giảng; Phát vấn; Nêu và giải quyết vấn đề; Động não	Nghe giảng và ghi bài; Đọc nghiên cứu tài liệu; Trả lời câu hỏi, phát biểu, trao đổi ý	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.3.1	[1] [2] [3] [4]

	<p>trong doanh nghiệp</p> <p>1.2.2. Chính sách pháp luật Nhà nước về xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp</p> <p>1.3. Các chủ thể và vai trò của xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp</p> <p>1.3.1. Các chủ thể trong xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp</p> <p>1.3.2. Vai trò của xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp</p> <p>1.4. Các nguyên tắc xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp</p> <p><i>Bài tập chương 1</i></p>		kiến, xây dựng bài.		
2	<p>Chương 2: Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp ở Việt Nam</p> <p>2.1. Khái quát thực trạng và đánh giá chung về quan hệ lao động ở Việt Nam</p> <p>2.1.1. Khái quát thực trạng về quan hệ lao động ở Việt Nam</p> <p>2.1.1.1. Các chủ thể và mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ lao động</p> <p>2.1.1.2. Giải quyết tranh chấp lao động</p> <p>2.1.1.3. Đình công</p> <p>2.1.2. Đánh giá chung về quan hệ lao động ở Việt Nam</p> <p>2.1.2.1. Kết quả đạt được</p> <p>2.1.2.2. Tồn tại và nguyên nhân</p> <p>2.2. Đặc điểm quan hệ lao động trong các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam</p> <p>2.2.1. Đặc điểm chung của quan hệ lao động trong các doanh nghiệp</p> <p>2.2.2. Đặc điểm quan hệ lao động trong từng loại hình doanh nghiệp</p> <p>2.3. Nội dung xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ trong Doanh nghiệp ở Việt Nam</p>	Thuyết giảng; Phát vấn; Đặt và giải quyết vấn đề; Động não; Thảo luận nhóm; đóng vai học tập	Phát biểu và chia sẻ các quan điểm, cùng nhau nắm vững vấn đề học tập. Sinh viên đóng vai diễn, qua đó sinh viên thể hiện quan điểm, thái độ và cách ứng xử hợp lý	LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1	[1] [2] [3] [4]

	<p>2.3.1. Xây dựng, ký kết và thực hiện hợp đồng lao động đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của mỗi bên</p> <p>2.3.2. Xây dựng, ký kết và thực hiện thỏa ước lao động tập thể có chất lượng</p> <p>2.3.3. Các bên tham gia giải quyết tranh chấp lao động một cách ôn hòa, tích cực, đúng pháp luật</p> <p>2.3.4. Thực hiện tốt đối thoại tại nơi làm việc</p> <p>2.3.5. Thực hiện hòa giải tại cơ sở</p> <p>2.3.6. Giải quyết đình công tại cơ sở đúng pháp luật</p> <p>2.4. Các tiêu chí đánh giá quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp</p> <p><i>Bài tập Chương 2</i></p>				
3	<p>Chương 3: Giải pháp xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp ở Việt Nam</p> <p>3.1. Thời cơ và thách thức tác động đến quan hệ lao động ở Việt Nam</p> <p>3.1.1. Thời cơ</p> <p>3.1.2. Thách thức</p> <p>3.2. Quan điểm, giải pháp xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp</p> <p>3.2.1. Nhóm giải pháp đối với Nhà nước</p> <p>3.2.2. Nhóm giải pháp đối với tổ chức công đoàn</p> <p>3.2.3. Nhóm giải pháp đối với người sử dụng lao động</p> <p>3.2.4. Nhóm giải pháp đối với người lao động trong các doanh nghiệp</p> <p><i>Bài tập Chương 3</i></p>	<p>Thuyết giảng;</p> <p>Phát vấn;</p> <p>Đặt và giải quyết vấn đề;</p> <p>Động não;</p> <p>Giao bài tập tình huống;</p> <p>Thảo luận nhóm;</p> <p>Chia sẻ theo cặp</p>	<p>- Phát biểu và chia sẻ các quan điểm, cùng nhau nắm vững vấn đề học tập. Sinh viên đóng vai diễn, qua đó sinh viên thể hiện quan điểm, thái độ và cách ứng xử hợp lý</p>	<p>LO.1.2</p> <p>LO.1.3</p> <p>LO.2.1</p> <p>LO.2.1</p> <p>LO.3.1</p>	<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p> <p>[4]</p>
4	Bài kiểm tra thường xuyên	Giao	Hoàn	LO.1.1	

	(1 tiết/1 bài) (Đánh giá năng lực người học tại thời điểm kết thúc Chương 2)	bài tập tình huống cho cá nhân	thành bài kiểm tra trong thời gian 1 tiết	LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1	
6	Bài thi kết thúc học phần (90 phút/1 bài) (Đánh giá năng lực người học tại thời điểm kết thúc thời gian ôn thi học phần)	Bài viết	Hoàn thành bài thi học phần trong thời gian 90 phút	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1	

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Yêu cầu học phần học trước: Người học đã học các học phần

- Tên học phần tiên quyết: Đại cương về Công đoàn VN

Mã HP: 1110

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên tích cực tham gia học tập và đóng góp ý kiến trao đổi, xây dựng bài học. Sinh viên suy nghĩ, tự do nêu ý tưởng riêng nhằm kích thích tư duy, tìm sáng kiến để giải quyết vấn đề.

Sinh viên tích cực phát biểu và chia sẻ các quan điểm, thảo luận nhóm để nắm vững vấn đề học tập. Sinh viên chủ động và tích cực đóng vai diễn, qua đó thể hiện quan điểm, thái độ và cách ứng xử hợp lý.

Sinh viên hoàn thành việc tham gia các bài tập theo Chương, Kiểm tra thường xuyên, tham dự kì thi kết thúc học phần đúng quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục đích:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các kiến thức, hình thành các kĩ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kĩ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh phương pháp dạy – học cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

+Đi học đầy đủ

+ Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.

+ Thể hiện kĩ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ

- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến
- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Điểm danh, theo dõi quá trình học tập của sinh viên.

10.2. Kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra (tiết thứ 20)
- + Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau Chương 2, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến phương pháp dạy – học.
- + Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

+ Hình thức: 01 Bài làm viết trên lớp (1 tiết/1 bài)

- *Rubric đánh giá:* Theo đáp án của đề kiểm tra

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

+ Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.

+ Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề

+ Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.

- Hình thức: Thi viết (90 phút)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận						
		LO.1.1.	LO.1.2	LO.1.3	LO.2.1	LO.2.2	LO.3.1
1	<i>Điểm chuyên cần (10%)</i>	X	X	X	X	X	X
2	<i>Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)</i>	X	X		X	X	X
3	<i>Điểm thi kết thúc học phần (70%)</i>	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình.

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ,	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong	25%

		hình ảnh rõ ràng		trong trình bày	trình bày và ngôn ngữ	
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
----	-------------	--------	----------------------------------------	----------------------------------

			bản	
1	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Ngân	2019	Giáo trình Quan hệ lao động	Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân
2	PGS.TS.Dương VănSao - TS. Nguyễn Đức Tĩnh	2014	Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp ở Việt Nam	Nhà xuất bản Lao động

10.2. Danh mục liệu tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách,giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
3	Tổng LĐLĐVN	2010	Thúc đẩy trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, vai trò của công đoàn Việt Nam	NXB Lao động
4	PGS. TS Phạm Văn Hà	2019	Giáo trình Quan hệ đối tác xã hội	Nxb Lao động, Hà Nội

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	Chương 1: Cơ sở lý luận về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp	05		
2	Chương 2: Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp ở Việt Nam	07	05	
3	Chương 3: Giải pháp xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp ở Việt Nam	07	05	
5	Bài kiểm tra giữa kỳ (các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)			01
	Tổng	19	10	01

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Nguyễn Anh Tuấn

TS. Nguyễn Thị Thúy Yên

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Đại số

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Bộ môn Khoa học cơ bản

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Vũ Thị Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Khoa học cơ bản, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0985631974 - Email: giangvt@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Văn Nghi
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Khoa học cơ bản, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0912837791 - Email: nghinv@dhcd.edu.vn

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên giảng viên: Đỗ Doãn Tú
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Khoa học cơ bản, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0985830831 - Email: tudd@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **Đại số**
- Tên (tiếng Anh): **Linear Algebra**
- Mã học phần: **2101**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 30
- Giờ thực hành (Bài tập): 0
- Giờ thảo luận: 0
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính: các kiến thức về Ma trận, Định thức, Hệ phương trình tuyến tính, Không gian véc tơ, Ánh xạ tuyến tính làm cơ sở để học tập và nghiên cứu các môn học khác trong các học kì sau từ đó sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản để giải bài tập và giải quyết một số mô hình bài toán thực tế. Học phần này còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu tài liệu;

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Vận dụng được các kiến thức về Ma trận, Định thức, Hệ phương trình tuyến tính để giải các bài tập chương 1 đồng thời vận dụng được các kiến thức này để nắm vững được lý thuyết và giải bài tập của chương 2 và chương 3.	3	LO.2
<i>LO.1.2</i>	Vận dụng được các kiến thức về Không gian vector để giải các bài tập chương 2; sử dụng các kiến thức của chương 2 để nắm vững được lý thuyết và giải bài tập của chương 3	3	
<i>LO.1.3</i>	Vận dụng được các kiến thức về Ánh xạ tuyến tính để giải các bài tập chương 3, sử dụng các kiến thức và 2 để nắm vững được lý thuyết và giải bài tập của chương 3	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Có kỹ năng tính toán thành thạo và chính xác trong các phép biến đổi ma trận, tính định thức, giải hệ phương trình tuyến tính (sử dụng thành thạo máy tính bỏ túi để hỗ trợ việc tính toán).	3	LO.8
<i>LO.2.2</i>	Vận dụng các kỹ năng đã có ở chương 1 để giải thành thạo các bài toán về không gian vector.	3	

LO.2.3	Vận dụng các kỹ năng đã có ở chương 1 và chương 2 để giải thành thạo các bài toán về Ánh xạ tuyến tính.	3	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.1	Có kỹ năng và năng lực phân tích và giải quyết vấn đề bằng tư duy logic chặt chẽ; năng lực làm việc độc lập, tập trung, nghiêm túc, chủ động sáng tạo. Có khả năng nhận diện được một số vấn đề thực tế có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng trong đại số tuyến tính để giải quyết.	4	LO.15 LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính: các kiến thức về Ma trận, Định thức, Hệ phương trình tuyến tính, Không gian véc tơ, Ánh xạ tuyến tính

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	<p>Chương 1: MA TRẬN, ĐỊNH THỨC VÀ HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH</p> <p>1.1. Ma trận</p> <p>1.1.1. Các khái niệm về ma trận</p> <p>1.1.2. Các phép toán trên ma trận</p> <p>1.2. Định thức</p> <p>1.2.1. Định nghĩa định thức</p> <p>1.2.2. Các tính chất của định thức</p> <p>1.2.3. Phương pháp tính định thức</p> <p>1.3. Ma trận nghịch đảo</p> <p>1.3.1. Định nghĩa ma trận nghịch đảo</p> <p>1.3.2. Điều kiện tồn tại ma trận nghịch đảo</p> <p>1.3.3. Tính chất của ma trận</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể; trao đổi hỏi đáp với sinh viên trong quá trình giảng bài bằng các câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề.	Đọc TLTK Làm BT chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài.	LO.1.1 LO.2.1	

	<p>nghịch đảo</p> <p>1.3.4. Ứng dụng của ma trận nghịch đảo</p> <p>1.4. Hạng của ma trận</p> <p>1.4.1. Định thức con của ma trận</p> <p>1.4.2. Hạng của ma trận</p> <p>1.4.3. Tính chất về hạng của ma trận</p> <p>1.4.4. Cách tìm hạng của ma trận</p> <p>1.5. Hệ phương trình tuyến tính</p> <p>1.5.1. Các khái niệm về hệ phương trình tuyến tính</p> <p>1.5.2. Hệ phương trình tương đương</p> <p>1.5.3. Các phép biến đổi sơ cấp trên hệ phương trình</p> <p>1.5.4. Điều kiện để hệ phương trình có nghiệm</p> <p>1.5.5. Cách giải hệ phương trình</p> <p>Bài tập chương 1</p>				
2	<p>Chương 2: KHÔNG GIAN VECTOR</p> <p>2.1. Không gian vector</p> <p>2.1.1. Định nghĩa không gian vector</p> <p>2.1.2. Giới thiệu một số không gian vector</p> <p>2.1.3. Không gian vector con</p> <p>2.2. Mối liên hệ tuyến tính của một hệ vector</p> <p>2.1.1. Tổ hợp tuyến tính</p> <p>2.1.2. Sự phụ thuộc tuyến tính, độc lập tuyến tính của một hệ vector</p> <p>2.1.3. Các định lý cơ bản</p> <p>2.3. Cơ sở và số chiều của</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể; trao đổi hỏi đáp với sinh viên trong quá trình giảng bài bằng các câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề.</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm BT chương 2</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài.</p>	<p>LO.1.2</p> <p>LO.2.2</p>	

	<p>không gian vectơ</p> <p>2.3.1. Cơ sở của không gian vectơ</p> <p>2.3.2. Tọa độ của vectơ trong một cơ sở</p> <p>2.3.3. Số chiều của không gian vectơ</p> <p>2.4. Hạng của hệ vectơ</p> <p>2.4.1. Cơ sở của hệ vectơ</p> <p>2.4.2. Hạng của hệ vectơ</p> <p>2.4.3. Mối liên hệ giữa hạng của hệ vectơ và hạng của ma trận tọa độ</p> <p>2.4.4. Cơ sở của không gian vectơ sinh bởi một hệ vectơ</p> <p>Bài tập chương 2</p>				
3	<p>Chương 3: ÁNH XẠ TUYẾN TÍNH</p> <p>3.1. Sơ lược về ánh xạ</p> <p>3.1.1. Định nghĩa ánh xạ</p> <p>3.1.2. Phân loại ánh xạ</p> <p>3.2. Ánh xạ tuyến tính</p> <p>3.2.1. Định nghĩa ánh xạ tuyến tính</p> <p>3.2.2. Một số ánh xạ tuyến tính</p> <p>3.2.3. Tính chất của ánh xạ tuyến tính</p> <p>3.2.4. Hạt nhân và ảnh của ánh xạ tuyến tính</p> <p>3.2.5. Ma trận của ánh xạ tuyến tính</p> <p>Bài tập chương 3</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể; trao đổi hỏi đáp với sinh viên trong quá trình giảng bài bằng các câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề.</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm BT chương 3</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.3</i></p> <p><i>LO.3.3</i></p>	

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Yêu cầu tiên quyết: Không

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, học lại bài cũ và đọc

trước bài mới, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tương tác hỏi đáp với giảng viên, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tham gia các buổi học trên lớp, việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

+ Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ

+ Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ

+ Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Điểm danh, kiểm tra kiến thức bằng miệng, kiểm tra bài tập viết ...

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)

+ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

+ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

+ Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ)

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

+ Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.

- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.
- + Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề
- + Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.
- Hình thức: Thi viết (90 phút)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần						
		LO.1.1	LO.1.2	LO.1.3	LO.2.1	LO.2.2	LO.2.3	LO.3
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X		X	X		
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	02 lần khiến trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
1	Nguyễn Đình Trí	2005	Toán cao cấp tập 1: Đại số và hình học giải tích	NXB Giáo dục
2	Nguyễn Đình Trí	2005	Bài tập Toán cao cấp tập 1: Đại số và hình học giải tích	NXB Giáo dục

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
1	Đoàn Quỳnh	1998	Giáo trình Toán Đại Cương Phần 1: Đại số tuyến tính và Hình học giải tích	NXB ĐHQG
2	Khu Quốc Anh	1999	Bài tập Đại số tuyến tính và Hình học giải tích	NXB ĐHQG
3	Trần Trọng Huệ	2000	Đại số và hình học giải tích	NXB ĐHQG

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

TT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT	KT
1	<p>Chương 1: MA TRẬN, ĐỊNH THỨC và HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH</p> <p>1.1. Ma trận</p> <p>1.1.1. Các khái niệm về ma trận</p> <p>1.1.2. Các phép toán trên ma trận</p> <p>1.2. Định thức</p> <p>1.2.1. Định nghĩa định thức</p> <p>1.2.2. Các tính chất của định thức</p> <p>1.2.3. Phương pháp tính định thức</p> <p>1.3. Ma trận nghịch đảo</p>	12		

	<p>1.3.1. Định nghĩa ma trận nghịch đảo</p> <p>1.3.2. Điều kiện tồn tại ma trận nghịch đảo</p> <p>1.3.3. Tính chất của ma trận nghịch đảo</p> <p>1.3.4. Ứng dụng của ma trận nghịch đảo</p> <p>1.4. Hạng của ma trận</p> <p>1.4.1. Định thức con của ma trận</p> <p>1.4.2. Hạng của ma trận</p> <p>1.4.3. Tính chất về hạng của ma trận</p> <p>1.4.4. Cách tìm hạng của ma trận</p> <p>1.5. Hệ phương trình tuyến tính</p> <p>1.5.1. Các khái niệm về hệ phương trình tuyến tính</p> <p>1.5.2. Hệ phương trình tương đương</p> <p>1.5.3. Các phép biến đổi sơ cấp trên hệ phương trình</p> <p>1.5.4. Điều kiện để hệ phương trình có nghiệm</p> <p>1.5.5. Cách giải hệ phương trình</p> <p>Bài tập chương 1</p>			
2	<p>Chương 2: KHÔNG GIAN VECTOR</p> <p>2.1. Không gian vector</p> <p>2.1.1. Định nghĩa không gian vector</p> <p>2.1.2. Giới thiệu một số không gian vector</p> <p>2.1.3. Không gian vector con</p> <p>2.2. Môi liên hệ tuyến tính của một hệ vector</p> <p>2.1.1. Tổ hợp tuyến tính</p> <p>2.1.2. Sự phụ thuộc tuyến tính, độc lập tuyến tính của một hệ vector</p> <p>2.1.3. Các định lý cơ bản</p> <p>2.3. Cơ sở và số chiều của không gian vector</p> <p>2.3.1. Cơ sở của không gian vector</p> <p>2.3.2. Tọa độ của vector trong một cơ sở</p> <p>2.3.3. Số chiều của không gian vector</p> <p>2.4. Hạng của hệ vector</p> <p>2.4.1. Cơ sở của hệ vector</p> <p>2.4.2. Hạng của hệ vector</p>	10		

	2.4.3. Mối liên hệ giữa hạng của hệ vectơ và hạng của ma trận tọa độ 2.4.4. Cơ sở của không gian vectơ sinh bởi một hệ vectơ Bài tập chương 2 Bài kiểm tra			
3	Chương 3: ÁNH XẠ TUYẾN TÍNH 3.1. Sơ lược về ánh xạ 3.1.1. Định nghĩa ánh xạ 3.1.2. Phân loại ánh xạ 3.2. Ánh xạ tuyến tính 3.2.1. Định nghĩa ánh xạ tuyến tính 3.2.2. Một số ánh xạ tuyến tính 3.2.3. Tính chất của ánh xạ tuyến tính 3.2.4. Hạt nhân và ảnh của ánh xạ tuyến tính 3.2.5. Ma trận của ánh xạ tuyến tính Bài tập chương 3	8		

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hải

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

Vũ Thị Giang

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Giải tích

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Bộ môn Khoa học cơ bản

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Văn Nghi
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Khoa học cơ bản, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0912837791 - Email: nghinv@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Vũ Thị Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Khoa học cơ bản, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0985631974 - Email: giangvt@dhcd.edu.vn

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên giảng viên: Đỗ Doãn Tú
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Khoa học cơ bản, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0985830831 - Email: tudd@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **Giải tích**
- Tên (tiếng Anh): **Analysis**
- Mã học phần: **2104**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 30
- Giờ thực hành: 0
- Giờ thảo luận: 0
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị một số kiến thức cơ bản gồm các phép tính vi phân, tích phân của hàm số nhiều biến số cho sinh viên làm cơ sở để học tập và nghiên cứu các môn học khác trong các học kì sau, từ đó sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản để giải bài tập và giải quyết một số mô hình bài toán thực tế. Học phần này còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu tài liệu; kỹ năng giải quyết vấn đề bằng tư duy lô gic chặt chẽ; kỹ năng khái quát, phân tích, tổng hợp các kiến thức; rèn luyện khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm với sự tập trung và thái độ làm việc nghiêm túc.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Vận dụng được các kiến thức về Hàm số nhiều biến số (đạo hàm, vi phân, cực trị ...) để giải các bài tập chương 1 đồng thời vận dụng được các kiến thức này để nắm vững được lý thuyết và giải bài tập của chương 2 và chương 3.	3	LO.2
<i>LO.1.2</i>	Vận dụng được các kiến thức về Tích phân bội (bội 2 và bội 3) để giải các bài tập chương 2; sử dụng các kiến thức của chương 2 để nắm vững được lý thuyết và giải bài tập của chương 3	3	
<i>LO.1.3</i>	Vận dụng được các kiến thức về Tích phân đường (loại 1 và loại 2), Tích phân mặt (loại 1 và loại 2) để giải các bài tập chương 3.	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Có kỹ năng ghi nhớ được các công thức, áp dụng công thức để tính toán thành thạo và chính xác các phép tính đạo hàm, vi phân, tìm cực trị của hàm số nhiều biến	3	LO.8
<i>LO.2.2</i>	Có kỹ năng ghi nhớ các công thức, áp dụng công thức để tính toán thành thạo và chính xác các tích phân bội 2 và bội 3, giải được các bài tập chương 2 và các ứng dụng trong hình học và vật lý	3	

LO.2.3	Có kỹ năng ghi nhớ các công thức, áp dụng công thức để tính toán thành thạo và chính xác các tích phân đường, tích phân mặt, giải được các bài tập chương 3 và các ứng dụng trong hình học và vật lý	3	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.1	Có kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề bằng tư duy logic chặt chẽ; năng lực làm việc độc lập, tập trung, nghiêm túc, chủ động sáng tạo. Có khả năng nhận diện được một số bài toán thực tế có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng trong học phần Giải tích để giải quyết.	4	LO.15 LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về phép tính vi phân, tích phân của hàm số nhiều biến số

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

TT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Chương mở đầu: BỔ TRỢ KIẾN THỨC Bổ trợ các kiến thức về Đạo hàm, Vi phân, Tích phân của hàm số một biến	Thuyết giảng			
1	Chương 1: HÀM SỐ NHIỀU BIẾN 1.1. Các khái niệm cơ bản: 1.1.1. Định nghĩa hàm nhiều biến 1.1.2. Tập xác định, tập giá trị 1.1.3. Số gia, đồ thị 1.1.4. Giới hạn và sự liên tục của hàm hai biến (mở rộng cho n biến)	Thuyết giảng, giải thích cụ thể; trao đổi hỏi đáp với sinh viên trong quá trình giảng bài bằng các câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề.	Đọc TLTK Làm BT chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng	LO.1.1 LO.2.1	

	<p>1.2. Đạo hàm và vi phân của hàm hai biến:</p> <p>1.2.1. Đạo hàm riêng</p> <p>1.2.2. Vi phân riêng, vi phân toàn phần, ứng dụng trong việc tính gần đúng.</p> <p>1.2.3. Đạo hàm của hàm hợp, hàm ẩn.</p> <p>1.2.4. Đạo hàm theo hướng, gradient.</p> <p>1.3. Cực trị của hàm hai biến:</p> <p>1.3.1. Cực trị tự do.</p> <p>1.3.2. Cực trị có điều kiện, phương pháp nhân tử Lagrange.</p> <p>1.3.3. Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của hàm trên một miền đóng.</p> <p>Bài tập chương 1</p>		bài.		
2	<p>Chương 2: TÍCH PHÂN BỘI</p> <p>2.1. Tích phân kép</p> <p>2.1.1. Định nghĩa, tính chất.</p> <p>2.1.2. Cách tính tích phân kép trong hệ tọa độ Đềcác.</p> <p>2.1.3. Đổi biến tính tích phân kép.</p> <p>2.1.4. Tính tích phân kép trong hệ tọa độ cực.</p> <p>2.1.5. Ứng dụng trong hình học, vật lí.</p> <p>2.2. Tích phân bội ba:</p> <p>2.2.1. Định nghĩa, tính chất.</p> <p>2.2.2. Cách tính tích phân bội ba trong hệ tọa độ Đềcác.</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể; trao đổi hỏi đáp với sinh viên trong quá trình giảng bài bằng các câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề.	Đọc TLTK Làm BT chương 2 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài.	LO.1.2 LO.2.2	

	<p>2.2.3. Đối biến tính tích phân bội ba.</p> <p>2.2.4. Tính tích phân bội ba trong hệ tọa độ trụ, tọa độ cầu.</p> <p>2.2.5. Ứng dụng trong hình học, vật lí.</p> <p>Bài tập chương 2</p>				
3	<p>Chương 3: TÍCH PHÂN ĐƯỜNG, TÍCH PHÂN MẶT</p> <p>3.1. Tích phân đường loại một</p> <p>3.1.1. Định nghĩa, tính chất, cách tính.</p> <p>3.1.2. Ứng dụng trong hình học, vật lí.</p> <p>3.2. Tích phân đường loại hai:</p> <p>3.2.1. Định nghĩa, tính chất, cách tính.</p> <p>3.2.2. Công thức Green.</p> <p>3.2.3. Định lí bốn mệnh đề tương đương.</p> <p>3.2.4. Ứng dụng trong hình học, vật lí.</p> <p>3.3. Tích phân mặt loại một:</p> <p>3.3.1. Định nghĩa, tính chất, cách tính.</p> <p>3.3.2. Ứng dụng trong hình học, vật lí.</p> <p>3.4. Tích phân mặt loại hai:</p> <p>3.4.1. Định nghĩa,</p> <p>3.4.2. Cách tính.</p> <p>3.5. Công thức Stokes</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể; trao đổi hỏi đáp với sinh viên trong quá trình giảng bài bằng các câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề.</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm BT chương 3</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.3</i></p> <p><i>LO.3.3</i></p>	

vàoostrogadski.				
3.6. Trường thế.				
3.7. Toán tử Haminton				
Bài tập chương 3				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Yêu cầu tiên quyết: Không

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, học lại bài cũ và đọc trước bài mới, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tương tác hỏi đáp với giảng viên, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tham gia các buổi học trên lớp, việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

+ Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ

+ Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ

+ Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Điểm danh, kiểm tra kiến thức bằng miệng, kiểm tra bài tập viết ...

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)

+ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

+ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ

ngiên cứu)

+ Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ)

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

+ Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.

+ Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề

+ Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.

- Hình thức: Thi viết (90 phút)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần						
		LO.1.1	LO.1.2	LO.1.3	LO.2.1	LO.2.2	LO.2.3	LO.3
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X		X	X		
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	03 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
1	Nguyễn Đình Trí	2005	Toán cao cấp tập III: phép tính giải tích của hàm nhiều biến số	NXB Giáo dục
2	Nguyễn Đình Trí	2005	Bài tập Toán cao cấp tập III: phép tính giải tích của hàm nhiều biến số	NXB Giáo dục

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
1	Lê Ngọc Lăng và các tác giả	1997	Giúp ôn tập tốt môn Toán cao cấp - Tập 2	NXB Giáo dục
2	Trần Đức Long và các tác giả	2000	Giáo trình giải tích – Tập 3	NXB ĐHQG

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT	KT
1	Chương mở đầu: BỔ TRỢ KIẾN THỨC Bổ trợ các kiến thức về Đạo hàm, Vi phân và Tích phân của	4		

	hàm số một biến			
2	<p>Chương 1: HÀM SỐ NHIỀU BIẾN SỐ</p> <p>1.1. Các khái niệm cơ bản:</p> <p>1.1.1. Định nghĩa hàm nhiều biến</p> <p>1.1.2. Tập xác định, tập giá trị</p> <p>1.1.3. Số gia, đồ thị</p> <p>1.1.4. Giới hạn và sự liên tục của hàm hai biến (mở rộng cho n biến)</p> <p>1.2. Đạo hàm và vi phân của hàm hai biến:</p> <p>1.2.1. Đạo hàm riêng</p> <p>1.2.2. Vi phân riêng, vi phân toàn phần, ứng dụng tính gần đúng.</p> <p>1.2.3. Đạo hàm của hàm hợp, hàm ẩn.</p> <p>1.2.4. Đạo hàm theo hướng, gradient.</p> <p>1.3. Cực trị hàm hai biến:</p> <p>1.3.1. Cực trị tự do.</p> <p>1.3.2. Cực trị có điều kiện, phương pháp nhân tử Lagrange.</p> <p>1.3.3. Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của hàm trên một đóng.</p> <p>Bài tập chương 1</p>	8		
3	<p>Chương 2: TÍCH PHÂN BỘI</p> <p>2.1. Tích phân kép</p> <p>2.1.1. Định nghĩa, tính chất.</p> <p>2.1.2. Cách tính tích phân kép trong hệ tọa độ Đêcác.</p> <p>2.1.3. Đổi biến tính tích phân kép.</p> <p>2.1.4. Tính tích phân kép trong hệ tọa độ cực.</p> <p>2.1.5. Ứng dụng trong hình học và vật lí.</p> <p>2.2. Tích phân bội ba:</p> <p>2.2.1. Định nghĩa, tính chất.</p> <p>2.2.2. Cách tính tích phân bội ba trong hệ tọa độ Đêcác.</p> <p>2.2.3. Đổi biến tính tích phân bội ba.</p> <p>2.2.4. Tính tích phân bội ba trong hệ tọa độ trụ, tọa độ cầu.</p>	10		

	2.2.5. Ứng dụng trong hình học và vật lý. Kiểm tra giữa kỳ			
4	Chương 3: TÍCH PHÂN ĐƯỜNG, TÍCH PHÂN MẶT 3.1. Tích phân đường loại một 3.1.1. Định nghĩa, tính chất, cách tính. 3.1.2. Ứng dụng trong hình học, vật lí. 3.2. Tích phân đường loại hai: 3.2.1. Định nghĩa, tính chất, cách tính. 3.2.2. Công thức Green. 3.2.3. Định lí bốn mệnh đề tương đương. 3.2.4. Ứng dụng trong hình học vật lí. 3.3. Tích phân mặt loại một: 3.3.1. Định nghĩa, tính chất, cách tính. 3.3.2. Ứng dụng trong hình học, vật lí. 3.4. Tích phân mặt loại hai: 3.4.1. Định nghĩa, 3.4.2. Cách tính. 3.5. Công thức Stokes và Ostrogradski. 3.6. Trường thế. 3.7. Toán tử Haminton Bài tập chương 3	8		

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

Nguyễn Ngọc Hải

Nguyễn Văn Nghi

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Vật lý 1

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Đắc Diên
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0975528087 - Email: diennnd@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Vũ Văn Thú
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0915357926 - Email: thuvv@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **VẬT LÝ 1**
- Tên (tiếng Anh): **Physics 1**
- Mã học phần: **1047**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 18
- Giờ thực hành: 02
- Giờ bài tập: 10
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90
- Thí nghiệm Vật lý 1 : 5 bài

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản sau:

Kiến thức: nắm được kiến thức cơ bản về vật lý cơ học, điện từ, có năng lực tiếp thu các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành

Kỹ năng: giúp sinh viên có kỹ năng giải quyết vấn đề, có tư duy khoa học, có khả năng vận dụng toán học để giải các bài toán vật lý

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: có năng lực tự chủ, khả năng phân tích, phản biện, bảo vệ được quan điểm cá nhân, có phẩm chất đạo đức, ý thức công dân, có tính kỉ luật, có tư duy khoa học duy vật biện chứng

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CĐR học phần	Mô tả nội dung CĐR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CĐR của CTĐT (Đáp ứng CĐR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Sinh viên hiểu được đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các đại lượng vật lý, sai số, phương trình chuyển động, vận tốc, gia tốc và một số dạng chuyển động codặc biệt	3	LO.2
<i>LO.1.2</i>	Sinh viên vận dụng được ba định luật Newton, định luật bảo toàn động lượng, định luật bảo toàn momen động lượng và nguyên lý tương đối Gallileo để giải các bài toán vật lý	3	
<i>LO.1.3</i>	Sinh viên viết được phương trình chuyển động của khối tâm, chuyển động tịnh tiến và chuyển động quay của vật rắn, vận dụng giải bài tập thực tế	3	
<i>LO.1.4</i>	Sinh viên nắm được các khái niệm, định luật, công thức về công cơ học, công suất, động năng, thế năng, cơ năng, phân tích và giải được các bài toán về va chạm, chuyển động bằng phản lực	4	
<i>LO.1.5</i>	Sinh viên hiểu được các tính chất, bản chất của dao động và sóng cơ học, có khả năng tổng hợp và phân tích các dao động điều hòa cùng phương, cùng tần số, khác phương, khác tần số	4	
<i>LO.1.6</i>	Sinh viên ghi nhớ được định luật Coulomb, công thức tính điện trường của điện tích điểm, dây tích điện đều, mặt	3	

	phẳng tích điện đều, hình cầu tích điện đều, vận dụng định lý Ostrogradski – Gauss tìm điện trường, điện thế		
LO.1.7	Sinh viên hiểu được tính chất của vật dẫn trong điện trường, tụ điện và năng lượng điện trường, dòng điện không đổi, giải được các bài tập về tụ điện, dòng điện	3	
LO.1.8	Sinh viên nắm được công thức định nghĩa từ thông, ý nghĩa vật lý, định lý Ostrogradski – Gauss cho từ trường, lực Lorentz, hiện tượng cảm ứng điện từ, hiện tượng hồ cảm trong các máy điện (máy biến thế, máy phát điện, động cơ điện...)	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
LO.2.1	Vận dụng các định luật vật lý để giải bài tập	3	LO.5
LO.2.2	Có kỹ năng tiến hành thí nghiệm, ghi số liệu, xử lý số liệu	4	
LO.2.5	Tổng hợp, phân tích các dao động điều hòa cùng phương, cùng tần số, khác phương, khác tần số	5	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.1	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức vật lý để học tiếp các môn chuyên ngành như Cơ lý thuyết, Sức bền vật liệu, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử, Cơ khí đại cương, Tiếng ồn và rung động.	4	LO.11 LO.15 LO.16
LO.3.4	Có phẩm chất đạo đức, chính trị, thế giới quan duy vật biện chứng, có tư duy khoa học	4	
LO.3.5	Có tính kỉ luật, trung thực trong học tập, thi cử, tích cực, chủ động trong học tập, có ý chí vươn lên, vượt qua khó khăn, có hoài bão	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về các dạng chuyển động, các lực cơ học, động lượng, momen động lượng, hệ chất điểm và vật rắn, bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, dao động và sóng cơ, điện trường, từ trường, dòng điện, cảm ứng điện từ, dao động và sóng điện từ...

Ngoài học kiến thức lý thuyết (2TC) trên lớp, sinh viên còn làm thí nghiệm ở phòng thí nghiệm.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản	Phương pháp	CDR	Tài liệu học
-----	---------------------	-------------	-----	--------------

	theo chương, mục (đến 3 chữ số)	dạy&học		học phần	tập Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	PHẦN I: CƠ HỌC Chương 1: Động học chất điểm 1.1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các đại lượng vật lý và sai số 1.2. Phương trình chuyển động 1.3. Vận tốc và gia tốc 1.4. Một số dạng chuyển động cơ đặc biệt Bài tập chương 1	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà	Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	<i>LO.1.1</i> <i>LO.2.1</i> <i>LO.3.1</i>	Chương I tài liệu 1
2	Chương 2: Động lực học chất điểm 2.1. Ba định luật Newton 2.2. Động lượng 2.3. Momen động lượng 2.4. Các loại lực cơ học 2.5. Nguyên lý tương đối Galileo Bài tập chương 2	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà	Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 2 Tham gia phát biểu	<i>LO.1.2</i> <i>LO.2.2</i>	Chương II tài liệu 1
3	Chương 3: Động lực học hệ chất điểm và vật rắn 3.1. Phương trình chuyển động của khối tâm 3.2. Chuyển động tịnh tiến và chuyển động quay của vật rắn Bài tập chương 3	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà	Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 3 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	<i>LO.1.3</i>	Chương III tài liệu 1
4	Chương 4: Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng	Thuyết giảng, giải thích	Đọc tài liệu, Làm bài	<i>LO.1.4</i> <i>LO.3.4</i>	Chương IV tài liệu 1

	<p>4.1. Công và công suất</p> <p>4.2. Động năng và va chạm</p> <p>4.3. Thế năng</p> <p>4.4. Trường hấp dẫn</p> <p>Bài tập chương 4</p>	<p>cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà</p>	<p>tập chương 4 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>		
<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>					
5	<p>Chương 5: Dao động và sóng cơ học</p> <p>5.1. Dao động cơ</p> <p>5.2. Tổng hợp và phân tích dao động điều hòa</p> <p>5.3. Sóng cơ</p> <p>Bài tập chương 5</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 5 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.5</i> <i>LO.2.5</i> <i>LO.3.5</i></p>	<p>Chương VIII, chương IX tài liệu 2</p>
6	<p>PHẦN II: ĐIỆN TỬ HỌC</p> <p>Chương 6: Tĩnh điện học</p> <p>6.1. Điện tích, điện trường</p> <p>6.2. Điện trường gây bởi một số vật tích điện đều</p> <p>6.3. Định lý Ostrogradski – Gauss</p> <p>6.4. Điện thế</p> <p>Bài tập chương 6</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 6 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.6</i></p>	<p>Chương I tài liệu 2</p>
7	<p>Chương 7: Vật dẫn và dòng điện</p> <p>7.1. Vật dẫn trong điện trường</p> <p>7.2. Tụ điện và năng lượng điện trường</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi</p>	<p>Làm bài tập chương 7 Tham gia phát</p>	<p><i>LO.1.7</i></p>	<p>Chương II, chương bổ sung tài liệu 2</p>

	7.3. Dòng điện không đổi Bài tập chương 7	gợi mở, giải quyết vấn đề	biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài		
8	Chương 8: Từ trường và cảm ứng điện từ 8.1. Từ trường không đổi 8.2. Từ thông, định lý Ostrogradski – Gauss cho từ trường 8.3. Lực từ, lực Lorentz 8.4. Hiện tượng cảm ứng điện từ 8.5. Hiện tượng tự cảm và hồ cảm Bài tập chương 8	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà	Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 8 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.8	Chương IV, chương V tài liệu 2

9. Yêu cầu của học phần

9.1. Học phần học trước: Không

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ, đạt yêu cầu đối với kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên phải hoàn thành các bài thí nghiệm Vật lý 1.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (theo tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần mục 10.5)*

+ Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.

(70%)														
-------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học >40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

RUBRIC ĐIỂM THẢO LUẬN				
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm

Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm
-----------------------	----------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ,	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được	25%

	gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	
--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Lương Duyên Bình (chủ biên)	2017	Vật lý đại cương tập Một: Cơ – Nhiệt	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Lương Duyên Bình (chủ biên)	2016	Vật lý đại cương tập Hai: Điện – Dao động – Sóng	NXB Giáo dục Việt Nam

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Nguyễn Xuân Chi, Đặng Quang Khang	2008	Vật lý đại cương, Tập một: Cơ Nhiệt	NXB Bách khoa Hà Nội
2	Đặng Quang Khang	2000	Vật lý đại cương, Tập hai: Điện học	Đại học Bách khoa Hà Nội

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT/TH = Bài tập/Thực hành, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian
-----	-----------------------------------------------------	-------------------

		LT	BT/TH	KT
1	PHẦN I: CƠ HỌC Chương 1: Động học chất điểm 1.1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các đại lượng vật lý và sai số 1.2. Phương trình chuyển động 1.3. Vận tốc và gia tốc 1.4. Một số dạng chuyển động cơ đặc biệt	2	1	
2	Chương 2: Động lực học chất điểm 2.1. Ba định luật Newton 2.2. Động lượng 2.3. Momen động lượng 2.4. Các loại lực cơ học 2.5. Nguyên lý tương đối Galileo	3	2	
3	Chương 3: Động lực học hệ chất điểm và vật rắn 3.1. Phương trình chuyển động của khối tâm 3.2. Chuyển động tịnh tiến và chuyển động quay của vật rắn	2	1	
4	Chương 4: Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng 4.1. Công và công suất 4.2. Động năng và va chạm 4.3. Thế năng 4.4. Trường hấp dẫn	2	1	
	Kiểm tra các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra			1
5	Chương 5: Dao động và sóng cơ học 5.1. Dao động cơ 5.2. Tổng hợp và phân tích dao động điều hòa 5.3. Sóng cơ	2	1	
6	PHẦN II: ĐIỆN TỬ HỌC Chương 6: Tĩnh điện học 6.1. Điện tích, điện trường 6.2. Điện trường gây bởi một số vật tích điện đều 6.3. Định lý Ostrogradski – Gauss 6.4. Điện thế	2	2	
7	Chương 7: Vật dẫn và dòng điện 7.1. Vật dẫn trong điện trường 7.2. Tụ điện và năng lượng điện trường	2	1	

	7.3. Dòng điện không đổi			
8	Chương 8: Từ trường và cảm ứng điện từ 8.1. Từ trường không đổi 8.2. Từ thông, định lý Ostrogradski – Gauss cho từ trường 8.3. Lực từ, lực Lorentz 8.4. Hiện tượng cảm ứng điện từ 8.5. Hiện tượng tự cảm và hồ cảm	3	2	

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TS. Vũ Văn Thú

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đắc Diện

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Vật lý 2

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: KHOA BẢO HỘ LAO ĐỘNG

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Đắc Diện
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0975528087 - Email: diennnd@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Vũ Văn Thú
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0915357926 - Email: thuvv@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **VẬT LÝ 2**
- Tên (tiếng Anh): **Physics 2**
- Mã học phần: **1048**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 18
- Giờ thực hành: 02
- Giờ bài tập: 10
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90
- Thí nghiệm Vật lý 2 5 bài

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản sau:

Kiến thức: sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về Vật lý phân tử, Nhiệt học,

Quang học, Vật lý hiện đại, có tư duy khoa học. Sinh viên có khả năng ứng dụng kiến thức học được để tiếp thu các môn học chuyên ngành như Kỹ thuật chiếu sáng, Kỹ thuật nhiệt, Thiết bị áp lực, Phòng cháy chữa cháy, Bức xạ, Phóng xạ...

Kĩ năng: có khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn, có thể áp dụng Toán học để giải bài toán vật lý và áp dụng Vật lý để hiểu các học phần chuyên ngành.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: có năng lực tự học, tự nghiên cứu, trung thực trong học tập, kiểm tra, thi cử, có ý thức vươn lên, có tinh thần vượt khó.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Sinh viên nắm được quan hệ giữa các đại lượng vĩ mô của khí như nhiệt độ, thể tích, áp suất với nhau trong các quá trình biến đổi khí đẳng nhiệt, đẳng tích, đẳng áp, đoạn nhiệt và quá trình bất kì.	3	LO.2
<i>LO.1.2</i>	Sinh viên hiểu được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng và các quá trình nhiệt, công, nhiệt lượng mà khí trao đổi với môi trường, độ biến thiên nội năng của khí, độ thay đổi nhiệt độ, nhiệt dung đẳng tích và đẳng áp, chỉ số đoạn nhiệt của khí	3	
<i>LO.1.3</i>	Sinh viên hiểu được các quá trình thuận nghịch và bất thuận nghịch, hiệu suất của động cơ nhiệt, chu trình Carnot cho hiệu suất cao nhất, biện pháp nâng cao hiệu suất động cơ nhiệt, nguyên lý tăng entropy	3	
<i>LO.1.4</i>	Sinh viên nắm được sự khác nhau giữa khí thực và khí lí tưởng, giới hạn áp dụng của định luật Boyle-Mariotte, định luật Charles, định luật Gay Lussac và phương trình Clapeyron-Mendeleev	3	

<i>LO.1.5</i>	Sinh viên nắm được các định luật quang hình học, vận dụng giải các bài toán về giao thoa ánh sáng cho bởi hai khe hẹp, lưỡng lăng kính Fresnel, lưỡng thấu kính Bie, gương Lloyd	3	
<i>LO.1.6</i>	Sinh viên nắm được sự nhiễu xạ cho bởi khe hẹp, phương pháp đo cầu Fresnel, nhiễu xạ bởi cách tử phẳng	3	
<i>LO.1.7</i>	Sinh viên nắm được sự khác nhau giữa ánh sáng tự nhiên và ánh sáng phân cực, biện pháp tạo ra ánh sáng phân cực, sự phân cực bởi sự phản xạ và khúc xạ ánh sáng, các ứng dụng của hiện tượng phân cực ánh sáng	3	
<i>LO.1.8</i>	Sinh viên hiểu được ý nghĩa thực tiễn của khái niệm vật đen tuyệt đối, định luật Stefan-Boltzmann, định luật dịch chuyển Wien, tìm nhiệt độ Mặt Trời và các vì sao ở xa, công thức Planck về lượng tử năng lượng, tính toán hiệu ứng quang điện và hiệu ứng Compton	4	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Có khả năng vận dụng các định luật phân bố phân tử khí để tìm vận tốc căn quân phương, vận tốc trung bình, vận tốc có xác suất lớn nhất và giải bài tập	3	LO.5
<i>LO.2.2</i>	Sinh viên có khả năng vận dụng định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng và các quá trình nhiệt để tìm công, nhiệt lượng mà khí trao đổi với môi trường, độ biến thiên nội năng của khí, độ thay đổi nhiệt độ, nhiệt dung đẳng tích và đẳng áp, chỉ số đoạn nhiệt của khí	4	
<i>LO.2.3</i>	Vận dụng các định luật vật lý để giải bài tập	3	
<i>LO.2.4</i>	Tính được các thông số tới hạn T_K , V_K , p_K của khí thực phụ thuộc bản chất khí.	3	
<i>LO.2.5</i>	Tính được chiều dày bản mỏng để triệt tiêu giao thoa	3	
<i>LO.2.6</i>	Vận dụng các định luật vật lý để giải bài tập	3	
<i>LO.2.7</i>	Vận dụng các định luật vật lý để giải bài tập	4	
<i>LO.2.8</i>	Vận dụng các định luật vật lý để giải bài tập	4	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức cơ sở về nhiệt học, chuyển pha, chất khí, quang học, các tính chất của tia sáng (giao thoa, nhiễu xạ, phân cực), tính chất lượng tử của	3	LO.11 LO.16

	ánh sáng và hạt vi mô, tính chất của nguyên tử và hạt nhân nguyên tử, các vật rắn như kim loại, điện môi, bán dẫn, siêu dẫn....,		
LO.3.2	Có thái độ đúng đắn với công việc học tập và lao động sản xuất sau khi ra trường.	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về các dạng chuyển động, các lực cơ học, động lượng, momen động lượng, hệ chất điểm và vật rắn, bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, dao động và sóng cơ, điện trường, từ trường, dòng điện, cảm ứng điện từ, dao động và sóng điện từ...

Ngoài học kiến thức lý thuyết (2TC) trên lớp, sinh viên còn làm thí nghiệm ở phòng thí nghiệm.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	PHẦN III: NHIỆT HỌC CHƯƠNG 9: THUYẾT ĐỘNG HỌC PHÂN TỬ VÀ CÁC ĐỊNH LUẬT PHÂN BỐ CHẤT KHÍ 9.1. Các định luật thực nghiệm của khí lý tưởng 9.2. Thuyết động học phân tử và các định luật phân bố phân tử	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà	Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 9 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.1 LO.2.1 LO.3.1	Bài mở đầu và chương XIII tài liệu 1
2	CHƯƠNG 10: NGUYÊN LÝ THỨ NHẤT CỦA NHIỆT ĐỘNG LỰC HỌC 10.1. Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học 10.2. Quá trình cân bằng và nhiệt dung 10.3. Các đẳng quá trình	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài	Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 10 Tham gia phát biểu, trao đổi ý	LO.1.2 LO.2.2 LO.3.2	Chương VIII tài liệu 1

		tập vận dụng, giao bài về nhà	kiến, xây dựng bài		
3	<p>CHƯƠNG 11: NGUYÊN LÝ THỨ HAI CỦA NHIỆT ĐỘNG LỰC HỌC</p> <p>11.1. Nguyên lý thứ hai của nhiệt động lực học</p> <p>11.2. Chu trình Carnot và động cơ nhiệt</p> <p>11.3. Hàm entropi và nguyên lý tăng entropi</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà	Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 11 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.3 LO.2.3	Chương IX tài liệu 1
4	<p>CHƯƠNG 12: KHÍ THỰC</p> <p>12.1. Phương trình trạng thái khí thực VanderWaals</p> <p>12.2. Đường đẳng nhiệt của khí thực</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà	Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 12 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO1.4 LO.2.4	Chương X tài liệu 1
5	<p>PHẦN IV: QUANG SÓNG</p> <p>CHƯƠNG 13: GIAO THOA ÁNH SÁNG</p> <p>13.1. Các đại lượng trắc quang</p> <p>13.2. Quang học tia (quang hình học)</p> <p>13.3. Hiện tượng giao thoa ánh sáng</p> <p>13.4. Giao thoa ánh sáng cho bởi bản mỏng</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà	Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 13 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.5 LO.2.5	Chương II tài liệu 2
6	<p>CHƯƠNG 14: NHIỄU XẠ ÁNH SÁNG</p> <p>14.1. Hiện tượng nhiễu xạ ánh</p>	Thuyết giảng, giải thích	Đọc tài liệu, Làm bài	LO.1.6 LO.2.6	Chương III tài liệu 2

	sáng cho bởi các sóng cầu 14.2. Nhiễu xạ ánh sáng của các sóng phẳng	cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà	tập chương 14 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài		
7	CHƯƠNG 15: PHÂN CỰC ÁNH SÁNG 15.1. Ánh sáng tự nhiên và ánh sáng phân cực 15.2. Giao thoa của các tia sáng phân cực, sự quay mặt phẳng phân cực	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề	Làm bài tập chương 15 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.7 LO.2.7	Chương IV tài liệu 2
8	PHẦN IV. VẬT LÝ LƯỢNG TỬ CHƯƠNG 16: QUANG HỌC LƯỢNG TỬ 16.1. Bức xạ nhiệt 16.2. Thuyết lượng tử năng lượng của Planck 16.3. Hiệu ứng quang điện và hiệu ứng Compton	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà	Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 16 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.8 LO.2.8	Chương V tài liệu 2

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Vật lý 1, mã HP 1047

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ, kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên phải hoàn thành các bài thí nghiệm Vật lý 1.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (theo tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần mục 10.5)*

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện), chấm vở ghi

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kì (Tuần 8)

+ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

+ Các kỹ thuật đánh giá: Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu, trực tiếp giải bài tập và thuyết trình trước lớp

+ Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ) hoặc theo tiêu chí đánh giá thuyết trình 10.5

10.3. Thi cuối kỳ:(Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Hình thức: Thi viết (90 phút)

- Tiêu chí đánh giá: theo thang điểm đáp án

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

Chuẩn đầu ra của học phần	Điểm chuyên cần (10%)	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	Điểm thi kết thúc học phần (70%)
LO.1.1	X	X	X
LO.1.2	X	X	X

LO.1.3	X	X	X
LO.1.4	X	X	X
LO.1.5	X		X
LO.1.6	X		X
LO.1.7	X		X
LO.1.8	X		X
LO.2.1		X	X
LO.2.2		X	X
LO.2.3		X	X
LO.2.4		X	X
LO.2.5		X	X
LO.2.6		X	X
LO.2.7		X	X
LO.2.8		X	X
LO.3.1			X
LO.3.2			X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học >40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

RUBRIC ĐIỂM THẢO LUẬN				
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải	50%

		chưa rõ ràng		ràng, đẹp, có sử dụng video	thích cụ thể	
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, tinh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục liệu tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Lương Duyên Bình (chủ biên)	2017	Vật lý đại cương tập Một: Cơ – Nhiệt	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Lương Duyên Bình (chủ biên)	2016	Vật lý đại cương tập Ba: Quang học – Vật lý nguyên tử và hạt nhân	NXB Giáo dục Việt Nam

11.2. Danh mục liệu tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Nguyễn Xuân Chi, Đặng Quang Khang	2008	Vật lý đại cương, Tập một: Cơ Nhiệt	NXB Bách khoa Hà Nội
2	Đặng Quang Khang	2001	Vật lý đại cương, Tập ba: Quang học và Vật lý lượng tử	Đại học Bách khoa Hà Nội

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT = Bài tập, TH = Thực hành, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT/TH	KT
1	PHẦN III: NHIỆT HỌC CHƯƠNG 9: THUYẾT ĐỘNG HỌC PHÂN TỬ VÀ CÁC ĐỊNH LUẬT PHÂN BỐ CHẤT KHÍ 9.1. Các định luật thực nghiệm của khí lý tưởng 9.2. Thuyết động học phân tử và các định luật phân bố phân tử	2	1	
2	CHƯƠNG 10: NGUYÊN LÝ THỨ NHẤT CỦA NHIỆT ĐỘNG LỰC HỌC 10.2. Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học 10.2. Quá trình cân bằng và nhiệt dung 10.3. Các đẳng quá trình	2	2	
3	CHƯƠNG 11: NGUYÊN LÝ THỨ HAI CỦA NHIỆT ĐỘNG LỰC HỌC 11.1. Nguyên lý thứ hai của nhiệt động lực học 11.2. Chu trình Carnot và động cơ nhiệt 11.3. Hàm entropi và nguyên lý tăng entropi	2	2	
4	CHƯƠNG 12: KHÍ THỰC 12.1. Phương trình trạng thái khí thực VanderWaals	2	1	

	12.2. Đường đẳng nhiệt của khí thực			
	Kiểm tra các kiến thức đến thời điểm kiểm tra			1
5	PHẦN IV: QUANG SÓNG CHƯƠNG 13: GIAO THOA ÁNH SÁNG 13.1. Các đại lượng trắc quang 13.2. Quang học tia (quang hình học) 13.3. Hiện tượng giao thoa ánh sáng 13.4. Giao thoa ánh sáng cho bởi bản mỏng	3	2	
6	CHƯƠNG 14: NHIỀU XẠ ÁNH SÁNG 14.1. Hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng cho bởi các sóng cầu 14.2. Nhiễu xạ ánh sáng của các sóng phẳng	2	1	
7	CHƯƠNG 15: PHÂN CỰC ÁNH SÁNG 15.1. Ánh sáng tự nhiên và ánh sáng phân cực 15.2. Giao thoa của các tia sáng phân cực, sự quay mặt phẳng phân cực	2	1	
8	PHẦN IV. VẬT LÝ LƯỢNG TỬ CHƯƠNG 16: QUANG HỌC LƯỢNG TỬ 16.1. Bức xạ nhiệt 16.2. Thuyết lượng tử năng lượng của Planck 16.3. Hiệu ứng quang điện và hiệu ứng Compton	2	2	

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TS. Vũ Văn Thú

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đắc Diện

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Hóa học đại cương

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Vũ Thị Phương Thúy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: thuyvtp@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Xuân Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email:

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG

- Tên (tiếng Anh): General chemistry

- Mã học phần: 1016

4. Số tín chỉ: 03

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết:	35 (bao gồm cả kiểm tra)
- Giờ thực hành:	0
- Giờ bài tập/thảo luận/thuyết trình:	10
- Giờ báo cáo thực tế:	0
- Giờ tự học:	135
- Thí nghiệm hóa học đại cương	5 bài

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hóa học đại cương tập trung vào những định luật cơ bản của hóa học, cấu tạo chất, các nguyên lý nhiệt động hóa học, động hóa học, cân bằng hóa học, dung dịch, điện hóa và hóa keo. Giúp sinh viên có kỹ năng giải quyết vấn đề, có tư duy khoa học, có khả năng vận dụng toán học, vật lý để

giải các bài toán hóa học, có kiến thức nền tảng và năng lực tiếp thu các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Sinh viên nhớ được các khái niệm và định luật cơ bản trong hóa học. Vận dụng làm các bài tập.	3	LO.1 LO.2
<i>LO.1.2</i>	Sinh viên hiểu được các lý thuyết cổ điển và hiện đại về cấu tạo nguyên tử. Biết cách phân bố electron trong lớp vỏ nguyên tử nhiều electron.	3	
<i>LO.1.3</i>	Sinh viên hiểu được cấu tạo của bảng tuần hoàn, quy luật biến thiên các thông số đặc trưng của các nguyên tử nguyên tố hóa học. Xác định quan hệ giữa cấu hình electron với vị trí nguyên tố trong bảng tuần hoàn.	3	
<i>LO.1.4</i>	Sinh viên hiểu được cấu tạo phân tử và các loại liên kết cơ bản trong hóa học như liên kết ion, liên kết cộng hóa trị...	3	
<i>LO.1.5</i>	Sinh viên hiểu được ba trạng thái của vật chất là rắn, lỏng, khí và khả năng chuyển hóa giữa chúng.	3	
<i>LO.1.6</i>	Sinh viên có khả năng áp dụng các nguyên lý 1 và 2 của nhiệt động lực học vào các quá trình hóa học, hiểu được khả năng và chiều hướng, giới hạn diễn biến	3	
<i>LO.1.7</i>	Sinh viên hiểu và biết cách tính toán tốc độ phản ứng, các đại lượng và các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng các đại lượng đặc trưng của tốc độ phản ứng. Hiểu và tính toán được các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng.	3	
<i>LO.1.8</i>	Sinh viên hiểu và xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến sự chuyển dịch cân bằng hóa học. Hiểu nguyên lý chuyển dịch cân bằng của le Chatelier.	3	

LO.1.9	Sinh viên nắm được các tính chất của dung dịch, phân loại dung dịch, dung dịch điện li và không điện li	3	
LO.1.10	Sinh viên viết được số oxi hóa, cân bằng phản ứng oxi hóa khử, các quá trình điện hóa, hiện tượng điện phân và ứng dụng trong thực tế sản xuất và đời sống	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
LO.2.6	Kỹ năng thực hành thực nghiệm: Tốc độ phản ứng	3	LO.5 LO.6
LO.2.7	Kỹ năng thực hành thực nghiệm: Cân bằng hóa học	3	
LO.2.8	Kỹ năng thực hành thực nghiệm: Pha dung dịch và chuẩn độ; Sự thủy phân của muối, chất điện ly ít tan.	3	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.2.	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức về bản chất, đặc điểm của các chất hóa học để học tiếp các môn chuyên ngành như An toàn hóa chất.	4	LO.11 LO.15 LO.16
LO.3.4.	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức Hóa học đại cương để học tiếp các môn chuyên ngành như An toàn hóa chất.	4	
LO.3.8.	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức về tính chất hóa học của hóa chất để học tiếp các môn chuyên ngành như An toàn hóa chất.	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức đại cương về lĩnh vực hóa học: Những khái niệm và định luật cơ bản trong hóa học; Cấu tạo nguyên tử; Định luật tuần hoàn. Bảng tuần hoàn hóa học; Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học; Trạng thái tập hợp của vật chất; Nguyên lý nhiệt động lực học hóa học; Tốc độ phản ứng; Cân bằng hóa học; Dung dịch; Điện hóa. Ngoài học kiến thức lý thuyết (3TC) trên lớp, sinh viên còn làm thí nghiệm ở phòng thí nghiệm.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản	Phương pháp dạy & học	CĐR học	Tài liệu học tập/
-----	---------------------	-----------------------	---------	-------------------

	theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV	phần	Tài liệu tham khảo
1	Chương 1: Những khái niệm và định luật cơ bản trong hóa học. 1.1. Những khái niệm cơ bản. 1.2. Những định luật cơ bản.	Phương pháp thuyết trình; Phương pháp đàm thoại gợi mở, đàm thoại nêu vấn đề; Giao bài tập vận dụng	Đọc TLTK; Làm BT chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài; làm bài tập vận dụng;	<i>LO.1.1</i>	Hóa học đại cương (Dành cho sinh viên không thuộc ngành hóa) (chương 1).
2	Chương 2: Cấu tạo nguyên tử. 2.1. Các lý thuyết cổ điển về cấu tạo nguyên tử. 2.2. Lý thuyết hiện đại về cấu tạo nguyên tử. 2.3. Hàm sóng. Phương trình sóng Schrodinger. 2.4. Cách phân bố electron trên lớp vỏ nguyên tử.	Phương pháp đàm thoại gợi mở, đàm thoại nêu vấn đề, minh họa bằng mô hình, phần mềm hóa học; Nhấn mạnh thông qua các ví dụ minh họa;	Đọc TLTK; Làm BT chương 2; Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài; Làm bài tập vận dụng.	<i>LO.1.2</i> <i>LO.3.2</i>	Hóa học đại cương (Dành cho sinh viên không thuộc ngành hóa)(chương 2).
	Chương 3. Định luật tuần hoàn và bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học. 3.1. Lịch sử phát triển bảng tuần hoàn 3.2. Định luật tuần hoàn. 3.3. Cấu tạo của bảng tuần hoàn 3.4. Biến thiên tuần hoàn của một số thông số hóa học của các nguyên tố. 3.5. Mối quan hệ giữa cấu	Phương pháp thuyết trình; Phương pháp đàm thoại gợi mở, đàm thoại nêu vấn đề; Giao bài tập vận dụng	Đọc TLTK; Làm BT chương 3; Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài; Làm bài tập vận dụng.	<i>LO.1.3</i>	Hóa học đại cương (Dành cho sinh viên không thuộc ngành hóa) (chương 3).

	hình electron với tính chất và vị trí các nguyên tố trong bảng tuần hoàn.				
4	<p>Chương 4. Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học</p> <p>4.1. Các đặc trưng cơ bản của liên kết hóa học.</p> <p>4.2. Liên kết ion.</p> <p>4.3. Liên kết cộng hóa trị.</p> <p>4.4. Các liên kết yếu trong hóa học.</p>	<p>Phương pháp thuyết trình;</p> <p>Phương pháp đàm thoại gợi mở, đàm thoại nêu vấn đề; Giao bài tập vận dụng</p>	<p>Đọc TLTK;</p> <p>Làm BT chương 4;</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài;</p> <p>Làm bài tập vận dụng.</p>	<p>LO.1.4</p> <p>LO.3.4</p>	<p>Hóa học đại cương (Dành cho sinh viên không thuộc ngành hóa) (chương 4, 5, 6).</p>
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>				
5	<p>Chương 5. Định luật bảo toàn, chuyển hóa năng lượng và chiều hướng diễn biến của các quá trình hóa học.</p> <p>5.1. Các khái niệm cơ bản;</p> <p>5.2. Nguyên lý 1 của nhiệt động lực học;</p> <p>5.3. Nguyên lý 2 của nhiệt động lực học;</p>	<p>Phương pháp thuyết trình;</p> <p>Phương pháp đàm thoại gợi mở, đàm thoại nêu vấn đề; Giao bài tập vận dụng</p>	<p>Đọc TLTK;</p> <p>Làm BT chương 6;</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài;</p> <p>Làm bài tập vận dụng.</p>	<p>LO.1.5</p>	<p>Hóa học đại cương (Dành cho sinh viên không thuộc ngành hóa) (chương 7).</p>
6	<p>Chương 6. Tốc độ phản ứng.</p> <p>6.1. Các khái niệm cơ bản;</p> <p>6.2. Các loại phản ứng trong hóa học;</p> <p>6.3. Động học của những phản ứng đơn giản;</p> <p>6.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng;</p>	<p>Phương pháp thuyết trình;</p> <p>Phương pháp đàm thoại gợi mở, đàm thoại nêu vấn đề; Giao bài tập vận dụng</p>	<p>Đọc TLTK;</p> <p>Làm BT chương 7;</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài;</p> <p>Làm bài tập vận dụng.</p>	<p>LO.1.6</p> <p>LO.2.6</p>	<p>Hóa học đại cương (Dành cho sinh viên không thuộc ngành hóa) (chương 9).</p>

7	<p>Chương 7. Cân bằng hóa học.</p> <p>7.1. Các khái niệm cơ bản;</p> <p>7.2. Nguyên lý chuyển dịch cân bằng le Chatelier;</p> <p>7.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự chuyển dịch cân bằng.</p>	<p>Phương pháp thuyết trình;</p> <p>Phương pháp đàm thoại gợi mở, đàm thoại nêu vấn đề; Giao bài tập vận dụng</p>	<p>Đọc TLTK;</p> <p>Làm BT chương 8;</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài;</p> <p>Làm bài tập vận dụng.</p>	<p><i>LO.1.7</i></p> <p><i>LO.2.7</i></p>	<p>Hóa học đại cương (Dành cho sinh viên không thuộc ngành hóa) (chương 8).</p>
8	<p>Chương 8. Dung dịch.</p> <p>8.1. Các tính chất đặc trưng của dung dịch;</p> <p>8.2. Cân bằng ion trong dung dịch;</p>	<p>Phương pháp thuyết trình;</p> <p>Phương pháp đàm thoại gợi mở, đàm thoại nêu vấn đề; Giao bài tập vận dụng</p>	<p>Đọc TLTK;</p> <p>Làm BT chương 9;</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài;</p> <p>Làm bài tập vận dụng.</p>	<p><i>LO.1.8</i></p> <p><i>LO.2.8</i></p> <p><i>LO.3.8</i></p>	<p>Hóa học đại cương (Dành cho sinh viên không thuộc ngành hóa) (chương 10).</p>
9	<p>Chương 9. Phản ứng oxy hóa khử và dòng điện</p> <p>9.1. Phản ứng oxy hóa khử</p> <p>9.2. Pin</p> <p>9.3. Phương trình Nernst</p> <p>9.4. Quan hệ giữa sức điện động của pin và hằng số cân bằng K của phản ứng oxy hóa - khử xảy ra trong pin.</p> <p>9.5. Một số nguồn điện hóa thông dụng.</p> <p>9.6. Sự điện phân</p>	<p>Phương pháp thuyết trình;</p> <p>Phương pháp đàm thoại gợi mở, đàm thoại nêu vấn đề; Giao bài tập vận dụng</p>	<p>Đọc TLTK;</p> <p>Làm BT chương 10; Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài;</p> <p>Làm bài tập vận dụng.</p>	<p><i>LO.1.9</i></p>	<p>Hóa học đại cương (Dành cho sinh viên không thuộc ngành hóa) (chương 11).</p>
10	<p>Chương 10. Đại cương về hệ phân tán</p> <p>10.1. Khái niệm chung</p>	<p>Phương pháp thuyết trình;</p> <p>Phương pháp</p>	<p>Đọc TLTK;</p> <p>Làm BT</p>	<p><i>LO.1.10</i></p>	<p>Hóa học đại cương (Dành cho sinh</p>

10.2. Phân loại dung dịch keo 10.3. Một số tính chất của dung dịch keo 10.4. Một số ứng dụng của dung dịch keo	đàm thoại gợi mở, đàm thoại nêu vấn đề; Giao bài tập vận dụng	chương 10; Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài;		viên không thuộc ngành hóa) (chương 12).
<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Không

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp không dưới 80% thời gian quy định của học phần.
- Phải dự đủ 2 bài kiểm tra theo quy định.
- Sinh viên phải hoàn thành các bài thí nghiệm hóa học đại cương.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- **Mục đích:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- **Hình thức đánh giá:**

- + Điểm danh số giờ dự giảng
- + Ý thức tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm.

- **Tiêu chí đánh giá:**theo Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần (10.5)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kỳ: 2 bài (Tuần 6 và tuần 10)

-**Mục đích:** Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

-**Hình thức đánh giá:**Bài kiểm tra viết trên lớp (1 giờ/ bài)hoặc trực tiếp giải bài tập trên lớp.

- **Tiêu chí đánh giá:**theo đáp án của bài kiểm tra hoặc Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình(10.5)

10.3. Thi cuối kỳ:(Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết: trắc nghiệm, tự luận (90 phút). Đề thi theo ma trận đề thi.

- **Tiêu chí đánh giá:** Theo đáp án của ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

Chuẩn đầu ra của học phần	Điểm chuyên cần (10%)	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	Điểm thi kết thúc học phần (70%)
LO.1.1	X	X	X
LO.1.2	X	X	X
LO.1.3	X	X	X
LO.1.4	X	X	X
LO.1.5	X		X
LO.1.6	X		X
LO.1.7	X		X
LO.1.8	X		X
LO.1.9	x		x
LO.1.10	x		x
LO.2.6		X	X
LO.2.7		X	X
LO.2.8		X	X
LO.3.2		X	X
LO.3.4		X	X
LO.3.8		X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thuyết trình

- **Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần**

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học >40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

RUBRIC ĐIỂM THẢO LUẬN				
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
-----------	--------------------	---------------	-----------------------------------------------	-----------------------------------------

			bản	
1	Lâm Ngọc Thiềm, Bùi Duy Cam	2013	Hóa học đại cương (Dành cho SV không thuộc chuyên ngành hóa).	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

11.2. Danh mục liệu tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Lê Mậu Quyền	2013	Bài tập hóa học đại cương	NXB Giáo dục Việt Nam.

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL/BT	KT
1	<p>Chương 1: Những khái niệm và định luật cơ bản trong hóa học.</p> <p>1.1. Những khái niệm cơ bản.</p> <p>1.1.1. Nguyên tử</p> <p>1.1.2. Nguyên tố hóa học</p> <p>1.1.3. Phân tử</p> <p>1.1.4. Chất</p> <p>1.1.5. Hệ thống khối lượng nguyên tử - Phân tử</p> <p>1.2. Những định luật cơ bản.</p> <p>1.2.1. Định luật bảo toàn khối lượng</p> <p>1.2.2. Đương lượng và định luật đương lượng</p> <p>1.2.3. Phương trình trạng thái khí lý tưởng</p> <p>Bài tập chương 1</p>	2		
2	<p>Chương 2: Cấu tạo nguyên tử.</p> <p>2.1. Các lý thuyết cổ điển về cấu tạo nguyên tử.</p> <p>2.1.1. Thành phần cơ bản của nguyên tử</p> <p>2.1.2. Cấu tạo nguyên tử theo cơ học cổ điển</p> <p>2.1.3. Cấu tạo nguyên tử theo cơ học lượng tử</p> <p>2.1.4. Bản chất sóng và bản chất hạt của các hạt vi mô</p> <p>2.2. Lý thuyết hiện đại về cấu tạo nguyên tử.</p> <p>2.2.1. Thuyết lượng tử Plank</p> <p>2.2.2. Sóng vật chất de Broglie</p> <p>2.2.3. Nguyên lý bất định Heisenberg</p>	4	2	

	<p>2.3. Hàm sóng. Phương trình sóng Schrodinger.</p> <p>2.3.1. Hàm sóng</p> <p>2.3.2. Phương trình sóng Schrodinger - các nghiệm khi giải phương trình sóng Schrodinger</p> <p>2.3.3. Bộ đầy đủ các đại lượng vật lý</p> <p>2.3.4. Khái niệm đám mây điện tử</p> <p>2.4. Cách phân bố electron trên lớp vỏ nguyên tử.</p> <p>2.4.1. Khái niệm về lớp, phân lớp, ô lượng tử</p> <p>2.4.2. Các quy luật phân bố electron trong nguyên tử</p>			
3	<p>Chương 3. Định luật tuần hoàn và bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học.</p> <p>3.1. Lịch sử phát triển bảng tuần hoàn</p> <p>3.2. Định luật tuần hoàn.</p> <p>3.3. Cấu tạo của bảng tuần hoàn</p> <p>3.4. Biến thiên tuần hoàn của một số thông số hóa học của các nguyên tố.</p> <p>3.5. Mối quan hệ giữa cấu hình electron với tính chất và vị trí các nguyên tố trong bảng tuần hoàn.</p>	2	1	
4	<p>Chương 4. Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học</p> <p>4.1. Các đặc trưng cơ bản của liên kết hóa học.</p> <p>4.2. Liên kết ion.</p> <p>4.3. Liên kết cộng hóa trị.</p> <p>4.3.1. Thuyết Lewis về liên kết cộng hóa trị</p> <p>4.3.2. Thuyết Spin về liên kết cộng hóa trị</p> <p>4.3.3. Thuyết lai hóa về liên kết cộng hóa trị</p> <p>4.3.4. Thuyết obitan phân tử (MO)</p> <p>4.4. Các liên kết yếu trong hóa học.</p>	6	2	
5	<p>Chương 5. Định luật bảo toàn, chuyển hóa năng lượng và chiều hướng diễn biến của các quá trình hóa học.</p> <p>5.1. Các khái niệm cơ bản;</p> <p>5.2. Nguyên lý 1 của nhiệt động lực học;</p> <p>5.2.1. Nguyên lý 1 của nhiệt động lực học và áp dụng</p> <p>5.2.2. Nhiệt hóa học</p> <p>5.3. Nguyên lý 2 của nhiệt động lực học;</p> <p>5.3.2. Nguyên lý 2 của nhiệt động lực học và áp dụng</p>	4	1	

	5.3.3. Chiều hướng diễn biến của quá trình hóa học			
6	Chương 6. Cân bằng hóa học. 6.1. Các khái niệm cơ bản; 6.1.1. Phản ứng thuận nghịch 6.1.2. Cân bằng hóa học 6.1.3. Hằng số cân bằng và cách tính 6.2. Nguyên lý chuyển dịch cân bằng le Chatelier; 6.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự chuyển dịch cân bằng; 6.3.1. Ảnh hưởng của nhiệt độ 6.3.2. Ảnh hưởng của áp suất 6.3.3. Ảnh hưởng của nồng độ	3	1	
7	Chương 7. Tốc độ phản ứng. 7.1. Các khái niệm cơ bản; 7.2. Các loại phản ứng trong hóa học; 7.3. Động học của những phản ứng đơn giản; 7.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng;	4	1	
8	Chương 8. Dung dịch. 8.1. Các tính chất đặc trưng của dung dịch; 8.2. Cân bằng ion trong dung dịch; 8.3. Dung dịch chất điện ly	4	1	
9	Chương 9. Phản ứng oxy hóa khử và dòng điện 9.1. Phản ứng oxy hóa khử 9.2. Pin 9.3. Phương trình Nernst 9.4. Quan hệ giữa sức điện động của pin và hằng số cân bằng K của phản ứng oxy hóa - khử xảy ra trong pin. 9.5. Một số nguồn điện hóa thông dụng. 9.6. Sự điện phân	4	1	
10	Chương 10. Đại cương về hệ phân tán 10.1. Khái niệm chung 10.2. Phân loại dung dịch keo 10.3. Một số tính chất của dung dịch keo 10.4. Một số ứng dụng của dung dịch keo	2		
	<i>Bài kiểm tra số 1 (Tuần 6)</i>			1

	<i>Bài kiểm tra số 2 (Tuần 11)</i>			1
--	------------------------------------	--	--	---

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TS. Vũ Văn Thú

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

ThS. Vũ Thị Phương Thúy

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Hình họa – Vẽ kỹ thuật

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Tuyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0988392128 - Email: tuyennt@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên giảng viên: Vũ Tố Hồng Nga
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0913558115 - Email: vthnga131@gmail.com

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **HÌNH HỌA – VẼ KỸ THUẬT**
- Tên (tiếng Anh): **Geometry – Engineering Draw**
- Mã học phần: **1015**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20
- Giờ thực hành: 10
- Giờ bài tập: 0
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản sau:

Kiến thức: tổng quan về hình họa, vẽ kỹ thuật (hình chiếu vuông góc của điểm,

đường, mặt, hình chiếu vật thể, hình chiếu trục đo, vẽ quy ước một số chi tiết máy thông dụng, sơ đồ....).

Kĩ năng: Đọc và thể hiện được các bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp đơn giản.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, có óc tưởng tượng, có phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có ý thức tôn trọng pháp luật, ý thức cộng đồng.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Sinh viên hiểu được các phép chiếu xuyên tâm, chiếu song song, hình chiếu của điểm, đường thẳng, mặt phẳng	2	LO.3
<i>LO.1.2</i>	Sinh viên nắm được phép thay mặt phẳng hình chiếu đứng, thay liên tiếp hai mặt phẳng hình chiếu, nắm được phương pháp xoay quanh đường bằng, đường mặt; áp dụng được phương pháp dời hình song song với mặt phẳng hình chiếu	3	
<i>LO.1.3</i>	Sinh viên nắm được khái niệm và tính chất của đường cong, mặt cong, cách vẽ và xác định giao tuyến của mặt phẳng với khối đa diện, hình trụ, hình nón, hình cầu	3	
<i>LO.1.4</i>	Sinh viên có khả năng sử dụng dụng cụ vẽ, nắm được tiêu chuẩn trình bày bản vẽ, các phương pháp vẽ	4	
<i>LO.1.5</i>	Sinh viên có khả năng vẽ các hình chiếu, ghi kích thước, đọc bản vẽ, vẽ mặt cắt và hình cắt của vật thể	4	
<i>LO.1.6</i>	Sinh viên nắm được khái niệm và các loại hình chiếu trục đo (xiên góc cân, vuông góc đều)	4	
<i>LO.1.7</i>	Sinh viên hiểu được các bản vẽ chi tiết	4	
<i>LO1.8</i>	Sinh viên nắm được quy ước một số chi tiết máy thông dụng	4	
<i>LO1.9</i>	Sinh viên đọc bản vẽ lắp	4	

LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Vẽ được hình chiếu xuyên tâm, hình chiếu song song, hình chiếu của điểm, đường thẳng, mặt phẳng	3	LO.5 LO.10
<i>LO.2.2</i>	Có khả năng thay mặt phẳng hình chiếu đứng, thay liên tiếp hai mặt phẳng hình chiếu, áp dụng được các phương pháp xoay quanh đường bằng, đường mặt, dời hình song song với mặt phẳng hình chiếu	4	
<i>LO.2.3</i>	Vẽ được giao tuyến của mặt phẳng với khối đa diện, hình trụ, hình nón, hình cầu	3	
<i>LO.2.4</i>	Có khả năng sử dụng dụng cụ vẽ và trình bày được bản vẽ	4	
<i>LO.2.5</i>	Sinh viên có khả năng vẽ các hình chiếu, ghi kích thước, đọc bản vẽ, vẽ mặt cắt và hình cắt của vật thể	4	
<i>LO.2.6</i>	Vẽ được hình chiếu trục đo, xiên góc cân, vuông góc đều	4	
<i>LO.2.7</i>	Có kỹ năng đọc và thể hiện được các bản vẽ chi tiết, biết cách lập bản vẽ chi tiết, ghi kích thước trong bản vẽ	4	
<i>LO.2.8</i>	Có kỹ năng vẽ một số chi tiết như ren, bánh răng, lò xo, bản vẽ sơ đồ	4	
<i>LO.2.9</i>	Có khả năng đọc bản vẽ lắp, viết quy ước trong bản vẽ lắp	4	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.9</i>	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn vào công việc, có trách nhiệm với nghề nghiệp, rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, tỉ mỉ trong việc thiết kế hoặc đọc thông tin từ bản vẽ kỹ thuật	4	LO.15

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Phần 1 hình học họa hình nghiên cứu phương pháp hình chiếu vuông góc (điểm, đường và mặt), các phép biến đổi hình chiếu rồi dựng cách biểu diễn ấy để nghiên cứu các không gian ban đầu và các bài toán giao tuyến có liên quan đến phần vẽ kỹ thuật. Phần 2 vẽ kỹ thuật nghiên cứu cách trình bày bản vẽ kỹ thuật, các hình chiếu vật thể, mặt cắt và hình cắt, cách vẽ các loại hình chiếu trục đo. Nghiên cứu cách lập bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp, bản vẽ sơ đồ.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Phần 1. HÌNH HỌC HỌA HÌNH Chương 1. PHƯƠNG PHÁP HÌNH CHIẾU THẲNG GÓC 1.1. Các phép chiếu 1.1.1. Phép chiếu xuyên tâm 1.1.2. Phép chiếu song song 1.2. Hình chiếu của điểm, đường thẳng và mặt phẳng 1.2.1. Hình chiếu của điểm 1.2.2. Hình chiếu của đường thẳng 1.2.3. Hình chiếu của mặt phẳng 1.3. Những bài toán về vị trí	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo l luận	Đọc giáo trình, Làm BT chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.1 LO.2.1	Chương 1 tài liệu 1
2	Chương 2. CÁC PHÉP BIẾN ĐỔI HÌNH CHIẾU 2.1. Phương pháp thay mặt phẳng hình chiếu 2.1.1. Thay mặt phẳng hình chiếu đứng P1 2.1.2. Thay mặt phẳng hình chiếu đứng P2 2.1.3. Thay liên tiếp hai mặt phẳng hình chiếu 2.2. Phương pháp xoay quanh đường bằng, đường mặt 2.2.1. Xoay quanh đường bằng 2.2.2. Xoay quanh đường mặt 2.3. Phương pháp dời hình song song với mặt phẳng hình chiếu 2.3.1. Di chuyển song song với mặt phẳng P1	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo l luận, học nhóm, giao bài về nhà	Đọc giáo trình, Làm BT chương 2 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.2 LO.2.2	Chương 1 tài liệu 2

	2.3.2. Di chuyển song song với mặt phẳng P2				
3	<p>Chương 3. ĐƯỜNG VÀ MẶT</p> <p>3.1. Đường cong</p> <p>3.1.1. Định nghĩa</p> <p>3.1.2. Các tính chất hình chiếu của đường cong</p> <p>3.1.3. Các đường cong thường dựng</p> <p>3.2. Mặt cong</p> <p>3.2.1. Khái niệm cơ bản về mặt cong</p> <p>3.2.2. Các loại mặt cong thường gặp</p> <p>3.3. Giao tuyến của mặt phẳng với các mặt</p> <p>3.3.1. Giao tuyến của mặt phẳng với khối đa diện</p> <p>3.3.2. Giao tuyến của mặt phẳng với hình trụ</p> <p>3.3.3. Giao tuyến của mặt phẳng với hình nón tròn xoay</p> <p>3.3.4. Giao tuyến của mặt phẳng với hình cầu</p> <p>3.4. Giao tuyến của mặt phẳng với các khối hình học</p> <p>3.4.1. Giao tuyến của hai khối đa diện</p> <p>3.4.2. Giao tuyến của hai khối tròn</p> <p>3.5. Giao tuyến của khối đa diện với khối tròn</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Đọc giáo trình, Làm BT chương 3 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.3 LO.2.3	Chương 2 tài liệu 1
4	<p>Phần 2. VẼ KỸ THUẬT</p> <p>Chương 4. NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể,	Đọc giáo trình, Làm BT	LO.1.4 LO.2.4	Chương 3 tài liệu 1

	<p>4.1. Dụng cụ vẽ và cách sử dụng</p> <p>4.1.1. Bút chì</p> <p>4.1.2. Ván vẽ và thước vẽ</p> <p>4.1.3. Compa</p> <p>4.2. Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ</p> <p>4.2.1. Khổ giấy</p> <p>4.2.2. Tỷ lệ</p> <p>4.2.3. Nét vẽ</p> <p>4.2.4. Chữ viết</p> <p>4.2.5. Ghi kích thước</p> <p>4.3. Vẽ hình học</p> <p>4.3.1. Chia đoạn thẳng thành nhiều phần bằng nhau</p> <p>4.3.2. Vẽ độ dốc và độ côn</p> <p>4.3.3. Chia đường tròn thành nhiều phần bằng nhau</p> <p>4.3.4. Vẽ nối tiếp</p>	<p>câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề</p>	<p>chương 4 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>		
5	<p>Chương 5. HÌNH CHIẾU VẬT THỂ</p> <p>5.1. Các hình chiếu</p> <p>5.1.1. Phương pháp biểu diễn</p> <p>5.1.2. Sáu hình chiếu cơ bản</p> <p>5.2. Bản vẽ hình chiếu vật thể</p> <p>5.2.1. Vẽ hình chiếu vật thể</p> <p>5.2.2. Ghi kích thước của vật thể</p> <p>5.2.3. Đọc bản vẽ hình chiếu vật thể</p> <p>5.3. Mặt cắt và hình cắt</p> <p>5.3.1. Mặt cắt</p> <p>5.3.2. Hình cắt</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề</p>	<p>Đọc giáo trình, Làm BT chương 5 Tham gia phát biểu,</p>	<p>LO.1.5 LO.2.5</p>	<p>Chương 5 tài liệu 1</p>

6	<p>Chương 6. HÌNH CHIẾU TRỰC ĐO</p> <p>6.1. Khái niệm về hình chiếu trực đo</p> <p>6.1.1. Khái niệm</p> <p>6.1.2. Phân loại</p> <p>6.2. Hình chiếu trực đo thường dụng</p> <p>6.2.1. Hình chiếu trực đo xiên góc cân</p> <p>6.2.2. Hình chiếu trực đo vuông góc đều</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, Làm BT chương 6 Tham gia phát biểu,	LO.1.6 LO.2.6	Chương 6 tài liệu 1
7	<p>Chương 7. BẢN VẼ CHI TIẾT</p> <p>7.1. Cách lập bản vẽ chi tiết</p> <p>7.2. Ghi kích thước trong bản vẽ chi tiết</p> <p>7.3. Bản vẽ phác chi tiết</p> <p>7.4. Đọc bản vẽ chi tiết</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, Làm BT chương 7 Tham gia phát biểu,	LO.1.7 LO.2.7	Chương 2 tài liệu 2
8	<p>Chương 8. VẼ QUY ƯỚC MỘT SỐ CHI TIẾT MÁY THÔNG DỤNG</p> <p>8.1. Ren và cách vẽ quy ước ren</p> <p>8.2. Các chi tiết ghép có ren</p> <p>8.3. Vẽ quy ước bánh răng</p> <p>8.4. Vẽ quy ước lò xo</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, Làm BT chương 8 Tham gia phát biểu,	LO.1.8 LO.2.8	Chương 3 tài liệu 2
9	<p>Chương 9. BẢN VẼ LẮP</p> <p>9.1. Nội dung bản vẽ lắp</p> <p>9.2. Các quy ước biểu diễn trong bản vẽ lắp</p> <p>9.3. Cách đọc bản vẽ lắp</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, Làm BT chương 9 Tham gia phát biểu,	LO.1.9 LO.2.9 LO.3.9	Chương 4 tài liệu 2

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Không

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

+ Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ

+ Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ

+ Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)

++ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

++ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

++ Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ)

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của

cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

- + Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.
- + Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề
- + Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.

- Hình thức: Thi viết (90 phút)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

Chuẩn đầu ra của học phần	Điểm chuyên cần (10%)	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	Điểm thi kết thúc học phần (70%)
LO.1.1	X	X	X
LO.1.2	X	X	X
LO.1.3	X	X	X
LO.1.4	X	X	X
LO.1.5	X		X
LO.1.6	X		X
LO.1.7	X		X
LO.1.8	X		X
LO.1.9	x		x
LO.2.1	x		x
LO.2.2		X	X
LO.2.3		X	X
LO.2.4		X	X
LO.2.5		X	X
LO.2.6		X	X
LO.2.7		X	X

LO.2.8		x	x
LO.2.9		x	x
LO.3.9		x	x

10.6. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học >40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	04 lần khiến trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm

Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm
-----------------------	----------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt	Bài trình bày đầy đủ. Giọng	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát.	25%

	quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	nói nhỏ, phát âm còn l số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	đơn giản dễ hiểu. Bộc lộ rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Trần Hồng Hải (chủ biên)	2018	Giáo trình Hình họa – Vẽ kỹ thuật	NXB Xây dựng

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
2	Trần Hữu Quế, Nguyễn Văn Tuấn	2005	Giáo trình vẽ kỹ thuật	Nhà xuất bản Giáo dục

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, TH = Thực hành, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TH	KT

1	<p>Phần 1. HÌNH HỌC HỌA HÌNH</p> <p>Chương 1. PHƯƠNG PHÁP HÌNH CHIẾU THẲNG GÓC</p> <p>1.1. Các phép chiếu</p> <p>1.1.1. Phép chiếu xuyên tâm</p> <p>1.1.2. Phép chiếu song song</p> <p>1.2. Hình chiếu của điểm, đường thẳng và mặt phẳng</p> <p>1.2.1. Hình chiếu của điểm</p> <p>1.2.2. Hình chiếu của đường thẳng</p> <p>1.2.3. Hình chiếu của mặt phẳng</p> <p>1.3. Những bài toán về vị trí</p>	2	1	
2	<p>Chương 2. CÁC PHÉP BIẾN ĐỔI HÌNH CHIẾU</p> <p>2.1. Phương pháp thay mặt phẳng hình chiếu</p> <p>2.1.1. Thay mặt phẳng hình chiếu đứng P1</p> <p>2.1.2. Thay mặt phẳng hình chiếu đứng P2</p> <p>2.1.3. Thay liên tiếp hai mặt phẳng hình chiếu</p> <p>2.2. Phương pháp xoay quanh đường bằng, đường mặt</p> <p>2.2.1. Xoay quanh đường bằng</p> <p>2.2.2. Xoay quanh đường mặt</p> <p>2.3. Phương pháp dời hình song song với mặt phẳng hình chiếu</p> <p>2.3.1. Di chuyển song song với mặt phẳng P1</p> <p>2.3.2. Di chuyển song song với mặt phẳng P2</p>	2	2	
3	<p>Chương 3. ĐƯỜNG VÀ MẶT</p> <p>3.1. Đường cong</p> <p>3.1.1. Định nghĩa</p> <p>3.1.2. Các tính chất hình chiếu của đường cong</p> <p>3.1.3. Các đường cong thường dựng</p> <p>3.2. Mặt cong</p> <p>3.2.1. Khái niệm cơ bản về mặt cong</p> <p>3.2.2. Các loại mặt cong thường gặp</p> <p>3.3. Giao tuyến của mặt phẳng với các mặt</p> <p>3.3.1. Giao tuyến của mặt phẳng với khối đa diện</p> <p>3.3.2. Giao tuyến của mặt phẳng với hình trụ</p> <p>3.3.3. Giao tuyến của mặt phẳng với hình nón tròn xoay</p>	2	2	

	<p>3.3.4. Giao tuyến của mặt phẳng với hình cầu</p> <p>3.4. Giao tuyến của mặt phẳng với các khối hình học</p> <p>3.4.1. Giao tuyến của hai khối đa diện</p> <p>3.4.2. Giao tuyến của hai khối tròn</p> <p>3.5. Giao tuyến của khối đa diện với khối tròn</p>			
	Kiểm tra đến kiến thức đã học			1
4	<p>Phần 2. VẼ KỸ THUẬT</p> <p>Chương 4. NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN</p> <p>4.1. Dụng cụ vẽ và cách sử dụng</p> <p>4.1.1. Bút chì</p> <p>4.1.2. Ván vẽ và thước vẽ</p> <p>4.1.3. Compa</p> <p>4.2. Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ</p> <p>4.2.1. Khô giấy</p> <p>4.2.2. Tỷ lệ</p> <p>4.2.3. Nét vẽ</p> <p>4.2.4. Chữ viết</p> <p>4.2.5. Ghi kích thước</p> <p>4.3. Vẽ hình học</p> <p>4.3.1. Chia đoạn thẳng thành nhiều phần bằng nhau</p> <p>4.3.2. Vẽ độ dốc và độ côn</p> <p>4.3.3. Chia đường tròn thành nhiều phần bằng nhau</p> <p>4.3.4. Vẽ nối tiếp</p>	2	1	
5	<p>Chương 5. HÌNH CHIẾU VẬT THỂ</p> <p>5.1. Các hình chiếu</p> <p>5.1.1. Phương pháp biểu diễn</p> <p>5.1.2. Sáu hình chiếu cơ bản</p> <p>5.2. Bản vẽ hình chiếu vật thể</p> <p>5.2.1. Vẽ hình chiếu vật thể</p> <p>5.2.2. Ghi kích thước của vật thể</p> <p>5.2.3. Đọc bản vẽ hình chiếu vật thể</p> <p>5.3. Mặt cắt và hình cắt</p> <p>5.3.1. Mặt cắt</p> <p>5.3.2. Hình cắt</p>	2	1	
6	Chương 6. HÌNH CHIẾU TRỰC ĐO	2	1	

	6.1. Khái niệm về hình chiếu trục đo 6.1.1. Khái niệm 6.1.2. Phân loại 6.2. Hình chiếu trục đo thường dụng 6.2.1. Hình chiếu trục đo xiên góc cân 6.2.2. Hình chiếu trục đo vuông góc đều			
7	Chương 7. BẢN VẼ CHI TIẾT 7.1. Cách lập bản vẽ chi tiết 7.2. Ghi kích thước trong bản vẽ chi tiết 7.3. Bản vẽ phác chi tiết 7.4. Đọc bản vẽ chi tiết	2	1	
8	Chương 8. VẼ QUY ƯỚC MỘT SỐ CHI TIẾT MÁY THÔNG DỤNG 8.1. Ren và cách vẽ quy ước ren 8.2. Các chi tiết gộp có ren 8.3. Vẽ quy ước bánh răng 8.4. Vẽ quy ước lò xo	2	1	
9	Chương 9. BẢN VẼ LẮP 9.1. Nội dung bản vẽ lắp 9.2. Các quy ước biểu diễn trong bản vẽ lắp 9.3. Cách đọc bản vẽ lắp	2	1	

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

ThS. Nguyễn Thị Tuyền

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: KỸ THUẬT ĐIỆN

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa BẢO HỘ LAO ĐỘNG

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: ĐÀO BẰNG GIANG
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ Lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0904210964 Email: giangdb@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: NGUYỄN ĐỨC KHOÁNG
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ Lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 Email: khoangnd@gmail.com

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): KỸ THUẬT ĐIỆN
- Tên (tiếng Anh): ELECTRICAL ENGINEERING
- Mã học phần: 1019

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- | | |
|---------------------------------------|---------------------------------|
| - Giờ lý thuyết: | 21 (bao gồm cả kiểm tra) |
| - Giờ thực hành: | 0 |
| - Giờ bài tập/thảo luận/thuyết trình: | 9 |
| - Giờ báo cáo thực tế: | 0 |
| - Giờ tự học: | 90 |
| - Thí nghiệm kỹ thuật điện | 5 bài |

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: Các hiện tượng điện từ trong mạch điện; một số phương pháp tính toán mạch

điện và ứng dụng vào việc tính toán mạch điện xoay chiều một pha và ba pha; những vấn đề về mạch điện thường gặp trong thực tế; Cấu tạo, tính năng, nguyên lý làm việc của các loại máy điện: Máy biến áp, máy điện không đồng bộ, máy điện đồng bộ, máy điện một chiều.

Kỹ năng: Vận dụng, phân tích, mô phỏng, tính toán mạch điện, máy biến áp.

Năng lực tự chủ: Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn, khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong quá trình làm thí nghiệm, nghiên cứu các thông số của máy biến áp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		LO.3
<i>LO.1.1</i>	Hiểu được các khái niệm, các phần tử cơ bản và các định luật của mạch điện.	2	
<i>LO.1.2</i>	Vận dụng kiến thức để giải các dạng bài toán cơ bản về mạch điện sin.	3	
<i>LO.1.3</i>	Vận dụng kiến thức để giải các dạng bài toán phức tạp về mạch điện sin.	3	
<i>LO.1.4</i>	Vận dụng kiến thức để giải các dạng bài toán về mạch điện sin 3 pha.	3	
<i>LO.1.5</i>	Hiểu được các khái niệm về máy điện	3	
<i>LO.1.6</i>	Hiểu được các khái niệm về máy biến áp	3	
<i>LO.1.7</i>	Vận dụng kiến thức lý thuyết để tính toán xác định thông số của máy biến áp	3	
<i>LO.1.8</i>	Hiểu được cấu tạo và nguyên lý làm việc của máy điện không đồng bộ	2	
<i>LO.1.9</i>	Hiểu được cấu tạo và nguyên lý làm việc của máy điện đồng bộ	2	

LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
LO.2.3	Vận dụng các định luật, phương pháp tính toán, kỹ năng tiến hành thí nghiệm, ghi số liệu và xử lý số liệu trong quá trình nghiên cứu về mạch điện sin	3	LO.5
LO.2.7	Có kỹ năng tiến hành thí nghiệm, ghi số liệu và xử lý số liệu trong quá trình nghiên cứu máy biến áp	4	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.7	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn, khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong quá trình làm thí nghiệm, nghiên cứu các thông số của máy biến áp.	3	LO.11

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về: Các hiện tượng điện từ trong mạch điện; một số phương pháp tính toán mạch điện và ứng dụng vào việc tính toán mạch điện xoay chiều một pha và ba pha; Cấu tạo, tính năng, nguyên lý làm việc của các loại máy điện: Máy biến áp, máy điện không đồng bộ, máy điện đồng bộ, máy điện một chiều. Ngoài học kiến thức lý thuyết (2TC) trên lớp, SV còn làm thí nghiệm ở trên phòng thí nghiệm.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	<p>Chương 1: NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ MẠCH ĐIỆN</p> <p>1.1 Mạch điện và kết cấu hình học của mạch điện</p> <p>1.1.1 Mạch điện</p> <p>1.1.2 Kết cấu hình học của mạch điện</p> <p>1.2 Các đại lượng đặc trưng cho quá trình năng lượng trong mạch điện</p> <p>1.2.1 Dòng điện</p> <p>1.2.2 Điện áp</p> <p>1.2.3 Công suất tức thời</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.	Đọc TLTK Làm BT chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.1	Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 5 đến trang 11

	<p>1.3 Mô hình mạch điện và các thông số</p> <p>1.3.1 Nguồn điện 1.3.2 Điện trở R 1.3.3 Điện cảm L 1.3.4 Điện dung C</p> <p>1.4 Phân loại các chế độ làm việc của mạch điện</p> <p>1.4.1 Phân loại theo loại dòng điện 1.4.2 Phân loại theo các thông số R, L, C 1.4.3 Phân loại theo quá trình năng lượng trong mạch điện 1.4.4 Phân loại theo bài toán mạch điện</p> <p>1.5 Hai định luật Kiếchốp</p> <p>1.5.1 Định luật Kiếchốp 1 1.5.2 Định luật Kiếchốp 2 1.5.3 Hệ phương trình mạch điện theo 2 định luật Kiếchốp</p> <p><i>Bài tập chương 1</i></p>				
2	<p>Chương 2: DÒNG ĐIỆN SIN</p> <p>2.1 Các đại lượng đặc trưng cho dòng điện sin.</p> <p>2.1.1 Các đại lượng đặc trưng của dòng điện, điện áp sin 2.1.2 Góc lệch pha giữa điện áp và dòng điện sin</p> <p>2.2 Trị số hiệu dụng của đại lượng sin.</p> <p>2.2.1 Trị số hiệu dụng 2.2.2 Quan hệ giữa biên độ và trị hiệu dụng của đại lượng sin</p> <p>2.3 Biểu diễn đại lượng sin bằng vectơ quay.</p> <p>2.4 Biểu diễn dòng điện sin bằng số phức.</p> <p>2.4.1 Quy tắc biểu diễn đại lượng sin bằng số phức</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.</p>	<p>Đọc TLTK Làm BT chương 2 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.2</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 12 đến trang 23 Tham khảo TL 2 từ trang 9 đến trang 28</p>

	<p>2.4.2 Biểu diễn phức đạo hàm, tích phân của đại lượng sin</p> <p>2.4.3 Hai định luật Kiếchốp dạng phức</p> <p>2.5 Dòng điện sin trong nhánh thuần điện trở</p> <p>2.5.1 Sơ đồ phức của điện trở R</p> <p>2.5.2 Quá trình năng lượng</p> <p>2.6 Dòng điện sin trong nhánh thuần điện cảm.</p> <p>2.6.1 Sơ đồ phức của điện cảm L</p> <p>2.6.2 Quá trình năng lượng</p> <p>2.7 Dòng điện sin trong nhánh thuần điện dung.</p> <p>2.7.1 Sơ đồ phức của điện dung C</p> <p>2.7.2 Quá trình năng lượng</p> <p>2.8 Dòng điện sin trong nhánh R-L-C nối tiếp.</p> <p>2.8.1 Tổng trở phức của nhánh R-L-C nối tiếp</p> <p>2.8.2 Quá trình năng lượng trong nhánh R-L-C nối tiếp</p> <p>2.9 Công suất của dòng điện sin</p> <p>2.9.1 Công suất tức thời</p> <p>2.9.2 Công suất tác dụng</p> <p>2.9.3 Công suất phản kháng</p> <p>2.9.4 Công suất biểu kiến</p> <p>2.9.5 Công suất phức</p> <p><i>Bài tập chương 2</i></p>				
3	<p>Chương 3: CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH MẠCH ĐIỆN</p> <p>3.1 Phương pháp biến đổi tương đương.</p> <p>3.1.1 Đặc điểm của phương pháp biến đổi tương đương</p> <p>3.1.2 Biến đổi các tổng trở nối tiếp</p> <p>3.1.3 Biến đổi các tổng trở song song</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm,</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm BT chương 3</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây</p>	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.3</i></p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 24 đến trang 33</p>

	<p>3.2 Phương pháp dòng điện nhánh. 3.2.1 Đặc điểm của phương pháp dòng điện nhánh 3.2.2 Giải mạch điện theo phương pháp dòng điện nhánh</p> <p>3.3 Phương pháp dòng điện vòng. 3.3.1 Đặc điểm của phương pháp dòng điện vòng 3.3.2 Giải mạch điện theo phương pháp dòng điện vòng</p> <p>3.4 Phương pháp điện áp 2 nút. 3.4.1 Đặc điểm của phương pháp điện áp 2 nút 3.4.2 Giải mạch điện theo phương pháp điện áp 2 nút</p> <p>3.5 Phương pháp xếp chồng. 3.5.1 Đặc điểm của phương pháp xếp chồng 3.5.2 Giải mạch điện theo phương pháp xếp chồng</p> <p><i>Bài tập chương 3</i></p>	giao bài về nhà.	dụng bài		
4	<p>Chương 4: MẠCH ĐIỆN 3 PHA</p> <p>4.1. Khái niệm chung về mạch điện ba pha. 4.1.1 Nguồn điện 3 pha 4.1.2 Phụ tải 3 pha</p> <p>4.2. Giải mạch 3 pha nối sao. 4.2.1 Khái niệm mạch 3 pha nối sao 4.2.2 Cách giải mạch 3 pha nối sao</p> <p>4.3. Giải mạch 3 pha nối tam giác. 4.3.1 Khái niệm mạch 3 pha nối tam giác 4.3.2 Cách giải mạch 3 pha nối tam giác</p> <p>4.4. Công suất mạch điện ba</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.	Đọc TLTK Làm BT chương 4 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.4	Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 34 đến trang 45 Tham khảo TL 2 từ trang 29 đến trang 43

	<p>pha.</p> <p>4.4.1 Công suất tác dụng</p> <p>4.4.2 Công suất phản kháng</p> <p>4.4.3 Công suất biểu kiến</p> <p>Bài tập chương 4</p>				
5	<p>Chương 5: NHỮNG KHÁI NIỆM CHUNG VỀ MÁY ĐIỆN</p> <p>5.1. Định nghĩa và phân loại.</p> <p>5.2. Các định luật điện từ cơ bản dùng trong máy điện.</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề.	Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.5	Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 46 đến trang 50
6	<p>Chương 6: MÁY BIẾN ÁP</p> <p>6.1. Khái niệm chung.</p> <p>6.1.1 Định nghĩa</p> <p>6.1.2 Một số quy ước</p> <p>6.1.3 Các đại lượng định mức của máy biến áp</p> <p>6.2. Cấu tạo của máy biến áp.</p> <p>6.2.1 Lõi thép</p> <p>6.2.2 Dây quấn</p> <p>6.2.3 Vỏ máy</p> <p>6.3. Nguyên lý làm việc của máy biến áp.</p> <p>6.4. Mô hình toán của máy biến áp.</p> <p>6.4.1 Quá trình điện từ trong máy biến áp</p> <p>6.4.2 Phương trình cân bằng điện áp sơ cấp</p> <p>6.4.3 Phương trình cân bằng điện áp thứ cấp</p> <p>6.4.4 Phương trình cân bằng sức từ động</p> <p>6.5. Sơ đồ thay thế của máy biến áp.</p> <p>6.6. Chế độ không tải của máy biến áp.</p> <p>6.6.1 Đặc điểm của chế độ</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.	Đọc TLTK Làm BT chương 6 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.6	Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 52 đến trang 73 Tham khảo TL 2 từ trang 56 đến trang 70

	<p>không tải</p> <p>6.6.2 Thí nghiệm không tải</p> <p>6.7. Chế độ ngắn mạch của máy biến áp.</p> <p>6.7.1 Đặc điểm của chế độ ngắn mạch</p> <p>6.7.2 Thí nghiệm ngắn mạch</p> <p>6.8. Chế độ có tải của máy biến áp.</p> <p>6.8.1 Đặc điểm của chế độ có tải</p> <p>6.8.2 Đặc tính ngoài</p> <p>6.8.3 Tổn hao và hiệu suất</p> <p>6.9. Máy biến áp ba pha.</p> <p>6.9.1 Dây quấn và cách nối dây</p> <p>6.9.2 Quy ước về tính toán thông số máy biến áp 3 pha</p> <p><i>Bài tập chương 6</i></p>				
7	<p>Chương 7: MÁY ĐIỆN KHÔNG ĐỒNG BỘ</p> <p>7.1. Khái niệm chung.</p> <p>7.1.1 Định nghĩa</p> <p>7.1.2 Các đại lượng định mức</p> <p>7.2. Cấu tạo của máy điện không đồng bộ ba pha.</p> <p>7.2.1 Stato</p> <p>7.2.2 Roto</p> <p>7.3. Từ trường của máy điện không đồng bộ.</p> <p>7.3.1 Từ trường của dây quấn 1 pha</p> <p>7.3.2 Từ trường của dây quấn 3 pha</p> <p>7.4. Nguyên lý làm việc của máy điện không đồng bộ.</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề.</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.7</p> <p>LO.2.7</p> <p>LO.3.7</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 73 đến trang 81</p>
8	<p>Chương 8: MÁY ĐIỆN ĐỒNG BỘ</p> <p>8.1. Khái niệm chung</p> <p>8.1.1 Định nghĩa</p> <p>8.1.2 Công dụng.</p> <p>8.2. Cấu tạo của máy điện</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở,</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi</p>	<p>LO.1.8</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 97 đến trang 99</p>

	đồng bộ. 8.2.1 Stato 8.2.2 Roto 8.3. Nguyên lý làm việc của máy phát điện đồng bộ.	giải quyết vấn đề.	ý kiến, xây dựng bài		
9	Chương 9: Máy điện một chiều 9.1. Khái niệm chung 9.1.1 Định nghĩa 9.1.2 Công dụng. 9.2. Cấu tạo máy điện một chiều. 9.2.1 Phần cảm 9.2.2 Phần ứng 9.3. Nguyên lý làm việc của máy phát và động cơ điện một chiều. 9.3.1. Nguyên lý làm việc của máy phát điện một chiều 9.3.2. Nguyên lý làm việc của động cơ điện một chiều	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề.	Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.9	Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 107 đến trang 110

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước:

- Học phần: Đại số Mã HP: 2101
- Học phần: Giải tích 2 Mã HP: 2104
- Học phần: Vật lý 2 Mã HP: 1048

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp không dưới 80% thời gian quy định của học phần.
- Phải dự đủ 1 bài kiểm tra theo quy định
- Sinh viên phải hoàn thành các bài thí nghiệm.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- **Mục đích:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- **Hình thức đánh giá:**

- + Điểm danh số giờ dự giảng
- + Ý thức tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm.

- **Tiêu chí đánh giá:**theo Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 9)

-**Mục đích:** Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

-**Hình thức đánh giá:**Bài kiểm tra viết trên lớp (1 giờ)hoặc trực tiếp giải bài tập và thuyết trình trước lớp.

- **Tiêu chí đánh giá:**theo đáp án của bài kiểm tra hoặc **Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình**

10.3. Thi cuối kỳ:(Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết: trắc nghiệm, tự luận (90 phút). Đề thi theo ma trận đề thi.

- **Tiêu chí đánh giá:**Theo đáp án của ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

T T	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần											
		LO. 1.1	LO. 1.2	LO. 1.3	LO. 1.4	LO. 1.5	LO. 1.6	LO. 1.7	LO. 1.8	LO. 1.9	LO. 2.3	LO. 2.7	LO. 3.7
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X	X							X	
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thuyết trình

- **Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần**

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%

Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
----	-------------	--------	--------------------------------------------	----------------------------------

1	Lê Văn Doanh, Đặng Văn Đào	2016	Kỹ thuật Điện	NXB Giáo dục Việt Nam
---	-------------------------------	------	---------------	-----------------------

11.2. Danh mục liệu tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
2	TS. Phan Thị Huệ	2012	Bài tập Kỹ thuật điện	NXB Khoa học và Kỹ thuật

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT/TL = Bài tập/Thảo luận/Thuyết trình, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT/TL/TT	KT
1	<p>Chương 1: NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ MẠCH ĐIỆN</p> <p>1.1 Mạch điện và kết cấu hình học của mạch điện</p> <p>1.1.1 Mạch điện</p> <p>1.1.2 Kết cấu hình học của mạch điện</p> <p>1.2 Các đại lượng đặc trưng cho quá trình năng lượng trong mạch điện</p> <p>1.2.1 Dòng điện</p> <p>1.2.2 Điện áp</p> <p>1.2.3 Công suất tức thời</p> <p>1.3 Mô hình mạch điện và các thông số</p> <p>1.3.1 Nguồn điện</p> <p>1.3.2 Điện trở R</p> <p>1.3.3 Điện cảm L</p> <p>1.3.4 Điện dung C</p> <p>1.4 Phân loại các chế độ làm việc của mạch điện</p> <p>1.4.1 Phân loại theo loại dòng điện</p> <p>1.4.2 Phân loại theo các thông số R, L, C</p> <p>1.4.3 Phân loại theo quá trình năng lượng trong mạch điện</p> <p>1.4.4 Phân loại theo bài toán mạch điện</p> <p>1.5 Hai định luật Kiếchốp</p> <p>1.5.1 Định luật Kiếchốp 1</p> <p>1.5.2 Định luật Kiếchốp 2</p> <p>1.5.3 Hệ phương trình mạch điện theo 2 định luật Kiếchốp</p>	2	1	

	<i>Bài tập chương 1</i>			
2	<p>Chương 2: DÒNG ĐIỆN SIN</p> <p>2.1 Các đại lượng đặc trưng cho dòng điện sin. 2.1.1 Các đại lượng đặc trưng của dòng điện, điện áp sin 2.1.2 Góc lệch pha giữa điện áp và dòng điện sin</p> <p>2.2 Trị số hiệu dụng của đại lượng sin. 2.2.1 Trị số hiệu dụng 2.2.2 Quan hệ giữa biên độ và trị hiệu dụng của đại lượng sin</p> <p>2.3 Biểu diễn đại lượng sin bằng véctơ quay.</p> <p>2.4 Biểu diễn dòng điện sin bằng số phức. 2.4.1 Quy tắc biểu diễn đại lượng sin bằng số phức 2.4.2 Biểu diễn phức đạo hàm, tích phân của đại lượng sin 2.4.3 Hai định luật Kiếchốp dạng phức</p> <p>2.5 Dòng điện sin trong nhánh thuần điện trở 2.5.1 Sơ đồ phức của điện trở R 2.5.2 Quá trình năng lượng</p> <p>2.6 Dòng điện sin trong nhánh thuần điện cảm. 2.6.1 Sơ đồ phức của điện cảm L 2.6.2 Quá trình năng lượng</p> <p>2.7 Dòng điện sin trong nhánh thuần điện dung. 2.7.1 Sơ đồ phức của điện dung C 2.7.2 Quá trình năng lượng</p> <p>2.8 Dòng điện sin trong nhánh R-L-C nối tiếp. 2.8.1 Tổng trở phức của nhánh R-L-C nối tiếp 2.8.2 Quá trình năng lượng trong nhánh R-L-C nối tiếp</p> <p>2.9 Công suất của dòng điện sin 2.9.1 Công suất tức thời 2.9.2 Công suất tác dụng 2.9.3 Công suất phản kháng 2.9.4 Công suất biểu kiến 2.9.5 Công suất phức</p> <p><i>Bài tập chương 2</i></p>	3	2	
3	<p>Chương 3: CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH MẠCH ĐIỆN</p> <p>3.1 Phương pháp biến đổi tương đương. 3.1.1 Đặc điểm của phương pháp biến đổi tương đương 3.1.2 Biến đổi các tổng trở nối tiếp 3.1.3 Biến đổi các tổng trở song song</p> <p>3.2 Phương pháp dòng điện nhánh.</p>	3	2	

	<p>3.2.1 Đặc điểm của phương pháp dòng điện nhánh</p> <p>3.2.2 Giải mạch điện theo phương pháp dòng điện nhánh</p> <p>3.3 Phương pháp dòng điện vòng.</p> <p>3.3.1 Đặc điểm của phương pháp dòng điện vòng</p> <p>3.3.2 Giải mạch điện theo phương pháp dòng điện vòng</p> <p>3.4 Phương pháp điện áp 2 nút.</p> <p>3.4.1 Đặc điểm của phương pháp điện áp 2 nút</p> <p>3.4.2 Giải mạch điện theo phương pháp điện áp 2 nút</p> <p>3.5 Phương pháp xếp chồng.</p> <p>3.5.1 Đặc điểm của phương pháp xếp chồng</p> <p>3.5.2 Giải mạch điện theo phương pháp xếp chồng</p> <p><i>Bài tập chương 3</i></p>			
4	<p>Chương 4: MẠCH ĐIỆN 3 PHA</p> <p>4.1. Khái niệm chung về mạch điện ba pha.</p> <p>4.1.1 Nguồn điện 3 pha</p> <p>4.1.2 Phụ tải 3 pha</p> <p>4.2. Giải mạch 3 pha nối sao.</p> <p>4.2.1 Khái niệm mạch 3 pha nối sao</p> <p>4.2.2 Cách giải mạch 3 pha nối sao</p> <p>4.3. Giải mạch 3 pha nối tam giác.</p> <p>4.3.1 Khái niệm mạch 3 pha nối tam giác</p> <p>4.3.2 Cách giải mạch 3 pha nối tam giác</p> <p>4.4. Công suất mạch điện ba pha.</p> <p>4.4.1 Công suất tác dụng</p> <p>4.4.2 Công suất phản kháng</p> <p>4.4.3 Công suất biểu kiến</p> <p><i>Bài tập chương 4</i></p>	3	2	
5	<p>Chương 5: NHỮNG KHÁI NIỆM CHUNG VỀ MÁY ĐIỆN</p> <p>5.1. Định nghĩa và phân loại.</p> <p>5.2. Các định luật điện từ cơ bản dùng trong máy điện.</p>	1		
6	<p>Chương 6: MÁY BIẾN ÁP</p> <p>6.1. Khái niệm chung.</p> <p>6.1.1 Định nghĩa</p> <p>6.1.2 Một số quy ước</p> <p>6.1.3 Các đại lượng định mức của máy biến áp</p> <p>6.2. Cấu tạo của máy biến áp.</p> <p>6.2.1 Lõi thép</p> <p>6.2.2 Dây quấn</p> <p>6.2.3 Vỏ máy</p> <p>6.3. Nguyên lý làm việc của máy biến áp.</p>	4	2	

	<p>6.4. Mô hình toán của máy biến áp. 6.4.1 Quá trình điện từ trong máy biến áp 6.4.2 Phương trình cân bằng điện áp sơ cấp 6.4.3 Phương trình cân bằng điện áp thứ cấp 6.4.4 Phương trình cân bằng sức từ động</p> <p>6.5. Sơ đồ thay thế của máy biến áp.</p> <p>6.6. Chế độ không tải của máy biến áp. 6.6.1 Đặc điểm của chế độ không tải 6.6.2 Thí nghiệm không tải</p> <p>6.7. Chế độ ngắn mạch của máy biến áp. 6.7.1 Đặc điểm của chế độ ngắn mạch 6.7.2 Thí nghiệm ngắn mạch</p> <p>6.8. Chế độ có tải của máy biến áp. 6.8.1 Đặc điểm của chế độ có tải 6.8.2 Đặc tính ngoài 6.8.3 Tổn hao và hiệu suất</p> <p>6.9. Máy biến áp ba pha. 6.9.1 Dây quấn và cách nối dây 6.9.2 Quy ước về tính toán thông số máy biến áp 3 pha</p> <p><i>Bài tập chương 6</i></p>			
7	<p>Chương 7: MÁY ĐIỆN KHÔNG ĐỒNG BỘ</p> <p>7.1. Khái niệm chung. 7.1.1 Định nghĩa 7.1.2 Các đại lượng định mức</p> <p>7.2. Cấu tạo của máy điện không đồng bộ ba pha. 7.2.1 Stato 7.2.2 Roto</p> <p>7.3. Từ trường của máy điện không đồng bộ. 7.3.1 Từ trường của dây quấn 1 pha 7.3.2 Từ trường của dây quấn 3 pha</p> <p>7.4. Nguyên lý làm việc của máy điện không đồng bộ.</p>	2		
8	<p>Chương 8: MÁY ĐIỆN ĐỒNG BỘ</p> <p>8.1. Khái niệm chung 8.1.1 Định nghĩa 8.1.2 Công dụng.</p> <p>8.2. Cấu tạo của máy điện đồng bộ. 8.2.1 Stato 8.2.2 Roto</p> <p>8.3. Nguyên lý làm việc của máy phát điện đồng bộ.</p>	1		
9	<p>Chương 9: Máy điện một chiều</p> <p>9.1. Khái niệm chung</p>	1		

	9.1.1 Định nghĩa 9.1.2 Công dụng. 9.2. Cấu tạo máy điện một chiều. 9.2.1 Phần cảm 9.2.2 Phần ứng 9.3. Nguyên lý làm việc của máy phát và động cơ điện một chiều. 9.3.1. Nguyên lý làm việc của máy phát điện một chiều 9.3.2. Nguyên lý làm việc của động cơ điện một chiều			
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

ThS.Đào Bằng Giang

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Kỹ thuật Điện tử

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Đức Khoáng
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: khoangnd@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: VŨ VĂN THỨ
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ Lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: thuvv@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Kỹ thuật Điện tử
- Tên (tiếng Anh): Electronics
- Mã học phần: 1020

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20
- Giờ thực hành: 0
- Giờ bài tập/thảo luận: 10
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: Nắm bắt và áp dụng kiến thức về vật liệu điện tử, nguyên lý làm việc của các linh kiện điện tử như diode, transistor lưỡng cực (BJT), transistor hiệu ứng trường (FET), các mạch chỉnh lưu, mạch khuếch đại tín hiệu nhỏ, mạch khuếch đại công suất, mạch chuyển đổi tín hiệu tương tự/số, mạch chuyển đổi tín hiệu số/tương tự,

mạch tạo xung, mạch kỹ thuật số vào việc học tập chuyên môn An toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp. Đặc biệt, kiến thức Kỹ thuật Điện tử phục vụ tiếp theo cho người học nắm nhanh môn Kỹ thuật đo lường, an toàn điện và các môn học khác.

Kỹ năng: Từ những kiến thức cơ bản trên, sinh viên có thể tự nghiên cứu sâu hơn và **vận dụng** tốt vào thực tế công tác như đánh giá khả năng cách điện trong an toàn điện, và nguyên tắc cơ bản của thiết bị đo lường điện tử dùng trong công việc An toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp sau này.

Năng lực tự chủ: Có năng lực tự chủ, khả năng phân tích và tìm hiểu thêm về mạch điện tử, các ứng dụng của kỹ thuật điện tử trong công việc An toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Sinh viên nắm được kiến thức về vật liệu dẫn điện, vật liệu cách điện, vật liệu bán dẫn thuần, vật liệu bán dẫn pha tạp loại n, vật liệu bán dẫn pha tạp loại p, chuyển tiếp p-n, hiện tượng đánh thủng của chuyển tiếp p-n.	3	LO.3
<i>LO.1.2</i>	Sinh viên hiểu cấu tạo, nguyên lý hoạt động của diode bán dẫn. Hiểu được các tham số cơ bản của diode, phân loại diode và các ứng dụng của diode bán dẫn.	3	
<i>LO.1.3</i>	Sinh viên hiểu cấu tạo, nguyên lý hoạt động, đặc tuyến vào, đặc tuyến ra, các tham số cơ bản, mạch tương đương, mạch phân cực của transistor lưỡng cực (BJT).	3	
<i>LO.1.4</i>	Sinh viên hiểu cấu tạo, nguyên lý hoạt động, đặc tuyến vào, đặc tuyến ra, các tham số cơ bản, mạch tương đương, mạch phân cực của transistor lưỡng cực (FET).	3	
<i>LO.1.5</i>	Sinh viên hiểu được khái niệm khuếch đại, hồi tiếp âm, hồi tiếp dương, phân tích được mạch khuếch đại tín hiệu nhỏ sử dụng transistor lưỡng cực (BJT), transistor hiệu ứng trường (FET).	3	

LO.1.6	Sinh viên hiểu được khái niệm xung, tín hiệu xung, mạch tích phân, mạch vi phân, trigơ.	2	
LO.1.7	Sinh viên nắm được đại số logic, các phần tử logic cơ bản, phần tử tương đương, phần tử khác dấu, phần tử so sánh, một số hệ logic thông dụng.	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
LO.2.1	Sinh viên phân biệt, nhận biết được một số vật liệu dẫn điện, cách điện, bán dẫn trong thực tế.	3	
LO.2.5	Sinh viên phân tích, tính toán, thiết kế được các mạch khuếch đại tín hiệu nhỏ đơn giản.	3	LO.5 LO.7
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.1	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức cơ sở về vật liệu điện tử áp dụng cho công việc An toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.	3	LO.11 LO.15
LO.3.5	Có năng lực tự chủ tìm hiểu các nguyên lý và ứng dụng của các mạch khuếch đại tín hiệu nhỏ trong công việc chuyên môn.	3	
LO.3.7	Có năng lực tự chủ tìm hiểu các nguyên lý và ứng dụng của kỹ thuật số trong công việc chuyên môn.	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về vật liệu dẫn điện, vật liệu cách điện, vật liệu bán dẫn, cấu tạo, nguyên lý hoạt động của diode, transistor lưỡng cực (BJT), transistor hiệu ứng trường (FET), kiến thức cơ bản về kỹ thuật xung, kỹ thuật số. Ngoài ra sinh viên nắm được tham số kỹ thuật, các ứng dụng cơ bản của diode, transistor lưỡng cực (BJT), transistor hiệu ứng trường (FET) và các ứng dụng cơ bản của kỹ thuật xung, kỹ thuật số trong công việc chuyên môn.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Chương 1: VẬT LIỆU BÁN DẪN 1.1 Chất bán dẫn 1.1.1 Chất bán dẫn	Thuyết giảng, giải thích	Đọc tài liệu, tham gia		

	<p>nguyên chất</p> <p>1.1.2 Chất bán dẫn tạp chất</p> <p>1.2 Chuyển tiếp P-N</p> <p>1.2.1 Cấu tạo của chuyển tiếp P-N</p> <p>1.2.2 Các hiệu ứng vật lý của chuyển tiếp P-N</p> <p>1.3 Hiện tượng đánh thủng</p> <p>1.3.1 Hiện tượng đánh thủng vì nhiệt</p> <p>1.3.2 Hiện tượng đánh thủng vì điện</p> <p>Bài tập</p>	<p>cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà</p>	<p>phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài. Làm bài tập về nhà.</p>	<p><i>LO.1.1</i></p> <p><i>LO.2.1</i></p> <p><i>LO.3.1</i></p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1</p> <p>Làm bài tập trong tài liệu số 2</p>
2	<p>Chương 2: DIODE VÀ CÁC MẠCH ỨNG DỤNG</p> <p>2.1 Cấu tạo</p> <p>2.1.1 Cấu tạo của diode</p> <p>2.1.2 Nguyên lý làm việc của diode</p> <p>2.2 Đặc tuyến V - A</p> <p>2.3 Các thông số của diode</p> <p>2.4 Phân loại</p> <p>2.4.1 Phân loại theo cấu tạo của diode</p> <p>2.4.2 Phân loại theo ứng dụng của diode</p> <p>2.5 Các mạch ứng dụng của diode</p> <p>2.5.1 Mạch chỉnh lưu hai nửa chu kỳ</p> <p>2.5.2 Mạch chỉnh lưu cầu</p> <p>2.5.3 Mạch chỉnh lưu cho điện áp ra đối xứng</p> <p>2.5.4 Mạch chỉnh lưu nhân đôi điện áp</p> <p>Bài tập</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc tài liệu. Tìm hiểu bài trước khi lên lớp. Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.2</i></p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1</p> <p>Làm bài tập trong tài liệu số 2</p>
3	<p>Chương 3: TRANSISTOR LƯỜNG CỰC (BJT)</p> <p>3.1 Đại cương về Transistor lưỡng cực</p> <p>3.1.1 Cấu tạo của Transistor lưỡng cực</p> <p>3.1.2 Nguyên lý làm việc của Transistor lưỡng cực</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết</p>	<p>Đọc tài liệu. Tìm hiểu bài trước khi lên lớp. Tham gia phát biểu,</p>	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.3.3</i></p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài</p>

	<p>3.1.3 Đặc tuyến và các tham số của Transistor lưỡng cực</p> <p>3.2 Các cách mắc mạch Transistor lưỡng cực làm việc ở chế độ tín hiệu nhỏ</p> <p>3.2.1 Mắc theo kiểu chung emmitter</p> <p>3.2.2 Mắc theo kiểu chung base</p> <p>3.2.3 Mắc theo kiểu chung collector</p> <p>Bài tập</p>	<p>vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà</p>	<p>trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>		<p>liệu số 1</p> <p>Làm bài tập trong tài liệu số 2</p>
4	<p>Chương 4: TRANSISTOR HIỆU ỨNG TRƯỜNG (FET)</p> <p>4.1 Transistor trường chuyển tiếp (JFET)</p> <p>4.1.1 Cấu tạo của Transistor trường chuyển tiếp (JFET)</p> <p>4.1.2 Nguyên lý làm việc của Transistor trường chuyển tiếp (JFET)</p> <p>4.1.3 Các đặc tuyến và tham số của Transistor trường chuyển tiếp (JFET)</p> <p>4.2 Transistor trường có cực cửa cách ly (MOSFET)</p> <p>4.2.1 Cấu tạo của Transistor trường có cực cửa cách ly (MOSFET)</p> <p>4.2.2 Nguyên lý làm việc của Transistor trường có cực cửa cách ly của (MOSFET)</p> <p>4.2.3 Các đặc tuyến và tham số của Transistor trường chuyển tiếp (JFET)</p> <p>4.3 Các cách mắc mạch Transistor trường làm việc ở chế độ khuếch đại tín hiệu nhỏ</p> <p>4.3.1 Các cách mắc mạch Transistor trường chuyển tiếp (JFET) làm việc ở chế độ khuếch đại tín hiệu nhỏ</p> <p>4.3.2 Các cách mắc mạch Transistor trường có cực cửa cách ly (MOSFET) làm việc ở chế độ</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc tài liệu. Tìm hiểu bài trước khi lên lớp. Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.4</i></p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1</p> <p>Làm bài tập trong tài liệu số 2</p>

	khuyếch đại tín hiệu nhỏ Bài tập				
5	<p>Chương 5: MẠCH KHUẾCH ĐẠI</p> <p>5.1 Khái niệm chung về khuếch đại</p> <p>5.1.1 Nguyên lý của một tầng khuếch đại</p> <p>5.1.2 Các tham số cơ bản của một tầng khuếch đại</p> <p>5.1.3 Các chế độ làm việc cơ bản của một tầng khuếch đại</p> <p>5.1.4 Hồi tiếp trong các tầng khuếch đại</p> <p>5.2 Phân tích mạch khuếch đại tín hiệu nhỏ sử dụng Transistor lưỡng cực BJT</p> <p>5.2.1 Tầng khuếch đại emmitter chung (EC)</p> <p>5.2.2 Tầng khuếch đại collector chung (CC)</p> <p>5.2.3 Tầng khuếch đại base chung emmitter (BC)</p> <p>5.3 Phân tích mạch khuếch đại tín hiệu nhỏ sử dụng Transistor hiệu ứng trường (FET)</p> <p>5.3.1 Tầng khuếch đại cực nguồn chung (SC)</p> <p>5.2.2 Tầng khuếch đại cực máng chung (DC)</p> <p>5.4 Ghép giữa các tầng khuếch đại</p> <p>5.4.1 Ghép tầng bằng điện dung</p> <p>5.4.2 Ghép tầng bằng biến áp</p> <p>5.4 Khuếch đại công suất</p> <p>5.5 Khuếch đại thuật toán</p> <p>Bài tập</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc tài liệu. Tìm hiểu bài trước khi lên lớp. Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.5</p> <p>LO.2.5</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1</p> <p>Làm bài tập trong tài liệu số 2</p>
6	<p>Chương 6: KỸ THUẬT XUNG</p> <p>6.1 Các khái niệm chung</p> <p>6.1.1 Khái niệm xung, tín hiệu xung</p> <p>6.1.2 Dạng tín hiệu xung, độ dài, chu kỳ, tần số lặp lại, biên độ xung, độ rộng xung.</p> <p>6.2. Các mạch tín hiệu xung cơ</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề,</p>	<p>Đọc tài liệu. Tìm hiểu bài trước khi lên lớp. Tham gia phát biểu, trao đổi</p>	<p>LO.1.6</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1</p> <p>Làm bài</p>

	bản 6.2.1 Mạch tích phân - Vi phân 6.2.2 Chế độ khoá của Transitor và khuếch đại thuật toán 6.2.3 Mạch đồng bộ hai trạng thái ổn định, trigơ RS – Trigơ Smith dùng Transitor, IC tuyến tính. Bài tập	làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà	ý kiến, xây dựng bài		tập trong tài liệu số 2
7	Chương 7: KỸ THUẬT SỐ 7.1 Cơ sở của kỹ thuật số 7.1.1 Đại số logic 7.1.2 Các phần tử logic cơ bản: NO, AND, OR, NAND, NOR. 7.2. Các phần tử logic thông dụng 7.2.1 Phần tử tương đương 7.2.2 Phần tử khác dấu 7.2.3 Phần tử so sánh 7.2.4 Một số hệ logic thông dụng Bài tập	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề	Đọc tài liệu. Tìm hiểu bài trước khi lên lớp. Làm bài tập. Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.7 LO.3.7	Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 Làm bài tập trong tài liệu số 2

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần trước:

- Tên học phần trước:

Học phần: Vật lý I

Mã HP: 1047

Học phần: Vật lý II

Mã HP: 1048

Học phần: Hóa học Đại cương

Mã HP: 1016

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

9. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

9.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ bài tập trên lớp.

- Mục tiêu: Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác

và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Năm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

+ Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ

+ Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ

+ Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện)

9.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)

++ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

++ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

++ Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ)

9.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

+ Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.

+ Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề

+ Ngôn ngữ trong sáng.

- Hình thức: Thi viết (90 phút)

9.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

T T	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần											
		LO. 1.1	LO. 1.2	LO. 1.3	LO. 1.4	LO. 1.5	LO. 1.6	LO. 1.7	LO. 2.1	LO. 2.5	LO. 3.1	LO. 3.3	LO. 3.7
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	x	x

2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X	X						x	x	x
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	x	x

9.6. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	05 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

10. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

10.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Đỗ Xuân Thụ (Chủ biên)	2014	Kỹ thuật Điện tử	NXB Giáo Dục Việt Nam năm 2014

10.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
-----------	--------------------	---------------	---------------------------------------------------	-----------------------------------------

1	Đỗ Xuân Thu- Nguyễn Nguyễn	Viết	2012	Bài tập Kỹ thuật điện tử	NXB Giáo Dục Việt Nam năm 2012
---	----------------------------------	------	------	-----------------------------	-----------------------------------

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT = Bài tập, TN = Thí nghiệm

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT	TN
1	Chương 1: VẬT LIỆU BÁN DẪN 1.4 Chất bán dẫn 1.4.1 Chất bán dẫn nguyên chất 1.4.2 Chất bán dẫn tạp chất 1.5 Chuyển tiếp P-N 1.5.1 Cấu tạo của chuyển tiếp P-N 1.5.2 Các hiệu ứng vật lý của chuyển tiếp P-N 1.6 Hiện tượng đánh thủng 1.6.1 Hiện tượng đánh thủng vì nhiệt 1.6.2 Hiện tượng đánh thủng vì điện Bài tập	2	2	
2	Chương 2: DIODE VÀ CÁC MẠCH ỨNG DỤNG 2.1 Cấu tạo 2.2.1 Cấu tạo của diode 2.2.2 Nguyên lý làm việc của diode 2.3 Đặc tuyến V - A 2.3 Các thông số của diode 2.4 Phân loại 2.4.1 Phân loại theo cấu tạo của diode 2.4.2 Phân loại theo ứng dụng của diode 2.5 Các mạch ứng dụng của diode 2.5.1 Mạch chỉnh lưu hai nửa chu kỳ 2.5.2 Mạch chỉnh lưu cầu 2.5.3 Mạch chỉnh lưu cho điện áp ra đối xứng 2.5.4 Mạch chỉnh lưu nhân đôi điện áp Bài tập	2	2	
3	Chương 3: TRANSISTOR LƯỠNG CỰC (BJT) 3.1 Đại cương về Transistor lưỡng cực 3.1.1 Cấu tạo của Transistor lưỡng cực 3.1.2 Nguyên lý làm việc của Transistor lưỡng cực 3.1.3 Đặc tuyến và các tham số của Transistor lưỡng cực 3.2 Các cách mắc mạch Transistor lưỡng cực làm việc ở chế độ tín hiệu nhỏ 3.2.1 Mắc theo kiểu chung emmitter	2	2	

	<p>3.2.2 Mắc theo kiểu chung base</p> <p>3.2.3 Mắc theo kiểu chung collector</p> <p>Bài tập</p>			
4	<p>Chương 4: TRANSISTOR HIỆU ỨNG TRƯỜNG (FET)</p> <p>4.1 Transistor trường chuyển tiếp (JFET)</p> <p>4.1.1 Cấu tạo của Transistor trường chuyển tiếp (JFET)</p> <p>4.1.2 Nguyên lý làm việc của Transistor trường chuyển tiếp (JFET)</p> <p>4.1.3 Các đặc tuyến và tham số của Transistor trường chuyển tiếp (JFET)</p> <p>4.2 Transistor trường có cực cửa cách ly (MOSFET)</p> <p>4.2.1 Cấu tạo của Transistor trường có cực cửa cách ly (MOSFET)</p> <p>4.2.2 Nguyên lý làm việc Transistor trường có cực cửa cách ly của (MOSFET)</p> <p>4.2.3 Các đặc tuyến và tham số của Transistor trường chuyển tiếp (JFET)</p> <p>4.3 Các cách mắc mạch Transistor trường làm việc ở chế độ khuếch đại tín hiệu nhỏ</p> <p>4.3.1 Các cách mắc mạch Transistor trường chuyển tiếp (JFET) làm việc ở chế độ khuếch đại tín hiệu nhỏ</p> <p>4.3.2 Các cách mắc mạch Transistor trường có cực cửa cách ly (MOSFET) làm việc ở chế độ khuếch đại tín hiệu nhỏ</p> <p>Bài tập</p>	2	2	
	Kiểm tra giữa kỳ			1
5	<p>Chương 5: MẠCH KHUẾCH ĐẠI</p> <p>5.1 Khái niệm chung về khuếch đại</p> <p>5.1.1 Nguyên lý của một tầng khuếch đại</p> <p>5.1.2 Các tham số cơ bản của một tầng khuếch đại</p> <p>5.1.3 Các chế độ làm việc cơ bản của một tầng khuếch đại</p> <p>5.1.4 Hồi tiếp trong các tầng khuếch đại</p> <p>5.2 Phân tích mạch khuếch đại tín hiệu nhỏ sử dụng Transistor lưỡng cực BJT</p> <p>5.2.1 Tầng khuếch đại emmitter chung (EC)</p> <p>5.2.2 Tầng khuếch đại collector chung (CC)</p> <p>5.2.3 Tầng khuếch đại base chung emmitter (BC)</p> <p>5.3 Phân tích mạch khuếch đại tín hiệu nhỏ sử dụng Transistor hiệu ứng trường (FET)</p> <p>5.3.1 Tầng khuếch đại cực nguồn chung (SC)</p> <p>5.3.2 Tầng khuếch đại cực máng chung (DC)</p>	2	2	

	<p>5.4 Ghép giữa các tầng khuếch đại</p> <p>5.4.1 Ghép tầng bằng điện dung</p> <p>5.4.2 Ghép tầng bằng biến áp</p> <p>5.4. Khuếch đại công suất</p> <p>5.5 Khuếch đại thuật toán</p> <p>Bài tập</p>			
6	<p>Chương 6: KỸ THUẬT XUNG</p> <p>6.1 Các khái niệm chung</p> <p>6.1.1 Khái niệm xung, tín hiệu xung</p> <p>6.1.2 Dạng tín hiệu xung, độ dài, chu kỳ, tần số lặp lại, biên độ xung, độ rộng xung.</p> <p>6.2. Các mạch tín hiệu xung cơ bản</p> <p>6.2.1 Mạch tích phân - Vi phân</p> <p>6.2.2 Chế độ khoá của Transitor và khuếch đại thuật toán</p> <p>6.2.3 Mạch đồng bộ hai trạng thái ổn định, trigơ RS – Trigơ</p> <p>Smith dùng Transitor, IC tuyến tính.</p> <p>Bài tập</p>	2	2	
7	<p>Chương 7: KỸ THUẬT SỐ</p> <p>7.1 Cơ sở của kỹ thuật số</p> <p>7.1.1 Đại số logic</p> <p>7.1.2 Các phần tử logic cơ bản: NO, AND, OR, NAND, NOR.</p> <p>7.2. Các phần tử logic thông dụng</p> <p>7.2.1 Phần tử tương đương</p> <p>7.2.2 Phần tử khác dấu</p> <p>7.2.3 Phần tử so sánh</p> <p>7.2.4 Một số hệ logic thông dụng</p> <p>Bài tập</p>	2	2	

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TS. Vũ Văn Thú

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Khoáng

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Cơ học lý thuyết

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: KHOA BẢO HỘ LAO ĐỘNG

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Đắc Diện
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0975528087 - Email: diennd@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Hương Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0989784281 - Email: ncgiang2002@yahoo.com

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **CƠ HỌC LÝ THUYẾT**
- Tên (tiếng Anh): **Theoretical Mechanics**
- Mã học phần: **1006**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20
- Giờ thực hành: 0
- Giờ bài tập: 10
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản sau:

Kiến thức: kiến thức cơ bản về Cơ học như điều kiện cân bằng của chất điểm của vật rắn, tìm trọng tâm vật rắn, các đặc trưng chuyển động của chất điểm và vật rắn, khảo sát chuyển động của các cơ hệ phức tạp... làm cơ sở cho sinh viên học các môn kĩ

thuật như Tiếng ồn và rung động trong sản xuất, Cơ khí đại cương, An toàn nâng vận chuyển...

Kĩ năng: vận dụng được các nguyên lí cơ học để giải các bài tập thực tế, vận dụng kiến thức về cơ học trong việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành, đánh giá được các nguy cơ tai nạn có liên quan đến cơ học, cơ khí, kết cấu...

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, đưa ra được kết luận chuyên môn, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động chuyên môn

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Sinh viên nắm được khái niệm hệ lực phẳng, hệ lực không gian, biết cách tìm trọng tâm vật rắn	2	LO.3
<i>LO.1.2</i>	Sinh viên biết khảo sát các dạng chuyển động của vật rắn như chuyển động tịnh tiến, chuyển động quay, chuyển động song phẳng	3	
<i>LO.1.3</i>	Sinh viên viết được phương trình vi phân mô tả chuyển động của chất điểm và hệ chất điểm, tính được động lượng, momen động lượng, động năng, thế năng và áp dụng được định luật bảo toàn động lượng, momen động lượng, bảo toàn cơ năng vào giải bài tập thực tế	3	
<i>LO.1.4</i>	Sinh viên hiểu được các nguyên lý di chuyển khả dĩ, nguyên lý D'Alambert, phương trình Lagrange và tích phân chuyển động	4	
<i>LO.1.5</i>	Sinh viên hiểu được va chạm đàn hồi xuyên tâm, va chạm của hai vật quay	4	
<i>LO.1.6</i>	Sinh viên hiểu được dao động của con lắc đơn, con lắc vật lý, dao động tắt dần, dao động cưỡng bức và biết được điều kiện xảy ra cộng hưởng dao động	4	

LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.4</i>	Vận dụng các nguyên lý di chuyển khả dĩ, nguyên lý D’Alembert, phương trình Lagrange, tích phân chuyển động vào giải bài tập	4	LO.5
<i>LO.2.5</i>	Tính toán được vận tốc sau va chạm đàn hồi xuyên tâm, tốc độ góc sau va chạm của hai vật quay	4	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.6</i>	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn vào công việc, có trách nhiệm với nghề nghiệp, rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ trong việc giải bài tập và thiết kế chi tiết máy	4	LO.14 LO.15

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chính của học phần: hệ lực phẳng, hệ lực không gian, trọng tâm vật rắn, các định luật động lực học, các dạng chuyển động của vật rắn, động lượng, momen động lượng, động năng, nguyên lý D’Alembert, nguyên lý di chuyển khả dĩ...

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	CHƯƠNG I: TĨNH HỌC 1.1. Hệ tiên đề tĩnh học 1.2. Hệ lực phẳng 1.3. Hệ lực không gian 1.4. Ma sát trượt và ma sát lăn 1.5. Trọng tâm của vật rắn	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận	Đọc giáo trình, Làm BT chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	<i>LO.1.1</i>	Phần I tài liệu 1
2	CHƯƠNG II: ĐỘNG HỌC 2.1. Khảo sát chuyển động của	Thuyết giảng, giải thích	Đọc giáo trình,	<i>LO.1.2</i>	Phần II tài liệu 1

	<p>chất điểm</p> <p>2.2. Chuyển động tịnh tiến và chuyển động quay của vật rắn</p> <p>2.3. Hợp chuyển động điểm, hợp vận tốc và hợp gia tốc</p> <p>2.4. Chuyển động song phẳng của vật rắn</p>	<p>cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Làm BT chương 2</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>		
3	<p>CHƯƠNG III: ĐỘNG LỰC HỌC</p> <p>3.1. Hệ tiên đề động lực học</p> <p>3.2. Phương trình vi phân chuyển động của chất điểm và cơ hệ</p> <p>3.3. Động lượng và chuyển động của khối tâm</p> <p>3.4. Momen động lượng và động năng</p> <p>3.5. Thế năng, định luật bảo toàn cơ</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc giáo trình, Làm BT chương 3</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	LO.1.3	Chương I, II, III tài liệu 2
4	<p>CHƯƠNG IV: CÁC NGUYÊN LÝ CỦA CƠ HỆ</p> <p>4.1. Cơ hệ không tự do, số bậc tự do, tọa độ suy rộng, lực suy rộng</p> <p>4.2. Nguyên lý di chuyển khả dĩ</p> <p>4.3. Nguyên lý D’Alambert đối với chất điểm và cơ hệ</p> <p>4.4. Phương trình Lagrange đối với cơ hệ không tự do</p> <p>4.5. Tích phân chuyển động</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề</p>	<p>Đọc giáo trình, Làm BT chương 4</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	LO.1.4 LO.2.4	Chương IV, V, VI tài liệu 2
5	<p>CHƯƠNG V: LÝ THUYẾT VA CHẠM</p> <p>5.1. Động lực học trong quá trình va chạm</p> <p>5.2. Va chạm xuyên tâm của hai</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở,</p>	<p>Đọc giáo trình, Làm BT chương 5</p>	LO.1.5 LO.2.5	Chương VII tài liệu 2

	vật chuyển động tịnh tiến 5.3. Va chạm của vật quay quanh một trục cố định 5.4. Tán xạ của các hạt, công thức Rutherford	giải quyết vấn đề	Tham gia phát biểu,		
6	CHƯƠNG VI: CÁC DAO ĐỘNG NHỎ 6.1. Dao động tự do một chiều 6.2. Con lắc toán học và con lắc vật lý 6.3. Dao động tắt dần 6.4. Dao động cưỡng bức 6.5. Dao động của hệ có nhiều bậc tự do	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, Làm BT chương 6 Tham gia phát biểu,	LO.1.6 LO.3.6	Chương IV tài liệu 3

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Vật lý 1, mã HP 1047

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp (không dưới 80% thời gian quy định), tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (theo tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần mục 10.5)*

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến
- Hình thức kiểm tra thường xuyên

Điểm danh, kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- + Bài kiểm tra giữa kì (Tuần 8)
- + Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.
- + Các kỹ thuật đánh giá: Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu, trực tiếp giải bài tập và thuyết trình trước lớp
- + Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ) hoặc theo tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Hình thức: Thi viết (90 phút)
- Tiêu chí đánh giá: theo đáp án thang điểm đề thi

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần								
		LO.1.1	LO.1.2	LO.1.3	LO.1.4	LO.1.5	LO.1.6	LO.2.4	LO.2.5	LO.3.6
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X		
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X						X
3	Điểm thi hết học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học >40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	06 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời	25%

	không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	gian trình bày đúng quy định	
--	--------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------	------------------------------	--

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Đỗ Sanh (chủ biên), Nguyễn Văn Đĩnh, Nguyễn Văn Khang	2005	Cơ học tập Một: Tĩnh học và Động học	NXB Giáo dục
2	Đỗ Sanh	2007	Cơ học tập Hai: Động lực học	NXB Giáo dục
3	Nguyễn Đĩnh Dũng	2004	Cơ học lý thuyết	NXB ĐHQGHN

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Đỗ Sanh, Nguyễn Văn Đĩnh, Nguyễn Nhật Lệ	2008	Bài tập Cơ học tập Một: Tĩnh học và Động học	NXB Giáo dục
2	Lê Doãn Hồng, Đỗ Sanh	2005	Bài tập Cơ học tập Hai: Động lực học	NXB Giáo dục

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT = Bài tập, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT	KT
1	CHƯƠNG I: TĨNH HỌC 1.1. Hệ tiên đề tĩnh học 1.2. Hệ lực phẳng 1.3. Hệ lực không gian 1.4. Ma sát trượt và ma sát lăn 1.5. Trọng tâm của vật rắn	3	1	
2	CHƯƠNG II: ĐỘNG HỌC 2.1. Khảo sát chuyển động của chất điểm 2.2. Chuyển động tịnh tiến và chuyển động quay của vật rắn 2.3. Hợp chuyển động điểm, hợp vận tốc và hợp gia tốc 2.4. Chuyển động song phẳng của vật rắn	3	1	
3	CHƯƠNG III: ĐỘNG LỰC HỌC 3.1. Hệ tiên đề động lực học 3.2. Phương trình vi phân chuyển động của chất điểm và cơ hệ 3.3. Động lượng và chuyển động của khối tâm 3.4. Momen động lượng và động năng 3.5. Thế năng, định luật bảo toàn cơ năng	4	2	
	Kiểm tra đến kiến thức đã học			1
4	CHƯƠNG IV: CÁC NGUYÊN LÝ CỦA CƠ HỆ 4.1. Cơ hệ không tự do, số bậc tự do, tọa độ suy rộng, lực suy rộng 4.2. Nguyên lý di chuyển khả dĩ 4.3. Nguyên lý D'Alambert đối với chất điểm và cơ hệ 4.4. Phương trình Lagrange đối với cơ hệ không tự do 4.5. Tích phân chuyển động	3	2	
5	CHƯƠNG V: LÝ THUYẾT VA CHẠM 5.1. Động lực học trong quá trình va chạm 5.2. Va chạm xuyên tâm của hai vật chuyển động tịnh tiến 5.3. Va chạm của vật quay quanh một trục cố định 5.4. Tán xạ của các hạt, công thức Rutherford	3	1	
6	CHƯƠNG VI: CÁC DAO ĐỘNG NHỎ	4	2	

6.1. Dao động tự do một chiều			
6.2. Con lắc toán học và con lắc vật lý			
6.3. Dao động tắt dần			
6.4. Dao động cưỡng bức			
6.5. Dao động của hệ có nhiều bậc tự do			

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

TS. Nguyễn Đức Diện

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: CUNG CẤP ĐIỆN

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa BẢO HỘ LAO ĐỘNG

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: ĐÀO BẰNG GIANG

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ Lao động, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 0904210964

- Email: giangdb@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: NGUYỄN ĐỨC KHOÁNG

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ Lao động, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 02438517081

- Email: khoangnd@gmail.com

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **CUNG CẤP ĐIỆN**

- Tên (tiếng Anh): **POWER SUPPLY**

- Mã học phần: **1009**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: **20** (bao gồm cả kiểm tra)

- Giờ thực hành: **0**

- Giờ bài tập/thảo luận/thuyết trình: **10**

- Giờ báo cáo thực tế: **0**

- Giờ tự học: **90**

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: Sơ đồ nguyên lý của lưới cung cấp điện; công suất, dòng điện truyền tải và các loại tổn thất trong lưới; Cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số phần tử đóng cắt, bảo vệ cơ bản và phương pháp tính chọn các phần tử đó.

Kỹ năng: Vận dụng, tính toán thiết kế lưới cung cấp điện.

Năng lực tự chủ: Có năng lực tự chủ cùng khả năng phản biện, phân tích, thuyết trình trong quản lý lưới cung cấp điện tại doanh nghiệp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Hiểu được các khái niệm về hệ thống điện, cung cấp điện: nguồn điện, lưới điện, phụ tải điện	2	LO.3
<i>LO.1.2</i>	Vận dụng kiến thức để tính toán, xác định phụ tải điện ở các khu vực trong thực tế	3	
<i>LO.1.3</i>	Vận dụng kiến thức để tính toán lựa chọn trạm biến áp	3	
<i>LO.1.4</i>	Vận dụng kiến thức để tính toán, lựa chọn aptomat, cáp điện	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.2</i>	Kỹ năng xác định phụ tải điện, thực hành tính toán thiết kế.	3	LO.5
<i>LO.2.3</i>	Kỹ năng tính toán lựa chọn máy biến áp trong thực hành tính toán thiết kế.	4	
<i>LO.2.4</i>	Kỹ năng tính toán lựa chọn aptomat và cáp điện trong thực hành tính toán thiết kế.	4	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.3</i>	Có năng lực tự chủ, khả năng làm việc độc lập trong vận dụng kiến thức chuyên môn tính toán, lựa chọn, kiểm tra	2	LO.11

	máy biến áp trong nghiên cứu chuyên môn ngành An toàn điện.		LO.12
<i>LO.3.4</i>	Có năng lực Phân tích, phản biện, thuyết trình để có thể hướng dẫn, giám sát lựa chọn, kiểm tra aptomat và cáp điện trong nghiên cứu chuyên môn ngành An toàn điện.	3	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về: Sơ đồ nguyên lý của hệ thống điện và lưới cung cấp điện; công suất, dòng điện truyền tải và các loại tổn thất trong lưới; Cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số phần tử đóng cắt, bảo vệ cơ bản; Kỹ năng: Tính chọn các phần tử cơ bản và thiết kế lưới cung cấp điện.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy&học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	<p>Chương 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ HỆ THỐNG ĐIỆN</p> <p>1.1. Những khái niệm cơ bản</p> <p>1.1.1 Một số khái niệm và định nghĩa</p> <p>1.1.2 Đặc điểm công nghệ của hệ thống điện</p> <p>1.1.3 Chế độ điện áp trong hệ thống điện</p> <p>1.2. Một số yêu cầu cơ bản của hệ thống điện</p> <p>1.3. Các nhà máy điện cơ bản</p> <p>1.3.1 Nhà máy nhiệt điện</p> <p>1.3.2 Nhà máy thủy điện</p> <p>1.3.3 Nhà máy điện nguyên tử</p> <p>1.3.4 Các nhà máy điện dùng năng lượng tái sinh</p> <p>1.4. Các hệ thống trung tính trong mạng điện</p> <p>1.4.1 Phân loại các hệ thống trung tính</p> <p>1.4.2 Phân tích và so sánh các hệ</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở; giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm.	Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	<i>LO.1.1</i>	Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 5 đến trang 31

	thông trung tính				
2	<p>Chương 2: PHỤ TẢI ĐIỆN</p> <p>2.1. Đại cương</p> <p>2.1.1 Khái niệm cơ bản về phụ tải</p> <p>2.1.2 Phân loại phụ tải</p> <p>2.1.3 Đặc điểm của phụ tải</p> <p>2.2. Các tham số chính của phụ tải</p> <p>2.2.1 Công suất định mức</p> <p>2.2.2 Công suất đặt</p> <p>2.2.3 Công suất trung bình</p> <p>2.2.4 Công suất cực đại</p> <p>2.2.5 Công suất tính toán</p> <p>2.2.6 Công suất phản kháng</p> <p>2.3. Các hệ số của phụ tải</p> <p>2.3.1 Hệ số sử dụng</p> <p>2.3.2 Hệ số làm việc</p> <p>2.3.3 Hệ số mang tải</p> <p>2.3.4 Hệ số cực đại k_M</p> <p>2.3.5 Hệ số điền kín đồ thị phụ tải $k_{đt}$</p> <p>2.3.6 Hệ số đồng thời $k_{đt}$</p> <p>2.3.7 Hệ số nhu cầu k_{nc}</p> <p>2.3.8 Số lượng thiết bị hiệu dụng</p> <p>2.3.9 Hệ số hình dạng đồ thị</p> <p>2.3.10 Hệ số biến động</p> <p>2.3.11 Hệ số công suất</p> <p>2.4. Phương pháp tính toán nhu cầu phụ tải điện</p> <p>2.4.1 Xác định phụ tải tính toán theo suất tiêu hao năng lượng</p> <p>2.4.2 Xác định phụ tải theo hệ số cực đại</p> <p>2.4.3 Xác định phụ tải theo hệ số đồng thời</p> <p>2.4.4 Phương pháp hệ số nhu cầu</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm BT chương 2</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.2</p> <p>LO.2.2</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 32 đến trang 75</p> <p>Tham khảo tài liệu số 2 từ trang 27 đến trang 58</p>

	<p>2.4.5 Phương pháp cộng phụ tải giữa các nhóm</p> <p>2.4.6 Trình tự xác định phụ tải tính toán</p> <p>Bài tập chương 2</p>				
3	<p>Chương 3: TRẠM BIẾN ÁP</p> <p>3.1. Đại cương</p> <p>3.1.1 Khái niệm chung</p> <p>3.1.2 Yêu cầu đối với trạm biến áp</p> <p>3.2. Phân loại trạm biến áp phân phối</p> <p>3.2.1 Trạm treo</p> <p>3.2.2 Trạm bệt</p> <p>3.2.3 Trạm biến áp trong nhà</p> <p>3.2.4 Trạm hợp bộ</p> <p>3.2.5 Trạm biến áp ngầm</p> <p>3.3. Phương pháp chọn trạm biến áp</p> <p>3.3.1 Chọn vị trí trạm biến áp</p> <p>3.3.2 Chọn công suất và số lượng máy biến áp</p> <p>3.4. Sơ đồ của trạm biến áp</p> <p>3.4.1 Sơ đồ đơn giản</p> <p>3.4.2 Sơ đồ hai hệ thanh cái</p> <p>3.5. Cấu trúc của trạm biến áp</p> <p>Bài tập chương 3</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm BT chương 3</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.3</p> <p>LO.2.3</p> <p>LO.3.3</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 156 đến trang 192</p>
4	<p>Chương 4: CHỌN THIẾT BỊ VÀ CÁC PHẦN TỬ HỆ THỐNG ĐIỆN</p> <p>4.1. Đại cương</p> <p>4.2. Tác động của dòng điện đối với các thiết bị hệ thống điện</p> <p>4.2.1 Tác dụng nhiệt của dòng điện</p> <p>4.2.2 Tác dụng điện động của dòng điện</p> <p>4.3. Chọn và kiểm tra dây dẫn</p> <p>4.3.1 Phương pháp chọn dây dẫn trong mạng điện</p> <p>4.3.2 Chọn cấp điện lực</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.</p>	<p>Đọc TLTK</p> <p>Làm BT chương 4</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.4</p> <p>LO.2.4</p> <p>LO.3.4</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 193 đến trang 262</p> <p>Tham khảo tài liệu số 2 từ trang 161 đến trang 196</p>

	<p>4.3.3 Kiểm tra mạng điện khi mở máy động cơ</p> <p>4.4. Chọn thiết bị điều khiển và bảo vệ mạng hạ áp</p> <p>4.4.1 Chọn và kiểm tra cầu chảy</p> <p>4.4.2 Chọn và kiểm tra Aptomat</p> <p><i>Bài tập chương 4</i></p>				
5	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước:

- Học phần: Kỹ thuật điện

Mã HP: 1019

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp không dưới 80% thời gian quy định của học phần.
- Phải dự đủ 1 bài kiểm tra theo quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- **Mục đích:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- **Hình thức đánh giá:**

- + Điểm danh số giờ dự giảng
- + Ý thức tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 7)

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

- **Hình thức đánh giá:** Bài kiểm tra viết trên lớp (1 giờ) hoặc trực tiếp giải bài tập và thuyết trình trước lớp.

- **Tiêu chí đánh giá:**theo đáp án của bài kiểm tra hoặc Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình

10.3. Thi cuối kỳ:(Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của

cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết: trắc nghiệm, tự luận (90 phút). Đề thi theo ma trận đề thi.

- **Tiêu chí đánh giá:** Theo đáp án của ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần								
		LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 1.4	LO 2.2	LO 2.3	LO 2.4	LO 3.3	LO 3.4
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X			X				
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thuyết trình

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30%

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời	25%

không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	gian trình bày đúng quy định
--------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------	------------------------------

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Trần Quang Khánh	2013	Giáo trình Cung cấp điện	NXB Khoa học và Kỹ thuật

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
2	TS. Ngô Hồng Quang	2012	Giáo trình Cung cấp điện	NXB Giáo dục Việt Nam

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT/TL = Bài tập/Thảo luận/Thuyết trình, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT/TL/TT	KT
1	<p>Chương 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ HỆ THỐNG ĐIỆN</p> <p>1.1. Những khái niệm cơ bản</p> <p>1.1.1 Một số khái niệm và định nghĩa</p> <p>1.1.2 Đặc điểm công nghệ của hệ thống điện</p> <p>1.1.3 Chế độ điện áp trong hệ thống điện</p> <p>1.2. Một số yêu cầu cơ bản của hệ thống điện</p> <p>1.3. Các nhà máy điện cơ bản</p> <p>1.3.1 Nhà máy nhiệt điện</p> <p>1.3.2 Nhà máy thủy điện</p> <p>1.3.3 Nhà máy điện nguyên tử</p>	4	1	

	<p>1.3.4 Các nhà máy điện dùng năng lượng tái sinh</p> <p>1.4. Các hệ thống trung tính trong mạng điện</p> <p>1.4.1 Phân loại các hệ thống trung tính</p> <p>1.4.2 Phân tích và so sánh các hệ thống trung tính</p>			
2	<p>Chương 2: PHỤ TẢI ĐIỆN</p> <p>2.1. Đại cương</p> <p>2.1.1 Khái niệm cơ bản về phụ tải</p> <p>2.1.2 Phân loại phụ tải</p> <p>2.1.3 Đặc điểm của phụ tải</p> <p>2.2. Các tham số chính của phụ tải</p> <p>2.2.1 Công suất định mức</p> <p>2.2.2 Công suất đặt</p> <p>2.2.3 Công suất trung bình</p> <p>2.2.4 Công suất cực đại</p> <p>2.2.5 Công suất tính toán</p> <p>2.2.6 Công suất phản kháng</p> <p>2.3. Các hệ số của phụ tải</p> <p>2.3.1 Hệ số sử dụng</p> <p>2.3.2 Hệ số làm việc</p> <p>2.3.3 Hệ số mang tải</p> <p>2.3.4 Hệ số cực đại k_M</p> <p>2.3.5 Hệ số điền kín đồ thị phụ tải k_{dk}</p> <p>2.3.6 Hệ số đồng thời k_{dt}</p> <p>2.3.7 Hệ số nhu cầu k_{nc}</p> <p>2.3.8 Số lượng thiết bị hiệu dụng</p> <p>2.3.9 Hệ số hình dạng đồ thị</p> <p>2.3.10 Hệ số biến động</p> <p>2.3.11 Hệ số công suất</p> <p>2.4. Phương pháp tính toán nhu cầu phụ tải điện</p> <p>2.4.1 Xác định phụ tải tính toán theo suất tiêu hao năng lượng</p> <p>2.4.2 Xác định phụ tải theo hệ số cực đại</p> <p>2.4.3 Xác định phụ tải theo hệ số đồng thời</p> <p>2.4.4 Phương pháp hệ số nhu cầu</p> <p>2.4.5 Phương pháp cộng phụ tải giữa các nhóm</p> <p>2.4.6 Trình tự xác định phụ tải tính toán</p> <p><i>Bài tập chương 2</i></p>	5	3	
3	<p>Chương 3: TRẠM BIẾN ÁP</p> <p>3.1. Đại cương</p> <p>3.1.1 Khái niệm chung</p> <p>3.1.2 Yêu cầu đối với trạm biến áp</p> <p>3.2. Phân loại trạm biến áp phân phối</p> <p>3.2.1 Trạm treo</p> <p>3.2.2 Trạm bệt</p>	5	3	

	<p>3.2.3 Trạm biến áp trong nhà</p> <p>3.2.4 Trạm hợp bộ</p> <p>3.2.5 Trạm biến áp ngầm</p> <p>3.3. Phương pháp chọn trạm biến áp</p> <p>3.3.1 Chọn vị trí trạm biến áp</p> <p>3.3.2 Chọn công suất và số lượng máy biến áp</p> <p>3.4. Sơ đồ của trạm biến áp</p> <p>3.4.1 Sơ đồ đơn giản</p> <p>3.4.2 Sơ đồ hai hệ thanh cái</p> <p>3.5. Cấu trúc của trạm biến áp</p> <p><i>Bài tập chương 3</i></p>			
4	<p>Chương 4: CHỌN THIẾT BỊ VÀ CÁC PHẦN TỬ HỆ THỐNG ĐIỆN</p> <p>4.1. Đại cương</p> <p>4.2. Tác động của dòng điện đối với các thiết bị hệ thống điện</p> <p>4.2.1 Tác dụng nhiệt của dòng điện</p> <p>4.2.2 Tác dụng điện động của dòng điện</p> <p>4.3. Chọn và kiểm tra dây dẫn</p> <p>4.3.1 Phương pháp chọn dây dẫn trong mạng điện</p> <p>4.3.2 Chọn cấp điện lực</p> <p>4.3.3 Kiểm tra mạng điện khi mở máy động cơ</p> <p>4.4. Chọn thiết bị điều khiển và bảo vệ mạng hạ áp</p> <p>4.4.1 Chọn và kiểm tra cầu chảy</p> <p>4.4.2 Chọn và kiểm tra Aptomat</p> <p><i>Bài tập chương 4</i></p>	5	3	
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

ThS. Đào Bằng Giang

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Môi trường và phát triển bền vững

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Tuyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0988.392.128 - Email: tuyennt@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Đỗ Thị Lan Chi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0912768614 - Email: chidtl@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **Môi trường và phát triển bền vững**
- Tên (tiếng Anh): **Environment and sustainable Development**
- Mã học phần: **1027**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: **26** (bao gồm cả kiểm tra)
- Giờ thực hành: **0**
- Giờ bài tập/thảo luận/thuyết trình: **4**
- Giờ báo cáo thực tế: **0**
- Giờ tự học: **90**

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: Nắm bắt và vận dụng được những kiến thức cơ bản về môi trường, quản lý môi trường và phát triển bền vững. Vận dụng những kiến thức cơ bản về môi trường và những yếu tố tác động tới môi trường để thu thập thông tin, phân tích và đánh giá được những biến đổi và tác động của con người tới môi trường trong hoạt động sản xuất.

Kỹ năng: Từ những kiến thức cơ bản trên, sinh viên có kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin để đưa ra những đánh giá về tác động của môi trường, hiệu quả của những công cụ quản lý môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Năng lực tự chủ: Có năng lực tự chủ, khả năng phân tích, phản biện, thuyết trình, hướng dẫn, giám sát các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường cho mục tiêu phát triển bền vững.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Hiểu được các khái niệm liên quan tới môi trường	2	LO.3
<i>LO.1.2</i>	Vận dụng kiến thức để phân tích những biến đổi của thành phần môi trường và nguyên nhân của sự biến đổi	3	
<i>LO.1.3</i>	Vận dụng kiến thức để phân tích, đánh giá hiệu quả của những công cụ quản lý môi trường, từ đó tư vấn, hướng dẫn chủ doanh nghiệp	3	
<i>LO.1.4</i>	Vận dụng kiến thức để phân tích, đánh giá được ảnh hưởng xấu của phát triển không bền vững, các nguyên tắc của phát triển bền vững, những khó khăn trong phát triển bền vững.	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng.		
<i>LO.2.2</i>	Vận dụng các kỹ năng đã học để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát những biến đổi của thành phần môi trường.	3	LO.5 LO.6

LO.2.3	Vận dụng các kỹ năng đã học để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hiệu quả của công cụ quản lý môi trường.	3	LO.7
LO.2.4	Vận dụng các kỹ năng đã học để phân tích, đánh giá, hướng dẫn, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các mục tiêu môi trường hướng tới phát triển bền vững.	3	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.1	Có năng lực tự chủ vận dụng kiến thức để lập phân tích, đánh giá, lập kế hoạch, tổ chức và giám sát sự biến đổi thành phần môi trường do tác động sản xuất.	3	LO.11 LO.12 LO.14
LO.3.2	Có năng lực tự chủ, độc lập trong vận dụng kiến thức để phân tích, đánh giá, tư vấn, hướng dẫn, lập kế hoạch và tổ chức giám sát hoạt động của các công cụ môi trường.	3	
LO.3.3	Có khả năng tự chủ trong vận dụng kiến thức để hướng dẫn, giám sát thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.	3	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường, những vấn đề về môi trường, Quản lý môi trường và các công cụ quản lý môi trường và những nguyên tắc, mục tiêu và khó khăn của phát triển bền vững.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Chương 1: Khái niệm chung về môi trường 1.1. Định nghĩa và phân loại môi trường 1.2. Các chức năng chủ yếu của môi trường. 1.3. Tài nguyên 1.4. Tiêu chuẩn môi trường	Thuyết giảng, giải thích cụ thể.	Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.1 LO.3.1	Chương 1 tài liệu 1

2	<p>Chương 2: Các vấn đề của môi trường</p> <p>2.1 Suy thoái tài nguyên</p> <p>2.2. Biến đổi khí hậu</p> <p>2.3. Ô nhiễm các thành phần môi trường</p> <p>2.4. An ninh Môi trường</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, Câu hỏi gợi mở, Thảo luận, phản biện</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thảo luận, thuyết trình</p>	<p>LO.2.1</p> <p>LO.2.2</p> <p>LO.2.3</p>	<p>Chương 1 tài liệu 1</p> <p>Chương 2 tài liệu 1</p> <p>Chương 4 tài liệu 1</p>
3	<p>Chương 3: Quản lý môi trường</p> <p>3.1 Tổng quan về quản lý môi trường</p> <p>3.1.1 Khái niệm và mục tiêu quản lý môi trường</p> <p>3.1.2 Nguyên tắc quản lý môi trường</p> <p>3.1.3 Nội dung quản lý môi trường</p> <p>3.2 Công cụ trong quản lý môi trường</p> <p>3.2.1 Công cụ luật pháp- chính sách</p> <p>3.2.2 Công cụ kinh tế</p> <p>3.2.3 Công cụ phụ trợ</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận, phản biện</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thảo luận, thuyết trình</p>	<p>LO.1.3</p> <p>LO.2.3</p> <p>LO.3.3</p>	<p>Chương 5, 6, 7, 8 tài liệu 2</p>
4	<p>Chương 4: Phát triển bền vững</p> <p>4.1 Khái niệm và lịch sử phát triển bền vững</p> <p>4.2 Phát triển không bền vững và các vấn đề môi trường</p> <p>4.2.1 Các mô hình phát triển không bền vững và những vấn đề môi trường</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận, phản biện.</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây</p>	<p>LO.1.4</p> <p>LO.2.4</p>	<p>Chương 5 tài liệu 1</p>

	<p>4.2.2 Các lĩnh vực phát triển không bền vững và những vấn đề môi trường</p> <p>4.3 Các nguyên tắc chung của phát triển bền vững</p> <p>4.4 Các mô hình phát triển bền vững</p> <p>4.5 Những khó khăn trong phát triển bền vững</p> <p>4.6 Đánh giá phát triển bền vững</p>		<p>dựng bài, thảo luận, thuyết trình</p>		
	<p><i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i></p>				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: không

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp hoặc nơi thực hành, thực tập không dưới 80% thời gian quy định của học phần đó.
- Phải dự đủ 1 bài kiểm tra theo quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- **Mục đích:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- **Hình thức đánh giá:**

- + Điểm danh số giờ dự giảng
- + Ý thức tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

- **Hình thức đánh giá:** Bài kiểm tra viết trên lớp (1 giờ) hoặc và thuyết trình trước lớp.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo đáp án của bài kiểm tra hoặc *Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình*

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết: trắc nghiệm, tự luận (90 phút). Đề thi theo ma trận đề thi.

- **Tiêu chí đánh giá:** Theo đáp án của ma trận đề thi

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần									
		LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 1.4	LO 2.2	LO 2.3	LO 2.4	LO 3.1	LO 3.2	LO 3.3
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X		X	X		X	X	
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	60%

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	40%
Điểm trừ	07 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng,	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video	40%

	hợp	giải thích chưa rõ ràng	họa rõ ràng	đẹp, có sử dụng video	và giải thích cụ thể	
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	20%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	40%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần**11.1. Danh mục tài liệu chính:**

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Lê Văn Khoa (Chủ biên)	2013	Môi trường và Phát triển bền vững	NXB Giáo dục Việt Nam

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
2	Lưu Đức Hải Nguyễn Ngọc Sinh	2001	Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, **BT/TL/TT** = Bài tập/Thảo luận/Thuyết trình, **KT** = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bố thời gian		
		LT	BT/TL/TT	KT
1	Chương 1: Khái niệm chung về môi trường 1.1. Định nghĩa và phân loại môi trường 1.2. Các chức năng chủ yếu của môi trường. 1.3. Tài nguyên 1.4. Tiêu chuẩn môi trường	4		
2	Chương 2: Các vấn đề của môi trường 2.1 Suy thoái tài nguyên 2.2. Biến đổi khí hậu 2.3. Ô nhiễm các thành phần môi trường 2.4. An ninh Môi trường	7	2	
3	Chương 3: Quản lý môi trường 3.1 Tổng quan về quản lý môi trường 3.1.1 Khái niệm và mục tiêu quản lý môi trường 3.1.2 Nguyên tắc quản lý môi trường 3.1.3 Nội dung quản lý môi trường 3.2. Công cụ trong quản lý môi trường 3.2.1 Công cụ luật pháp- chính sách	8	2	

	3.2.2 Công cụ kinh tế 3.2.3 Công cụ phụ trợ			
4	Chương 4: Phát triển bền vững 4.1 Khái niệm và lịch sử phát triển bền vững 4.2 Phát triển không bền vững và các vấn đề môi trường 4.2.1 Các mô hình phát triển không bền vững và những vấn đề môi trường 4.2.2 Các lĩnh vực phát triển không bền vững và những vấn đề môi trường 4.3 Các nguyên tắc chung của phát triển bền vững 4.4 Các mô hình phát triển bền vững 4.5 Những khó khăn trong phát triển bền vững 4.6 Đánh giá phát triển bền vững	4	2	
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TS. Vũ Văn Thú

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Thị Tuyền

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Kỹ thuật Đo lường

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Đức Khoáng
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: khoangnd@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: VŨ VĂN THÚ
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ Lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: thuvv@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Kỹ thuật Đo lường
- Tên (tiếng Anh): **Electronic Measurement**
- Mã học phần: **1021**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20
- Giờ thực hành: 0
- Giờ bài tập/thảo luận: 10
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: Nắm bắt và áp dụng kiến thức về Kỹ thuật đo lường bao gồm khái niệm

về đo lường, đơn vị đo lường, các phương pháp đo, các phương tiện đo, các yêu cầu của phép đo, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan, khả năng lựa chọn phương pháp đo/máy đo trong hoạt động thực tiễn của chuyên ngành An toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.

Kỹ năng: Từ những kiến thức cơ bản trên, sinh viên có thể tự nghiên cứu sâu hơn và **vận dụng** tốt vào thực tế công tác, có các kiến thức, kỹ năng cơ bản lựa chọn kỹ thuật đo, tiêu chuẩn, quy chuẩn cũng như thiết bị đo lường điện tử dùng trong công việc An toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.

Năng lực tự chủ: Có năng lực tự chủ, khả năng phân tích và tìm hiểu thêm các kỹ thuật đo, thiết bị đo, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ứng dụng trong công việc An toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Sinh viên nắm được các phương pháp đo, phân loại máy đo, nguyên nhân sai số và đánh giá sai số, cơ cấu chỉ thị, chuyên đổi đo lường, máy biến áp và biến dòng	3	LO.3
<i>LO.1.2</i>	Sinh viên nắm được nguyên lý và phương pháp đo các đại lượng điện như dòng điện và điện áp bằng ampe kế, vôn kế, máy đo vạn năng hiện số	3	
<i>LO.1.3</i>	Sinh viên biết cách đo điện trở bằng ampe kế và vôn kế, ôm kế, biến trở, cầu cân bằng, mạch cộng hưởng; có kỹ năng đo điện trở lớn và điện trở nhỏ	3	
<i>LO.1.4</i>	Sinh viên nắm được các phương pháp đo điện dung, điện cảm, hồ cảm bằng vôn kế, ampe kế hoặc bằng cầu cân bằng	3	
<i>LO.1.5</i>	Sinh viên nắm được cấu tạo, ứng dụng của dao động ký một tia, dao động ký nhiều tia, dao động ký điện tử số	3	
<i>LO.1.6</i>	Sinh viên hiểu được nguyên lý hoạt động một số loại máy đo thông dụng trong lĩnh vực bảo hộ lao động như đo tiếng ồn, đo rung động, đo ánh sáng, đo nhiệt độ, đo độ ẩm...	2	

LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.5</i>	Sinh viên hiểu cách hiển thị và đo lường các loại tín hiệu phổ biến	3	LO.5 LO.7
<i>LO.2.6</i>	Sinh viên có kỹ năng sử dụng một số loại máy đo thông dụng trong lĩnh vực An toàn và sức khỏe nghề nghiệp như đo tiếng ồn, đo rung động, đo ánh sáng, đo nhiệt độ, đo độ ẩm...	3	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức cơ sở về chuẩn đo lường, đơn vị đo, thiết bị đo, phương pháp đo, phương tiện đo, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật đo lường.	3	LO.11 LO.15 LO.16
<i>LO.3.6</i>	Có năng lực tự chủ áp dụng các kiến thức, kỹ năng, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật vào đo lường các đại lượng liên quan đến chuyên môn công việc và đời sống.	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về vật liệu dẫn điện, vật liệu cách điện, vật liệu bán dẫn, cấu tạo, nguyên lý hoạt động của diode, transistor lưỡng cực (BJT), transistor hiệu ứng trường (FET), kiến thức cơ bản về kỹ thuật xung, kỹ thuật số. Ngoài ra sinh viên nắm được tham số kỹ thuật, các ứng dụng cơ bản của diode, transistor lưỡng cực (BJT), transistor hiệu ứng trường (FET) và các ứng dụng cơ bản của kỹ thuật xung, kỹ thuật số trong công việc chuyên môn.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CĐR học phần	Tài liệu học tập Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Chương 1: Tổng quan về kỹ thuật đo lường 1.1 Giới thiệu 1.2 Đối tượng của đo lường 1.3 Các khái niệm về đo lường 1.3.1 Định nghĩa 1.3.2 Phân loại các cách thực	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận	Đọc tài liệu, tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài. Làm bài tập về nhà.	<i>LO.1.1</i> <i>LO.3.1</i>	Tài liệu chính 1: Chương 1,2,3,4,5,6

	<p>hiện phép đo</p> <p>1.4 Các đặc trưng của kỹ thuật đo lường</p> <p>1.4.1 Đại lượng đo</p> <p>1.4.2 Điều kiện đo</p> <p>1.4.3 Đơn vị đo</p> <p>1.4.4 Thiết bị đo và phương pháp đo</p> <p>1.4.5 Người quan sát</p> <p>1.4.6 Kết quả đo</p> <p>1.5 Sai số đo lường</p> <p>1.5.1 Sai số của phép đo</p> <p>1.5.2 Tính toán sai số ngẫu nhiên</p> <p>1.5.3 Gia công kết quả đo</p> <p>1.6 Các cơ cấu chỉ thị</p> <p>1.6.1 Cơ sở chung</p> <p>1.6.2 Cơ cấu chỉ thị từ điện</p> <p>1.6.3 Cơ cấu chỉ thị điện từ</p> <p>1.6.4 Cơ cấu chỉ thị điện động</p> <p>1.6.5 Cơ cấu chỉ thị tĩnh điện</p> <p>1.6.6 Cơ cấu chỉ thị tĩnh điện</p> <p>1.6.7 Một số cơ cấu chỉ thị khác</p> <p>1.7 Chuyển đổi đo lường A/D và D/A</p> <p>1.7.1 Chuyển đổi A/D</p> <p>1.7.2 Chuyển đổi D/A</p> <p>1.8 Máy biến điện áp và biến dòng đo lường</p> <p>1.8.1 Máy biến áp</p> <p>1.8.2 Máy biến dòng</p> <p>Bài tập</p>	dụng, giao bài về nhà			
2	<p>Chương 2: Đo dòng điện và điện áp</p> <p>2.1 Những yêu cầu cơ bản khi đo dòng điện và điện áp</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi	Đọc tài liệu, Làm bài tập. Tham gia	LO.1.2	Tài liệu

	<p>2.2 Đo dòng điện DC và AC bằng ampe kế thường</p> <p>2.3 Đo dòng điện AC có giá trị lớn bằng ampe kế AC và biến dòng</p> <p>2.4 Đo điện áp DC và AC bằng vôn kế thường</p> <p>2.5 Đo điện áp DC và AC bằng vôn kế điện tử</p> <p>2.6 Đo dòng điện DC và AC bằng ampe kế điện tử</p> <p>2.7 Máy đo vạn năng hiển thị số</p> <p>2.8 Ảnh hưởng của vôn kế và ampe kế trong mạch đo</p> <p>Bài tập</p>	<p>gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà</p>	<p>phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài.</p>		<p>chính 2: Chương 8,9</p>
3	<p>Chương 3: Đo điện trở</p> <p>3.1 Đo điện trở bằng vôn kế và ampe kế</p> <p>3.1.1 Ampe kế một chiều</p> <p>3.1.2 Ampe kế xoay chiều</p> <p>3.2 Đo điện trở bằng ôm kế thường</p> <p>3.3 Đo điện trở bằng ôm kế điện tử</p> <p>3.4 Đo điện trở bằng phương pháp biến trở</p> <p>3.5 Đo điện trở bằng cầu cân bằng</p> <p>3.6 Đo điện trở bằng mạch cộng hưởng</p> <p>3.7 Đo điện trở có giá trị lớn bằng mega ôm kế</p> <p>3.8 Đo điện trở đất có giá trị nhỏ</p> <p>Bài tập</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc tài liệu, Làm bài tập. Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài.</p>	<p>LO.1.3</p>	<p>Tài liệu chính 1: chương 13</p>
4	<p>Chương 4: Đo điện dung-điện cảm-hỗ cảm</p>	<p>Thuyết giảng,</p>	<p>Đọc tài liệu. Làm</p>	<p>LO.1.4</p>	<p>Tài liệu</p>

	<p>4.1 Đo điện dung-điện cảm-hỗ cảm bằng vôn kế và ampe kế</p> <p>4.1.1 Đo điện dung</p> <p>4.1.2 Đo điện cảm</p> <p>4.1.3 Đo hỗ cảm</p> <p>4.2 Đo điện dung-điện cảm-hỗ cảm bằng cầu cân bằng</p> <p>Bài tập</p>	<p>giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà</p>	<p>bài tập. Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài.</p>		<p>chính 1: chương 13</p>
5	<p>Chương 5: Quan sát và đo lường dạng tín hiệu</p> <p>5.1 Khái niệm và phân loại</p> <p>5.1.1 Khái niệm</p> <p>5.1.2 Phân loại</p> <p>5.2 Cấu tạo dao động kí một tia</p> <p>5.3 Các ứng dụng của dao động kí</p> <p>5.4 Cấu tạo dao động kí nhiều tia</p> <p>5.5 Cấu tạo dao động kí có nhớ loại tương tự</p> <p>5.6 Cấu tạo dao động kí điện tử số</p> <p>5.7 Đầu đo tín hiệu (Probe)</p> <p>Bài tập</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc tài liệu. Làm bài tập. Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.5</p> <p>LO.2.5</p>	<p>Tài liệu chính 1: chương 14</p>
6	<p>Chương 6: Cảm biến đo các đại lượng không điện</p> <p>6.1. Giới thiệu một số cảm biến</p> <p>6.1.1 Cảm biến cơ học</p> <p>6.1.2 Cảm biến nhiệt độ</p> <p>6.1.3 Cảm biến khí</p> <p>6.1.4 Một số loại cảm biến khác</p> <p>6.2. Giới thiệu một số máy đo thông dụng trong lĩnh vực An toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp</p> <p>Bài tập</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc tài liệu. Làm bài tập. Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.6</p> <p>LO.2.6</p> <p>LO.3.6</p>	<p>Tài liệu chính 1: Chương 7</p> <p>Tài liệu chính 2: Chương 16, 17, 18,19,20</p>

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Yêu cầu tiên quyết: Người học đã học các học phần

- Tên học phần học trước:

Học phần: Kỹ thuật Điện tử mã HP 1020

Học phần: Kỹ thuật Điện mã HP 1019

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

9. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

9.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện)

9.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)

++ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

++ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

++ Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ)

9.3. Thi cuối kỳ:(Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

+ Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.

+ Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề

+ Ngôn ngữ trong sáng.

- Hình thức: Thi viết (90 phút)

9.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần									
		LO. 1.1	LO. 1.2	LO. 1.3	LO. 1.4	LO. 1.5	LO. 1.6	LO. 2.5	LO. 2.6	LO. 3.1	LO. 3.6
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	x	x	x	x
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X							
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	x	x	x	x

9.6. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	08 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

10. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

10.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	PGS.TS.Phạm Thượng Hàn (chủ biên)	2015	Kỹ thuật Đo lường các đại lượng Vật Lý Tập một	Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam

10.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	PGS.TS.Phạm Thượng Hàn (chủ biên)	2015	Kỹ thuật Đo lường các đại lượng Vật Lý Tập hai	Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT = Bài tập, TN = Thí nghiệm

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT	TN
1	Chương 1: Tổng quan về kỹ thuật đo lường 1.9 Giới thiệu 1.10 Đối tượng của đo lường 1.11 Các khái niệm về đo lường 1.11.1 Định nghĩa	3	2	

	<p>1.11.2 Phân loại các cách thực hiện phép đo</p> <p>1.12 Các đặc trưng của kỹ thuật đo lường</p> <p>1.12.1 Đại lượng đo</p> <p>1.12.2 Điều kiện đo</p> <p>1.12.3 Đơn vị đo</p> <p>1.12.4 Thiết bị đo và phương pháp đo</p> <p>1.12.5 Người quan sát</p> <p>1.12.6 Kết quả đo</p> <p>1.13 Sai số đo lường</p> <p>1.13.1 Sai số của phép đo</p> <p>1.13.2 Tính toán sai số ngẫu nhiên</p> <p>1.13.3 Gia công kết quả đo</p> <p>1.14 Các cơ cấu chỉ thị</p> <p>1.14.1 Cơ sở chung</p> <p>1.14.2 Cơ cấu chỉ thị từ điện</p> <p>1.14.3 Cơ cấu chỉ thị điện từ</p> <p>1.14.4 Cơ cấu chỉ thị điện động</p> <p>1.14.5 Cơ cấu chỉ thị tĩnh điện</p> <p>1.14.6 Cơ cấu chỉ thị tĩnh điện</p> <p>1.14.7 Một số cơ cấu chỉ thị khác</p> <p>1.15 Chuyển đổi đo lường A/D và D/A</p> <p>1.15.1 Chuyển đổi A/D</p> <p>1.15.2 Chuyển đổi D/A</p> <p>1.16 Máy biến điện áp và biến dòng đo lường</p> <p>1.16.1 Máy biến áp</p> <p>1.16.2 Máy biến dòng</p> <p>Bài tập</p>			
2	<p>Chương 2: Đo dòng điện và điện áp</p> <p>2.9 Những yêu cầu cơ bản khi đo dòng điện và điện áp</p> <p>2.10 Đo dòng điện DC và AC bằng ampe kế thường</p> <p>2.11 Đo dòng điện AC có giá trị lớn bằng ampe kế AC và biến dòng</p> <p>2.12 Đo điện áp DC và AC bằng vôn kế thường</p> <p>2.13 Đo điện áp DC và AC bằng vôn kế điện tử</p> <p>2.14 Đo dòng điện DC và AC bằng ampe kế điện tử</p> <p>2.15 Máy đo vạn năng hiển thị số</p>	2	2	

	2.16 Ảnh hưởng của vôn kế và ampe kế trong mạch đo Bài tập			
3	Chương 3: Đo điện trở 3.1 Đo điện trở bằng vôn kế và ampe kế 3.1.1 Ampe kế một chiều 3.1.2 Ampe kế xoay chiều 3.2 Đo điện trở bằng ôm kế thường 3.3 Đo điện trở bằng ôm kế điện tử 3.4 Đo điện trở bằng phương pháp biến trở 3.5 Đo điện trở bằng cầu cân bằng 3.6 Đo điện trở bằng mạch cộng hưởng 3.7 Đo điện trở có giá trị lớn bằng mega ôm kế 3.8 Đo điện trở đất có giá trị nhỏ Bài tập	2	2	
	Kiểm tra giữa kỳ			1
4	Chương 4: Đo điện dung-điện cảm-hỗ cảm 4.1 Đo điện dung-điện cảm-hỗ cảm bằng vôn kế và ampe kế 4.1.1 Đo điện dung bằng vôn kế và ampe kế 4.1.2 Đo điện cảm bằng vôn kế và ampe kế 4.1.3 Đo hỗ cảm bằng vôn kế và ampe kế 4.2 Đo điện dung-điện cảm-hỗ cảm bằng cầu cân bằng Bài tập	2	2	
5	Chương 5: Quan sát và đo lường dạng tín hiệu 5.1 Khái niệm và phân loại 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Phân loại 5.2 Cấu tạo dao động kí một tia 5.3 Các ứng dụng của dao động kí 5.4 Cấu tạo dao động kí nhiều tia 5.5 Cấu tạo dao động kí có nhớ loại tương tự 5.6 Cấu tạo dao động kí điện tử số 5.7 Đầu đo tín hiệu (Probe) Bài tập	3	3	
6	Chương 6: Cảm biến đo các đại lượng không điện 6.1. Giới thiệu một số cảm biến 6.1.1 Cảm biến cơ học	4	2	

	6.1.2 Cảm biến nhiệt độ 6.1.3 Cảm biến khí 6.1.4 Một số loại cảm biến khác 6.2. Giới thiệu một số máy đo thông dụng trong lĩnh vực An toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp Bài tập			
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

TS. Nguyễn Đức Khoáng

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Cơ khí đại cương

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Hồng Sơn
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: sonnh@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Tuyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: tuyennt@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **CƠ KHÍ ĐẠI CƯƠNG**
- Tên (tiếng Anh): **General Engineering Mechanics**
- Mã học phần: **1007**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 30
- Giờ thực hành: 0
- Giờ bài tập: 0
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: những thuật ngữ kỹ thuật và công nghệ, những khái niệm cơ bản liên

quan đến các môn học của các ngành kỹ thuật. Giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận với các môn học chuyên ngành như kỹ thuật an toàn, an toàn thiết bị nâng, thiết bị áp lực v.v.

Kỹ năng: Gọi tên được các chi tiết, bộ phận, cơ cấu máy, chức năng từng bộ phận; Phân biệt được hợp kim sắt cacbon, thép hợp kim, kim loại màu; Lựa chọn được phương pháp xử lý kim loại phù hợp; Kiểm tra và sửa chữa được vật đúc; Lựa chọn được phương pháp gia công kim loại bằng áp lực; Có kỹ năng hàn, cắt kim loại, kiểm tra khuyết tật hàn; Xử lý được các hiện tượng xảy ra trong quá trình cắt gọt kim loại.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có ý thức phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, có tính kỉ luật, tôn trọng quy định, nội quy, có văn hóa an toàn trong sản xuất.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
LO.1.1	Sinh viên có kiến thức về những thuật ngữ kỹ thuật và công nghệ, các khái niệm cơ bản về cơ khí như chi tiết máy, bộ phận, cơ cấu máy, quá trình sản xuất, quá trình công nghệ...	2	LO.3
LO.1.2	Sinh viên nắm được các tính chất của kim loại và hợp kim, cấu tạo và sự kết tinh của kim loại, các loại hợp kim như hợp kim sắt cacbon, thép hợp kim, kim loại màu	3	
LO.1.3	Sinh viên có kiến thức về các phương pháp nhiệt luyện thép, hóa nhiệt luyện kim loại và luyện kim	3	
LO.1.4	Sinh viên nắm được cấu tạo khuôn đúc, công nghệ làm khuôn, quy trình đúc, kiểm tra và sửa chữa vật đúc	4	
LO.1.5	Sinh viên biết các phương pháp gia công kim loại như cán, kéo, ép, rèn dập, dập thể tích	4	
LO.1.6	Sinh viên nắm được các phương pháp hàn như hàn điện, hàn hơi, các phương pháp kiểm tra khuyết tật hàn	4	
LO.1.7	Sinh viên nắm được các thông số của dụng cụ cắt, các hiện tượng xảy ra trong quá trình cắt, vật liệu chế tạo dụng cụ	4	

	cắt		
LO.1.8	Sinh viên nắm được cấu tạo và nguyên lý làm việc của các máy công cụ cơ bản	4	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
LO.2.2	Phân biệt được hợp kim sắt cacbon, thép hợp kim, kim loại màu	4	LO.5
LO.2.6	Có kĩ năng hàn, cắt kim loại, kiểm tra khuyết tật hàn	5	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.6	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn vào công việc, có trách nhiệm với nghề nghiệp, rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc với các thiết bị cơ khí	4	LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần bao gồm những vấn đề chủ yếu sau:

- Các khái niệm cơ bản về sản xuất cơ khí
- Vật liệu dùng trong ngành cơ khí
- Luyện kim
- Các phương pháp chế tạo phôi
- Gia công cắt gọt
- Xử lý và bảo vệ bề mặt

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	<p>CHƯƠNG 1. NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ SẢN XUẤT CƠ KHÍ</p> <p>1.1 Khái niệm về sản phẩm, chi tiết máy, bộ phận máy cơ cấu máy, phôi</p> <p>1.2 Quá trình thiết kế, quá trình sản xuất, quá trình công nghệ</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương	Đọc giáo trình, Làm BT chương 1 Tham gia phát biểu,	LO.1.1 LO.2.1 LO.16	Chương 1, 2 tài liệu 1

	<p>1.3 Các thành phần của quá trình công nghệ</p> <p>1.4 Các dạng sản xuất</p> <p>1.5 Khái niệm về chất lượng bề mặt sản phẩm</p> <p>1.6 Khái niệm về độ chính xác gia công cơ khí</p> <p>1.7 Khái niệm về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật</p>	pháp thảo luận	trao đổi ý kiến, xây dựng bài		
2	<p>CHƯƠNG 2. KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ KIM LOẠI VÀ HỢP KIM</p> <p>2.1 Tính chất chung của kim loại và hợp kim</p> <p>2.2 Cấu tạo và sự kết tinh của kim loại</p> <p>2.3 Khái niệm cơ bản về hợp kim</p> <p>2.4 Hợp kim sắt cacbon</p> <p>2.5 Thép hợp kim</p> <p>2.6 Hợp kim cứng</p> <p>2.7 Kim loại màu và hợp kim của chúng</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Đọc giáo trình, Làm BT chương 2 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.2 LO.2.2 LO.16	Chương 3 tài liệu 1
3	<p>CHƯƠNG 3 XỬ LÝ NHIỆT KIM LOẠI</p> <p>3.1 Nhiệt luyện thép</p> <p>3.2 Hoá nhiệt luyện kim loại</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Đọc giáo trình, Làm BT chương 3 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.3 LO.2.3 LO.16	Chương 9 tài liệu 1
4	<p>CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP ĐÚC</p> <p>4.1 Khái niệm về phương pháp đúc</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi	Đọc giáo trình, Làm BT chương	LO.1.4 LO.2.4 LO.16	Chương 5 tài liệu 1

	<p>4.2 Các bộ phận cơ bản của một khuôn đúc</p> <p>4.3 Công nghệ làm khuôn</p> <p>4.4 Nấu chảy và rót hợp kim đúc</p> <p>4.5 Đúc đặc biệt</p> <p>4.6 Kiểm tra và sửa chữa vật đúc</p>	gợi mở, giải quyết vấn đề	4 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài		
5	<p>CHƯƠNG 5. GIA CÔNG KIM LOẠI BẰNG ÁP LỰC</p> <p>5.1 Khái niệm chung</p> <p>5.2 Sự biến dạng của kim loại</p> <p>5.3 Nung nóng kim loại</p> <p>5.4 Cán</p> <p>5.5 Kéo</p> <p>5.6 Ép</p> <p>5.7 Rèn dập</p> <p>5.8 Dập thể tích</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, Làm BT chương 5 Tham gia phát biểu,	LO.1.5 LO.2.5 LO.16	Chương 6 tài liệu 1
6	<p>CHƯƠNG 6. HÀN VÀ CẮT KIM LOẠI</p> <p>6.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại</p> <p>6.2 Hàn điện hồ quang tay</p> <p>6.3 Hàn điện tiếp xúc</p> <p>6.4 Hàn hơi</p> <p>6.5 Khuyết tật hàn và các phương pháp kiểm tra khuyết tật mối hàn</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, Làm BT chương 6 Tham gia phát biểu,	LO.1.6 LO.2.6 LO.16	Chương 7 tài liệu 1
7	<p>CHƯƠNG 7. NGUYÊN LÝ CẮT GỌT KIM LOẠI</p> <p>7.1 Những khái niệm cơ bản về quá trình cắt gọt kim loại</p> <p>7.2 Hình dạng hình học và các thông số của dụng cụ cắt</p> <p>7.3 Các hiện tượng vật lý trong quá trình cắt gọt kim loại</p> <p>7.4 Vật liệu dụng cụ cắt</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, Làm BT chương 7 Tham gia phát biểu,	LO.1.7 LO.2.7 LO.16	Chương 8 tài liệu 1

8	CHƯƠNG 8. MÁY CÔNG CỤ 8.1 Phân loại và ký hiệu máy công cụ 8.2 Các cơ cấu truyền động 8.3 Các máy công cụ cơ bản	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, Làm BT chương 8 Tham gia phát biểu	<i>LO.1.8</i>	Phần 4 tài liệu 1
---	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------	---------------	-------------------

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Cơ học lý thuyết, mã học phần: 1006

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp (không dưới 80% thời gian quy định), tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện) hoặc tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần*

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- + Bài kiểm tra giữa kỳ (Tuần 8)

+ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kì, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

+ Các kỹ thuật đánh giá: Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu hoặc theo tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình ở mục 10.5.

+ Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ) hoặc thuyết trình trước lớp

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Hình thức: Thi viết (90 phút)

- Tiêu chí đánh giá: theo đáp án thang điểm đề thi

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần										
		LO. 1.1	LO. 1.2	LO. 1.3	LO. 1.4	LO. 1.5	LO. 1.6	LO. 1.7	LO. 1.8	LO. 2.2	LO. 2.6	LO. 3.6
1	Điểm chuyên cần (10%)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	x	x	x	x							x
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học >40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	09 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ	50%

		thích chưa rõ ràng		dụng video	thể	
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn lỗi số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Nguyễn Văn Hào (chủ biên), Nguyễn Ngọc Thành, Nguyễn Đức Thắng, Nguyễn Tiến Dương	2011	Giáo trình Cơ khí đại cương	NXB Giáo dục Việt Nam

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Hoàng Tùng, Nguyễn Thúc Hà, Nguyễn Văn Hào	2003	Cơ khí đại cương	NXB Khoa học kỹ thuật

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, TH = Thực hành, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bố thời gian		
		LT	TH	KT
1	PHẦN 1. KHÁI NIỆM CHUNG CHƯƠNG 1. NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ SẢN XUẤT CƠ KHÍ 1.1 Khái niệm về sản phẩm, chi tiết máy, bộ phận máy cơ cấu máy, phôi 1.2 Quá trình thiết kế, quá trình sản xuất, quá trình công nghệ 1.3 Các thành phần của quá trình công nghệ 1.4 Các dạng sản xuất 1.5 Khái niệm về chất lượng bề mặt sản phẩm 1.6 Khái niệm về độ chính xác gia công cơ khí 1.7 Khái niệm về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật	4		
2	PHẦN 2. VẬT LIỆU DÙNG TRONG CƠ KHÍ CHƯƠNG 2. KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ KIM LOẠI VÀ HỢP KIM 2.1 Tính chất chung của kim loại và hợp kim 2.2 Cấu tạo và sự kết tinh của kim loại	4		

	2.3 Khái niệm cơ bản về hợp kim 2.4 Hợp kim sắt cacbon 2.5 Thép hợp kim 2.6 Hợp kim cứng 2.7 Kim loại màu và hợp kim của chúng			
3	CHƯƠNG 3 XỬ LÝ NHIỆT KIM LOẠI 3.1 Nhiệt luyện thép 3.2 Hoá nhiệt luyện kim loại	2		
4	PHẦN 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO PHÔI CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP ĐÚC 4.1 Khái niệm về phương pháp đúc 4.2 Các bộ phận cơ bản của một khuôn đúc 4.3 Công nghệ làm khuôn 4.4 Nấu chảy và rót hợp kim đúc 4.5 Đúc đặc biệt 4.6 Kiểm tra và sửa chữa vật đúc	4		
	Kiểm tra đến kiến thức đã học			2
5	CHƯƠNG 5. GIA CÔNG KIM LOẠI BẰNG ÁP LỰC 5.1 Khái niệm chung 5.2 Sự biến dạng của kim loại 5.3 Nung nóng kim loại 5.4 Cán 5.5 Kéo 5.6 Ép 5.7 Rèn dập 5.8 Dập thể tích	4		
6	CHƯƠNG 6. HÀN VÀ CẮT KIM LOẠI 6.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại 6.2 Hàn điện hồ quang tay 6.3 Hàn điện tiếp xúc 6.4 Hàn hơi 6.5 Khuyết tật hàn và các phương pháp kiểm tra khuyết tật mối hàn	4		
7	PHẦN 4. GIA CÔNG CẮT GỌT KIM LOẠI CHƯƠNG 7. NGUYÊN LÝ CẮT GỌT KIM LOẠI	3		

	7.1 Những khái niệm cơ bản về quá trình cắt gọt kim loại 7.2 Hình dạng hình học và các thông số của dụng cụ cắt 7.3 Các hiện tượng vật lý trong quá trình cắt gọt kim loại 7.4 Vật liệu dụng cụ cắt			
8	CHƯƠNG 8. MÁY CÔNG CỤ 8.1 Phân loại và ký hiệu máy công cụ 8.2 Các cơ cấu truyền động 8.3 Các máy công cụ cơ bản	3		

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

ThS. Nguyễn Thị Tuyền

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Tổng quan về an toàn, vệ sinh lao động

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Vũ Văn Thú
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024.38517081 - Email: thu290771@gmail.com

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Tô Xuân Quỳnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0945801989 - Email: quynhtx@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Tổng quan về an toàn, vệ sinh lao động
- Tên (tiếng Anh): Review on Occupational safety and health
- Mã học phần: 1041

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- | | |
|---------------------------------------|----|
| - Giờ lý thuyết: | 23 |
| - Giờ thực hành: | 0 |
| - Giờ bài tập/thảo luận/thuyết trình: | 7 |
| - Giờ báo cáo thực tế: | 0 |
| - Giờ tự học: | 90 |

6. Mục tiêu của học phần:

Trong chương trình đào tạo ngành BHLĐ, tổng quan về an toàn, vệ sinh lao động là học phần với vai trò là học phần cơ sở ngành, nhằm giới thiệu và trang bị cho người học bước đầu tiếp cận đến chuyên ngành an toàn, vệ sinh lao động. Nội dung trọng tâm

của học phần hướng X tới các mục tiêu sau:

- *Kiến thức*: Trang bị cho người học những khái niệm cơ bản liên quan đến an toàn, vệ sinh lao động, trên cơ sở đó, giúp cho người học có thể nhận biết được các yếu tố nguy hiểm, có hại cơ bản đồng thời có khả năng phân tích sơ bộ nguyên nhân và đề xuất biện pháp phòng tránh. Đồng thời, giúp người học hiểu được các hoạt động ATVSLĐ trong doanh nghiệp để từ đó đề ra các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình làm việc.

- *Kỹ năng*: Học phần này sẽ giúp người học nhận biết được các yếu tố nguy hiểm, có hại trong quá trình làm việc đồng thời có thể xác định được nguyên nhân sơ bộ và đề xuất được biện pháp phòng tránh.

- *Năng lực tự chủ*: Người học có một cái nhìn tích cực hơn về công tác an toàn, vệ sinh lao động. Để học học phần này, người học cần có thái độ tích cực nghe giảng trên lớp, tham gia chuẩn bị bài nghiên cứu, hỗ trợ, thảo luận và hợp tác làm việc theo nhóm có hiệu quả.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Sinh viên hiểu và nhớ các khái niệm cơ bản, mục đích, ý nghĩa, tính chất, nội dung công tác ATVSLĐ	2	LO.3
<i>LO.1.2</i>	Sinh viên nhớ và nhớ tác hại của các yếu tố vệ sinh lao động trong sản xuất, các biện pháp phòng ngừa BNN và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe NLĐ	2	
<i>LO.1.3</i>	Sinh viên hiểu và nhớ các yếu tố nguy hiểm gây ra TNLĐ trong sản xuất và biện pháp phòng ngừa các yếu tố nguy hiểm	2	
<i>LO.1.4</i>	Sinh viên hiểu và nhớ cách tổ chức bộ máy quản lý; tổ chức thực hiện và điều hành công tác ATVSLĐ trong doanh nghiệp/ cơ sở sản xuất	2	
<i>LO.1.5</i>	Sinh viên hiểu và nhớ các nội dung và trách nhiệm của Nhà nước về công tác ATVSLĐ; các yếu tố chính của hệ thống quản lý và nguyên tắc thực hiện hệ thống quản lý ATVSLĐ;	2	

	hệ thống pháp luật của Nhà nước hiện nay trong quản lý công tác ATVSLĐ		
LO.2	Chuẩn về kỹ năng		
<i>LO.2.2</i>	Có kỹ năng vận dụng kiến thức để nhận yếu và phòng tránh các yếu tố vệ sinh lao động có hại trong quá trình lao động ảnh hưởng đến sức khoẻ, gây ra BNN và đưa ra các giải pháp phòng ngừa BNN	3	LO.5 LO.7
<i>LO.2.3</i>	Có kỹ năng vận dụng các kiến thức để nhận diện và phòng tránh các yếu tố nguy hiểm trong quá trình lao động gây ra chấn thương, TNLĐ và đưa ra các giải pháp phòng ngừa TNLĐ	3	
<i>LO.2.4</i>	Có kỹ năng vận dụng xây dựng tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình ATVSLĐ trong sản xuất theo đúng quy chuẩn, quy định của pháp luật	3	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.2</i>	Có năng lực tự chủ trong việc vận dụng kiến thức về kỹ thuật vệ sinh lao động vào công việc	3	LO.11 LO.13
<i>LO.3.3</i>	Có năng lực tự chủ trong việc vận dụng kiến thức về kỹ thuật an toàn lao động vào công việc	3	LO.15 LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết các khái niệm cơ bản, mục đích, ý nghĩa, tính chất, nội dung công tác ATVSLĐ. Sinh viên phân loại các loại TNLĐ; nhận biết được các yếu tố nguy hiểm gây ra TNLĐ, các yếu tố có hại gây ra BNN trong quá trình sản xuất và biện pháp phòng ngừa các yếu tố nguy hiểm, các yếu tố có hại; cách tổ chức bộ máy quản lý; tổ chức thực hiện và điều hành công tác ATVSLĐ trong doanh nghiệp/ cơ sở sản xuất; các nội dung và trách nhiệm của Nhà nước về công tác ATVSLĐ; các yếu tố chính của hệ thống quản lý và nguyên tắc thực hiện hệ thống quản lý ATVSLĐ; hệ thống pháp luật của Nhà nước hiện nay trong quản lý công tác ATVSLĐ. Sinh viên biết được văn hoá an toàn, văn hoá phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp trong doanh nghiệp/ cơ sở sản xuất kinh doanh.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

TT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu
		Phương	Hoạt động		

		pháp giảng dạy	học của SV		tham khảo
1	<p>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG</p> <p>1.1. Một số khái niệm cơ bản về ATVSLĐ</p> <p>1.2. Mục đích, ý nghĩa của ATVSLĐ</p> <p>1.3. Tính chất và nội dung của ATVSLĐ</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và nghiên cứu tài liệu - Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài 	LO.1.1	[1] Chương I
2	<p>Chương 2. KỸ THUẬT VỆ SINH LAO ĐỘNG TRONG SẢN XUẤT</p> <p>2.1. Những khái niệm về các nguy cơ nghề nghiệp</p> <p>2.2. Các biện pháp kiểm soát các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và nghiên cứu tài liệu - Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	LO.1.2 LO.2.2 LO.3.2	[1] Chương VI
3	<p>Chương 3. KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG SẢN XUẤT</p> <p>3.1. Các yếu tố nguy hiểm và các biện pháp phòng ngừa</p> <p>3.2. An toàn sản xuất theo nhóm và yếu tố nguy hiểm, các yêu cầu và biện pháp cơ bản</p> <p>3.3. Một số ý kiến nâng cao công tác ATLĐ ở cơ sở</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và nghiên cứu tài liệu - Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	LO.1.3 LO.2.3 LO.3.3	[1] Chương VIII
4	<p>Chương 4. QUẢN LÝ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG TẠI DOANH NGHIỆP</p> <p>4.1. Tổ chức bộ máy quản lý công tác ATVSLĐ trong DN</p> <p>4.2. Tổ chức thực hiện công tác ATVSLĐ trong DN</p> <p>4.3. Tổ chức điều hành công tác ATVSLĐ trong DN</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, học nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và nghiên cứu tài liệu - Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài - Thảo luận 	LO.1.4 LO.2.4	[2] Chương V

5	<p>Chương 5. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG</p> <p>5.1. Nội dung và trách nhiệm Nhà nước về ATVSLĐ</p> <p>5.2. Hệ thống quản lý ATVLSĐ</p> <p>5.3. Hệ thống pháp luật ATVLSĐ</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, học nhóm</p>	<p>- Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>- Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	LO.1.5	[2] Chương VI
6	Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Yêu cầu tiên quyết: Không

9.2. Yêu cầu khác:

- Đối với sinh viên: có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt trên lớp lớn hơn hoặc bằng 80% thời gian lên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia xây dựng bài, thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

- Đối với cơ sở vật chất: Phòng học lý thuyết đảm bảo tốt và đầy đủ các trang thiết bị điện và dạy học gồm mic, máy chiếu, bảng, thiết bị điện; Phòng học thoáng mát, bàn ghế vừa đủ với sinh viên và thuận tiện cho việc hoạt động nhóm.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10%

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua trao đổi, thảo luận nhóm.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện):*

- + Đi hoặc đầy đủ số giờ theo quy định
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên:*

+ Điểm danh số giờ dự giảng

+ Tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20%

Bài kiểm tra giữa kỳ (Tuần 9)

- *Mục đích:* Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

- *Các tiêu chí đánh giá:* Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu,...

- *Hình thức kiểm tra:* Bài làm viết trên lớp (1 giờ)

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70%

- *Mục đích:* Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- *Hình thức:* Thi viết: tự luận (90 phút) (theo ma trận đề thi)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần										
		LO. 1.1	LO. 1.2	LO. 1.3	LO. 1.4	LO. 1.5	LO. 2.2	LO. 2.3	LO. 2.4	LO. 3.2	LO. 3.3	
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)		X	X			X	X		X	X	
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- **Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần**

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN		
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định	Trọng số

	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	70%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	30%
Điểm trừ	10 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C	Mức B	Mức A
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Nguyễn An Lương (Chủ biên) và nhiều tác giả	2012	Bảo hộ lao động	NXB Lao động – Hà Nội

10.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
2	Quốc hội	2015	Luật an toàn vệ sinh lao động	NXB Chính trị quốc gia sự thật

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, TL/TH = Thảo luận/Thực hành, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bố thời gian		
		LT	TL	KT
1	Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG 1.1. Một số khái niệm cơ bản về ATVSLĐ 1.2. Mục đích, ý nghĩa của ATVSLĐ 1.3. Tính chất và nội dung của ATVSLĐ	3	1	
2	Chương 2. KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG SẢN XUẤT 2.1. Tai nạn lao động 2.2. Các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất 2.3. Các biện pháp kỹ thuật ATLĐ	5	2	
3	Chương 3. KỸ THUẬT VỆ SINH LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP 3.1. Các tác hại nghề nghiệp và BNN 3.2. Biện pháp phòng chống các tác hại nghề nghiệp	5	2	
4	Chương 4. QUẢN LÝ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG TẠI DOANH NGHIỆP 4.1. Tổ chức bộ máy quản lý công tác ATVSLĐ trong DN 4.2. Tổ chức thực hiện công tác ATVSLĐ trong DN	5	1	

	4.3. Tổ chức điều hành công tác ATVSLĐ trong DN			
5	Chương 5. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG 5.1. Nội dung và trách nhiệm Nhà nước về ATVSLĐ 5.2. Hệ thống quản lý ATVLSĐ 5.3. Hệ thống pháp luật ATVLSĐ	4	1	
6	Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

ThS. Tô Xuân Quỳnh

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Trương Thị Yến Nhi
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024.38517081 - Email: nhitty@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Đỗ Thị Lan Chi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0912.768.614 - Email: bhld.dhcd@gmail.com

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp
- Tên (tiếng Anh): Occupational hygiene and health
- Mã học phần: 1049

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20
- Giờ thực hành: 0
- Giờ bài tập: 10
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về Vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp. Giúp sinh viên có các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Sinh viên hiểu và nhớ các tác hại của điều kiện lao động bất lợi ảnh hưởng đến sinh lý người lao động	2	LO.4
<i>LO.1.2</i>	Sinh viên hiểu và nhớ các tác hại của các yếu tố vi khí hậu, tiếng ồn, rung động, ánh sáng, bức xạ ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của người lao động và giải pháp phòng ngừa	2	
<i>LO.1.3</i>	Sinh viên hiểu và nhớ các hại nghề nghiệp do các yếu tố hoá học trong môi trường trong lao động ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của người lao động và giải pháp phòng ngừa	2	
<i>LO.1.4</i>	Sinh viên hiểu và nhớ các hại nghề nghiệp do các yếu tố sinh học trong môi trường trong lao động ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của người lao động và giải pháp phòng ngừa	2	
<i>LO.1.5</i>	Sinh viên hiểu và nhớ khái niệm BNN và các BNN được bảo hiểm ở Việt Nam hiện nay	2	
<i>LO.1.6</i>	Sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức để giám sát, quản lý môi trường lao động và phát hiện sớm BNN	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.2</i>	Kỹ năng phân tích và tổng hợp để nhận diện các yếu tố vật lý có hại trong môi trường lao động và đưa ra biện pháp dự phòng	4	LO.5 LO.6
<i>LO.2.3</i>	Kỹ năng phân tích và tổng hợp để nhận diện các yếu tố hoá học có hại trong môi trường lao động và đưa ra biện pháp dự phòng	4	
<i>LO.2.4</i>	Kỹ năng phân tích và tổng hợp để nhận diện các yếu tố sinh học có hại trong môi trường lao động và đưa ra biện pháp dự phòng	4	
<i>LO.2.6</i>	Kỹ năng nhận xét và đánh giá trong công tác giám sát, quản lý môi trường lao động và sớm phát hiện ra BNN	5	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		

LO.3.6	Có năng lực tự chủ sáng tạo trong việc lập kế hoạch quản lý môi trường và sức khỏe người lao động	6	LO.11 LO.12 LO.14 LO.16
--------	---------------------------------------------------------------------------------------------------	---	----------------------------------

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Cung cấp kiến thức về Vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp: ảnh hưởng của các yếu tố nguy hiểm, có hại tới sức khỏe người lao động, các tiêu chuẩn đánh giá và các biện pháp phòng chống.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Chương 1: Tác hại nghề nghiệp do điều kiện lao động bất lợi cho sinh lý cơ thể 1.1. Biến đổi sinh lý các hệ thống các cơ quan của cơ thể trong quá trình lao động 1.2. Tư thế bắt buộc trong lao động 1.3. Mệt mỏi trong lao động 1.4. Ergonomi phục vụ sức khỏe trong lao động	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận	Đọc giáo trình, Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài luận	LO.1.1	[1] Chương 1
2	Chương 2: Tác hại nghề nghiệp do yếu tố vật lý trong môi trường lao động 2.1. Vi khí hậu trong môi trường sản xuất – stress nhiệt 2.2. Bụi trong sản xuất, tác hại và biện pháp dự phòng 2.3. Tiếng ồn trong sản xuất, tác hại và biện pháp dự phòng 2.4. Rung động trong sản xuất, tác hại và biện pháp dự phòng	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận	Đọc giáo trình, Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài luận	LO.1.2 LO.2.2	[1] Chương 2

	<p>2.5. Thông gió và thoáng khí trong sản xuất công nghiệp</p> <p>2.6. Chiếu sáng trong sản xuất</p> <p>2.7. Tác hại nghề nghiệp do bức xạ điện từ</p>				
3	<p>Chương 3: Tác hại nghề nghiệp do các yếu tố hoá học trong môi trường trong lao động</p> <p>3.1. Đại cương về các yếu tố hoá học trong môi trường lao động</p> <p>3.2 Tác hại nghề nghiệp do các khí và hơi kích ứng</p> <p>3.3. Tác hại nghề nghiệp do các khí gây ngạt</p> <p>3.4. Tác hại nghề nghiệp do các khí độc phát sinh bất ngờ</p> <p>3.5. Tác hại nghề nghiệp do các dung môi công nghiệp</p> <p>3.6. Tác hại nghề nghiệp do các kiềm và axit</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề,</p>	<p>Đọc giáo trình, Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.3</p> <p>LO.2.3</p>	<p>[1]</p> <p>Chương 3</p>
4	<p>Chương 4: Tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học trong môi trường lao động</p> <p>4.1. Bệnh do yếu tố sinh học từ người sang người</p> <p>4.2. Bệnh do yếu tố sinh học từ động vật sang người</p> <p>4.3. Bệnh do yếu tố sinh học từ môi trường sang người</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, phương pháp thảo luận</p>	<p>Đọc giáo trình, Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.4</p> <p>LO.2.4</p>	<p>[1]</p> <p>Chương 11</p>
5	<p>Chương 5: Đại cương về bệnh nghề nghiệp – các loại bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm ở Việt Nam</p> <p>5.1. Đại cương về bệnh nghề nghiệp</p> <p>5.2. Các BNN được bảo hiểm ở Việt Nam</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, phương pháp thảo luận</p>	<p>Đọc giáo trình, Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.5</p>	<p>[1]</p> <p>Chương 12</p>

6	Chương 6: Quản lý môi trường lao động và sức khoẻ người lao động 6.1. Giám sát môi trường lao động 6.2. Đánh giá tiếp xúc nghề nghiệp các yếu tố độc hại trong môi trường lao động 6.3. Giám sát sinh học trong tiếp xúc nghề nghiệp với hoá chất 6.4. Vấn đề phát hiện sớm BNN	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, phương pháp thảo luận	Đọc giáo trình, Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.6 LO.2.6 LO.3.6	[1] Phần V
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Không yêu cầu

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp hoặc nơi thực hành, thực tập không dưới 80% thời gian quy định của học phần đó.
- Phải dự đủ 1 bài kiểm tra theo quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- **Mục đích:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- **Hình thức đánh giá:**

- + Điểm danh số giờ dự giảng
- + Ý thức tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần (Mục 10.5)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)
- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.
- **Hình thức đánh giá:** Bài kiểm tra viết trên lớp (1 giờ) hoặc trực tiếp giải bài tập và thuyết trình trước lớp.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo đáp án của bài kiểm tra *hoặc* **Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình (Mục 10.5)**

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả học phần của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết: trắc nghiệm, tự luận (90 phút). Đề thi theo ma trận đề thi.

- **Tiêu chí đánh giá:** Theo đáp án của ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần										
		LO. 1.1	LO. 1.2	LO. 1.3	LO. 1.4	LO. 1.5	LO. 1.6	LO. 2.2	LO. 2.3	LO. 2.4	LO. 2.6	LO. 3.6
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X	X			X	X	X		
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	11 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội	Nội dung phù hợp với yêu	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh	50%

	dung không phù hợp	câu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp,	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	chưa có tương tác với người nghe	có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Người nghe hiểu được nội dung trình bày		
------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------	------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------	--	--

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	GS.TS Hoàng Văn Bính	2010	Vệ sinh lao động	NXB Khoa học và kỹ thuật

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
2	Nguyễn An Lương (Chủ biên và nhiều tác giả)	2012	Bảo hộ lao động	NXB Lao động – Hà Nội

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, TL = Thảo luận, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	Chương 1: Tác hại nghề nghiệp do điều kiện lao động bất lợi cho sinh lý cơ thể 1.1. Biến đổi sinh lý các hệ thống các cơ quan của cơ thể trong quá trình lao động 1.2. Tư thế bắt buộc trong lao động 1.3. Mệt mỏi trong lao động 1.4. Ecgonmi phục vụ sức khỏe trong lao động	3	1	
2	Chương 2: Tác hại nghề nghiệp do yếu tố vật lý trong môi	4	2	

	<p>trường lao động</p> <p>2.1. Vi khí hậu trong môi trường sản xuất – stress nhiệt</p> <p>2.2. Bụi trong sản xuất, tác hại và biện pháp dự phòng</p> <p>2.3. Tiếng ồn trong sản xuất, tác hại và biện pháp dự phòng</p> <p>2.4. Rung động trong sản xuất, tác hại và biện pháp dự phòng</p> <p>2.5. Thông gió và thoáng khí trong sản xuất công nghiệp</p> <p>2.6. Chiếu sáng trong sản xuất</p> <p>2.7. Tác hại nghề nghiệp do bức xạ điện từ</p>			
3	<p>Chương 3: Tác hại nghề nghiệp do các yếu tố hoá học trong môi trường trong lao động</p> <p>3.1. Đại cương về các yếu tố hoá học trong môi trường lao động</p> <p>3.2 Tác hại nghề nghiệp do các khí và hơi kích ứng</p> <p>3.3. Tác hại nghề nghiệp do các khí gây ngạt</p> <p>3.4. Tác hại nghề nghiệp do các khí độc phát sinh bất ngờ</p> <p>3.5. Tác hại nghề nghiệp do các dung môi công nghiệp</p> <p>3.6. Tác hại nghề nghiệp do các kiềm và axit</p>	4	1	
4	<p>Chương 4: Tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học trong môi trường lao động</p> <p>4.1. Bệnh do yếu tố sinh học từ người sang người</p> <p>4.2. Bệnh do yếu tố sinh học từ động vật sang người</p> <p>4.3. Bệnh do yếu tố sinh học từ môi trường sang người</p>	3	1	
5	<p>Chương 5: Đại cương về bệnh nghề nghiệp – các loại bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm ở Việt Nam</p> <p>5.1. Đại cương về bệnh nghề nghiệp</p> <p>5.2. Các BNN được bảo hiểm ở Việt Nam</p>	2	1	
6	<p>Chương 6: Quản lý môi trường lao động và sức khoẻ người lao động</p> <p>6.1. Giám sát môi trường lao động</p> <p>6.2. Đánh giá tiếp xúc nghề nghiệp các yếu tố độc hại trong môi trường lao động</p> <p>6.3. Giám sát sinh học trong tiếp xúc nghề nghiệp với hoá chất</p> <p>6.4. Vấn đề phát hiện sớm BNN</p>	5	2	

7	Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)			1
---	------------------------------------------------------------	--	--	---

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

TS. Đỗ Thị Lan Chi

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Ergônômi

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: KHOA BẢO HỘ LAO ĐỘNG

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Đỗ Thị Lan Chi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024.38517081 -Email: bhld.dhcd@gmail.com

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Vũ Văn Thú
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024.38517081 - Email: thu290771@gmail.com

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Ergônômi
- Tên (tiếng Anh): Ergonomics
- Mã học phần: 1014

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- | | |
|---------------------------------------|---------------------------------|
| - Giờ lý thuyết: | 20 (bao gồm cả kiểm tra) |
| - Giờ thực hành: | 0 |
| - Giờ bài tập/thảo luận/thuyết trình: | 10 |
| - Giờ báo cáo thực tế: | 0 |
| - Giờ tự học: | 90 |

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: Nắm bắt được ý nghĩa của các điểm kiểm tra được chọn lọc vào nơi làm việc và mục đích của việc thiết kế và sử dụng danh mục kiểm tra và nắm được các nguyên lý trong cải tiến sản xuất.; Cách phân tích và tổng hợp được những đánh giá trong lưu kho và vận chuyển nguyên vật liệu, nhà xưởng và tổ chức làm việc: nguyên nhân, những tổn hại và biện pháp cải thiện.

Kỹ năng: Từ những kiến thức cơ bản trên, sinh viên có thể tự nghiên cứu sâu hơn và vận dụng tốt vào thực tế công tác: tổ chức tập huấn, huấn luyện, giáo dục, tuyên truyền về an toàn điện cũng như giám sát, phân tích, đánh giá đảm bảo an toàn Ecgônômi tại doanh nghiệp.

Năng lực tự chủ: Có năng lực tự chủ, khả năng phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn để quản lý, điều hành và giám sát hoạt động đảm bảo an toàn Ecgônômi tại doanh nghiệp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Nắm bắt và vận dụng ý nghĩa của các điểm kiểm tra được chọn lọc vào nơi làm việc và mục đích của việc thiết kế và sử dụng danh mục kiểm tra và nắm được các nguyên lý trong cải tiến sản xuất.	2	LO.3 LO.4
<i>LO.1.2</i>	Nắm bắt, phân tích và tổng hợp được đánh giá trong lưu kho và vận chuyển nguyên vật liệu: nguyên nhân, những tổn hại và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động để đề xuất biện pháp cải thiện	4	
<i>LO.1.3</i>	Nắm bắt, phân tích và tổng hợp được đánh giá nhà xưởng: nguyên nhân, những tổn hại và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động để đề xuất biện pháp cải thiện	4	
<i>LO.1.4</i>	Nắm bắt, phân tích và tổng hợp được đánh giá tổ chức làm	4	

	việc: nguyên nhân, những tổn hại và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động để đề xuất biện pháp cải thiện		
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.2</i>	Kỹ năng nhận biết nguy cơ liên quan đến lưu kho và vận chuyển nguyên vật liệu; khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá xác định được nguyên nhân, phân tích được những tổn hại và đề xuất được biện pháp cải thiện	4	LO.5 LO.6 LO.7 LO.8
<i>LO.2.3</i>	Kỹ năng nhận biết nguy cơ liên quan đến nhà xưởng, xác định được nguyên nhân, khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá xác định được nguyên nhân, phân tích được những tổn hại và đề xuất được biện pháp cải thiện	4	
<i>LO.2.4</i>	Kỹ năng nhận biết nguy cơ liên quan đến tổ chức làm việc, khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá xác định được nguyên nhân, phân tích được những tổn hại và đề xuất được biện pháp cải thiện	4	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.2</i>	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về vấn đề lưu kho và vận chuyển nguyên vật liệu. Có đủ khả năng lập kế hoạch, đánh giá và cải thiện hiệu quả điều kiện lao động trong doanh nghiệp. Có tính kỷ luật, tôn trọng các quy định, quy chế, nội quy của đơn vị.	5	LO.13 LO.14 LO.16
<i>LO.3.3</i>	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về vấn đề Nhà xưởng. Có đủ khả năng lập kế hoạch, đánh giá và cải thiện hiệu quả điều kiện lao động trong doanh nghiệp. Có tính kỷ luật, tôn trọng các quy định, quy chế, nội quy của đơn vị.	5	
<i>LO.3.4</i>	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về vấn đề Nhà xưởng. Có đủ khả năng lập kế hoạch, đánh giá và cải thiện hiệu quả điều kiện lao động trong doanh nghiệp. Có tính kỷ luật, tôn trọng các quy định, quy chế, nội quy của đơn vị.	5	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về: ý nghĩa của các điểm kiểm tra được chọn lọc

vào nơi làm việc và mục đích của việc thiết kế và sử dụng danh mục kiểm tra và nắm được các nguyên lý trong cải tiến sản xuất. Cách nhận biết nguy cơ, phân tích nguyên nhân, xác định được những tổn hại và đề xuất biện pháp cải thiện điều kiện lao động liên quan đến Ergonomi tại doanh nghiệp.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	<p>Chương 1: CÁC ĐIỂM KIỂM TRA</p> <p>1.1. Ý nghĩa của các điểm kiểm tra</p> <p>1.2. Mục đích của việc thiết kế và sử dụng danh mục kiểm tra và nắm được.</p> <p>1.3. Các nguyên lý trong cải tiến sản xuất</p> <p>1.3.1 Sử dụng danh mục kiểm tra theo mẫu hành động</p> <p>1.3.2 Học hỏi từ các ví dụ tốt tại nơi làm việc địa phương</p> <p>1.3.3 Phát triển các ý tưởng cải tiến có thể thực hiện được</p> <p>1.3.4 Xúc tiến cả kế hoạch cải tiến ngắn hạn và dài hạn</p>	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, Phản biện	Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.1	Tài liệu số 1 từ trang xiii đến trang xxx Tài liệu số 2 từ trang 147 đến trang 185
2	<p>Chương 2: LƯU KHO VÀ VẬN CHUYỂN NGUYÊN VẬT LIỆU</p> <p>2.1. Phân tích nguy cơ trong kho và trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu</p> <p>2.1.1 Phân tích nguy cơ trong kho</p>	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; bài tập, mô	Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi	LO.1.2 LO.2.2 LO.3.2	Tài liệu số 1 từ trang 1 đến trang 36

	<p>2.1.2 Phân tích nguy cơ trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu</p> <p>2.2. Xác định nguyên nhân</p> <p>2.2.1 Nguyên nhân kỹ thuật</p> <p>2.2.2 Nguyên nhân quản lý</p> <p>2.2.3 Nguyên nhân do nhận thức con người</p> <p>2.3. Xác định tổn hại</p> <p>2.3.1 Tổn hại vật chất</p> <p>2.3.2 Tổn hại tinh thần</p> <p>2.3.3 Các tổn hại khác</p> <p>2.4 Đề xuất biện pháp cải thiện</p> <p>Bài tập chương 2</p>	<p>phỏng, Thảo luận, Phản biện, Bài tập nhóm, Bài tập cá nhân</p>	<p>ý kiến, xây dựng bài Làm bài tập chương 2</p>		
3	<p>CHƯƠNG 3: NHÀ XƯỞNG</p> <p>3.1. Phân tích nguy cơ trong nhà xưởng</p> <p>3.2. Xác định nguyên nhân</p> <p>3.2.1 Nguyên nhân kỹ thuật</p> <p>3.2.2 Nguyên nhân quản lý</p> <p>3.2.3 Nguyên nhân do nhận thức con người</p> <p>3.3. Xác định tổn hại</p> <p>3.3.1 Tổn hại vật chất</p> <p>3.3.2 Tổn hại tinh thần</p> <p>3.3.3 Các tổn hại khác</p> <p>3.4 Đề xuất biện pháp cải thiện</p> <p>Bài tập chương 3</p>	<p>Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; bài tập, mô phỏng, Thảo luận, Phản biện, Bài tập nhóm, Bài tập cá nhân</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài Làm bài tập chương 3</p>	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.3</i></p> <p><i>LO.3.3</i></p>	<p>Tài liệu số 1 từ trang 155 đến trang 180</p>
4	<p>CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC LÀM VIỆC</p> <p>2.1. Phân tích nguy cơ trong tổ chức chỗ làm việc</p> <p>2.2. Xác định nguyên nhân</p> <p>2.2.1 Nguyên nhân kỹ thuật</p>	<p>Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề;</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát</p>	<p><i>LO.1.4</i></p> <p><i>LO.2.4</i></p> <p><i>LO.3.4</i></p>	<p>Tài liệu số 1 từ trang 227 đến trang 282</p>

	2.2.2 Nguyên nhân quản lý 2.2.3 Nguyên nhân do nhận thức con người 2.3. Xác định tổn hại 2.3.1 Tổn hại vật chất 2.3.2 Tổn hại tinh thần 2.3.3 Các tổn hại khác 2.4 Đề xuất biện pháp cải thiện Bài tập chương 4	bài tập, mô phỏng, Thảo luận, Phản biện, Bài tập nhóm, Bài tập cá nhân	biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài Làm bài tập chương 2		
7	Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Không yêu cầu

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp hoặc nơi thực hành, thực tập không dưới 80% thời gian quy định của học phần đó.
- Phải dự đủ 1 bài kiểm tra theo quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- **Mục đích:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- **Hình thức đánh giá:**

- + Điểm danh số giờ dự giảng
- + Ý thức tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần (Mục 10.5)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kỳ. (Tuần 8)

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

- **Hình thức đánh giá:** Bài kiểm tra viết trên lớp (1 giờ) hoặc trực tiếp giải bài tập và thuyết trình trước lớp.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo đáp án của bài kiểm tra *hoặc* ***Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình (Mục 10.5)***

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả học phần của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết: trắc nghiệm, tự luận (90 phút). Đề thi theo ma trận đề thi.

- **Tiêu chí đánh giá:** Theo đáp án của ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần									
		LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 1.4	LO 2.2	LO 2.3	LO 2.4	LO 3.2	LO 3.3	LO 3.4
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X		X			X		
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	x	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thuyết trình

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%
-------------------------	----------------------------------	------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------	-----

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự	25%

	định	ngữ, hình ảnh rõ ràng		thành thạo trong trình bày	thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm	Tên sách, giáo trình,	NXB, tên tạp chí/nơi ban
----	-------------	-----	-----------------------	--------------------------

		XB	tên bài báo, văn bản	hành VB
1	Văn phòng lao động Quốc tế	2012	Các điểm kiểm tra Ecgonômi	NXB Lao động- xã hội

11.2. Danh mục liệu tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách,giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
2	Trung tâm huấn luyện An toàn- vệ sinh lao động- Cục An toàn lao động	2019	Tài liệu huấn luyện An toàn vệ sinh lao động	Cục An toàn lao động

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT/TL/TT = Bài tập/Thảo luận/Thuyết trình, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT/TL/TT	KT
	Chương 1: CÁC ĐIỂM KIỂM TRA 1.1. Ý nghĩa của các điểm kiểm tra 1.2. Mục đích của việc thiết kế và sử dụng danh mục kiểm tra và nắm được. 1.3. Các nguyên lý trong cải tiến sản xuất 1.3.1 Sử dụng danh mục kiểm tra theo mẫu hành động 1.3.2 Học hỏi từ các ví dụ tốt tại nơi làm việc địa phương 1.3.3 Phát triển các ý tưởng cải tiến có thể thực hiện được 1.3.4 Xúc tiến cả kế hoạch cải tiến ngắn hạn và dài hạn	4	1	
	Chương 2: LƯU KHO VÀ VẬN CHUYỂN NGUYÊN VẬT LIỆU 2.1. Phân tích nguy cơ trong kho và trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu 2.1.1 Phân tích nguy cơ trong kho	4	2	

<p>2.1.2 Phân tích nguy cơ trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu</p> <p>2.2. Xác định nguyên nhân</p> <p>2.2.1 Nguyên nhân kỹ thuật</p> <p>2.2.2 Nguyên nhân quản lý</p> <p>2.2.3 Nguyên nhân do nhận thức con người</p> <p>2.3. Xác định tổn hại</p> <p>2.3.1 Tổn hại vật chất</p> <p>2.3.2 Tổn hại tinh thần</p> <p>2.3.3 Các tổn hại khác</p> <p>2.4 Đề xuất biện pháp cải thiện</p> <p>Bài tập chương 2</p>			
<p>CHƯƠNG 3: NHÀ XƯỞNG</p> <p>3.1. Phân tích nguy cơ trong nhà xưởng</p> <p>3.2. Xác định nguyên nhân</p> <p>3.2.1 Nguyên nhân kỹ thuật</p> <p>3.2.2 Nguyên nhân quản lý</p> <p>3.2.3 Nguyên nhân do nhận thức con người</p> <p>3.3. Xác định tổn hại</p> <p>3.3.1 Tổn hại vật chất</p> <p>3.3.2 Tổn hại tinh thần</p> <p>3.3.3 Các tổn hại khác</p> <p>3.4 Đề xuất biện pháp cải thiện</p> <p>Bài tập chương 3</p>	6	3	
<p>CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC LÀM VIỆC</p> <p>2.1. Phân tích nguy cơ trong tổ chức chỗ làm việc</p> <p>2.2. Xác định nguyên nhân</p> <p>2.2.1 Nguyên nhân kỹ thuật</p> <p>2.2.2 Nguyên nhân quản lý</p> <p>2.2.3 Nguyên nhân do nhận thức con người</p> <p>2.3. Xác định tổn hại</p> <p>2.3.1 Tổn hại vật chất</p> <p>2.3.2 Tổn hại tinh thần</p> <p>2.3.3 Các tổn hại khác</p> <p>2.4 Đề xuất biện pháp cải thiện</p> <p>Bài tập chương 4</p>	6	3	

	<i>Bài kiểm tra (Tuần 8)</i>			1
--	------------------------------	--	--	---

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

TS. Đỗ Thị Lan Chi

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: AN TOÀN ĐIỆN

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: KHOA BẢO HỘ LAO ĐỘNG

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: ĐÀO BẰNG GIANG
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ Lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0904210964 - Email: giangdb@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: NGUYỄN ĐỨC KHOÁNG
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ Lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: khoangnd@gmail.com

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): AN TOÀN ĐIỆN
- Tên (tiếng Anh): ELECTRICAL SAFETY
- Mã học phần: 1001

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: **20** (bao gồm cả kiểm tra)
- Giờ thực hành: **0**
- Giờ bài tập/thảo luận/thuyết trình: **10**
- Giờ báo cáo thực tế: **0**
- Giờ tự học: **90**

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: Tác động và các biện pháp phòng ngừa tác hại do dòng điện gây ra đối với cơ thể người; Cách phân tích, đánh giá mạng điện thực tế theo khía cạnh an toàn và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn điện; Phân tích, đánh giá hệ thống bảo vệ nối đất, nối dây trung tính.

Kỹ năng: Từ những kiến thức cơ bản trên, sinh viên có thể tự nghiên cứu sâu hơn và **vận dụng** tốt vào thực tế công tác: tổ chức tập huấn, huấn luyện, giáo dục, tuyên truyền về an toàn điện cũng như thanh tra, giám sát, phân tích, đánh giá đảm bảo an toàn điện tại doanh nghiệp.

Năng lực tự chủ: Có năng lực tự chủ, khả năng phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn để quản lý, điều hành và giám sát hoạt động đảm bảo an toàn ở mạng điện tại doanh nghiệp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Hiểu được các tác động của dòng điện đối với cơ thể người, cách sơ cấp cứu nạn nhân	2	LO.3 LO.4
<i>LO.1.2</i>	Vận dụng kiến thức để phân tích, tính toán đảm bảo an toàn trong mạng điện	3	
<i>LO.1.3</i>	Vận dụng kiến thức để phân tích, tính toán các biện pháp bảo vệ chống tiếp xúc điện	3	
<i>LO.1.4</i>	Vận dụng kiến thức để phân tích, tính toán biện pháp bảo vệ nối đất	3	
<i>LO.1.5</i>	Vận dụng kiến thức để phân tích, tính toán biện pháp bảo vệ nối dây trung tính và nối đất lặp lại	3	
<i>LO.1.6</i>	Vận dụng kiến thức để phân tích, tính toán cắt bảo vệ	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		

LO.2.3	Vận dụng các kỹ năng đã học để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động đảm bảo an toàn chống tiếp xúc điện ở nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, công trường, v.v...	3	LO.5 LO.6 LO.7 LO.8
LO.2.4	Vận dụng các kỹ năng đã học để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động đảm bảo theo quy chuẩn an toàn điện các hệ thống nối đất. Kỹ năng điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá, quản lý rủi ro với các hệ thống nối đất ở mạng điện nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, công trường, v.v...	3	
LO.2.5	Vận dụng các kỹ năng đã học để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động đảm bảo theo quy chuẩn an toàn điện các hệ thống hệ thống nối dây trung tính và nối đất lặp lại. Kỹ năng điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá, quản lý rủi ro với các hệ thống nối dây trung tính và nối đất lặp lại ở mạng điện nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, công trường, v.v...	3	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.3	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động đảm bảo an toàn chống chống tiếp xúc điện trong sản xuất tại doanh nghiệp.	3	LO.11 LO.12 LO.13
LO.3.4	Có năng lực Phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn để quản lý, điều hành và giám sát hoạt động của hệ thống nối đất ở mạng điện nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, công trường, v.v...	4	
LO.3.5	Có năng lực Phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn để quản lý, điều hành và giám sát hoạt động của hệ thống nối dây trung tính và nối đất lặp lại ở mạng điện nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, công trường, v.v...	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về: Các tác động của dòng điện với cơ thể người; các biện pháp phòng ngừa tác hại do dòng điện gây ra đối với cơ thể người. Phương pháp cấp cứu người bị tai nạn điện; Phân tích an toàn trong các mạng điện thông dụng và các biện pháp cần thiết để đảm bảo An toàn điện trong các mạng điện này; Bảo vệ nối đất và bảo vệ nối dây trung tính.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản	Phương pháp	CDR	Tài liệu học
-----	---------------------	-------------	-----	--------------

	theo chương, mục (đến 3 chữ số)	dạy&học		học phần	tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	<p>Chương 1: TÁC ĐỘNG CỦA DÒNG ĐIỆN ĐỐI VỚI CƠ THỂ NGƯỜI VÀ CẤP CỨU NẠN NHÂN</p> <p>1.1. Các quá trình điện có sẵn trong cơ thể người</p> <p>1.2. Tác động của dòng điện đối với cơ thể người</p> <p>1.2.1 Các dạng tác động của dòng điện đối với cơ thể người</p> <p>1.2.2 Các loại chấn thương do dòng điện gây ra</p> <p>1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến chấn thương ban đầu</p> <p>1.3.1 Loại dòng điện</p> <p>1.3.2 Cường độ dòng điện</p> <p>1.3.3 Tần số dòng điện</p> <p>1.3.4 Thời gian tác động của dòng điện</p> <p>1.3.5 Điện trở cơ thể người</p> <p>1.3.6 Đường đi của dòng điện</p> <p>1.3.7 Điện áp tiếp xúc</p> <p>1.3.8 Trạng thái sức khỏe, tâm lý và trình độ học vấn của con người</p> <p>1.4. Biểu đồ phân tích tác động của dòng điện đối với cơ thể người</p> <p>1.5. Cấp cứu nạn nhân bị điện giật</p> <p>1.5.1 Khái quát chung</p> <p>1.5.2 Phương pháp tách nạn nhân ra khỏi mạng điện</p> <p>1.5.3 Sơ cứu nạn nhân</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm.	Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.1	Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 137 đến trang 169 Tham khảo TL 2 từ trang 91 đến trang 93
2	<p>Chương 2: PHÂN TÍCH AN TOÀN TRONG MẠNG ĐIỆN</p>	Thuyết giảng,	Đọc và nghiên cứu	LO.1.2	Đọc và nghiên cứu

	<p>2.1. Các chế độ trung tính và chế độ nối đất</p> <p>2.2. Phân tích sự nguy hiểm của các trường hợp tiếp xúc trực tiếp</p> <p>2.2.1 Chạm hai cực của mạng điện xoay chiều ba pha</p> <p>2.2.2 Chạm một dây pha của mạng điện xoay chiều trung tính nối đất</p> <p>2.2.3 Chạm một dây pha của mạng điện xoay chiều ba pha trung tính cách ly</p> <p>2.2.4 Chạm một dây của mạng điện hai dây trung tính cách ly</p> <p>2.2.5 Chạm vào dây nguội của mạng điện hai dây có trung tính nối đất</p> <p>2.3. Phân tích sự nguy hiểm của tiếp xúc gián tiếp</p> <p>2.3.1 Đánh giá sự nguy hiểm của tiếp xúc gián tiếp trong sơ đồ TT</p> <p>2.3.2 Đánh giá sự nguy hiểm của tiếp xúc gián tiếp trong sơ đồ TN</p> <p>2.3.3 Đánh giá sự nguy hiểm của tiếp xúc gián tiếp trong sơ đồ IT</p> <p>2.4. Sự nguy hiểm của điện áp bước</p> <p><i>Bài tập chương 2</i></p>	<p>giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.</p>	<p>cứu tài liệu</p> <p>Làm BT chương 2</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>		<p>tài liệu số 1 từ trang 170 đến trang 193</p>
3	<p>Chương 3: BẢO VỆ CHỐNG TIẾP XÚC ĐIỆN</p> <p>3.1. Đại cương</p> <p>3.1.1 Một số khái niệm, định nghĩa</p> <p>3.1.2 Phân loại thiết bị dưới góc độ an toàn</p> <p>3.1.3 Phân loại các biện pháp bảo vệ</p> <p>3.2. Các biện pháp cơ bản bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp và tiếp xúc gián tiếp</p> <p>3.2.1 Khoảng cách an toàn</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Làm BT chương 3</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây</p>	<p>LO.1.3</p> <p>LO.2.3</p> <p>LO.3.3</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 194 đến trang 215 (chương???)</p> <p>Tham khảo TL 2 từ trang 45 đến trang 75</p>

	<p>3.2.2 Biện pháp cản trở</p> <p>3.2.3 Biện pháp ngăn cách bảo vệ</p> <p>3.2.4 Các biện pháp bảo vệ chống tiếp xúc gián tiếp</p> <p>3.3. Các giải pháp bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp hoặc tiếp xúc gián tiếp không cắt nguồn</p> <p>3.3.1 Sử dụng điện áp thấp</p> <p>3.3.2 Mạch điện phân ly</p> <p>3.3.3 Bố trí vùng cấm và đặt rào ngăn</p> <p>3.3.4 Buồng đẳng thế không tiếp đất</p> <p>3.4. Các phương tiện bảo vệ an toàn điện</p> <p>3.4.1 Phương tiện bảo vệ cá nhân</p> <p>3.4.2 Phương tiện bảo vệ tập thể</p> <p>3.4.3 Sáu pha bản lề đảm bảo an toàn khi làm việc trên lưới điện</p> <p><i>Bài tập chương 3</i></p>	về nhà.	dụng bài		
4	<p>Chương 4: BẢO VỆ NỔ ĐẤT</p> <p>4.1. Một số khái niệm và định nghĩa</p> <p>4.2. Phân tích đặc điểm của quá trình phân tán dòng điện trong đất</p> <p>4.3. Vai trò của bảo vệ nối đất</p> <p>4.4. Cấu trúc của hệ thống nối đất</p> <p>4.5. Tính toán nối đất</p> <p>4.5.1 Tính toán nối đất theo điện trở nối đất yêu cầu R_{yc}</p> <p>4.5.2 Tính toán nối đất theo điện áp tiếp xúc và điện áp bước cho phép</p> <p>4.6. Đo điện trở nối đất</p> <p>4.6.1 Phương pháp đo điện trở suất của đất</p> <p>4.6.2 Đo điện trở nối đất</p> <p>4.6.3 Đo điện trở nối đất của các</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.	Đọc và nghiên cứu tài liệu Làm BT chương 4 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.4 LO.2.4 LO.3.4	Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 216 đến trang 256

	<p>thiết bị đang hoạt động</p> <p>4.6.4 Các biện pháp giảm điện trở của hệ thống nối đất</p> <p><i>Bài tập chương 4</i></p>				
5	<p>Chương 5: BẢO VỆ NỐI DÂY TRUNG TÍNH VÀ NỐI ĐẤT LẬP LẠI</p> <p>5.1. Vai trò của bảo vệ nối dây trung tính</p> <p>5.2. Điều kiện thực hiện bảo vệ nối dây trung tính</p> <p>5.3. Nối đất lập lại</p> <p>5.3.1 Khái quát chung</p> <p>5.3.2 Vai trò của nối đất lập lại</p> <p><i>Bài tập chương 5</i></p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.5</p> <p>LO.2.5</p> <p>LO.3.5</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 257 đến trang 271</p>
6	<p>Chương 6: CẮT BẢO VỆ</p> <p>6.1. Khái quát chung</p> <p>6.2. Nguyên lý tác động và phân loại thiết bị cắt bảo vệ - RCD</p> <p>6.2.1 Nguyên lý tác động của thiết bị cắt bảo vệ - RCD</p> <p>6.2.2 Phân loại thiết bị RCD</p> <p>6.3. Lựa chọn sơ đồ và tính toán tự động cắt bảo vệ</p> <p>6.3.1 Các loại sơ đồ cắt bảo vệ</p> <p>6.3.2 Sơ đồ TT</p> <p>6.3.3 Thời gian cắt</p> <p>6.3.4 Sơ đồ TN</p> <p>6.3.5 Sơ đồ IT</p> <p>6.4. Lựa chọn thiết bị tự động cắt bảo vệ</p> <p>6.4.1 Lựa chọn đặc tính bảo vệ của RCD</p> <p>6.4.2 Điều kiện đảm bảo sự chọn lọc</p> <p>6.4.3 Chiều dài cực đại của mạch điện cho phép bảo vệ có hiệu quả</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Làm BT chương 6</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO.1.6</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 272 đến trang 303</p>

	(chế độ TN và IT) 6.4.4 Kiểm tra yêu cầu ổn định nhiệt của dây dẫn Bài tập chương 6				
7	Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước:

- Học phần: Kỹ thuật điện Mã HP: 1019
- Học phần: Cung cấp điện Mã HP: 1009

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp không dưới 80% thời gian quy định của học phần.
- Phải dự đủ 1 bài kiểm tra theo quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- **Mục đích:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- **Hình thức đánh giá:**

- + Điểm danh số giờ dự giảng
- + Ý thức tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần (10.5)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

- **Hình thức đánh giá:** Bài kiểm tra viết trên lớp (1 giờ) hoặc trực tiếp giải bài tập và thuyết trình trước lớp.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo đáp án của bài kiểm tra hoặc Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình (10.5)

10.3. Thi cuối kỳ:(Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết: trắc nghiệm, tự luận (90 phút). Đề thi theo ma trận đề thi.

- **Tiêu chí đánh giá:** Theo đáp án của ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần											
		LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 1.4	LO 1.5	LO 1.6	LO 2.3	LO 2.4	LO 2.5	LO 3.3	LO 3.4	LO 3.5
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X				X			X		
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thuyết trình

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời	25%

	không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	gian trình bày đúng quy định	
--	--------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------	------------------------------	--

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Trần Quang Khánh	2012	Bảo hộ lao động và Kỹ thuật An toàn điện	NXB Khoa học và Kỹ thuật

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
2	Nguyễn Xuân Phú	2012	Kỹ thuật An toàn điện	NXB Khoa học và Kỹ thuật

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT/TL/TT = Bài tập/Thảo luận/Thuyết trình, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bố thời gian		
		LT	BT/TL/TT	KT
1	Chương 1: TÁC ĐỘNG CỦA DÒNG ĐIỆN ĐỐI VỚI CƠ THỂ NGƯỜI VÀ CẤP CỨU NẠN NHÂN 1.1. Các quá trình điện có sẵn trong cơ thể người 1.2. Tác động của dòng điện đối với cơ thể người 1.2.1 Các dạng tác động của dòng điện đối với cơ thể người 1.2.2 Các loại chấn thương do dòng điện gây ra 1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến chấn thương ban đầu	3	1	

	<p>1.3.1 Loại dòng điện</p> <p>1.3.2 Cường độ dòng điện</p> <p>1.3.3 Tần số dòng điện</p> <p>1.3.4 Thời gian tác động của dòng điện</p> <p>1.3.5 Điện trở cơ thể người</p> <p>1.3.6 Đường đi của dòng điện</p> <p>1.3.7 Điện áp tiếp xúc</p> <p>1.3.8 Trạng thái sức khỏe, tâm lý và trình độ học vấn của con người</p> <p>1.4. Biểu đồ phân tích tác động của dòng điện đối với cơ thể người</p> <p>1.5. Cấp cứu nạn nhân bị điện giật</p> <p>1.5.1 Khái quát chung</p> <p>1.5.2 Phương pháp tách nạn nhân ra khỏi mạng điện</p> <p>1.5.3 Sơ cứu nạn nhân</p>			
2	<p>Chương 2: PHÂN TÍCH AN TOÀN TRONG MẠNG ĐIỆN</p> <p>2.1. Các chế độ trung tính và chế độ nối đất</p> <p>2.2. Phân tích sự nguy hiểm của các trường hợp tiếp xúc trực tiếp</p> <p>2.2.1 Chạm hai cực của mạng điện xoay chiều ba pha</p> <p>2.2.2 Chạm một dây pha của mạng điện xoay chiều trung tính nối đất</p> <p>2.2.3 Chạm một dây pha của mạng điện xoay chiều ba pha trung tính cách ly</p> <p>2.2.4 Chạm một dây của mạng điện hai dây trung tính cách ly</p> <p>2.2.5 Chạm vào dây nguội của mạng điện hai dây có trung tính nối đất</p> <p>2.3. Phân tích sự nguy hiểm của tiếp xúc gián tiếp</p> <p>2.3.1 Đánh giá sự nguy hiểm của tiếp xúc gián tiếp trong sơ đồ TT</p> <p>2.3.2 Đánh giá sự nguy hiểm của tiếp xúc gián tiếp trong sơ đồ TN</p> <p>2.3.3 Đánh giá sự nguy hiểm của tiếp xúc gián tiếp trong sơ đồ IT</p> <p>2.4. Sự nguy hiểm của điện áp bước</p> <p><i>Bài tập chương 2</i></p>	3	2	
3	<p>Chương 3: BẢO VỆ CHỐNG TIẾP XÚC ĐIỆN</p> <p>3.1. Đại cương</p>	4	2	

	<p>3.1.1 Một số khái niệm, định nghĩa</p> <p>3.1.2 Phân loại thiết bị dưới góc độ an toàn</p> <p>3.1.3 Phân loại các biện pháp bảo vệ</p> <p>3.2. Các biện pháp cơ bản bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp và tiếp xúc gián tiếp</p> <p>3.2.1 Khoảng cách an toàn</p> <p>3.2.2 Biện pháp cản trở</p> <p>3.2.3 Biện pháp ngăn cách bảo vệ</p> <p>3.2.4 Các biện pháp bảo vệ chống tiếp xúc gián tiếp</p> <p>3.3. Các giải pháp bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp hoặc tiếp xúc gián tiếp không cắt nguồn</p> <p>3.3.1 Sử dụng điện áp thấp</p> <p>3.3.2 Mạch điện phân ly</p> <p>3.3.3 Bố trí vùng cấm và đặt rào ngăn</p> <p>3.3.4 Buồng đẳng thế không tiếp đất</p> <p>3.4. Các phương tiện bảo vệ an toàn điện</p> <p>3.4.1 Phương tiện bảo vệ cá nhân</p> <p>3.4.2 Phương tiện bảo vệ tập thể</p> <p>3.4.3 Sáu pha bản lề đảm bảo an toàn khi làm việc trên lưới điện</p> <p><i>Bài tập chương 3</i></p>			
4	<p>Chương 4: BẢO VỆ NỔ ĐẤT</p> <p>4.1. Một số khái niệm và định nghĩa</p> <p>4.2. Phân tích đặc điểm của quá trình phân tán dòng điện trong đất</p> <p>4.3. Vai trò của bảo vệ nối đất</p> <p>4.4. Cấu trúc của hệ thống nối đất</p> <p>4.5. Tính toán nối đất</p> <p>4.5.1 Tính toán nối đất theo điện trở nối đất yêu cầu R_{yc}</p> <p>4.5.2 Tính toán nối đất theo điện áp tiếp xúc và điện áp bước cho phép</p> <p>4.6. Đo điện trở nối đất</p> <p>4.6.1 Phương pháp đo điện trở suất của đất</p> <p>4.6.2 Đo điện trở nối đất</p> <p>4.6.3 Đo điện trở nối đất của các thiết bị đang hoạt động</p> <p>4.6.4 Các biện pháp giảm điện trở của hệ thống nối đất</p> <p><i>Bài tập chương 4</i></p>	3	2	
5	<p>Chương 5: BẢO VỆ NỔ DÂY TRUNG TÍNH VÀ NỔ ĐẤT LẶP LẠI</p> <p>5.1. Vai trò của bảo vệ nối dây trung tính</p> <p>5.2. Điều kiện thực hiện bảo vệ nối dây trung tính</p>	3	1	

	5.3. Nối đất lặp lại 5.3.1 Khái quát chung 5.3.2 Vai trò của nối đất lặp lại <i>Bài tập chương 5</i>			
6	Chương 6: CẮT BẢO VỆ 6.1. Khái quát chung 6.2. Nguyên lý tác động và phân loại thiết bị cắt bảo vệ - RCD 6.2.1 Nguyên lý tác động của thiết bị cắt bảo vệ - RCD 6.2.2 Phân loại thiết bị RCD 6.3. Lựa chọn sơ đồ và tính toán tự động cắt bảo vệ 6.3.1 Các loại sơ đồ cắt bảo vệ 6.3.2 Sơ đồ TT 6.3.3 Thời gian cắt 6.3.4 Sơ đồ TN 6.3.5 Sơ đồ IT 6.4. Lựa chọn thiết bị tự động cắt bảo vệ 6.4.1 Lựa chọn đặc tính bảo vệ của RCD 6.4.2 Điều kiện đảm bảo sự chọn lọc 6.4.3 Chiều dài cực đại của mạch điện cho phép bảo vệ có hiệu quả (chế độ TN và IT) 6.4.4 Kiểm tra yêu cầu ổn định nhiệt của dây dẫn <i>Bài tập chương 6</i>	3	2	
	<i>Bài kiểm tra (Tuần 8)</i>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

ThS. Đào Bằng Giang

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: An toàn hóa chất

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Vũ Thị Phương Thúy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: thuyvtp@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Xuân Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: huongntx@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): AN TOÀN HÓA CHẤT
- Tên (tiếng Anh): Chemical Safety
- Mã học phần: 1002

4. Số tín chỉ: 02

5. Cấu trúc học phần:

- | | |
|---------------------------------------|---------------------------------|
| - Giờ lý thuyết: | 20 (bao gồm cả kiểm tra) |
| - Giờ thực hành: | 0 |
| - Giờ bài tập/thảo luận/thuyết trình: | 10 |
| - Giờ báo cáo thực tế: | 0 |
| - Giờ tự học: | 90 |

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về an toàn hóa chất;

Xác định và đánh giá các mối nguy hại hóa chất; Biện pháp kiểm soát các mối nguy hại hóa chất; Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp và Quản lý hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.

Kỹ năng: Từ những kiến thức cơ bản trên, sinh viên có thể tự nghiên cứu sâu hơn và **vận dụng** tốt vào thực tế công tác: tổ chức tập huấn, huấn luyện, giáo dục, tuyên truyền về an toàn hóa chất cũng như thanh tra, giám sát, phân tích, đánh giá đảm bảo an toàn hóa chất tại doanh nghiệp.

Năng lực tự chủ: Có năng lực tự chủ, khả năng phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn để quản lý, điều hành và giám sát hoạt động đảm bảo an toàn ở mạng điện tại doanh nghiệp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Nhớ và hiểu được: - Những khái niệm cơ bản liên quan đến an toàn hóa chất; - Hóa chất trong hoạt động sản xuất - Ô nhiễm do hóa chất - Các cách biểu thị nồng độ hóa chất ; - Những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến an toàn hóa chất;	2	LO3 LO.4
<i>LO.1.2</i>	Vận dụng kiến thức để: - Xác định những mối nguy hại của hóa chất; - Đánh giá những mối nguy hại của hóa chất;	3	
<i>LO.1.3</i>	Vận dụng kiến thức để: - Kiểm soát những mối nguy hại của hóa chất;	3	
<i>LO.1.4</i>	- Vận dụng kiến thức để phân tích và đưa ra biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.	3	

<i>LO.1.5</i>	- Vận dụng kiến thức để biết cách quản lý hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.2</i>	- Vận dụng các kỹ năng đã học để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động xác định, đánh giá các mối nguy hại của hóa chất...vv	3	LO.7 LO.8
<i>LO.2.3</i>	- Vận dụng các kỹ năng đã học để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động kiểm soát hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp...vv	3	
<i>LO.2.4</i>	- Vận dụng các kỹ năng đã học để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động phòng ngừa và ứng phó các sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp...vv	3	
<i>LO.2.5</i>	- Vận dụng các kỹ năng đã học để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động đảm bảo theo quy chuẩn an toàn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp. Kỹ năng điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá, quản lý rủi ro với các hoạt động hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp...vv	3	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.3</i>	Có ý thức về phẩm chất, giá trị đạo đức, nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có tính kỷ luật, tôn trọng các quy định, quy chế, nội quy của đơn vị. Có văn hóa an toàn trong đời sống và sản xuất.	3	LO.11 LO.12 LO.13
<i>LO.3.4</i>	Có ý thức về phẩm chất, giá trị đạo đức, nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có tính kỷ luật, tôn trọng các quy định, quy chế, nội quy của đơn vị. Có văn hóa an toàn trong đời sống và sản xuất.	4	
<i>LO.3.5</i>	Có năng lực Phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn để quản lý, điều hành và giám sát hoạt động hóa chất trong lĩnh vực công	4	

	nghiệp ...vv		
--	--------------	--	--

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức: Đại cương về an toàn hóa chất; Xác định và đánh giá các mối nguy hại hóa chất; Biện pháp kiểm soát các mối nguy hại hóa chất; Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp và Quản lý hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	<p>Chương 1: Đại cương về an toàn hóa chất.</p> <p>1.1. Những khái niệm cơ bản.</p> <p>1.2. Hóa chất trong hoạt động sản xuất.</p> <p>1.3. Ô nhiễm do hóa chất</p> <p>1.4. Các cách biểu thị nồng độ hóa chất ;</p> <p>1.5. Văn bản pháp quy liên quan đến an toàn hóa chất;</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm.	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	LO.1.1	<p>-Tài liệu chính: Chương 18, mục I, II, III, IV, V, VI và VII, trang 524 đến trang 548)</p> <p>-Tài liệu tham khảo số 1: Bài 1, trang 10 đến trang 35)</p> <p>-Tài liệu tham khảo số 2: Chương 6, mục I, trang 97 đến trang 105).</p>
2	<p>Chương 2: Xác định và đánh giá các mối nguy hại hóa chất.</p> <p>2.1. Khái niệm cơ bản</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề;	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia</p>	LO.1.2 LO.2.2	-Tài liệu chính: Chương 18, mục VIII và

	<p>2.2. Xác định các mối nguy hại hóa chất</p> <p>2.3. Đánh giá các mối nguy hại hóa chất</p>	<p>phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.</p>	<p>phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>		<p>IX, trang 548 đến trang 552).</p> <p>-Tài liệu tham khảo số 1: Bài 2, Bài 3 (trang 63 đến trang 136)</p> <p>-Tài liệu tham khảo số 2: Chương 6, mục II, trang 105 đến trang 117).</p>
3	<p>Chương 3: Biện pháp kiểm soát mối nguy hại hóa chất.</p> <p>3.1. Kiểm soát kỹ thuật</p> <p>3.2. Kiểm soát thực hiện công việc</p> <p>3.3. Các biện pháp hành chính</p> <p>3.4. Phương tiện bảo vệ cá nhân</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.3</i></p> <p><i>LO.3.3</i></p>	<p>Tài liệu chính: Chương 18, mục X, trang 553 đến trang 556).</p> <p>-Tài liệu tham khảo số 1: Bài 2, Bài 4 (trang 151 đến trang 212).</p>
4	<p>Chương 4: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.</p> <p>4.1. Khái niệm cơ bản</p> <p>4.2. Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.4</i></p> <p><i>LO.2.4</i></p> <p><i>LO.3.4</i></p>	<p>Tài liệu chính: Chương 18, mục XI, trang 557 đến trang 558).</p>

	4.3. Biện pháp ứng phó sự cố hóa chất				-Tài liệu tham khảo số 1: Bài 5, (trang 215 đến trang 247).
5	Chương 5: Quản lý hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực công nghiệp. 5.1. Khái niệm cơ bản 5.2. Lập kế hoạch quản lý hóa chất nguy hiểm 5.3. Quy trình quản lý an toàn hóa chất.	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà.	Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.5 LO.2.5 LO.3.5	Tài liệu chính: Chương 18, mục XII và XIII, trang 559 đến trang 560). -Tài liệu tham khảo số 1: Bài 6, (trang 261 đến trang 332).
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước:

- Học phần: Hóa học đại cương

Mã HP: 1016

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp không dưới 80% thời gian quy định của học phần.
- Phải dự đủ 1 bài kiểm tra theo quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- **Mục đích:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- Hình thức đánh giá:

- + Điểm danh số giờ dự giảng
- + Ý thức tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm.

- Tiêu chí đánh giá: theo Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần (10.5)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)
- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kĩ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.
- **Hình thức đánh giá:** Bài kiểm tra viết trên lớp (1 giờ) hoặc trực tiếp giải bài tập và thuyết trình trước lớp.
- **Tiêu chí đánh giá:** theo đáp án của bài kiểm tra hoặc **Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình (10.5)**

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kĩ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.
- **Hình thức đánh giá:** Thi viết: trắc nghiệm, tự luận (90 phút). Đề thi theo ma trận đề thi.
- **Tiêu chí đánh giá:** Theo đáp án của ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần												
		LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 1.4	LO 1.5	LO. 2.2	LO 2.3	LO 2.4	LO 2.5	LO 3.3	LO 3.4	LO. 3.5	
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X				X				X		
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thuyết trình

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN		
Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định	Trọng số

đánh giá	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng	Slide trình bày với số lượng phù	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn	25%

	theo quy định	hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	kết luận	kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	PGS.TS. Nguyễn An Lương	2012	Bảo hộ lao động	NXB Lao động Xã hội

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
----	-------------	--------	--------------------------------------------	----------------------------------

1	Bộ y tế	2015	Quản lý nguy cơ nghề nghiệp do hóa chất đến sức khỏe người lao động	NXB Dân trí
2	PGS.TS. Vũ Quang Thọ	2011	Tập bài giảng Bảo hộ lao động	NXB Dân trí
3	Quốc hội	2007	Luật hóa chất số 6/2007/QH12.	Quốc hội
4	Quốc hội	2015	Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13.	Quốc hội

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	Chương 1: Đại cương về an toàn hóa chất. 1.1. Những khái niệm cơ bản. 1.2. Hóa chất trong hoạt động sản xuất. 1.3. Ô nhiễm do hóa chất 1.4. Các cách biểu thị nồng độ hóa chất ; 1.5. Văn bản pháp quy liên quan đến an toàn hóa chất;	4		
2	Chương 2: Xác định và đánh giá các mối nguy hại hóa chất. 2.1. Khái niệm cơ bản 2.2. Xác định các mối nguy hại hóa chất 2.3. Đánh giá các mối nguy hại hóa chất	6	2	
3	Chương 3: Biện pháp kiểm soát mối nguy hại hóa chất. 3.1. Kiểm soát kỹ thuật 3.2. Kiểm soát thực hiện công việc 3.3. Các biện pháp hành chính 3.4. Phương tiện bảo vệ cá nhân	4	2	
4	Chương 4: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp. 4.1. Khái niệm cơ bản 4.2. Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất 4.3. Biện pháp ứng phó sự cố hóa chất	4	2	

	Chương 5: Quản lý hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực công nghiệp.			
	5.1. Khái niệm cơ bản	4	1	
	5.2. Lập kế hoạch quản lý hóa chất nguy hiểm			
	5.3. Quy trình quản lý an toàn hóa chất.			
	<i>Bài kiểm tra (Tuần 8)</i>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TS. Vũ Văn Thú

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

ThS. Vũ Thị Phương Thúy

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Tiếng ồn, rung động trong sản xuất và kỹ thuật xử lý

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Đắc Diện
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0975528087 - Email: diennd@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Vũ Văn Thú
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0915357926 - Email: thuvv@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **TIẾNG ỒN, RUNG ĐỘNG TRONG SẢN XUẤT VÀ KỸ THUẬT XỬ LÝ**

- Tên (tiếng Anh): **Noise, vibration at workplace and treatment methods**

- Mã học phần: **1026**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20
- Giờ thực hành: 0
- Giờ bài tập: 10
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: kiến thức cơ bản về âm thanh, tiếng ồn, rung động, tác động và tác hại của tiếng ồn và rung động lên môi trường và con người, các biện pháp kỹ thuật giảm tiếng ồn và rung động. Sinh viên nắm được nguồn gốc và cơ chế phát sinh của tiếng ồn và rung động, biết cách kiểm soát và ngăn chặn ô nhiễm tiếng ồn trong môi trường sản xuất và lao động.

Kỹ năng: vận dụng vào thực tế công tác, tổ chức tập huấn, huấn luyện, giáo dục, tuyên truyền về tác dụng có hại của tiếng ồn và rung động đến sức khỏe người lao động, thanh tra, giám sát, phân tích, đo lường, đánh giá đảm bảo hạn chế sự phát sinh của tiếng ồn và rung động.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, khả năng phản biện, đưa ra các giải pháp tư vấn về quản lý, kỹ thuật, có văn hóa an toàn và vệ sinh trong sản xuất, có ý thức trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Sinh viên nắm được khái niệm về âm thanh, tiếng ồn và rung động, tác hại của tiếng ồn và rung động, nguồn gây tiếng ồn và rung động trong sản xuất	3	LO.4
<i>LO.1.2</i>	Sinh viên nắm được cấu tạo máy đo, phương pháp đo tiếng ồn, rung động, tiêu chuẩn và đánh giá mức ồn, rung động	3	
<i>LO.1.3</i>	Sinh viên có khả năng kiểm soát và ngăn chặn ô nhiễm tiếng ồn và rung động trong sản xuất, biết thiết kế cabin cách âm, bao cách âm, hệ thống chống rung bằng các vật liệu và kết cấu hút âm, giảm chấn...	4	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Có khả năng vận dụng các định luật để giải các bài toán về âm thanh, mức âm, áp suất âm, độ to của âm, dao động điều hòa, dao động tắt dần, dao động cưỡng bức	3	LO.5
<i>LO.2.2</i>	Nắm được phương pháp đo, sử dụng máy đo tiếng ồn, rung	4	

	động, có các biện pháp giảm tiếng ồn và rung động trong sản xuất		
LO.2.3	Có khả năng tính toán, thiết kế nguyên vật liệu để chế tạo bao cách âm, cabin cách âm, hệ thống chống rung	5	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.3	Có thái độ đúng đắn với công việc giảm thiểu tiếng ồn và rung động đến người lao động, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm bản thân và tập thể với hoạt động sản xuất.	4	LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về tiếng ồn, rung động trong sản xuất, nguồn gây tiếng ồn và rung động, tác hại của tiếng ồn và rung động đến người lao động, máy đo, phương pháp đo tiếng ồn và rung động, biện pháp xử lý tiếng ồn và rung động.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	CHƯƠNG I: TIẾNG ỒN VÀ RUNG ĐỘNG TRONG SẢN XUẤT 1.1. Khái niệm về âm thanh, tiếng ồn và rung động 1.2. Sự lan truyền của âm thanh, tiếng ồn và rung động 1.3. Tác hại của tiếng ồn và rung động đến con người, môi trường và đô thị 1.4. Nguồn gây tiếng ồn và rung động trong sản xuất	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà	Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.1 LO.2.1	Chương I, chương III tài liệu 1
2	CHƯƠNG II: MÁY ĐO, PHƯƠNG PHÁP ĐO TIẾNG ỒN VÀ RUNG ĐỘNG 2.1. Máy đo và phương pháp đo âm thanh và tiếng ồn 2.2. Tiêu chuẩn mức ồn và đánh giá tiếng ồn 2.3. Máy đo và phương pháp đo rung động	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài	Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 2 Tham gia phát biểu, trao đổi ý	LO.1.2 LO.2.2	Chương II tài liệu 1

	2.4. Tiêu chuẩn và đánh giá rung động trong sản xuất	tập vận dụng, giao bài về nhà	kiến, xây dựng bài		
3	<p>CHƯƠNG III: BIỆN PHÁP XỬ LÝ TIẾNG ỒN VÀ RUNG ĐỘNG</p> <p>3.1. Các biện pháp giảm tiếng ồn</p> <p>3.2. Vật liệu và kết cấu hút âm</p> <p>3.3. Chống tiếng ồn cho nhà công nghiệp</p> <p>3.4. Phòng chống ô nhiễm tiếng ồn cho môi trường</p> <p>3.5. Giảm rung, chống rung chủ động và thụ động</p> <p>3.6. Tiêu chuẩn chất lượng cách âm</p> <p>3.7. Giảm tiếng ồn và rung động của các hệ thống điều hòa không khí</p> <p>3.8. Giảm tiếng ồn của hệ thống thông gió</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng, giao bài về nhà	Đọc tài liệu, Làm bài tập chương 3 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.3 LO.2.3 LO.3.3	Chương IV tài liệu 1

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Vật lý 1, mã HP 1047

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có mặt trên lớp không dưới 80% thời gian quy định của học phần, có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

+ Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ

+ Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ

+ Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Điểm danh, kiểm tra miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện), ý thức xây dựng bài

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kì (Tuần 8)

+ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

+ Các kỹ thuật đánh giá: Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu, trực tiếp giải bài tập và thuyết trình trước lớp

+ Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ) hoặc theo tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Hình thức: Thi viết (90 phút)

- Tiêu chí đánh giá: theo đáp án, biểu điểm đề thi

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần						
		LO.1.1.	LO.1.2	LO.1.3	LO.2.1	LO.2.2	LO.2.3	LO.3.3
1	Điểm chuyên cần (10%)	x	x	x	x	x	x	
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	x	x		x	x		x

3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	x	x	x	x	x	x	x
---	-----------------------------------------	---	---	---	---	---	---	---

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học >40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	12 lần khiến trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

RUBRIC ĐIỂM THẢO LUẬN				
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm

Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm
-----------------------	----------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%

Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%
--------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Vũ Văn Thú, Triệu Quốc Lộc, Nguyễn Thị Xuân Hương	2011	Giáo trình Tiếng ồn, rung động trong sản xuất và kỹ thuật xử lý	Nhà xuất bản Lao động

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Nguyễn An Lương	2012	Bảo hộ lao động	NXB Lao động

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT = Bài tập, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT	KT
1	CHƯƠNG I: TIẾNG ỒN VÀ RUNG ĐỘNG TRONG SẢN XUẤT §1. Khái niệm về âm thanh, tiếng ồn và rung động §2. Sự lan truyền của âm thanh, tiếng ồn và rung động §3. Tác hại của tiếng ồn và rung động đến con người, môi trường và đô thị §4. Nguồn gây tiếng ồn và rung động trong sản xuất	5	3	
2	CHƯƠNG II: MÁY ĐO, PHƯƠNG PHÁP ĐO TIẾNG ỒN VÀ RUNG ĐỘNG §5. Máy đo và phương pháp đo âm thanh và tiếng ồn §6. Tiêu chuẩn mức ồn và đánh giá tiếng ồn §7. Máy đo và phương pháp đo rung động §8. Tiêu chuẩn và đánh giá rung động trong sản xuất	5	3	
	Kiểm tra đến kiến thức đã học			1
3	CHƯƠNG III: BIỆN PHÁP XỬ LÝ TIẾNG ỒN VÀ RUNG ĐỘNG §9. Các biện pháp giảm tiếng ồn §10. Vật liệu và kết cấu hút âm §11. Chống tiếng ồn cho nhà công nghiệp §12. Phòng chống ô nhiễm tiếng ồn cho môi trường §13. Giảm rung, chống rung chủ động và thụ động §14. Tiêu chuẩn chất lượng cách âm §15. Giảm tiếng ồn và rung động của các hệ thống điều hòa không khí §16. Giảm tiếng ồn của hệ thống thông gió	9	4	

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

TS. Nguyễn Đức Diên

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Kỹ thuật Chiếu sáng Công nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Tô Xuân Quỳnh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 0945801989

- Email: toxuanquynh1304@gmail.com

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Hồng Sơn

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 0397911119

- Email: sonnh@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Kỹ thuật chiếu sáng công nghiệp

- Tên (tiếng Anh): Lighting Technology

- Mã học phần: 1018

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20

- Giờ thực hành: 0
- Giờ bài tập/ thuyết trình/thảo luận : 10
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Môn học kỹ thuật chiếu sáng sẽ trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản:

Kiến thức: nắm bắt được các khái niệm cơ bản về chiếu sáng, về các loại đèn sử dụng trong chiếu sáng nội thất và ngoài trời, các đại lượng cơ bản của chiếu sáng. Phân biệt được các kiểu chiếu sáng. Cách phân tích và đánh giá hệ thống chiếu sáng sẵn có.

Kỹ năng: Từ những kiến thức cơ bản trên, sinh viên có thể nghiên cứu và vận dụng tốt vào thực tế: Kiểm tra, phân tích đánh giá các hệ thống chiếu sáng đã có, khắc phục những hệ thống chiếu sáng chưa đạt tiêu chuẩn.

Năng lực tự chủ: Có năng lực tự chủ, khả năng phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra giải pháp tư vấn để đảm bảo cho hệ thống chiếu sáng hoạt động an toàn, hiệu quả.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		LO.3
<i>LO.1.1</i>	Hiểu được các khái niệm cơ bản về chiếu sáng, bước sóng của ánh sáng, đặc điểm, cấu tạo của mắt người	2	LO.4
<i>LO.1.2</i>	Hiểu được các đại lượng cơ bản của chiếu sáng, Hiểu được sự cảm thụ của mắt người đối với chiếu sáng vận dụng giải bài tập, giải thích một số hiện tượng tự nhiên liên quan đến	3	

	chiếu sáng từ những công thức tính toán.		
LO.1.3	Hiểu và vận dụng được cách thiết kế một hệ thống chiếu sáng, nhận xét và đánh giá được hệ thống chiếu sáng sẵn có từ đó đưa ra kết luận, phương pháp cải thiện hệ thống. Từ những phương pháp và các loại đèn có sẵn, sáng tạo cách bố trí đèn sao cho hiệu quả nhất và tiết kiệm nhất.	5	
LO.1.4	Hiểu được các phương pháp chiếu sáng công cộng, các loại đèn sử dụng trong chiếu sáng công cộng. Vận dụng để thiết kế một số công trình công cộng phổ biến	3	
LO.1.5	Hiểu, vận dụng được để thiết kế một hệ thống chiếu sáng đường phố hoàn chỉnh	3	
LO.2	Chuẩn về kỹ năng		LO.5
LO.2.2	Kỹ năng phân biệt được chiếu sáng tự nhiên và chiếu sáng nhân tạo, nhớ được ưu nhược điểm của từng loại chiếu sáng. Phân biệt được các kiểu chiếu sáng nhân tạo. Kỹ năng phân loại các loại đèn chiếu sáng, ưu nhược điểm của từng loại đèn	2	LO.6 LO.7 LO.8
LO.2.3	Kỹ năng đánh giá, thiết kế hệ thống chiếu sáng công nghiệp phù hợp với khảo sát thực tế	5	
LO.2.4	Kỹ năng đánh giá, thiết kế hệ thống chiếu sáng công cộng	5	
LO.2.5	Kỹ năng đánh giá, thiết kế hệ thống chiếu sáng đường phố	5	
LO.3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp		LO.11
LO.3.2	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn để phân tích, lựa chọn các giải pháp chiếu sáng tự nhiên, chiếu sáng nhân tạo	3	LO.12 LO.13
LO.3.3	Có năng lực tự chủ trong việc đánh giá một hệ thống chiếu sáng từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp	5	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chính của học phần này là các kiến thức đại cương về kỹ thuật chiếu sáng công nghiệp: Khái niệm cơ bản về ánh sáng và kỹ thuật ánh sáng, các đại lượng cơ bản dùng trong kỹ thuật; ánh sáng - màu sắc, tác động tâm sinh lý của ánh sáng - màu sắc đến hoạt động thị giác người và ảnh hưởng của chúng; Nguồn sáng (tự nhiên, nhân tạo), thiết bị chiếu sáng sử dụng trong kỹ thuật chiếu sáng; Phương pháp, giải pháp kỹ thuật

tạo lập môi trường ánh sáng tiện nghi.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp đạy&học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng đạy	Hoạt động học của SV		
1	<p>Chương 1: Các khái niệm cơ bản</p> <p>1.1 Tính chất vật lý và sinh học của ánh sáng</p> <p>1.1.1. Bước sóng, ánh sáng và màu sắc</p> <p>1.1.2. Mắt người và sự cảm thụ ánh sáng, màu sắc</p> <p>1.2. Các đại lượng cơ bản về chiếu sáng</p> <p>1.2.1 Quang thông</p> <p>1.2.2 Cường độ sáng</p> <p>1.2.3 Độ rọi</p> <p>1.2.4 Độ chói</p> <p>1.3 Một số vấn đề về cảm thụ ánh sáng và tiện nghi môi trường sáng</p> <p>1.3.1 Đặc điểm sinh lý của sự nhìn</p> <p>1.3.2 Sự chói lóa</p> <p>1.3.3 Độ rọi yêu cầu</p> <p>1.3.4 Nhiệt độ màu</p> <p>1.3.5 Chỉ số hoàn màu</p> <p><i>Bài tập chương I</i></p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Đọc và nghiên cứu tài liệu Làm BT chương 1 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.1	Chương I giáo trình Kỹ thuật chiếu sáng từ trang 5 đến trang 13
	<p>Chương 2:Nguồn sáng nhân tạo</p> <p>2.1 Phân biệt các loại nguồn</p>	Thuyết giảng, giải thích	Đọc và nghiên cứu tài	LO.1.2 LO.2.2	Chương II giáo trình Kỹ thuật chiếu

	<p>sáng và các kiểu chiếu sáng</p> <p>2.2 Các loại đèn chiếu sáng</p> <p>2.2.1 Đèn nung sáng</p> <p>2.2.2 Đèn phóng điện</p> <p>2.2.3 Đèn LED</p> <p>2.2.4 Các loại đèn khác</p> <p>2.3 Các nguyên tắc lựa chọn nguồn sáng</p> <p><i>Bài tập chương 2</i></p>	<p>cụ thể, câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>liệu</p> <p>Làm BT chương 2</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.3.2</i></p>	<p>sáng từ trang 15 đến trang 33</p>
	<p>Chương 3: Thiết kế chiếu sáng nội thất</p> <p>3.1 Các yêu cầu của tính toán thiết kế</p> <p>3.2 Giới thiệu các phương pháp tính toán thiết kế</p> <p>3.3 Nguyên tắc tính toán thiết kế nội thất</p> <p>3.3.1 Chọn độ rọi yêu cầu</p> <p>3.3.2 Chọn kiểu bóng đèn</p> <p>3.3.3 Chọn kiểu đèn và kiểu chiếu sáng</p> <p>3.3.4 Chọn chiều cao treo đèn</p> <p>3.3.5 Bố trí đèn hợp lý</p> <p>3.3.6 Xác định quang thông tổng</p> <p>3.3.7 Xác định số lượng đèn</p> <p>3.3.8 Kiểm tra lại độ rọi</p> <p>Bài tập chương 3</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Làm BT chương 3</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.3</i></p> <p><i>LO.3.3</i></p>	<p>Chương III giáo trình Kỹ thuật chiếu sáng từ trang 35 đến trang 67</p>
	<p>Chương 4: Chiếu sáng công cộng</p> <p>4.1 Các loại đèn pha sử dụng trong chiếu sáng công cộng</p> <p>4.1.1 Cấu tạo và thông số đặc</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề,</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Làm BT chương 3</p>	<p><i>LO.1.4</i></p> <p><i>LO.2.4</i></p>	<p>Chương IV giáo trình Kỹ thuật chiếu sáng từ trang 122 đến trang 141</p>

<p>trung</p> <p>4.1.2 Phân loại đèn pha</p> <p>4.1.3 Một số loại đèn pha</p> <p>4.2 Chiếu sáng bằng đèn pha</p> <p>4.3 Thiết kế chiếu sáng bằng đèn pha</p> <p>4.3.1 Phương pháp sử dụng quang thông</p> <p>4.3.2 Phương pháp độ rọi điểm</p> <p>4.4 Chiếu sáng một số công trình công cộng</p> <p>4.4.1 Các nguyên tắc chung</p> <p>4.4.2 Chiếu sáng sân bóng, sân vận động</p> <p>4.4.3 Chiếu sáng bề bơi ngoài trời.</p> <p>Bài tập chương 4</p>	<p>phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>		
<p>Chương 5: Chiếu sáng đường phố</p> <p>5.1 Các tiêu chuẩn đánh giá chiếu sáng đường phố</p> <p>5.1.1 Độ chói trên mặt đường</p> <p>5.1.2 Độ đồng đều của độ chói trên mặt đường</p> <p>5.1.3 Hạn chế chói lóa mắt tiện nghi</p> <p>5.1.4 Phân cấp và tiêu chuẩn chiếu sáng đường phố</p> <p>5.2 Thiết kế chiếu sáng đường phố</p> <p>5.2.1 Các kiểu bố trí đèn</p> <p>5.2.2 Xác định khoảng cách cực đại giữa các đèn</p> <p>5.2.3 Xác định quang thông yêu cầu của đèn</p> <p>5.2.4 Xác định khoảng cách giữa</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Làm BT chương 3</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.5</i> <i>LO.2.5</i></p>	<p>Chương V giáo trình Kỹ thuật chiếu sáng từ trang 81 đến trang 108</p>

	các đèn				
	Bài tập chương 5				
	<i>Bài kiểm tra (tuần thứ 8) (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước

- Vật lý 1 Mã HP: 1047

- Vật lý 2 Mã HP: 1048

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải có mặt trên lớp không dưới 80% thời gian quy định (với môn học 30 tiết thì sinh viên phải có mặt ít nhất 24 tiết)

- Phải có đủ 1 bài kiểm tra theo quy định

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra/đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra/đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Hình thức đánh giá:*

+ Điểm danh số giờ dự giảng

+ Ý thức xây dựng giờ giảng: chuẩn bị bài, tích cực tham gia đóng góp cho bài giảng, thảo luận nhóm

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%
Điểm trừ	13 lần khiến trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo	25%

	ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	
--	------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------	--

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và	25%

		ảnh rõ ràng		bày	ngôn ngữ	
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Đỗ Như Ý	2019	Kỹ thuật chiếu sáng	NXB Xây dựng

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Phạm Đức Nguyên	2011	Chiếu sáng trong kiến trúc	NXB Khoa học và Kỹ thuật

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

ST T	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bố thời gian		
		L T	T L	K T
1	<p>Chương 1: Các khái niệm cơ bản</p> <p>1.1 Tính chất vật lý và sinh học của ánh sáng</p> <p>1.1.1. Bước sóng, ánh sáng và màu sắc</p> <p>1.1.2. Mắt người và sự cảm thụ ánh sáng, màu sắc</p> <p>1.2. Các đại lượng cơ bản về chiếu sáng</p> <p>1.2.1 Quang thông</p> <p>1.2.2 Cường độ sáng</p> <p>1.2.3 Độ rọi</p> <p>1.2.4 Độ chói</p> <p>1.3 Một số vấn đề về cảm thụ ánh sáng và tiện nghi môi trường sáng</p> <p>1.3.1 Đặc điểm sinh lý của sự nhìn</p> <p>1.3.2 Sự chói lóa</p> <p>1.3.3 Độ rọi yêu cầu</p> <p>1.3.4 Nhiệt độ màu</p> <p>1.3.5 Chỉ số hoàn màu</p> <p><i>Bài tập chương 1</i></p>	4	1	
	<p>Chương 2:Nguồn sáng nhân tạo</p> <p>2.1 Phân biệt các loại nguồn sáng và các kiểu chiếu sáng</p> <p>2.2 Các loại đèn chiếu sáng</p> <p>2.2.1 Đèn nung sáng</p> <p>2.2.2 Đèn phóng điện</p> <p>2.2.3 Đèn LED</p> <p>2.2.4 Các loại đèn khác</p> <p>2.3 Các nguyên tắc lựa chọn nguồn sáng</p> <p><i>Bài tập chương 2</i></p>	3	2	

<p>Chương 3: Thiết kế chiếu sáng nội thất</p> <p>3.1 Các yêu cầu của tính toán thiết kế</p> <p>3.2 Giới thiệu các phương pháp tính toán thiết kế</p> <p>3.3 Nguyên tắc tính toán thiết kế nội thất</p> <p>3.3.1 Chọn độ rọi yêu cầu</p> <p>3.3.2 Chọn kiểu bóng đèn</p> <p>3.3.3 Chọn kiểu đèn và kiểu chiếu sáng</p> <p>3.3.4 Chọn chiều cao treo đèn</p> <p>3.3.5 Bố trí đèn hợp lý</p> <p>3.3.6 Xác định quang thông tổng</p> <p>3.3.7 Xác định số lượng đèn</p> <p>3.3.8 Kiểm tra lại độ rọi</p> <p><i>Bài tập chương 3</i></p>	5	3	
<p>Chương 4: Chiếu sáng công cộng</p> <p>4.1 Các loại đèn pha sử dụng trong chiếu sáng công cộng</p> <p>4.1.1 Cấu tạo và thông số đặc trưng</p> <p>4.1.2 Phân loại đèn pha</p> <p>4.1.3 Một số loại đèn pha</p> <p>4.2 Chiếu sáng bằng đèn pha</p> <p>4.3 Thiết kế chiếu sáng bằng đèn pha</p> <p>4.3.1 Phương pháp sử dụng quang thông</p> <p>4.3.2 Phương pháp độ rọi điểm</p> <p>4.4 Chiếu sáng một số công trình công cộng</p> <p>4.4.1 Các nguyên tắc chung</p> <p>4.4.2 Chiếu sáng sân bóng, sân vận động</p> <p>4.4.3 Chiếu sáng bề bơi ngoài trời.</p> <p><i>Bài tập chương 4</i></p>	4	2	
<p>Chương 5: Chiếu sáng đường phố</p> <p>5.1 Các tiêu chuẩn đánh giá chiếu sáng đường phố</p> <p>5.1.1 Độ chói trên mặt đường</p>	3	2	

	<p>5.1.2 Độ đồng đều của độ chói trên mặt đường</p> <p>5.1.3 Hạn chế chói lóa mắt tiện nghi</p> <p>5.1.4 Phân cấp và tiêu chuẩn chiếu sáng đường phố</p> <p>5.2 Thiết kế chiếu sáng đường phố</p> <p>5.2.1 Các kiểu bố trí đèn</p> <p>5.2.2 Xác định khoảng cách cực đại giữa các đèn</p> <p>5.2.3 Xác định quang thông yêu cầu của đèn</p> <p>5.2.4 Xác định khoảng cách giữa các đèn</p> <p><i>Bài tập chương 5</i></p>			
	<p><i>Bài kiểm tra tuần 8 (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i></p>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TS. Vũ Văn Thú

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

ThS. Tô Xuân Quỳnh

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: **Kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường nước**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: KHOA BẢO HỘ LAO ĐỘNG

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Đỗ Thị Lan Chi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024.38517081-Email: bhld.dhcd@gmail.com

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Tô Xuân Quỳnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024.38517081 - Email: toxuanquynh1304@gmail.com

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường nước
- Tên (tiếng Anh): Water pollution treatment technology
- Mã học phần:

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- | | |
|---------------------------------------|---------------------------------|
| - Giờ lý thuyết: | 20 (bao gồm cả kiểm tra) |
| - Giờ thực hành: | 0 |
| - Giờ bài tập/thảo luận/thuyết trình: | 10 |
| - Giờ báo cáo thực tế: | 0 |
| - Giờ tự học: | 90 |

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: Nắm bắt được những kiến thức về xử lý nước cấp và nước thải. Đối với nước cấp, nắm bắt đầy đủ những kiến thức tổng quan về nguồn nước tự nhiên, các yêu cầu chung về chất lượng nước cấp, các thông số đánh giá chất lượng nước cấp, tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng nước cấp các quá trình xử lý nước cấp và những vấn đề trong lựa chọn công nghệ xử lý nước cấp. Đối với nước thải, nắm bắt những kiến thức về phân loại và đặc điểm của các loại nước thải, các thông số đánh giá nước thải, phân loại các quá trình và phương pháp xử lý nước thải, các công trình xử lý nước thải của một số ngành công nghiệp. Cách phân tích tính toán thiết kế sơ bộ một số công trình xử lý nước thải.

Kỹ năng: Từ những kiến thức cơ bản trên, sinh viên có thể tự nghiên cứu sâu hơn và vận dụng tốt vào thực tế công tác nhằm giám sát, quản lý nước thải tại doanh nghiệp.

Năng lực tự chủ: Có năng lực tự chủ, khả năng phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn để quản lý nước thải tại doanh nghiệp

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Nắm bắt được các kiến thức về nguồn nước tự nhiên, yêu cầu về chất lượng nước cấp, các thông số đánh giá chất lượng nước cấp, tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng nước cấp, nắm được nguyên tắc chọn nguồn nước cấp.	2	LO.3 LO.4
<i>LO.1.2</i>	Nắm bắt, phân tích công nghệ cơ bản trong xử lý nước cấp và các quá trình xử lý nước cấp.	3	
<i>LO.1.3</i>	Nắm bắt được đặc điểm các loại nước thải, các thông số đánh giá nước thải, tiêu chuẩn, quy chuẩn nước thải, tình hình ô nhiễm nước thải hiện nay.	3	
<i>LO.1.4</i>	Nắm bắt, phân tích và tổng hợp phương pháp xử lý nước thải (cơ học, hóa lý, hóa học, sinh học), xử lý bùn cặn	3	
<i>LO.1.5</i>	Nắm bắt, phân tích tính toán sơ bộ công trình xử lý nước thải để quản lý chúng trong cơ sở.	4	

LO.2	Chuẩn về Kỹ năng	4	LO.5
<i>LO.2.5</i>	Kỹ năng phân tích tính toán sơ bộ công trình xử lý nước thải trong cơ sở và quản lý nước thải trong cơ sở		
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp	5	LO.13 LO.16
<i>LO.3.5</i>	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về vấn đề quản lý nước thải trong cơ sở		

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần kỹ thuật và công nghệ xử lý môi trường nước cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về xử lý nước cấp (các thông số đánh giá chất lượng nước cấp, các quy trình xử lý nước cấp) và xử lý nước thải công nghiệp (các thông số đánh giá ô nhiễm nước, các phương pháp xử lý nước thải công nghiệp). Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có khả năng quản lý vấn đề nước thải trong cơ sở và tính toán sơ bộ công trình xử lý nước thải trong cơ sở.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Chương 1. Khái quát chung về xử lý nước cấp 1.1. Nguồn nước và thành phần nước tự nhiên 1.2. Các yêu cầu chung về chất lượng nước cấp 1.3. Các thông số đánh giá chất lượng nước cấp 1.4. Tiêu chuẩn chất lượng nước cấp	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, Phản biện	Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	<i>LO.1.1</i>	Tài liệu số 1 từ trang 1 đến trang 47
2	Chương 2. Các quá trình xử lý nước cấp	Thuyết giảng,	Đọc và nghiên cứu	<i>LO.1.2</i>	Tài liệu số 1 từ trang 1 đến

	<p>2.1. Chọn nguồn nước</p> <p>2.2. Các nguyên tắc chọn công nghệ xử lý nước cấp</p> <p>2.3. Khái quát các quá trình xử lý nước cấp.</p> <p>Làm bài tập chương 2</p>	<p>câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; bài tập, mô phỏng, Thảo luận, Phản biện, Bài tập nhóm, Bài tập cá nhân</p>	<p>cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài Làm bài tập chương 2</p>		<p>trang 36</p>
3	<p>Chương 3. Khái quát về nước thải</p> <p>1.1. Nước tự nhiên và sự ô nhiễm nước</p> <p>1.2. Phân loại và đặc điểm của các loại nước thải</p> <p>1.3. Các thông số đánh giá nước thải</p> <p>1.4 Phương pháp đo và tiêu chuẩn, quy chuẩn nước thải</p> <p>1.5 Khái quát tình hình ô nhiễm nước thải ở các cơ sở sản xuất ở Việt Nam</p>	<p>Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; bài tập, mô phỏng, Thảo luận, Phản biện, Bài tập nhóm, Bài tập cá nhân</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<i>LO.1.3</i>	<p>Tài liệu số 1 từ trang 48 đến trang 514</p>
4	<p>Chương 4. Xử lý nước thải công nghiệp</p> <p>2.1. Phân loại các quá trình và phương pháp xử lý nước thải</p> <p>2.2. Làm sạch nước thải bằng</p>	<p>Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, giải quyết</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham</p>	<i>LO.1.4</i>	<p>Tài liệu số 1 từ trang 227 đến trang 282</p>

	<p>các phương pháp cơ học</p> <p>2.3. Xử lý nước thải bằng phương pháp hoá lý</p> <p>2.4. Xử lý nước thải bằng phương pháp hoá học</p> <p>2.5. Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học</p> <p>2.6 Xử lý bùn cặn</p> <p>Bài tập chương 4</p>	<p>vấn đề; bài tập, mô phỏng, Thảo luận, Phản biện, Bài tập nhóm, Bài tập cá nhân</p>	<p>gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p> <p>Làm bài tập</p> <p>chương 4</p>		
	<p>Chương 5. Các công trình xử lý nước thải của một số ngành công nghiệp</p> <p>3.1. Phương pháp tiếp cận giải quyết vấn đề nước thải công nghiệp</p> <p>3.2. Nghiên cứu khả thi về xử lý nước thải</p> <p>3.3. Ví dụ một số bài toán và công trình xử lý nước thải</p> <p>Bài tập chương 5</p>	<p>Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; bài tập, mô phỏng, Thảo luận, Phản biện, Bài tập nhóm, Bài tập cá nhân</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p> <p>Làm bài tập</p> <p>chương 5</p>	<p>LO.1.5</p> <p>LO.2.5</p> <p>LO.3.5</p>	
7	<p><i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i></p>				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Môi trường và phát triển

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp hoặc nơi thực hành, thực tập không dưới 80% thời gian quy

định của học phần đó.

- Phải dự đủ 1 bài kiểm tra theo quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- **Mục đích:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- **Hình thức đánh giá:**

+ Điểm danh số giờ dự giảng

+ Ý thức tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần (Mục 10.5)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

- **Hình thức đánh giá:** Bài kiểm tra viết trên lớp (1 giờ) hoặc trực tiếp giải bài tập và thuyết trình trước lớp.

- **Tiêu chí đánh giá:**theo đáp án của bài kiểm tra hoặc Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình (Mục 10.5)

10.3. Thi cuối kỳ:(Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả học phần của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết: trắc nghiệm, tự luận (90 phút). Đề thi theo ma trận đề thi.

- **Tiêu chí đánh giá:**Theo đáp án của ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần						
		LO1.1	LO1.2	LO1.3	LO1.4	LO.1.5	LO2.5	LO3.5
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X				

3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)		X		X	X	X	X
---	----------------------------------	--	---	--	---	---	---	---

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thuyết trình

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung	Nội dung phù	Nội dung phù hợp với yêu	Nội dung phù hợp với yêu cầu,	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn	50%

	hoặc nội dung không phù hợp	hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	câu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày	25%

	đúng, phát âm không rõ.	phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	đúng quy định	
--	-------------------------------------	--------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------	---------------	--

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Trịnh Xuân Lai	2018	Xử lý nước cấp cho sinh hoạt và công nghiệp	NXB Xây dựng

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo: không

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Trịnh Lê Hùng	2012	Kỹ thuật xử lý nước thải	NXB Giáo dục Việt Nam

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT/TL/TT = Bài tập/Thảo luận/Thuyết trình, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT/TL/TT	KT
1	Chương 1. Khái quát chung 1.1. Nguồn nước và thành phần nước tự nhiên 1.2. Các yêu cầu chung về chất lượng nước cấp 1.3. Các thông số đánh giá chất lượng nước cấp 1.4. Tiêu chuẩn chất lượng nước cấp	2	1	
2	Chương 2. Các quá trình xử lý nước cấp 2.1. Chọn nguồn nước 2.2. Các nguyên tắc chọn công nghệ xử lý nước cấp 2.3. Khái quát các quá trình xử lý nước cấp	4	2	

3	<p>Chương 1. Khái quát về nước thải</p> <p>1.1. Nước tự nhiên và sự ô nhiễm nước</p> <p>1.2. Phân loại và đặc điểm của các loại nước thải</p> <p>1.3. Các thông số đánh giá nước thải</p> <p>1.4. Phương pháp đo và tiêu chuẩn, quy chuẩn nước thải</p> <p>1.5. Khái quát tình hình ô nhiễm nước thải ở các cơ sở sản xuất ở Việt Nam</p>	5	1	
4	<p>Chương 2. Xử lý nước thải công nghiệp</p> <p>2.1. Phân loại các quá trình và phương pháp xử lý nước thải</p> <p>2.2. Làm sạch nước thải bằng các phương pháp cơ học</p> <p>2.3. Xử lý nước thải bằng phương pháp hoá lý</p> <p>2.4. Xử lý nước thải bằng phương pháp hoá học</p> <p>2.5. Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học</p> <p>2.6. Xử lý bùn cặn</p>	6	2	
	<p>Chương 3. Các công trình xử lý nước thải của một số ngành công nghiệp</p> <p>3.1. Phương pháp tiếp cận giải quyết vấn đề nước thải công nghiệp</p> <p>3.2. Nghiên cứu khả thi về xử lý nước thải</p> <p>3.3. Ví dụ một số bài toán và công trình xử lý nước thải</p>	3	3	
5	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

TS. Đỗ Thị Lan Chi

Kiến thức: Nắm bắt các kiến thức về vi khí hậu, áp dụng phân tích, đánh giá được các tác động của vi khí hậu tới người lao động và áp dụng được những biện pháp cần thiết để giảm tác động của điều kiện vi khí hậu xấu, cải thiện điều kiện môi trường lao động.

Kỹ năng: Từ những kiến thức cơ bản trên, sinh viên có thể tự nghiên cứu sâu hơn và **vận dụng** tốt vào thực tế công tác: tổ chức tập huấn, huấn luyện, giáo dục, tuyên truyền về cải thiện điều kiện vi khí hậu. Giám sát, phân tích, đánh giá, đo đạc các yếu tố vi khí hậu đảm bảo điều kiện vi khí hậu tại nơi làm việc.

Năng lực tự chủ: Có năng lực tự chủ, khả năng phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn cải thiện điều kiện vi khí hậu.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Vận dụng những kiến thức đã học phân tích được những ảnh hưởng của môi trường không khí tới con người và sản xuất.	3	LO.3 LO.4
<i>LO.1.2</i>	Vận dụng kiến thức vật lý của không khí ẩm (độ ẩm tuyệt đối, độ ẩm tương đối, dung ẩm, nhiệt dung), tính trao đổi nhiệt ẩm bên trong công trình	3	
<i>LO.1.3</i>	Vận dụng kiến thức để thiết lập các sơ đồ thông gió phù hợp	3	
<i>LO.1.4</i>	Vận dụng kiến thức để mô tả được kết cấu của một hệ thống thông gió	3	
<i>LO.1.5</i>	Vận dụng kiến thức để thiết lập và mô tả một hệ thống hút khí thải cục bộ	3	
<i>LO.1.6</i>	Vận dụng kiến thức để phân tích lựa chọn thiết bị xử lý khí thải phù hợp	3	

LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.4</i>	Vận dụng các kỹ năng đã học để lập kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động của hệ thống thông gió	3	LO.5 LO.6
<i>LO.2.6</i>	Vận dụng các kỹ năng đã học để lập kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động của hệ thống thiết bị xử lý khí thải.	3	LO.7 LO.8
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.4</i>	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức theo dõi, giám sát đánh giá hoạt động của hệ thống thông gió	3	LO.11 LO.12 LO.15
<i>LO.3.5</i>	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức theo dõi, giám sát đánh giá hoạt động của hệ thống hút khí thải cục bộ.	3	LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về: đặc tính của không khí và mối liên quan giữa môi trường không khí với con người và sản xuất. Các cơ sở khí động của việc tổ chức thông gió trong phòng và kết cấu của một hệ thống thông gió, kết cấu của một hệ thống hút cục bộ. Các phương pháp làm sạch khí thải khỏi các khí độc hại và giới thiệu cấu tạo của một số thiết bị

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Chương 1. Khái niệm chung 1.1. Không khí và những đặc tính của nó. 1.2. Biểu đồ I-d của không khí ẩm.	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở,	Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát	<i>LO.1.1</i>	Chương 1 của tài liệu 1 Chương 1 của tài liệu 2

	<p>1.3. Biểu đồ nhiệt độ hiệu quả tương đương.</p> <p>1.4. Tác động của môi trường không khí đến cơ thể con người.</p> <p>1.5. Ảnh hưởng của môi trường không khí trong sản xuất.</p> <p>Bài tập chương 1.</p>	Giải bài tập, giao bài tập về nhà	biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài.		
2	<p>Chương 2. Tính toán trao đổi nhiệt cho công trình.</p> <p>2.1. Sự cân bằng nhiệt trong công trình</p> <p>2.2. Nhiệt độ tính toán của không khí bên ngoài và bên trong phòng.</p> <p>2.3. Tính toán lượng nhiệt xâm nhập vào công trình.</p> <p>2.4. Tính toán lượng nhiệt tiêu hao trong công trình</p> <p>Bài tập chương 2</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, giải bài tập, giao bài về nhà	Đọc và nghiên cứu tài liệu Làm bài tập chương 2 Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.2	Chương 2 tài liệu 1
3	<p>Chương 3. Cơ sở khí động lực của việc tổ chức thông gió trong công trình.</p> <p>3.1. Khái niệm chung</p> <p>3.2. Quy luật chuyển động của không khí quanh miệng thổi.</p> <p>3.3. Quy luật chuyển động của không khí quanh miệng hút.</p> <p>3.4. Ảnh hưởng của vị trí miệng thổi và hút đến chuyển động của không khí trong phòng được thông gió.</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, giải quyết vấn đề.	Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.3	Chương 5 tài liệu 1. Chương 2 tài liệu 2.
4	<p>Chương 4. Kết cấu của hệ thống thông gió.</p>	Thuyết giảng,	Đọc và nghiên cứu tài	LO.1.4 LO.2.4	Chương 6 tài liệu 1

	<p>4.1. Những nguyên tắc cơ bản bố trí hệ thống thông gió.</p> <p>4.2. Những thiết bị chính của Hệ thống thông gió.</p> <p>4.3. Cấu tạo của những bộ phận riêng biệt trong hệ thống thông gió</p>	giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận.	liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thảo luận nhóm.	<i>LO.3.4</i>	Chương 4 tài liệu 2.
5	<p>Chương 5. Hệ thống hút khí thải cục</p> <p>5.1. Khái niệm chung.</p> <p>5.2. Tủ hút khí và hơi độc</p> <p>5.3. Những chụp hút bên cạnh nguồn độc hại.</p> <p>5.4. Những chụp hút cục bộ để thu gom bụi</p> <p>5.6. Hoa sen không khí</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận.	Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thảo luận nhóm.	<i>LO.1.5</i> <i>LO.3.5</i>	Chương 10 tài liệu 1 Chương 7 tài liệu 2.
6	<p>Chương 6. Làm sạch khí thải khỏi bụi và các khí độc hại.</p> <p>6.1. Khái niệm chung</p> <p>6.2. Phân loại thiết bị khử bụi và đặc tính hoạt động của chúng.</p> <p>6.3. Một số thiết bị lọc bụi.</p> <p>6.4. Làm sạch khí thải bằng phương pháp hấp thụ.</p> <p>6.5. Làm sạch khí thải bằng phương pháp hấp phụ.</p> <p>6.6. Thiết bị làm sạch khí thải bằng trao đổi ion</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận.	Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thảo luận nhóm.	<i>LO.1.6</i> <i>LO.2.6</i>	Chương 11 tài liệu 1 Chương 12 tài liệu 1 Chương 13 tài liệu 1.

	6.7. Một số phương pháp xử lý khí thải.				
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước:

- Môi trường và phát triển bền vững Mã HP: 1027
- Vật lý 2 Mã HP: 1043

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp không dưới 80% thời gian quy định của học phần đó.
- Phải dự đủ 1 bài kiểm tra theo quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- **Mục đích:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các kiến thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học, có ý thức chấp hành kỷ luật của lớp học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- **Hình thức đánh giá:**

- + Điểm danh số giờ dự giảng
- + Ý thức tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần (10.5)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)
- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

- **Hình thức đánh giá:** Bài kiểm tra viết trên lớp (1 giờ).

- **Tiêu chí đánh giá:**theo đáp án của bài kiểm tra

10.3. Thi cuối kỳ:(Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết: tự luận (90 phút). Đề thi theo ma trận đề thi.

- **Tiêu chí đánh giá:** Theo đáp án của ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần										
		LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 1.4	LO 1.5	LO 1.6	LO 2.4	LO 2.6	LO 3.4	LO 3.5	
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X	X	X		X		X	X	
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	60%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	40%

Điểm trừ	14 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)
-----------------	---------------------------------------------------------------------------

- **Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Nguyễn Duy Động	2017	Thông gió và kỹ thuật xử lý khí thải.	NXB Giáo dục Việt Nam.

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
2	Trần Ngọc Chân	2013	Kỹ thuật thông gió	NXB Xây dựng

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT/TL/TT = Bài tập/Thảo luận/Thuyết trình, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT/TL/TT	KT

1	<p>Chương 1. Khái niệm chung</p> <p>1.1. Không khí và những đặc tính của nó.</p> <p>1.2. Biểu đồ I-d của không khí ẩm.</p> <p>1.3. Biểu đồ nhiệt độ hiệu quả tương đương.</p> <p>1.4. Tác động của môi trường không khí đến cơ thể con người.</p> <p>1.5. Ảnh hưởng của môi trường không khí trong sản xuất.</p> <p>Bài tập chương 1.</p>	3	1	
2	<p>Chương 2. Tính toán trao đổi nhiệt cho công trình.</p> <p>2.1. Sự cân bằng nhiệt trong công trình</p> <p>2.2. Nhiệt độ tính toán của không khí bên ngoài và bên trong phòng.</p> <p>2.3. Tính toán lượng nhiệt xâm nhập vào công trình.</p> <p>2.4. Tính toán lượng nhiệt tiêu hao trong công trình</p> <p>Bài tập chương 2</p>	3	2	
3	<p>Chương 3. Cơ sở khí động lực của việc tổ chức thông gió trong công trình.</p> <p>3.1. Khái niệm chung</p> <p>3.2. Quy luật chuyển động của không khí quanh miệng thổi.</p> <p>3.3. Quy luật chuyển động của không khí quanh miệng hút.</p> <p>3.4. Ảnh hưởng của vị trí miệng thổi và hút đến chuyển động của không khí trong phòng được thông gió.</p>	2		
4	<p>Chương 4. Kết cấu của hệ thống thông gió.</p> <p>4.1. Những nguyên tắc cơ bản bố trí hệ thống thông gió.</p> <p>4.2. Những thiết bị chính của Hệ thống thông gió.</p> <p>4.3. Cấu tạo của những bộ phận riêng biệt trong hệ thống thông gió</p>	5	1	
5	<p>Chương 5. Hệ thống hút khí thải cục</p>	3	1	

	<p>5.1. Khái niệm chung.</p> <p>5.2. Tủ hút khí và hơi độc</p> <p>5.3. Những chụp hút bên cạnh nguồn độc hại.</p> <p>5.4. Những chụp hút cục bộ để thu gom bụi</p> <p>5.6. Hoa sen không khí</p>			
6	<p>Chương 6. Làm sạch khí thải khỏi bụi và các khí độc hại.</p> <p>6.1. Khái niệm chung</p> <p>6.2. Phân loại thiết bị khử bụi và đặc tính hoạt động của chúng.</p> <p>6.3. Một số thiết bị lọc bụi.</p> <p>6.4. Làm sạch khí thải bằng phương pháp hấp thụ.</p> <p>6.5. Làm sạch khí thải bằng phương pháp hấp phụ.</p> <p>6.6. Thiết bị làm sạch khí thải bằng trao đổi ion</p> <p>6.7. Một số phương pháp xử lý khí thải.</p>	6	2	
	<i>Bài kiểm tra (tuần 8)</i>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

ThS. Nguyễn Thị Tuyền

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: KHOA BẢO HỘ LAO ĐỘNG

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Đỗ Thị Lan Chi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024.38517081 -Email: bhld.dhcd@gmail.com

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Vũ Văn Thú
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024.38517081 - Email: thu290771@gmail.com

3. Tên học phần

- **Tên (tiếng Việt):** Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn
- **Tên (tiếng Anh):** Fire prevention, fighting and rescue
- **Mã học phần:** ...

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- | | |
|---------------------------------------|---------------------------------|
| - Giờ lý thuyết: | 20 (bao gồm cả kiểm tra) |
| - Giờ thực hành: | 0 |
| - Giờ bài tập/thảo luận/thuyết trình: | 10 |
| - Giờ báo cáo thực tế: | 0 |
| - Giờ tự học: | 90 |

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: Nắm bắt được những kiến thức chung nhất về phòng cháy chữa cháy: đám cháy, các phương pháp cơ bản dập tắt đám cháy, các phương tiện chữa cháy, những vấn đề cơ bản về hoạt động cứu nạn cứu hộ của lực lượng phòng cháy chữa cháy, phòng cháy trong cơ sở, đánh giá nguy cơ cháy nổ tại cơ sở nhằm có kỹ năng để quản lý phòng cháy và chữa cháy trong cơ sở.

Kỹ năng: Từ những kiến thức cơ bản trên, sinh viên có thể tự nghiên cứu sâu hơn và vận dụng tốt vào thực tế công tác đảm bảo quản lý an toàn phòng cháy chữa cháy tại cơ sở.

Năng lực tự chủ: Có năng lực tự chủ, khả năng phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn để quản lý, điều hành và giám sát hoạt động đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy tại cơ sở.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
LO.1.1	Nắm bắt những kiến thức chung nhất về cháy nổ như khái niệm, nguyên nhân, sản phẩm cháy..	2	LO.3 LO.4
LO.1.2	Nắm bắt những kiến thức về đám cháy, các phương pháp cơ bản dập tắt đám cháy, các phương tiện chữa cháy.	4	
LO.1.3	Nắm bắt, phân tích và tổng hợp những vấn đề về phòng cháy trong cơ sở: phân loại cơ sở, hồ sơ cần thiết về pccc trong cơ sở.	4	
LO.1.4	Nắm bắt, phân tích và tổng hợp những vấn đề cơ bản về hoạt động cứu nạn cứu hộ của lực lượng phòng cháy chữa cháy	4	
LO.1.5	Phân tích và tổng hợp những khả năng đánh giá nguy cơ cháy nổ tại cơ sở.		
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		

LO.2.2	Kỹ năng xử lý tình huống cháy	4	LO.5 LO.6 LO.7 LO.8
LO.2.3	Kỹ năng phân tích và xử lý một số tình huống cháy	4	
LO.2.5	Kỹ năng đánh giá nguy cơ cháy nổ tại cơ sở	4	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.2	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về vấn đề đảm bảo an toàn cháy nổ tại cơ sở	5	LO.13 LO.14 LO.16
LO.3.3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về quản lý phòng cháy chữa cháy trong cơ sở	5	
LO.3.5	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về đánh giá an toàn cháy	5	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung nhất về phòng cháy chữa cháy. Qua đó, người học nắm được các kiến thức về đám cháy, các phương pháp cơ bản dập tắt đám cháy, các phương tiện chữa cháy, những vấn đề cơ bản về hoạt động cứu nạn cứu hộ của lực lượng phòng cháy chữa cháy. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học những kiến thức về phòng cháy trong cơ sở nhằm giúp cho người học có được những kỹ năng để quản lý phòng cháy và chữa cháy trong cơ sở. Học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung nhất về đánh giá nguy cơ cháy nổ tại cơ sở.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Chương 1: Một số vấn đề chung liên quan đến cháy nổ 1.1 Sự cháy 1.1.1 Khái niệm	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở,	Đọc và nghiên cứu tài liệu	LO.1.1	Tài liệu số 1 từ trang 1 đến trang 351

	<p>1.1.2 Những yếu tố và điều kiện cần thiết cho sự cháy</p> <p>1.1.3 Đặc điểm cháy nổ của các chất cháy</p> <p>1.1.4 Sản phẩm cháy</p> <p>1.2 Sự nổ</p> <p>1.2.1 Khái niệm và Phân loại</p> <p>1.2.2 Những đại lượng đặc trưng cho sự nổ</p> <p>1.2.3 Đặc điểm của nổ</p> <p>1.3 Vật liệu xây dựng</p> <p>1.3.1 Khái niệm</p> <p>1.3.2 Tính nguy hiểm cháy của vật liệu xây dựng</p> <p>1.3.3 Cấu kiện xây dựng</p> <p>1.4 Nguyên nhân gây cháy nổ</p> <p>1.4.1 Do công nghệ, thiết bị, máy móc</p> <p>1.4.2 Do tác động của thiên nhiên</p> <p>1.4.3 Do con người</p> <p>Khác</p>	thảo luận, Phản biện	Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài		
2	<p>Chương 2: Những vấn đề cơ bản dập tắt đám cháy</p> <p>2.1 Đám cháy</p> <p>2.1.1 Khái niệm</p> <p>2.1.2 Phân loại</p> <p>2.2 Những phương pháp cơ bản dập tắt đám cháy</p> <p>2.2.1 Nguyên lý chữa cháy</p> <p>2.2.2 Những phương pháp chữa cháy cơ bản</p> <p>2.3 Phương tiện chữa cháy</p> <p>2.3.1 Chất chữa cháy</p> <p>2.3.2 Thiết bị chữa cháy</p> <p>Những nguyên tắc và thao tác</p>	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề; bài tập, mô phỏng, Thảo luận, Phản biện, Bài tập nhóm,	Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài Làm bài tập	LO.1.2 LO.2.2 LO.3.2	Tài liệu số 2 từ trang 6 đến trang 486

	cơ bản khi có cháy xảy ra	Bài tập cá nhân	chương 2		
3	<p>Chương 3: Các biện pháp phòng cháy cơ bản trong cơ sở</p> <p>3.1 Khái niệm</p> <p>3.2 Các nội dung và yêu cầu cơ bản của phòng cháy đối với cơ sở</p> <p>3.3 Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy</p> <p>3.4 Quản lý phòng cháy chữa cháy trong cơ sở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng phòng cháy chữa cháy trong cơ sở - Nội quy phòng cháy chữa cháy - Sơ đồ chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy - Biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn trong lĩnh vực PCCC - Phương án chữa cháy 	<p>Thuyết giảng, câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề; bài tập, mô phỏng, Thảo luận, Phản biện, Bài tập nhóm, Bài tập cá nhân</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài Làm bài tập chương 3</p>	<p><i>LO.1.3</i> <i>LO.2.3</i> <i>LO.3.3</i></p>	<p>Tài liệu số 3 từ trang 7 đến trang 77</p> <p>Tài liệu số 4</p>
4	<p>Chương 4: Những vấn đề cơ bản trong cứu nạn cứu hộ</p> <p>4.1 Một số khái niệm</p> <p>4.2 Nguyên tắc và phạm vi hoạt động cứu nạn, cứu hộ</p> <p>4.3 Phương án, kế hoạch cứu nạn, cứu hộ</p> <p>4.4 Lực lượng, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ</p> <p>4.5 Đảm bảo điều kiện cho công tác cứu nạn cứu hộ</p>	<p>Thuyết giảng, câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề; bài tập, mô phỏng, Thảo luận, Phản biện, Bài tập nhóm, Bài tập cá nhân</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài Làm bài tập chương</p>	<p><i>LO.1.4</i></p>	<p>Tài liệu số 2 từ trang 319 đến trang 483</p> <p>Tài liệu số 3</p>

		nhân	2		
	<p>Chương 5: Đánh giá nguy cơ cháy nổ tại cơ sở</p> <p>4.1 Phân tích những nguyên nhân dẫn đến cháy nổ</p> <p>4.2 Xác định tính chất và số lượng chất cháy</p> <p>4.3 Xác định môi trường nguy hiểm cháy nổ</p> <p>4.4 Xác định khả năng xuất hiện các nguồn nhiệt gây cháy</p> <p>4.5 Xác định khả năng cháy lan</p> <p>4.6 Đề xuất các biện pháp phòng ngừa</p>	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, Phản biện	Đọc và nghiên cứu tài liệu Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.5 LO.2.5 LO.3.5	Tài liệu số 3 từ trang 7 đến trang 77
7	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Không yêu cầu

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp hoặc nơi thực hành, thực tập không dưới 80% thời gian quy định của học phần đó.

- Phải dự đủ 1 bài kiểm tra theo quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- **Mục đích:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- **Hình thức đánh giá:**

+ Điểm danh số giờ dự giảng

+ Ý thức tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần (Mục 10.5)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)
- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kĩ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.
- **Hình thức đánh giá:** Bài kiểm tra viết trên lớp (1 giờ) hoặc trực tiếp giải bài tập và thuyết trình trước lớp.
- **Tiêu chí đánh giá:** theo đáp án của bài kiểm tra hoặc **Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình (Mục 10.5)**

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kĩ năng thu được của cả học phần của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.
- **Hình thức đánh giá:** Thi viết: trắc nghiệm, tự luận (90 phút). Đề thi theo ma trận đề thi.
- **Tiêu chí đánh giá:** Theo đáp án của ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần										
		LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 1.4	LO 1.5	LO 2.2	LO 2.3	LO 2.5	LO 3.2	LO 3.3	LO 3.5
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X	X			X			X		
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)			X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thuyết trình

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	

Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%

Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Đại học phòng cháy chữa cháy	2004	Giáo trình lý thuyết quá trình cháy	NXB Khoa học và kỹ thuật
2	Đại học phòng cháy chữa cháy	2006	Giáo trình những vấn đề cơ bản của chiến thuật chữa cháy	NXB Khoa học và kỹ thuật

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo: không

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Đại học phòng cháy chữa cháy	2009	Giáo trình Phòng cháy một số cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ	NXB Giao thông vận tải
2	Đại học phòng cháy chữa cháy	2004	Giáo trình Xử lý vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy	NXB Khoa học và kỹ thuật

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT/TL/TT = Bài tập/Thảo luận/Thuyết trình, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT/TL/TT	KT
	Chương 1: Một số vấn đề chung liên quan đến cháy nổ 1.5 Sự cháy 1.5.1 Khái niệm 1.5.2 Những yếu tố và điều kiện cần thiết cho sự cháy 1.5.3 Đặc điểm cháy nổ của các chất cháy 1.5.4 Sản phẩm cháy 1.6 Sự nổ 1.6.1 Khái niệm và Phân loại 1.6.2 Những đại lượng đặc trưng cho sự nổ 1.6.3 Đặc điểm của nổ	4	1	

<p>1.7 Vật liệu xây dựng</p> <p>1.7.1 Khái niệm</p> <p>1.7.2 Tính nguy hiểm cháy của vật liệu xây dựng</p> <p>1.7.3 Cấu kiện xây dựng</p> <p>1.8 Nguyên nhân gây cháy nổ</p> <p>1.8.1 Do công nghệ, thiết bị, máy móc</p> <p>1.8.2 Do tác động của thiên nhiên</p> <p>1.8.3 Do con người</p> <p>Khác</p>			
<p>Chương 2: Những vấn đề cơ bản dập tắt đám cháy</p> <p>2.4 Đám cháy</p> <p>2.4.1 Khái niệm</p> <p>2.4.2 Phân loại</p> <p>2.5 Những phương pháp cơ bản dập tắt đám cháy</p> <p>2.5.1 Nguyên lý chữa cháy</p> <p>2.5.2 Những phương pháp chữa cháy cơ bản</p> <p>2.6 Phương tiện chữa cháy</p> <p>2.6.1 Chất chữa cháy</p> <p>2.6.2 Thiết bị chữa cháy</p> <p>Những nguyên tắc và thao tác cơ bản khi có cháy xảy ra</p>	4	2	
<p>Chương 3: Các biện pháp phòng cháy cơ bản trong cơ sở</p> <p>3.1 Khái niệm</p> <p>3.2 Các nội dung và yêu cầu cơ bản của phòng cháy đối với cơ sở</p> <p>3.3 Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy</p> <p>3.4 Quản lý phòng cháy chữa cháy trong cơ sở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng phòng cháy chữa cháy trong cơ sở - Nội quy phòng cháy chữa cháy - Sơ đồ chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy - Biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn trong lĩnh vực PCCC - Phương án chữa cháy 	4	2	
<p>Chương 4: Những vấn đề cơ bản trong cứu nạn cứu hộ</p> <p>4.1 Một số khái niệm</p> <p>4.2 Nguyên tắc và phạm vi hoạt động cứu nạn, cứu hộ</p>	4	2	

4.3 Phương án, kế hoạch cứu nạn, cứu hộ 4.4 Lực lượng, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ 4.5 Đảm bảo điều kiện cho công tác cứu nạn cứu hộ			
Chương 5: Đánh giá nguy cơ cháy nổ tại cơ sở 4.1 Phân tích những nguyên nhân dẫn đến cháy nổ 4.2 Xác định tính chất và số lượng chất cháy 4.3 Xác định môi trường nguy hiểm cháy nổ 4.4 Xác định khả năng xuất hiện các nguồn nhiệt gây cháy 4.5 Xác định khả năng cháy lan 4.6 Đề xuất các biện pháp phòng ngừa	4	2	
<i>Bài kiểm tra (Tuần 8)</i>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

TS. Đỗ Thị Lan Chi

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên: các quy định pháp luật và tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động và quản lý an toàn, các biện pháp cụ thể trong quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong xây dựng.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Phân tích, tổng hợp được những kiến thức về kỹ thuật an toàn khi sử dụng máy, thiết bị thi công xây dựng để giám sát, hướng dẫn người lao động vận hành.	4	LO.3 LO.4
<i>LO.1.2</i>	Nắm bắt và vận dụng được những kiến thức về kỹ thuật an toàn trong thi công xây dựng để giám sát thực hiện công việc, đảm bảo an toàn.	3	
<i>LO.1.3</i>	Nắm bắt và vận dụng được những kiến thức về kỹ thuật an toàn trong thi công lắp ghép để giám sát thực hiện công việc, đảm bảo an toàn.	3	
<i>LO.1.4</i>	Phân tích tổng hợp được những kiến thức về an toàn trong đi lại, leo trèo làm việc, bị rơi và ngã cao để đảm bảo an toàn trong công tác làm việc trên cao.	3	
<i>LO.1.5</i>	Phân tích và tổng hợp được những kiến thức về an toàn lao động và vệ sinh lao động trên công trường để đảm bảo an toàn trong tổ chức thi công và vệ sinh trên công trường	4	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Phân tích, tổng hợp đánh giá những rủi ro cho hoạt động vận hành máy, thiết bị thi công học để hướng dẫn, giám sát, kiểm tra hoạt động vận hành máy, thiết bị thi công	4	LO.5 LO.6 LO.7
<i>LO2.2</i>	Vận dụng kỹ năng đã học để phân tích rủi ro trong hoạt	3	

	động thi công xây dựng,		LO.8
<i>LO2.3</i>	Vận dụng kỹ năng đã học để phân tích rủi ro trong hoạt động thi công lắp ghép.	3	
<i>LO.2.4</i>	Phân tích, tổng hợp đánh giá hoạt động làm việc trên cao để hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, huấn luyện người lao động đảm bảo an toàn với các họa động làm việc trên cao.	4	
<i>LO.2.5</i>	Phân tích, tổng hợp đánh giá kế hoạch xây dựng, tiến độ thi công và vệ sinh lao động trên công trường, quản lý tổng hợp về vấn đề an toàn lao động cho các hoạt động tổ chức thi công trên công trường.	4	
LO.3	Chuẩn về năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Có khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm trong hướng dẫn, giám sát hoạt động sử dụng máy thiết bị trong thi công xây dựng	4	LO.11 LO.12 LO.13 LO.14 LO.15 LO.16
<i>LO3.2</i>	Có khả năng giám sát hoạt động thi công xây dựng đảm bảo an toàn	3	
<i>LO3.3</i>	Có khả năng giám sát hoạt động khi thi công lắp ghép	3	
<i>LO.3.4</i>	Có khả năng chủ động, độc lập, chịu trách nhiệm trong việc hướng dẫn, giám sát hoạt động làm việc trên cao	4	
<i>LO.3.5</i>	Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát đánh giá việc lập tiến độ và tổ chức thi công đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về: an toàn trong vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng, an toàn trong thi công, lắp ghép. An toàn trong đi lại, leo trèo làm việc, bị vật rơi và ngã cao.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản	Phương pháp dạy&học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/
		Phương pháp	Hoạt động		Tài liệu tham khảo
	theo chương, mục (đến 3 chữ số)				

		giảng dạy	học của SV		
1	<p>Chương 1: Kỹ thuật an toàn khi sử dụng máy thiết bị thi công xây dựng.</p> <p>1.1. Kỹ thuật an toàn khi sử dụng máy, thiết bị thi công xây dựng.</p> <p>1.2. Kỹ thuật an toàn đối với một số chi tiết, cơ cấu quan trọng của thiết bị nâng.</p> <p>1.3. Kỹ thuật an toàn sử dụng tời.</p> <p>1.4. Lắp đặt và sử dụng máy, thiết bị nâng.</p> <p>1.5. Yêu cầu về an toàn khi vận hành và sửa chữa thiết bị nâng.</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận,</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thảo luận nhóm, thuyết trình.</p>	<p><i>.LO1.1</i></p> <p><i>LO2.1</i></p> <p><i>LO3.1</i></p>	<p>Chương 3 tài liệu 1</p> <p>Chương 20 tài liệu 2</p>
2	<p>Chương 2: Kỹ thuật an toàn trong thi công xây dựng</p> <p>2.1. Kỹ thuật an toàn thi công bê tông, bê tông cốt thép.</p> <p>2.2. Kỹ thuật an toàn thi công phần hoàn thiện công trình.</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia phát biểu, xây dựng bài, thảo luận nhóm.</p>	<p>LO1.2</p> <p>LO2.2</p> <p>LO3.2</p>	<p>Chương 6 tài liệu 1</p>
3	<p>Chương 3: Kỹ thuật an toàn trong thi công lắp ghép.</p> <p>3.1. Nguyên nhân gây tai nạn trong công tác lắp ghép.</p> <p>3.2. Các biện pháp phòng ngừa trong lắp ghép</p> <p>3.3. Kỹ thuật an toàn trong lắp ghép</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận.</p>	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi</p>	<p>LO1.3</p> <p>LO2.3</p> <p>LO3.3</p>	<p>Chương 7 tài liệu 1</p> <p>Chương 12 tài liệu 2</p>

	3.4. Lắp ghép nhà tắm lớn.		ý kiến,		
4	<p>Chương 4: An toàn trong đi lại, leo trèo làm việc, bị vật rơi và ngã cao.</p> <p>4.1. Các dạng tai nạn và nguyên nhân</p> <p>4.2. Các biện pháp phòng ngừa ngã cao khi làm việc trên cao.</p> <p>4.3. Biện pháp kỹ thuật phòng ngừa ngã cao ở một số dạng công tác trong thi công</p> <p>4.4. Tiêu chuẩn an toàn bề mặt đường đi bộ trong công trường.</p> <p>4.5. Bị vật rơi khi làm việc</p> <p>4.6. Phương tiện bảo vệ rơi.</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận,	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia phát biểu, thảo luận nhóm, thuyết trình.</p>	<p>LO1.4</p> <p>LO2.4</p> <p>LO3.4</p>	<p>Chương 8 tài liệu 1</p> <p>Chương 12 tài liệu 2</p>
5	<p>Chương 5: An toàn lao động và vệ sinh môi trường.</p> <p>5.1. Yêu cầu an toàn lao động trong thiết kế tổ chức thi công xây dựng.</p> <p>5.2. An toàn lao động khi lập tiến độ thi công</p> <p>5.3. An toàn lao động khi phá dỡ công trình và lập mặt bằng thi công</p> <p>5.4. Vệ sinh công trường</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, thảo luận,	<p>Đọc và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p>LO1.5</p> <p>LO2.5</p> <p>LO3.5</p>	<p>Chương 18 tài liệu 1</p> <p>Chương 9 tài liệu 2</p>
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Yêu cầu tiên quyết: Người học đã học các học phần

- **9.1. Học phần học trước:**

- Học phần: Tổng quan về an toàn vệ sinh lao động Mã HP: 1041

Cơ khí đại cương Mã HP: 1007

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

1	chu yên cần	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	kiể m tra giữ a kỳ	X	X	X	X		X	X	X			X	X	X	X	
3	thi kết thú c học phầ n	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%- 40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	60%

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	40%
Điểm trừ	15 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội	Nội dung phù hợp với yêu	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh	40%

	dung không phù hợp	câu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	20%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ,	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	40%

	giọng nói nhỏ	người nghe	dung trình bày	trình bày		
--	---------------	------------	----------------	-----------	--	--

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Hồ Sĩ Minh	2018	Cẩm nang Kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động trong xây dựng	NXB Xây dựng

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
2	PGS.TS Nguyễn An Lương	2012	Bảo hộ lao động	NXB Lao động

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, BT/TL/TT = Bài tập/Thảo luận/Thuyết trình, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	BT/TL/TT	KT
1	Chương 1: Kỹ thuật an toàn khi sử dụng máy thiết bị thi công xây dựng. 1.1. Kỹ thuật an toàn khi sử dụng máy, thiết bị thi công xây dựng. 1.2. Kỹ thuật an toàn đối với một số chi tiết, cơ cấu quan trọng của thiết bị nâng. 1.3. Kỹ thuật an toàn sử dụng tời. 1.4. Lắp đặt và sử dụng máy, thiết bị nâng. 1.5. Yêu cầu về an toàn khi vận hành và sửa chữa thiết bị nâng.	6	2	
2	Chương 2: Kỹ thuật an toàn trong thi công xây dựng 2.1. Kỹ thuật an toàn thi công bê tông, bê tông cốt thép. 2.2. Kỹ thuật an toàn thi công phần hoàn thiện công trình.	2	1	

3	<p>Chương 3: Kỹ thuật an toàn trong thi công lắp ghép.</p> <p>3.1. Nguyên nhân gây tai nạn trong công tác lắp ghép.</p> <p>3.2. Các biện pháp phòng ngừa trong lắp ghép</p> <p>3.3. Kỹ thuật an toàn trong lắp ghép</p> <p>3.4. Lắp ghép nhà tấm lớn.</p>	3	1	
4	<p>Chương 4: An toàn trong đi lại, leo trèo làm việc, bị vật rơi và ngã cao.</p> <p>4.1. Các dạng tai nạn và nguyên nhân</p> <p>4.2. Các biện pháp phòng ngừa ngã cao khi làm việc trên cao.</p> <p>4.3. Biện pháp kỹ thuật phòng ngừa ngã cao ở một số dạng công tác trong thi công</p> <p>4.4. Tiêu chuẩn an toàn bề mặt đường đi bộ trong công trường.</p> <p>4.5. Bị vật rơi khi làm việc</p> <p>4.6. Phương tiện bảo vệ rơi.</p>	6	2	
5	<p>Chương 5: An toàn lao động và vệ sinh môi trường.</p> <p>5.1. Yêu cầu an toàn lao động trong thiết kế tổ chức thi công xây dựng.</p> <p>5.2. An toàn lao động khi lập tiến độ thi công</p> <p>5.3. An toàn lao động khi phá dỡ công trình và lập mặt bằng thi công</p> <p>5.4. Vệ sinh công trường</p>	4	2	
	<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

ThS. Nguyễn Thị Tuyền

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Chế độ, chính sách về an toàn, vệ sinh lao động

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Hồng Sơn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: sonnh@dncd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Vũ Văn Thú
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024.38517081 - Email: thu290771@gmail.com

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Chế độ, chính sách về an toàn, vệ sinh lao động
- Tên (tiếng Anh): Policy and Regulation on Labour Safety and Health
- Mã học phần: 1005

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20
- Giờ thực hành, thảo luận: 10
- Giờ bài tập: 0
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: Hiểu và vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh lao động; Vận dụng kiến thức về tin học để thu thập, phân tích và

đánh giá thông tin về văn bản quy phạm pháp luật

Kỹ năng: Phân tích, tổng hợp và đánh giá chế độ chính sách pháp luật an toàn vệ sinh lao động; kỹ năng hoạt động công đoàn trong công tác an toàn vệ sinh lao động; sử dụng ngoại ngữ tham khảo công ước và khuyến nghị quốc tế.

Năng lực tự chủ: Có khả năng quản lý và cải thiện các hoạt động ATVSLĐ trong đơn vị, tổ chức; hướng dẫn giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; coi trọng chấp hành pháp luật; có phẩm chất, giá trị đạo đức nghề nghiệp

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Hiểu và vận dụng pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế và hoạt động an toàn vệ sinh lao động của công đoàn	3	LO.3 LO.4
<i>LO.1.2</i>	Hiểu và vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh lao động; Vận dụng kiến thức về tin học để thu thập, phân tích và đánh giá thông tin về văn bản quy phạm pháp luật	3	
<i>LO.1.3</i>	Hiểu và vận dụng các chế độ chính sách cụ thể về công tác quản lý, chế độ chính sách an toàn vệ sinh lao động	3	
<i>LO.1.4</i>	Hiểu về xã hội hóa an toàn vệ sinh lao động	2	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Phân tích, tổng hợp và đánh giá chế độ chính sách pháp luật an toàn vệ sinh lao động; kỹ năng hoạt động công đoàn trong công tác an toàn vệ sinh lao động; sử dụng ngoại ngữ tham khảo công ước và khuyến nghị quốc tế.	4	LO.5 LO.6 LO.7
<i>LO.2.2</i>	Phân tích, tổng hợp và đánh giá văn bản quy phạm pháp luật và tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh lao động; Kỹ năng ứng dụng tin học để tìm kiếm văn bản	4	LO.8 LO.9 LO.10
<i>LO.2.3</i>	Phân tích, tổng hợp, đánh giá về công tác quản lý và chế độ chính sách; Tập huấn, huấn luyện, tuyên truyền về	5	

	ATVSLĐ		
LO.2.4	Kỹ năng thực hành chuyên ngành ATVSLĐ về xã hội hóa	2	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; tự định hướng và đưa ra quyết định	4	LO.11 LO.12 LO.13 LO.14 LO.15 LO.16
LO.3.2	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; tự định hướng và đưa ra quyết định; coi trọng chấp hành pháp luật	4	
LO.3.3	Có khả năng quản lý và cải thiện các hoạt động ATVSLĐ trong đơn vị, tổ chức; hướng dẫn giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; coi trọng chấp hành pháp luật; có phẩm chất, giá trị đạo đức nghề nghiệp	5	
LO.3.4	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm	2	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chính của học phần này là các kiến thức về Chế độ, chính sách pháp luật; văn bản quy phạm pháp luật và các tiêu chuẩn; quy định cụ thể về quản lý và chế độ chính sách và xã hội hóa an toàn vệ sinh lao động

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Chương 1: Chế độ chính sách pháp luật an toàn vệ sinh lao động 1.1. Pháp luật Việt Nam về an toàn vệ sinh lao động 1.2. Pháp luật quốc tế về an toàn vệ sinh lao động 1.3. Công đoàn với công tác an toàn vệ sinh lao động	Thuyết trình, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, tìm kiếm tài liệu, Tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập cá nhân	LO.1.1 LO.2.1 LO.3.1	- Tập bài giảng Bảo hộ lao động (chương 2) - Bảo hộ lao động (chương 3)

2	<p>Chương 2: Văn bản pháp luật về an toàn vệ sinh lao động</p> <p>2.1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nói chung ở Việt Nam</p> <p>2.2. Văn bản pháp luật khung về ATVSLĐ ở Việt Nam</p> <p>2.3. Những văn bản pháp quy dưới luật về ATVSLĐ ở Việt Nam</p> <p>2.4. Hệ thống Tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật An toàn vệ sinh lao động ở Việt Nam</p> <p>2.4.1. Quy chuẩn</p> <p>2.4.2. Tiêu chuẩn</p>	Thuyết trình, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, tìm kiếm tài liệu, Tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập cá nhân	<p><i>LO.1.2</i></p> <p><i>LO.2.2</i></p> <p><i>LO.3.3</i></p>	<p>- Bảo hộ lao động (chương 3)</p> <p>- Khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động</p>
3	<p>Chương 3: Quy định cụ thể về công tác quản lý, chế độ chính sách an toàn vệ sinh lao động</p> <p>3.1. Vấn đề tổ chức thực hiện công tác bảo hộ lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh</p> <p>3.1.1. Bộ phận an toàn</p> <p>3.1.2. Bộ phận y tế</p> <p>3.1.3. An toàn vệ sinh viên</p> <p>3.1.4. Hội đồng ATVSLĐ</p> <p>3.2. Vấn đề khai báo, điều tra, lập biên bản thống kê và báo cáo định kỳ tai nạn lao động</p> <p>3.3. Chế độ bồi thường và trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp</p> <p>3.3.1. Chế độ bồi thường</p> <p>3.3.2. Chế độ trợ cấp</p> <p>3.4. Qui định về xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp</p>	Thuyết trình, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, tìm kiếm tài liệu, Tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập cá nhân	<p><i>LO.1.3</i></p> <p><i>LO.2.3</i></p> <p><i>LO.3.3</i></p>	<p>- Bảo hộ lao động (chương 3)</p> <p>- Khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động</p>

	<p>luật lao động</p> <p>3.5. Về việc thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm độc hại</p>				
4	<p>Chương 4: Xã hội hóa an toàn vệ sinh lao động</p> <p>4.1. Khái niệm cơ bản về xã hội hóa nói chung</p> <p>4.2. Những nội dung cơ bản của xã hội hóa nói chung</p> <p>4.3. Khái niệm cơ bản về xã hội hóa An toàn vệ sinh lao động</p> <p>4.4. Nội dung xã hội hóa An toàn vệ sinh lao động</p>	Thuyết trình, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, tìm kiếm tài liệu, Tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập cá nhân	<p>LO.1.4</p> <p>LO.2.4</p> <p>LO.3.4</p>	Bảo hộ lao động (chương 4)
5	Bài kiểm tra				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước:

- Học phần: Tổng quan về an toàn, vệ sinh lao động, Mã HP:1041
- Học phần: Pháp luật đại cương và Luật An toàn, vệ sinh lao động, Mã HP: 1446

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp hoặc nơi thực hành, thực tập không dưới 80% thời gian quy định của học phần đó.
- Hoàn thành các bài tập cá nhân theo yêu cầu
- Phải dự đủ 1 bài kiểm tra theo quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- **Mục đích:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- **Hình thức đánh giá:**

- + Điểm danh số giờ dự giảng
- + Ý thức tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo **Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần (10.5)**

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)
- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kĩ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.
- **Hình thức đánh giá:** Bài kiểm tra viết trên lớp (1 giờ) *hoặc* trực tiếp giải bài tập và thuyết trình trước lớp.
- **Tiêu chí đánh giá:**theo đáp án của bài kiểm tra *hoặc* **Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình (10.5)**

10.3. Thi cuối kỳ:(Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kĩ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.
- **Hình thức đánh giá:** Thi viết: trắc nghiệm, tự luận (90 phút). Đề thi theo ma trận đề thi.
- **Tiêu chí đánh giá:**Theo đáp án của ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần											
		LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 1.4	LO 2.1	LO 2.2	LO 2.3	LO 2.4	LO 3.1	LO 3.2	LO 3.3	LO. 3.4
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X			X	X			X	X		
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thuyết trình

- **Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần**

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN		
Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định	Trọng số

đánh giá	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%

Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	PGS-TS Nguyễn An Lương	2013	Bảo hộ lao động	Lao động
2	PGS-TS Vũ Quang Thọ (Chủ biên)	2011	Tập bài giảng Bảo hộ lao động	NXB Lao động

10.2. Danh mục liệu tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Bộ LĐTBXH	2016	Luật ATVSLĐ và các văn bản hướng dẫn thi hành	NXB Lao động

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, TL = Thảo luận, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	Chương 1: Chế độ chính sách pháp luật an toàn vệ sinh lao động 1.1. Pháp luật Việt Nam về an toàn vệ sinh lao động 1.2. Pháp luật quốc tế về an toàn vệ sinh lao động 1.3. Công đoàn với công tác an toàn vệ sinh lao động	5	2	
2	Chương 2: Văn bản pháp luật về an toàn vệ sinh lao động 2.1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nói chung ở Việt Nam 2.2. Văn bản pháp luật khung về ATVSLĐ ở Việt Nam 2.3. Những văn bản pháp quy dưới luật về ATVSLĐ ở Việt Nam 2.4. Hệ thống Tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật An toàn vệ sinh lao động ở Việt Nam	5	3	
3	Chương 3: Quy định cụ thể về công tác quản lý, chế độ chính sách an toàn vệ sinh lao động 3.1. Vấn đề tổ chức thực hiện công tác bảo hộ lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh 3.2. Vấn đề khai báo, điều tra, lập biên bản thống kê và báo cáo định kỳ tai nạn lao động	5	2	

	3.3. Chế độ bồi thường và trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp 3.4. Qui định về xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động 3.5. Về việc thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm độc hại			
4	Chương 4: Xã hội hóa an toàn vệ sinh lao động 4.1. Khái niệm cơ bản về xã hội hóa nói chung 4.2. Những nội dung cơ bản của xã hội hóa nói chung 4.3. Khái niệm cơ bản về xã hội hóa An toàn vệ sinh lao động 4.4. Nội dung xã hội hóa An toàn vệ sinh lao động	5	2	
	Kiểm tra giữa kỳ			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TS. Vũ Văn Thú

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Hồng Sơn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Điều tra, thống kê tai nạn, sự cố lao động và bệnh nghề nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Trương Thị Yến Nhi
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024.38517081 - Email: nhitty@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Đỗ Thị Lan Chi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0912.768.614 - Email: bhld.dhcd@gmail.com

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Điều tra, thống kê tai nạn, sự cố lao động và bệnh nghề nghiệp
- Tên (tiếng Anh): Investigate and make statistics on accidents, labor incidents and occupational disease
- Mã học phần: 1051

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- | | |
|---------------------------------------|----|
| - Giờ lý thuyết: | 22 |
| - Giờ thực hành: | 0 |
| - Giờ bài tập/thảo luận/thuyết trình: | 8 |
| - Giờ báo cáo thực tế: | 0 |
| - Giờ tự học: | 90 |

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

- *Kiến thức:* Người học nắm bắt đầy đủ cơ sở pháp lý có liên quan đến tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; biết cách phân loại TNLĐ và tính tần suất TNLĐ xảy ra dựa trên số người lao hoặc dựa trên số giờ làm việc; hiểu biết được những thiệt hại và tổn thất do thương tích mà TNLĐ, BNN gây ra; lợi ích kinh tế của các hoạt động ATVSLĐ;

Nắm được quy trình, cách thức tiến hành phân tích/điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động.

- *Kỹ năng*: Người học có kỹ năng thông kê, báo cáo TNLĐ; tổ chức điều tra TNLĐ như: thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin; từ đó đưa ra kết luận điều tra TNLĐ và các biện pháp khắc phục hậu quả và phòng ngừa TNLĐ tái diễn.

Từ những kiến thức cơ bản trên, sinh viên có thể tự nghiên cứu sâu hơn và vận dụng tốt vào thực tế công tác: tổ chức tập huấn, huấn luyện, giáo dục, tuyên truyền về an toàn điện cũng như thanh tra, giám sát, phân tích, đánh giá đảm bảo an toàn điện tại doanh nghiệp.

- *Năng lực tự chủ*: Có năng lực tự chủ lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động điều tra sự cố mất ATVSLĐ, TNLĐ, BNN; khả năng phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn để quản lý, điều hành và giám sát hoạt động đảm bảo ATVSLĐ tại doanh nghiệp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Sinh viên hiểu và nhớ các khái niệm liên quan đến TNLĐ; các khái niệm giám sát TNLĐ và cách phân loại TNLĐ	2	LO.4
<i>LO.1.2</i>	Sinh viên hiểu và nhận biết tình hình TNLĐ trên thế giới và thực trạng TNLĐ ở Việt Nam	1	
<i>LO.1.3</i>	Sinh viên hiểu và nhớ những thiệt hại do TNLĐ và lợi ích kinh tế của hoạt động ATVSLĐ; các gánh nặng, hậu quả do TNLĐ gây ra cho con người và môi trường; cách tính tần suất TNLĐ	2	
<i>LO.1.4</i>	Sinh viên phân tích và tổng hợp để tiến hành khai báo TNLĐ, BNN và sự cố mất ATVSLĐ; quy trình, thủ tục phân cấp đoàn điều tra TNLĐ cấp cơ sở, cấp tỉnh và cấp trung ương; viết báo cáo điều tra TNLĐ và thống kê báo cáo định kỳ về TNLĐ, BNN.	4	
<i>LO.1.5</i>	Sinh viên tổng hợp, phân tích, nhận xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ trong quá trình tổ chức điều tra sự cố mất ATVSLĐ, TNLĐ để tìm ra nguyên nhân gây TNLĐ, từ đó xác định được người có lỗi và đưa ra biện pháp phòng	5	

	ngừa tránh sự cố TNLĐ lặp lại.		
LO.1.6	Sinh viên hiểu và vận dụng văn bản pháp luật để tính toán các chế độ bồi thường, trợ cấp của NSDLĐ và chế độ trợ cấp từ cơ quan bảo hiểm xã hội phải chi trả cho người lao động khi bị TNLĐ, BNN	3	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
LO.2.4	Kỹ năng phân tích và tổng hợp khi tiến hành khai báo, báo cáo, thống kê về TNLĐ, BNN	4	
LO.2.5	Kỹ năng tổ chức một cuộc điều tra sự cố mất ATVSLĐ, TNLĐ; phân tích và xử lý thông tin để tìm ra nguyên nhân các vụ TNLĐ, từ đó đưa ra biện pháp khắc phục, rút kinh nghiệm để tránh tái diễn những vụ TNLĐ tương tự xảy ra	5	LO.5 LO.6 LO.10
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.4	Có năng lực phân tích, phản biện, thuyết trình và đưa ra các giải pháp tư vấn để quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực ATVSLĐ	4	LO.11 LO.13 LO.14
LO.3.5	Có năng lực tự chủ, sáng tạo lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động điều tra sự cố mất ATVSLĐ, TNLĐ, BNN	6	LO.15 LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức cho người học phân loại được các loại tai nạn lao động; Biết cách khai báo, báo cáo, thống kê các vụ tai nạn lao động; Hiểu được trách nhiệm của NSDLĐ, NLĐ trong trường xảy ra TNLĐ; Biết được quy trình thành lập và tổ chức một cuộc điều tra tai nạn lao động và sự cố mất ATVSLĐ để tìm ra nguyên nhân của các vụ TNLĐ, từ đó đưa ra biện pháp phòng ngừa/kiểm soát rủi ro thích hợp để ngăn chặn việc lặp lại các hành động dẫn tới sự kiện đang được điều tra, qua đó nâng cao quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; Nắm được các chính sách pháp luật của Nhà nước trong việc bồi thường, trợ cấp cho NLĐ khi xảy ra TNLĐ

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

TT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Chương 1. ĐẠI CƯƠNG TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP	Thuyết giảng, giải thích cụ	- Đọc và nghiên cứu tài	LO.1.1	[1] Chương 1

	<p>1.1. Khái niệm liên quan đến TNLD và BNN</p> <p>1.2. Một số khái niệm liên quan giám sát TNLD và BNN</p> <p>1.3. Phân loại TNLD</p>	<p>thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận</p>	<p>liệu</p> <p>- Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>		
2	<p>Chương 2. TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM</p> <p>2.1. Tình hình thương tích do TNLD trên thế giới</p> <p>2.2. Thực trạng thương tích do TNLD ở Việt Nam</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận</p>	<p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	LO.1.2	[1] Chương 2, 3
3	<p>Chương 3. LƯỢNG HOÁ TỔN THẤT DO TAI NẠN LAO ĐỘNG</p> <p>3.1. Một số vấn đề liên quan đến thiệt hại do TNLD và lợi ích kinh tế của các hoạt động ATVSLĐ</p> <p>3.2. Tính tần suất TNLD</p> <p>3.3. Tổn thất của thương tích do TNLD ở Việt Nam</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, bài tập cá nhân</p>	<p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p> <p>- Làm bài tập</p>	LO.1.3	[1] Chương 4
4	<p>Chương 4. KHAI BÁO, THỐNG KÊ, BÁO CÁO SỰ CỐ KỸ THUẬT GÂY MẤT ATVSLĐ, TNLD, BNN</p> <p>4.1. Khai báo TNLD, sự cố mất ATVLD</p> <p>4.2. Mục đích, ý nghĩa, vai trò, nguyên tắc khai báo và phương châm điều tra phân tích TNLD</p> <p>4.3. Phân cấp và thẩm quyền đoàn điều tra TNLD</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận</p>	<p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	LO.1.4 LO.2.4 LO.3.4	[2] Mục 1 - Chương 3

	4.4. Báo cáo điều tra TNLĐ 4.5. Thống kê báo cáo định kỳ về TNLĐ 4.6. Thủ tục điều tra TNLĐ				
5	Chương 5. ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG 5.1. Điều tra TNLĐ là gì? 5.2. Kỹ năng cần thiết cho một thanh tra viên 5.3. Các giai đoạn chính của một cuộc điều tra TNLĐ 5.4. Danh mục kiểm tra khi điều tra tai nạn	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, học nhóm, bài tập	- Đọc tài liệu - Thực hành tình huống - Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài - Bài tập tình huống	LO.1.5 LO.2.5 LO.3.5	[3]
6	Chương 6. CHẾ ĐỘ BỒI THƯỜNG, TRỢ CẤP TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP 6.1. Chế độ bồi thường, trợ cấp của NSDLĐ đối với người lao động bị TNLĐ, BNN 6.2. Chế độ trợ cấp của bảo hiểm xã hội đối với người bị TNLĐ, BNN 6.3. Thủ tục, hồ sơ	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, bài tập	- Đọc tài liệu - Làm bài tập chương 5 - Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài - Làm bài tập	LO.1.6	[2] Mục 2, 3- Chương 3
7	Bài kiểm tra (các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước:

Học phần: Tổng quan về Bảo hộ lao động

Mã HP: 1041

9.2. Yêu cầu khác:

- Đối với sinh viên: có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt trên lớp lớn hơn hoặc bằng 80% thời gian lên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

- Đối với cơ sở vật chất: Phòng học lý thuyết đảm bảo tốt và đầy đủ các trang thiết bị điện và dạy học gồm mic, máy chiếu, bảng, thiết bị điện; Phòng học thoáng mát, bàn ghế vừa đủ với sinh viên và thuận tiện cho việc hoạt động nhóm.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10%

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua trao đổi, thảo luận nhóm.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện):*

- + Đi hoặc đầy đủ số giờ theo quy định
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên:*

- + Điểm danh số giờ dự giảng
- + Tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, làm bài tập, thảo luận nhóm

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20%

Bài kiểm tra giữa kỳ (Tuần 8)

- *Mục đích:* Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

- *Các tiêu chí đánh giá:* Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu,...

- *Hình thức kiểm tra: Bài làm viết trên lớp (1 giờ)*

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70%

- *Mục đích:* Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- *Hình thức:* Thi viết: trắc nghiệm và tự luận (90 phút) (theo ma trận đề thi)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần									
		LO. 1.1	LO. 1.2	LO. 1.3	LO. 1.4	LO. 1.5	LO. 1.6	LO. 2.4	LO. 2.5	LO. 3.4	LO. 3.5
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X		X	X			X		X	

3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
---	----------------------------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	60%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	40%
Điểm trừ	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

RUBRIC ĐIỂM THẢO LUẬN				
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C	Mức B	Mức A
		Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm

Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm
-----------------------	----------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Lương Mai Anh	2017	Phương pháp giám sát thương tích do TNLD và các giải pháp phòng chống	NXB Y học

10.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
2	Quốc hội	2015	Luật an toàn vệ sinh lao động	NXB Chính trị quốc gia sự thật
3	Tổ chức lao động quốc tế (ILO)	2015	Điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	NXB Lao động xã hội

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, TL/TH = Thảo luận/Thực hành, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	Chương 1. ĐẠI CƯƠNG TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP 1.1. Khái niệm liên quan đến TNLD và BNN 1.2. Một số khái niệm liên quan giám sát TNLD và BNN 1.3. Phân loại TNLD	3		
2	Chương 2. TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM 2.1. Tình hình thương tích do TNLD trên thế giới 2.2. Thực trạng thương tích do TNLD ở Việt Nam	3		
3	Chương 3. LƯỢNG HOÁ TỔN THẤT DO TAI NẠN LAO ĐỘNG	3	1	

	3.1. Một số vấn đề liên quan đến thiệt hại do TNLĐ và lợi ích kinh tế của các hoạt động ATVSLĐ 3.2. Tổn thất của thương tích do TNLĐ ở Việt Nam			
4	Chương 4. KHAI BÁO, THỐNG KÊ, BÁO CÁO SỰ CỐ KỸ THUẬT GÂY MẤT ATVSLĐ, TNLĐ, BNN 4.1. Khai báo TNLĐ, sự cố mất ATVSLĐ 4.2. Mục đích, ý nghĩa, vai trò, nguyên tắc khai báo và phương châm điều tra phân tích TNLĐ 4.3. Phân cấp và thẩm quyền đoàn điều tra TNLĐ 4.4. Báo cáo điều tra TNLĐ 4.5. Thống kê báo cáo định kỳ về TNLĐ 4.6. Thủ tục điều tra TNLĐ	4	2	
5	Chương 5. ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG 5.1. Điều tra TNLĐ là gì? 5.2. Kỹ năng cần thiết cho một thanh tra viên 5.3. Các giai đoạn chính của một cuộc điều tra TNLĐ 5.4. Danh mục kiểm tra khi điều tra tai nạn	5	3	
6	Chương 6. CHẾ ĐỘ BỒI THƯỜNG, TRỢ CẤP TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP 6.1. Chế độ bồi thường, trợ cấp của NSDLĐ đối với người lao động bị TNLĐ, BNN 6.2. Chế độ trợ cấp của bảo hiểm xã hội đối với người bị TNLĐ, BNN 6.3. Thủ tục, hồ sơ	3	2	
7	Bài kiểm tra (các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tỉnh

TS. Vũ Văn Thú

ThS. Trương Thị Yến Nhi

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Quản lý rủi ro an toàn, vệ sinh lao động

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Vũ Văn Thú
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0915357926 - Email: thuvv@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Đắc Diệm
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0975528087 - Email: diennnd@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **Quản lý rủi ro an toàn, vệ sinh lao động**
- Tên (tiếng Anh): **Safety and Labour Hygiene Risk Management**
- Mã học phần: **1052**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 28
- Giờ thực hành: 02
- Giờ bài tập: 0
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: kiến thức cơ bản về rủi ro và quản lý rủi ro trong xây dựng và môi trường; khái niệm quản lý rủi ro; nhận dạng, phân tích, kiểm soát rủi ro; phân loại rủi ro, các rủi ro thường gặp trên thế giới và ở Việt Nam; quá trình quản lý rủi ro trong xây dựng và môi trường; khung chương trình quản lý rủi ro, nguyên tắc và vai trò của quản lý rủi ro, nhu cầu và đánh giá rủi ro, các công cụ pháp lý, kỹ thuật, kinh tế, giáo dục, truyền thông được sử dụng.

Kỹ năng: sinh viên có kỹ năng lập kế hoạch quản lý rủi ro, tổ chức thực hiện quản lý rủi ro dự án, có phương pháp phân tích và phòng ngừa rủi ro, hạn chế tối đa thiệt hại do rủi ro gây ra, tận dụng được các tác động tích cực của rủi ro, đánh giá được tác động đến sức khỏe con người của các chất gây ô nhiễm, đưa ra được quyết định cân bằng giữa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có đủ khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động bảo hộ lao động trong đơn vị, tổ chức, có văn hóa an toàn trong đời sống và sản xuất.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Sinh viên hiểu được khái niệm về rủi ro trong xây dựng, trong môi trường; khái niệm quản lý rủi ro; nhận dạng, phân tích, kiểm soát rủi ro; phân loại rủi ro, các rủi ro thường gặp trên thế giới và ở Việt Nam	3	LO.4
<i>LO.1.2</i>	Sinh viên nắm được quá trình quản lý rủi ro trong xây dựng và môi trường, biết lập kế hoạch và tổ chức thực hiện quản lý rủi ro	3	
<i>LO.1.3</i>	Sinh viên có các phương pháp đánh giá tác động của rủi ro, phân tích định tính và định lượng các tác động của rủi ro, các phương pháp đánh giá rủi ro môi trường	3	

<i>LO.1.4</i>	Sinh viên nắm được phương pháp quản lý rủi ro môi trường lao động, thiết kế khung chương trình quản lý rủi ro, nguyên tắc và vai trò của quản lý rủi ro, nhu cầu và đánh giá rủi ro, các công cụ pháp lý, kỹ thuật, kinh tế, giáo dục, truyền thông được sử dụng	4	
<i>LO.1.5</i>	Sinh viên vận dụng được các phương pháp phòng tránh rủi ro, giảm thiểu rủi ro, bảo hiểm hoặc chấp nhận rủi ro, tính toán phí và thời gian dự phòng, theo dõi và kiểm soát rủi ro, đưa ra được biện pháp quản lý rủi ro và các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong thực tế	4	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Có kỹ năng nhận diện, phân loại, phân tích và kiểm soát rủi ro	3	LO.6 LO.8
<i>LO.2.2</i>	Có kỹ năng lập kế hoạch, viết báo cáo, dựng biểu đồ rủi ro	4	
<i>LO.2.3</i>	Có khả năng áp dụng các phương pháp phân tích hiện đại và mô hình đánh giá rủi ro môi trường	5	
<i>LO.2.4</i>	Có kỹ năng đáp ứng với các trường hợp khẩn cấp về rủi ro an toàn, vệ sinh lao động, có kỹ năng thiết kế chương trình quản lý rủi ro, có kỹ năng áp dụng các công cụ kinh tế, kỹ thuật, pháp lý để quản lý rủi ro	5	
<i>LO.2.5</i>	Có kỹ năng đưa ra quyết định quản lý rủi ro, từ theo dõi, kiểm soát rủi ro, tính toán chi phí và thời gian dự phòng rủi ro, áp dụng linh hoạt các biện pháp phòng tránh và giảm thiểu rủi ro trong thực tế	6	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.3</i>	Có năng lực tự chủ trong vận dụng kiến thức đã học vào thực tế công tác quản lý an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp hoặc cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động và môi trường	4	LO.14 LO.16
<i>LO.3.4</i>	Có phẩm chất đạo đức, chính trị, có tư duy khoa học, có trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp, giảm thiểu rủi ro, phòng tránh rủi ro, hạn chế thiệt hại về sức khỏe, môi trường, vật chất	4	
<i>LO.3.5</i>	Có tính kỉ luật, trung thực trong học tập, thi cử, tích cực, chủ động trong học tập, có ý chí vươn lên, vượt qua khó khăn, có hoài bão	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về sự hiện diện của rủi ro môi trường, phân loại rủi ro, mô hình đánh giá rủi ro, các biện pháp quản lý rủi ro, chất thải nguy hại, hóa chất độc hại, các phương pháp phân tích và biện pháp phòng ngừa rủi ro, lập kế hoạch phản ứng với rủi ro và thực hành quản lý rủi ro trong thực tế

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy&học		CDR học phần	Tài liệu học tập Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	<p>Chương I. Giới thiệu chung về rủi ro</p> <p>1.1. Các khái niệm về rủi ro</p> <p>1.1.1. Định nghĩa về rủi ro</p> <p>1.1.2. Những ghi nhận về rủi ro</p> <p>1.1.3. Phân loại rủi ro</p> <p>1.2. Rủi ro môi trường</p> <p>1.2.1. Nhận dạng, phân tích và kiểm soát rủi ro môi trường</p> <p>1.2.2. Con người, quá trình và rủi ro</p> <p>1.2.3. Sự hiện diện rủi ro môi trường</p> <p>1.3. Tình hình rủi ro</p> <p>1.3.1. Các sự cố rủi ro ở Việt Nam</p> <p>1.3.2. Các rủi ro môi trường quan trọng</p> <p>1.3.3. Các rủi ro môi trường thường gặp</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng	Đọc tài liệu, Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.1 LO.2.1	Chương I tài liệu 1 Chương I tài liệu 3
2	<p>Chương II. Quản lý rủi ro và phương pháp xác định rủi ro</p> <p>2.1. Quản lý rủi ro trong xây dựng</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể,	Đọc tài liệu, Tham gia phát biểu	LO.1.2 LO.2.2	Chương II tài liệu 1 Chương II, III tài liệu 2

	<p>2.1.1. Quá trình quản lý rủi ro</p> <p>2.1.2. Rủi ro trong hoạt động xây dựng</p> <p>2.1.3. Lập kế hoạch quản lý rủi ro</p> <p>2.1.4. Tổ chức thực hiện quản lý rủi ro</p> <p>2.2. Xác định rủi ro trong xây dựng</p> <p>2.2.1. Bảng liệt kê rủi ro</p> <p>2.2.2. Bảng báo cáo vấn đề</p> <p>2.2.3. Mô hình phản ứng</p> <p>2.2.4. Kỹ thuật biểu đồ tuần tự và mô hình quá trình</p>	làm bài tập vận dụng			
3	<p>Chương III. Đánh giá tác động của rủi ro</p> <p>3.1. Đánh giá định tính tác động của rủi ro</p> <p>3.1.1. Giới thiệu</p> <p>3.1.2. Xây dựng các kịch bản</p> <p>3.1.3. Ma trận khả năng-tác động</p> <p>3.2. Phân tích đặc tính</p> <p>3.2.1. Phương pháp dự đoán Delphi</p> <p>3.2.2. Phương pháp hệ thống phần mềm</p> <p>3.3. Phân tích định lượng tác động của rủi ro</p> <p>3.3.1. Giới thiệu</p> <p>3.3.2. Mô hình hóa rủi ro</p> <p>3.3.3. Phân tích giá trị kì vọng</p> <p>3.4. Phương pháp phân tích hiện đại</p> <p>3.4.1. Phân tích tỉ số lợi ích-chi phí</p> <p>3.4.2. Kỹ thuật chi phí ẩn</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng	Đọc tài liệu, Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.3 LO.2.3 LO.3.3	Chương IV, V tài liệu 2 Chương II tài liệu 3

	<p>3.4.3. Phân tích xác suất</p> <p>3.5. Mô hình đánh giá rủi ro môi trường</p> <p>3.5.1. Mô hình đánh giá rủi ro môi trường dự báo</p> <p>3.5.2. Mô hình đánh giá rủi ro môi trường hồi cố</p> <p>3.5.3. Giới hạn của đánh giá rủi ro môi trường</p>				
<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>					
4	<p>Chương IV. Quản lý rủi ro môi trường lao động</p> <p>4.1. Cung cấp thông tin cho quản lý rủi ro</p> <p>4.1.1. Nghiên cứu và quan trắc</p> <p>4.1.2. Hệ thống luật pháp, quy chế</p> <p>4.1.3. Đáp ứng các trường hợp khẩn cấp</p> <p>4.2. Khung chương trình quản lý rủi ro</p> <p>4.2.1. Chương trình quản lý rủi ro</p> <p>4.2.2. Thiết kế chương trình quản lý rủi ro</p> <p>4.2.3. Nguyên tắc quản lý rủi ro</p> <p>4.2.4. Vai trò của quản lý rủi ro</p> <p>4.3. Chương trình quản lý rủi ro môi trường trên thế giới</p> <p>4.3.1. Nhu cầu quản lý rủi ro</p> <p>4.3.2. Đánh giá rủi ro chiến lược</p> <p>4.4. Các công cụ thường được sử dụng</p> <p>4.4.1. Công cụ pháp lý</p> <p>4.4.2. Công cụ kỹ thuật</p>	<p>Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng</p>	<p>Đọc tài liệu, Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài</p>	<p><i>LO.1.4</i></p> <p><i>LO.2.4</i></p> <p><i>LO.3.4</i></p>	<p>Chương III tài liệu 3</p>

	4.4.3. Công cụ kinh tế 4.4.4. Công cụ giáo dục, truyền thông				
5	Chương V. Kiểm soát rủi ro an toàn vệ sinh lao động 5.1. Các vấn đề cơ bản về kiểm soát rủi ro 5.2. Các phương pháp phân tích và xử lý rủi ro 5.2.1. Phòng tránh rủi ro 5.2.2. Giảm thiểu rủi ro 5.2.3. Bảo hiểm rủi ro 5.2.4. Chấp nhận rủi ro 5.3. Tính toán khoản dự phòng rủi ro 5.3.1. Dự phòng phí 5.3.2. Thời gian dự phòng 5.4. Theo dõi và kiểm soát rủi ro 5.4.1. Theo dõi rủi ro 5.4.2. Kiểm soát rủi ro 5.5. Đưa ra quyết định quản lý rủi ro 5.5.1. Chuẩn bị quản lý rủi ro 5.5.2. Xác định rủi ro 5.5.2. Phân tích rủi ro 5.5.3. Đầu ra rủi ro 5.6. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong thực tế 5.6.1. Các mô hình 5.6.2. Thông tin liên lạc	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, làm bài tập vận dụng	Đọc tài liệu, Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.5 LO.2.5 LO.3.5	Chương III tài liệu 1, chương VI, VIII tài liệu 2

9. Yêu cầu của học phần

9.1. Học phần học trước: Không

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp

như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ, đạt yêu cầu đối với các bài thí nghiệm và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

+ Bài kiểm tra giữa kỳ (Tuần 8)

+ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

+ Các kỹ thuật đánh giá: Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu

+ Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ) hoặc theo tiêu chí đánh giá thuyết trình 10.5

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Hình thức: Thi viết (90 phút) (theo ma trận đề thi – Phụ lục)

- Tiêu chí đánh giá: thang điểm của đáp án đề thi

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

T T	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần												
		LO. 1.1	LO. 1.2	LO. 1.3	LO. 1.4	LO. 1.5	LO. 2.1	LO. 2.2	LO. 2.3	LO. 2.4	LO. 2.5	LO. 3.3	LO. 2.4	LO. 3.5
1	Điểm chuyên cần (10%)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	x	x	x			x	x	x					
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

RUBRIC ĐIỂM THẢO LUẬN				
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày	25%

		ảnh rõ ràng		bày	và ngôn ngữ	
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, tinh thoáng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Lê Anh Dũng Bùi Mạnh Hùng	2017	Quản lý rủi ro trong doanh nghiệp xây dựng	NXB Xây dựng
2	Đình Tuấn Hải Nguyễn Hữu Huế	2018	Quản lý rủi ro trong xây dựng	NXB Xây dựng

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
3	Lê Thị Hồng Trân	2008	Đánh giá rủi ro môi trường	NXB Khoa học và kỹ thuật

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, TH = Thực hành, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TH	KT
1	<p>Chương I. Giới thiệu chung về rủi ro</p> <p>1.1. Các khái niệm về rủi ro</p> <p>1.1.1. Định nghĩa về rủi ro</p> <p>1.1.2. Những ghi nhận về rủi ro</p> <p>1.1.3. Phân loại rủi ro</p> <p>1.2. Rủi ro môi trường</p> <p>1.2.1. Nhận dạng, phân tích và kiểm soát rủi ro môi trường</p> <p>1.2.2. Con người, quá trình và rủi ro</p> <p>1.2.3. Sự hiện diện rủi ro môi trường</p> <p>1.3. Tình hình rủi ro</p> <p>1.3.1. Các sự cố rủi ro ở Việt Nam</p> <p>1.3.2. Các rủi ro môi trường quan trọng</p> <p>1.3.3. Các rủi ro môi trường thường gặp</p>	2	1	
2	<p>Chương II. Quản lý rủi ro và phương pháp xác định rủi ro</p> <p>2.1. Quản lý rủi ro trong xây dựng</p> <p>2.1.1. Quá trình quản lý rủi ro</p> <p>2.1.2. Rủi ro trong hoạt động xây dựng</p> <p>2.1.3. Lập kế hoạch quản lý rủi ro</p> <p>2.1.4. Tổ chức thực hiện quản lý rủi ro</p> <p>2.2. Xác định rủi ro trong xây dựng</p> <p>2.2.1. Bảng liệt kê rủi ro</p> <p>2.2.2. Bảng báo cáo vấn đề</p> <p>2.2.3. Mô hình phản ứng</p> <p>2.2.4. Kỹ thuật biểu đồ tuần tự và mô hình quá trình</p>	3	2	
3	<p>Chương III. Đánh giá tác động của rủi ro</p> <p>3.1. Đánh giá định tính tác động của rủi ro</p> <p>3.1.1. Giới thiệu</p> <p>3.1.2. Xây dựng các kịch bản</p> <p>3.1.3. Ma trận khả năng-tác động</p> <p>3.2. Phân tích đặc tính</p> <p>3.2.1. Phương pháp dự đoán Delphi</p>	2	1	

	<p>3.2.2. Phương pháp hệ thống phần mềm</p> <p>3.3. Phân tích định lượng tác động của rủi ro</p> <p>3.3.1. Giới thiệu</p> <p>3.3.2. Mô hình hóa rủi ro</p> <p>3.3.3. Phân tích giá trị kì vọng</p> <p>3.4. Phương pháp phân tích hiện đại</p> <p>3.4.1. Phân tích tỉ số lợi ích-chi phí</p> <p>3.4.2. Kỹ thuật chi phí ẩn</p> <p>3.4.3. Phân tích xác suất</p> <p>3.5. Mô hình đánh giá rủi ro môi trường</p> <p>3.5.1. Mô hình đánh giá rủi ro môi trường dự báo</p> <p>3.5.2. Mô hình đánh giá rủi ro môi trường hồi cố</p> <p>3.5.3. Giới hạn của đánh giá rủi ro môi trường</p>			
<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>				
4	<p>Chương IV. Quản lý rủi ro môi trường lao động</p> <p>4.1. Cung cấp thông tin cho quản lý rủi ro</p> <p>4.1.1. Nghiên cứu và quan trắc</p> <p>4.1.2. Hệ thống luật pháp, quy chế</p> <p>4.1.3. Đáp ứng các trường hợp khẩn cấp</p> <p>4.2. Khung chương trình quản lý rủi ro</p> <p>4.2.1. Chương trình quản lý rủi ro</p> <p>4.2.2. Thiết kế chương trình quản lý rủi ro</p> <p>4.2.3. Nguyên tắc quản lý rủi ro</p> <p>4.2.4. Vai trò của quản lý rủi ro</p> <p>4.3. Chương trình quản lý rủi ro môi trường trên thế giới</p> <p>4.3.1. Nhu cầu quản lý rủi ro</p> <p>4.3.2. Đánh giá rủi ro chiến lược</p> <p>4.4. Các công cụ thường được sử dụng</p> <p>4.4.1. Công cụ pháp lý</p> <p>4.4.2. Công cụ kỹ thuật</p> <p>4.4.3. Công cụ kinh tế</p> <p>4.4.4. Công cụ giáo dục, truyền thông</p>	2	1	
5	<p>Chương V. Kiểm soát rủi ro an toàn vệ sinh lao động</p> <p>5.1. Các vấn đề cơ bản về kiểm soát rủi ro</p> <p>5.2. Các phương pháp phân tích và xử lý rủi ro</p>	2	1	

5.2.1. Phòng tránh rủi ro 5.2.2. Giảm thiểu rủi ro 5.2.3. Bảo hiểm rủi ro 5.2.4. Chấp nhận rủi ro 5.3. Tính toán khoản dự phòng rủi ro 5.3.1. Dự phòng phí 5.3.2. Thời gian dự phòng 5.4. Theo dõi và kiểm soát rủi ro 5.4.1. Theo dõi rủi ro 5.4.2. Kiểm soát rủi ro 5.5. Đưa ra quyết định quản lý rủi ro 5.5.1. Chuẩn bị quản lý rủi ro 5.5.2. Xác định rủi ro 5.5.2. Phân tích rủi ro 5.5.3. Đầu ra rủi ro 5.6. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong thực tế 5.6.1. Các mô hình 5.6.2. Thông tin liên lạc			
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

TS. Vũ Văn Thú

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Trương Thị Yến Nhi
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024.38517081 - Email: nhitty@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Đỗ Thị Lan Chi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0912.768.614 - Email: bhld.dhcd@gmail.com

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại
- Tên (tiếng Anh): Solid waste and hazardous waste management
- Mã học phần: 1033

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- | | |
|---------------------------------------|----|
| - Giờ lý thuyết: | 21 |
| - Giờ thực hành: | 0 |
| - Giờ bài tập/thảo luận/thuyết trình: | 9 |
| - Giờ báo cáo thực tế: | 0 |
| - Giờ tự học: | 90 |

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

- *Kiến thức:* người học nắm bắt đầy đủ cơ sở pháp lý có liên quan đến quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại. Nắm được định nghĩa, phân loại, thành phần, khối lượng, tính chất, tốc độ phát sinh và ảnh hưởng của chất thải rắn

đến môi trường và sức khỏe con người. Nắm được các phương pháp lưu trữ và xử lý tại nguồn, hệ thống thu gom, trung chuyển và vận chuyển chất thải rắn. Nắm được các phương pháp xử lý, tái chế và chôn lấp hợp vệ sinh CTR. Sinh viên lập được kế hoạch quản lý một hệ thống kỹ thuật và pháp lý về chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại bao gồm: tính toán hệ thống lưu trữ tại nguồn phát sinh, thu gom, trung chuyển và vận chuyển, xử lý, tái chế và chôn lấp hợp vệ sinh chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- *Kỹ năng*: Có kỹ năng sáng tạo trong việc tính toán thiết kế hệ thống thu gom và vận chuyển CTR; Có kỹ năng nhận xét và đánh giá thành phần, khối lượng, tính chất của CTR để lựa chọn các phương pháp quản lý và xử lý phù hợp.

- *Năng lực tự chủ*: Sinh viên có ý thức tốt về phân loại rác thải và bảo vệ môi trường khi biết được những tác hại do CTR gây ra; chủ động sáng tạo vận dụng kiến thức đã học tự lập kế hoạch quản lý CTR và đưa ra các phương pháp thu gom và chuyển vận CTR phù hợp; sáng tạo vận dụng kiến thức đã học tự lập kế hoạch quản lý CTR và đưa ra các phương pháp xử lý CTR phù hợp

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Sinh viên hiểu và nhớ được hệ thống quản lý chất thải rắn; xác định được thành phần, khối lượng, tính chất của CTR từ đó dự báo tốc độ phát sinh của chất thải rắn trong tương lai để có biện pháp xử lý CTR phù hợp;	2	LO.4
<i>LO.1.2</i>	Sinh viên sáng tạo trong việc tính toán, thiết kế các loại dịch vụ thu gom, các loại hệ thống thu gom, trung chuyển và vận chuyển chất thải rắn cho phù hợp	6	
<i>LO.1.3</i>	Sinh viên hiểu và nhớ các phương pháp xử lý CTR đô thị, công nghiệp và chất thải nguy hại	2	
<i>LO.1.4</i>	Sinh viên hiểu và vận dụng các công nghệ hiện nay để tái chế, tái sử dụng chất thải rắn thông thường, CTR công nghiệp ở	3	
<i>LO.1.5</i>	Sinh viên hiểu và vận dụng công nghệ sản xuất phân hữu cơ và khí sinh học từ rác đô thị	3	
<i>LO.1.6</i>	Sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp xử lý chất thải rắn bằng nhiệt như đốt, khí hóa, nhiệt phân và xử lý khí thải từ quá trình xử lý nhiệt	3	

<i>LO.1.7</i>	Sinh viên sáng tạo có khả năng thiết kế được hệ thống kỹ thuật chôn lấp chất thải rắn gồm tìm vị trí bãi chôn lấp, thiết kế bãi chôn lấp và quản lý bãi chôn lấp	6	
<i>LO.1.8</i>	Sinh viên hiểu và nhớ các biện pháp an toàn trong lưu trữ, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại	2	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.2</i>	Có kỹ năng sáng tạo trong việc tính toán thiết kế hệ thống thu gom và vận chuyển CTR	6	LO.5 LO.6
<i>LO.2.4</i>	Có kỹ năng nhận xét và đánh giá thành phần, khối lượng, tính chất của CTR để lựa chọn phương pháp, công nghệ tái chế CTR phù hợp	5	
<i>LO.2.5</i>	Có kỹ năng nhận xét và đánh giá thành phần, khối lượng, tính chất của CTR để lựa chọn phương pháp, công nghệ xử lý CTR bằng phương pháp sinh học	5	
<i>LO.2.6</i>	Có kỹ năng nhận xét và đánh giá thành phần, khối lượng, tính chất của CTR để lựa chọn phương pháp, công nghệ xử lý CTR bằng phương pháp nhiệt	5	
<i>LO.2.7</i>	Có kỹ năng nhận xét và đánh giá thành phần, khối lượng, tính chất của CTR để lựa chọn phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh phù hợp	5	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Sinh viên có ý thức tốt về phân loại rác thải và bảo vệ môi trường khi biết được những tác hại do CTR gây ra		LO.11
<i>LO.3.2</i>	Sinh viên chủ động sáng tạo vận dụng kiến thức đã học tự lập kế hoạch quản lý CTR và đưa ra các phương pháp thu gom và chuyển vận CTR phù hợp	6	LO.12 LO.13 LO.15
<i>LO.3.3</i>	Sinh viên sáng tạo vận dụng kiến thức đã học tự lập kế hoạch quản lý CTR và đưa ra các phương pháp xử lý CTR phù hợp	6	LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống quản lý kỹ thuật và chất thải nguy hại bao gồm: thành phần và tính chất của các loại chất thải rắn và chất thải nguy hại, phương pháp tồn trữ tại nguồn phát sinh, phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, trung chuyển và vận chuyển, xử lý, tái chế và chôn lấp hợp vệ sinh

chất thải rắn và chất thải nguy hại hợp vệ sinh. Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức về hệ thống công cụ pháp lý quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Ngoài ra, sinh viên còn được tham quan thực tế hệ thống thu gom, vận chuyển, các công trình xử lý (đốt, chôn lấp, tái chế, xử lý hóa học) và nước rỉ rác, khí phát sinh từ quá trình phân hủy chất thải rắn và chất thải nguy hại.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

TT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Chương 1. KHÁI NIỆM, THÀNH PHẦN VÀ TÍNH CHẤT CỦA CHẤT THẢI RẮN 1.1. Định nghĩa chất thải rắn 1.2. Ảnh hưởng của CTR đến môi trường và sức khỏe con người. 1.3. Hệ thống quản lý CTR đô thị 1.4. Quản lý tổng hợp CTR 1.5. Nguồn gốc phát sinh CTR 1.6. Thành phần chất thải rắn 1.7. Khối lượng chất thải rắn 1.8. Chất thải rắn phát sinh 1.9. Tính chất chất thải rắn	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận	- Đọc và nghiên cứu tài liệu - Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	LO.1.1 LO.3.1	[1] Chương 1, 2
2	Chương 2. HỆ THỐNG THU GOM, TRUNG CHUYỂN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN 2.1. Thu gom CTR 2.2. Các loại hệ thống thu gom 2.3. Phân tích hệ thống thu gom 2.4. Vạch tuyến thu gom 2.5. Trạm trung chuyển	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, bài tập	- Đọc tài liệu - Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài - Làm bài tập	LO.1.2 LO.2.2 LO.3.2	[1] Chương 3, 4
3	Chương 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN 3.1. Các phương pháp xử lý CTR đô thị 3.2. các phương pháp xử lý CTR	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở,	- Đọc tài liệu - Tham gia phát biểu, trao đổi ý	LO.1.3 LO.3.3	[1] Chương 5

	công nghiệp 3.3. Các phương pháp xử lý CTNH	phương pháp thảo luận	kiến, xây dựng bài - Thảo luận nhóm		
	Chương 4. TÁI CHẾ CHẤT THẢI RẮN 4.1. Công nghệ tái chế các phế thải thông thường 4.2. Tái chế CTR công nghiệp - CTR vô cơ 4.3. Tái chế CTR công nghiệp - CTR hữu cơ 4.4. Tình hình tái chế CTR trên thế giới và ở Việt Nam	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận	- Đọc tài liệu - Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài - Thảo luận nhóm	LO.1.4 LO.2.4	[1] Chương 6
4	Chương 5. CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ (COMPOST) TỪ RÁC ĐÔ THỊ 5.1. Tổng quan 5.2. Động học quá trình phân huỷ sinh học CTR hữu cơ 5.3. VSV và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phân huỷ chất hữu cơ 5.4. Công nghệ kỵ khí 5.5. Công nghệ hiếu khí 5.6. So sánh quá trình chế biến compost hiếu khí và kỵ khí	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, học nhóm	- Đọc tài liệu - Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài - Thảo luận nhóm	LO.1.5 LO.2.5	[1] Chương 7
5	Chương 6. XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN BẰNG PHƯƠNG PHÁP NHIỆT 6.1. Khái niệm 6.2. Phương pháp đốt 6.3. Phương pháp khí hóa 6.4. Phương pháp nhiệt phân 6.5. Xử lý khí thải từ quá trình xử lý nhiệt	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, học nhóm	- Đọc tài liệu - Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài - Thảo luận nhóm	LO.1.6 LO.2.6	[1] Chương 8

7	<p>Chương 7. BÃI CHÔN LẤP CHẤT THẢI RẮN HỢP VỆ SINH</p> <p>7.1. Khái niệm bãi chôn lấp CTR 7.2. Phân loại bãi chôn lấp CTR 7.3. Lựa chọn vị trí BCL 7.4. Quy định về MT trong việc điều tra chi tiết để lựa chọn BCL 7.5. Các quy trình phân huỷ CTR trong BCL 7.6. Nước rò rỉ từ BCL 7.7. Cấu trúc chính của BCL hợp vệ sinh 7.8. BCL chất thải nguy hại</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, học nhóm	<p>- Đọc tài liệu - Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài - Thảo luận nhóm</p>	<p>LO.1.7 LO.2.7</p>	<p>[1] Chương 9</p>
8	<p>Chương 8. QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CTR NGUY HẠI</p> <p>8.1. Khát quát chung 8.2. An toàn trong lưu trữ chất thải nguy hại 8.3. An toàn trong vận chuyển chất thải nguy hại 8.4. Các phương pháp xử lý chất thải nguy hại</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, phương pháp thảo luận, học nhóm	<p>- Đọc tài liệu - Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài - Thảo luận nhóm</p>	LO.1.8	<p>[2] Chương 2,3, 4, 5, 6</p>
9	Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Yêu cầu học trước:

Học phần: Môi trường và phát triển

Mã HP: 1027

9.2. Yêu cầu khác:

- Đối với sinh viên: có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao, có mặt trên lớp lớn hơn hoặc bằng 80% thời gian lên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận nhóm, hoàn thành tốt các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

- Đối với cơ sở vật chất: Phòng học lý thuyết đảm bảo tốt và đầy đủ các trang thiết bị điện và dạy học gồm mic, máy chiếu, bảng, thiết bị điện; Phòng học thoáng mát, bàn ghế vừa đủ với sinh viên và thuận tiện cho việc hoạt động nhóm.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10%

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua trao đổi, thảo luận nhóm.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện):*

+ Đi hoặc đầy đủ số giờ theo quy định

+ Chuẩn bị bài đầy đủ

+ Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên:*

+ Điểm danh số giờ dự giảng

+ Tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, làm bài tập, thảo luận nhóm

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20%

Bài kiểm tra giữa kỳ (Tuần 8)

- *Mục đích:* Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

- *Các tiêu chí đánh giá:* Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu,...

- *Hình thức kiểm tra:* Bài làm viết trên lớp (1 giờ) hoặc thuyết trình trước lớp

10.3. Thi cuối kỳ:(Điểm thi hết học phần) trọng số: 70%

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn - Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Hình thức: trắc nghiệm và tự luận (90 phút) (theo ma trận đề thi)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần															
		L O. 1	L O. 1	L O. 1	L O. 1	L O. 1	L O. 1	L O. 1	L O. 1	L O. 1	L O. 1	L O. 1	L O. 1	L O. 1	L O. 1	L O. 1	
		.1	.1	.1	1.	.1	1.	.1	.1	.1	2.	.2	.2	.2	2.	3.	3.
		1	.2	.3	4	.5	6	.7	.8	2	.4	.5	.6	7	2	3	3
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm	X	X	X	X					X	X					X	X

	tra giữa kỳ (20%)															
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	60%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	40%
Điểm trừ	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

RUBRIC ĐIỂM THẢO LUẬN				
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm

Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm
-----------------------	----------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%

Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng,	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp,	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, tinh thoáng có tương tác với người nghe	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%
--------------	-----------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	PGS.TS Nguyễn Văn Phước	2017	Giáo trình quản lý và xử lý chất thải rắn	NXB Xây dựng

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
2	PGS.TS Trịnh Thị Thanh	2011	Giáo trình công nghệ xử lý chất thải rắn nguy hại	NXB Xây dựng
3	Đào Đình Thuận	2019	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn sinh hoạt	NXB Giáo dục Việt Nam

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, TL/TH = Thảo luận/Thực hành, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	Chương 1. KHÁI NIỆM, THÀNH PHẦN VÀ TÍNH CHẤT CỦA CHẤT THẢI RẮN 1.1. Định nghĩa chất thải rắn 1.2. Ảnh hưởng của CTR đến môi trường và sức khỏe con	3	1	

	người. 1.3. Hệ thống quản lý CTR đô thị 1.4. Quản lý tổng hợp CTR 1.5. Nguồn gốc phát sinh CTR 1.6. Thành phần chất thải rắn 1.7. Khối lượng chất thải rắn 1.8. Chất thải rắn phát sinh 1.9. Tính chất chất thải rắn			
2	Chương 2. HỆ THỐNG THU GOM, TRUNG CHUYỂN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN 2.1. Thu gom CTR 2.2. Các loại hệ thống thu gom 2.3. Phân tích hệ thống thu gom 2.4. Vạch tuyến thu gom 2.5. Trạm trung chuyển	4	2	
3	Chương 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN 3.1. Các phương pháp xử lý CTR đô thị 3.2. các phương pháp xử lý CTR công nghiệp 3.3. Các phương pháp xử lý CTNH	2	1	
4	Chương 4. TÁI CHẾ CHẤT THẢI RẮN 4.1. Công nghệ tái chế các phế thải thông thường 4.2. Tái chế CTR công nghiệp - CTR vô cơ 4.3. Tái chế CTR công nghiệp - CTR hữu cơ 4.4. Tình hình tái chế CTR trên thế giới và ở Việt Nam	2	1	
5	Chương 5. CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ (COMPOST) TỪ RÁC ĐÔ THỊ 5.1. Tổng quan 5.2. Động học quá trình phân huỷ sinh học CTR hữu cơ 5.3. VSV và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phân huỷ chất hữu cơ 5.4. Công nghệ kỵ khí 5.5. Công nghệ hiếu khí 5.6. So sánh quá trình chế biến compost hiếu khí và kỵ khí	2	1	
6	Chương 6. XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN BẰNG PHƯƠNG PHÁP NHIỆT	2	1	

	6.1. Khái niệm 6.2. Phương pháp đốt 6.3. Phương pháp khí hóa 6.4. Phương pháp nhiệt phân 6.5. Xử lý khí thải từ quá trình xử lý nhiệt			
7	Chương 7. BÃI CHÔN LẤP CHẤT THẢI RẮN HỢP VỆ SINH 7.1. Khái niệm bãi chôn lấp CTR 7.2. Phân loại bãi chôn lấp CTR 7.3. Lựa chọn vị trí BCL 7.4. Quy định về MT trong việc điều tra chi tiết để lựa chọn BCL 7.5. Các quy trình phân huỷ CTR trong BCL 7.6. Nước rò rỉ từ BCL 7.7. Cấu trúc chính của BCL hợp vệ sinh 7.8. BCL chất thải nguy hại	3	1	
8	Chương 8. QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CTR NGUY HẠI 8.1. Khát quát chung 8.2. An toàn trong lưu trữ chất thải nguy hại 8.3. An toàn trong vận chuyển chất thải nguy hại 8.4. Các phương pháp xử lý chất thải nguy hại	2	1	
9	Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

ThS. Trương Thị Yến Nhi

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Quản lý an toàn máy, thiết bị tại nơi làm việc

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Hồng Sơn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: sonnh@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Trần Vũ Liệu
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 024.38517081 - Email: tranlieu58@gmail.com

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Quản lý an toàn máy, thiết bị tại nơi làm việc
- Tên (tiếng Anh): Safe Management in Mechine, Equipment at work
- Mã học phần: 1031

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20
- Giờ thực hành, thảo luận: 10
- Giờ bài tập: 0
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo và nguyên lý hoạt động cơ bản của máy và thiết bị nâng, từ đó nắm vững các nguyên nhân cơ bản có thể gây chấn thương,

tai nạn lao động, cũng như các biện pháp ngăn chặn hạn chế các nguy cơ tai nạn lao động có thể xảy ra trong quá trình vận hành sử dụng máy và thiết bị nâng trong sản xuất.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên sâu kỹ thuật an toàn lao động về nguyên lý kỹ thuật an toàn	3	LO.4
<i>LO.1.2</i>	Hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên sâu kỹ thuật an toàn lao động về thiết bị áp lực	4	
<i>LO.1.3</i>	Hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên sâu kỹ thuật an toàn lao động về thiết bị nâng	4	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Kỹ năng thực hành chuyên ngành ATVSLĐ và giải quyết vấn đề về nguyên lý kỹ thuật an toàn	4	LO.5
<i>LO.2.2</i>	Kỹ năng thực hành chuyên ngành ATVSLĐ và giải quyết vấn đề; đánh giá và quản lý tổng hợp; sử dụng ngoại ngữ; sử dụng công nghệ thông tin về thiết bị chịu áp lực	5	LO.6 LO.8 LO.9
<i>LO.2.3</i>	Kỹ năng thực hành chuyên ngành ATVSLĐ và giải quyết vấn đề; đánh giá và quản lý tổng hợp; sử dụng ngoại ngữ; sử dụng công nghệ thông tin về thiết bị nâng	5	LO.10
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Làm việc nhóm	4	LO.11
<i>LO.3.2</i>	Làm việc nhóm; đưa ra quyết định chuyên; cải thiện hiệu quả hoạt động; ý thức chấp hành pháp luật về thiết bị áp lực	5	LO.13 LO.14

LO.3.3.	Làm việc nhóm; đưa ra quyết định chuyên; cải thiện hiệu quả hoạt động; ý thức chấp hành pháp luật về thiết bị nâng		LO.15
---------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	-------

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chính của học phần này là các kiến thức về Nguyên lý kỹ thuật an toàn, thiết bị áp lực và thiết bị nâng

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Chương 1. Nguyên lý kỹ thuật an toàn 1.1. Các yếu tố nguy hiểm 1.2. Các biện pháp kỹ thuật an toàn	Thuyết trình, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, tìm kiếm tài liệu, Tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập cá nhân	LO.1.1 LO.2.1 LO.3.1	- Tập bài giảng Bảo hộ lao động (chương 1) - Bảo hộ lao động
2	Chương 2. An toàn thiết bị áp lực 2.1. Khái niệm và phân loại 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Phân loại 2.2. Những yếu tố nguy hiểm đặc trưng của thiết bị chịu áp lực 2.2.1. Nguy cơ nổ 2.2.2. Nguy cơ bỏng 2.2.3. Các chất độc hại 2.3. Nguyên nhân sự cố, nổ nồi hơi và các thiết bị chịu áp lực	Thuyết trình, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, tìm kiếm tài liệu, Tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập cá nhân	LO.1.2 LO.2.2 LO.3.2	- Tập bài giảng Bảo hộ lao động (chương 4) - Bảo hộ lao động

	2.3.1. Nổ nồi hơi 2.3.2. Nổ bình chịu áp lực 2.4. Các biện pháp phòng ngừa 2.5. Hệ thống quản lý KTAT thiết bị chịu áp lực				
3	Chương 3. An toàn thiết bị nâng 3.1. Khái niệm và phân loại thiết bị nâng 3.2. Nguy cơ sự cố thiết bị nâng và các nguyên nhân 3.2.1. Nguy cơ 3.2.2. Nguyên nhân 3.3. Thiết bị cơ cấu an toàn và các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động khi sử dụng thiết bị nâng 3.3.1. Thiết bị cơ cấu an toàn 3.3.2. Biện pháp phòng ngừa	Thuyết trình, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, tìm kiếm tài liệu, Tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập cá nhân	LO.1.3 LO.2.3 LO.3.3	- Tập bài giảng Bảo hộ lao động (chương 5) - Bảo hộ lao động

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước:

- Học phần: Tổng quan về an toàn, vệ sinh lao động, Mã HP: 1041
- Học phần: Cơ học lý thuyết, Mã HP: 1006
- Học phần: Cơ khí đại cương, Mã HP: 1007

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp hoặc nơi thực hành, thực tập không dưới 80% thời gian quy định của học phần đó.
- Hoàn thành các bài tập cá nhân theo yêu cầu
- Phải dự đủ 1 bài kiểm tra theo quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10%

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- Mục tiêu: Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác

và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

+ Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ

+ Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ

+ Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (điều kiện)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20%

+ Bài kiểm tra giữa kỳ. (Tuần 8)

+ Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

+ Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)

+ Hình thức: Bài làm viết trên lớp (1 giờ)

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

+ Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.

+ Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề

+ Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.

- Hình thức: Thi viết (90 phút)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần								
		LO 1.1.	LO. 1.2	LO. 1.3	LO. 2.1	LO. 2.2	LO. 2.3	LO. 3.1	LO. 3.2	LO. 3.3
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X		X	X				

3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
---	-------------------------------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thuyết trình

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ	50%

		thích chưa rõ ràng		dụng video	thể	
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn l số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần**11.1. Danh mục tài liệu chính:**

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	PGS-TS Vũ Quang Thọ	2011	Tập bài giảng Bảo hộ lao động	NXB Lao động

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	PGS-TS Nguyễn AN Lương	2013	Bảo hộ lao động	NXB Lao động

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, TL = Thảo luận, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	Chương 1. Nguyên lý kỹ thuật an toàn 1.1. Các yếu tố nguy hiểm 1.2. Các biện pháp kỹ thuật an toàn	6	3	
2	Chương 2. An toàn thiết bị áp lực 2.1. Khái niệm và phân loại 2.2. Những yếu tố nguy hiểm đặc trưng của thiết bị chịu áp lực 2.3. Nguyên nhân sự cố, nổ nồi hơi và các thiết bị chịu áp lực 2.4. Các biện pháp phòng ngừa 2.5. Hệ thống quản lý KTAT thiết bị chịu áp lực	7	3	
3	Chương 3. An toàn thiết bị nâng 3.1. Khái niệm và phân loại thiết bị nâng 3.2. Nguy cơ sự cố thiết bị nâng và các nguyên nhân 3.3. Thiết bị cơ cấu an toàn và các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động khi sử dụng thiết bị nâng	7	3	
	Kiểm tra giữa kỳ (tuần 8)			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

ThS. Nguyễn Hồng Sơn

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe và môi trường

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Hồng Sơn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: sonnh@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Đỗ Thị Lan Chi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0912.768.614 - Email: bhld.dhcd@gmail.com

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe và môi trường
- Tên (tiếng Anh): Safe Management in Health and Environment
- Mã học phần: 1053

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20
- Giờ thực hành, thảo luận: 10
- Giờ bài tập: 0
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Kiến thức: Hiểu và áp dụng kiến thức chuyên sâu về hệ thống quản lý, tiêu chuẩn chứng nhận và thẩm định xây dựng hệ thống

Kỹ năng: Kỹ năng thực hành chuyên ngành, giải quyết vấn đề; quản lý tổng hợp về hệ thống quản lý, tiêu chuẩn chứng nhận và thẩm định xây dựng hệ thống

Năng lực tự chủ: Làm việc nhóm; đưa ra quyết định chuyên; cải thiện hiệu quả hoạt động về hệ thống quản lý, tiêu chuẩn chứng nhận và thẩm định xây dựng hệ thống

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Hiểu và áp dụng kiến thức chuyên sâu về hệ thống quản lý an toàn – sức khỏe – môi trường	3	LO.4
<i>LO.1.2</i>	Hiểu và áp dụng kiến thức chuyên sâu về tiêu chuẩn chứng nhận	3	
<i>LO.1.3</i>	Hiểu và áp dụng kiến thức chuyên sâu về thẩm định xây dựng hệ thống quản lý	4	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Kỹ năng thực hành chuyên ngành, giải quyết vấn đề; quản lý tổng hợp về hệ thống quản lý	4	LO.5 LO.8
<i>LO.2.2</i>	Kỹ năng thực hành chuyên ngành, giải quyết vấn đề; quản lý tổng hợp về tiêu chuẩn chứng nhận	4	
<i>LO.2.3</i>	Kỹ năng thực hành chuyên ngành, giải quyết vấn đề; quản lý tổng hợp về thẩm định xây dựng hệ thống	4	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Làm việc nhóm; đưa ra quyết định chuyên; cải thiện hiệu quả hoạt động về hệ thống quản lý	4	LO.11 LO.13 LO.14
<i>LO.3.2</i>	Làm việc nhóm; đưa ra quyết định chuyên; cải thiện hiệu quả hoạt động về tiêu chuẩn chứng nhận	4	
<i>LO.3.3</i>	Làm việc nhóm; đưa ra quyết định chuyên; cải thiện hiệu quả hoạt động về thẩm định xây dựng hệ thống	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm: hệ thống quản lý, phân tích tiêu chuẩn chứng nhận, và thẩm định.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	<p>Chương 1. Giới thiệu về hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp</p> <p>2.1. Khái quát</p> <p>2.2. Trình tự xúc tiến chung</p> <p>2.3. Hiệu quả chứng nhận hệ thống</p> <p>2.4. Trình tự chứng nhận hệ thống</p> <p>2.4.1. Tóm tắt</p> <p>2.4.2. Nội dung chính</p> <p>2.4.3. Phí kiểm tra</p>	Thuyết trình, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, tìm kiếm tài liệu, Tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập cá nhân	<p>LO.1.1</p> <p>LO.2.1</p> <p>LO.3.1</p>	<p>- Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp (phần 2)</p> <p>- Hướng dẫn xây dựng Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp khai thác đá vừa và nhỏ</p>
2	<p>Chương 2. Phân tích tiêu chuẩn chứng nhận</p> <p>2.1. Phạm vi ứng dụng</p> <p>2.2. Quy cách tham khảo</p> <p>2.3. Định nghĩa thuật ngữ</p> <p>2.4. Tiêu chuẩn chứng nhận</p>	Thuyết trình, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề	Đọc giáo trình, tìm kiếm tài liệu, Tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập cá nhân	<p>LO.1.2</p> <p>LO.2.2</p> <p>LO.3.2</p>	Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp (phần 3)
3	Chương 3: Thẩm định xây dựng hệ	Thuyết	Đọc		Hệ thống

thông 3.1. Công việc của thẩm định viên 3.1.1. Đội trưởng đội thẩm định 3.1.2 Thẩm định viên 3.2. Nội dung thẩm định viên cần chấp hành 3.3. Những điều nghiêm cấm 3.4. Thẩm định 3.5. Quản lý cấp sau 3.6. Phương pháp thẩm định	trình, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề	giáo trình, tìm kiếm tài liệu, Tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập cá nhân	LO.1.3 LO.2.3 LO.3.3	quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp (phần 5)
Bài kiểm tra giữa kỳ				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước:

- Học phần: Tổng quan về an toàn, vệ sinh lao động, Mã HP: 1041

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Có mặt trên lớp hoặc nơi thực hành, thực tập không dưới 80% thời gian quy định của học phần đó.
- Hoàn thành các bài tập cá nhân theo yêu cầu
- Phải dự đủ 1 bài kiểm tra theo quy định.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10 %

- **Mục đích:** Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- **Hình thức đánh giá:**

- + Điểm danh số giờ dự giảng
- + Ý thức tham gia hoạt động xây dựng bài giảng, thảo luận nhóm.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần (10.5)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ:(Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20 %

- Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kỳ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

- **Hình thức đánh giá:** Bài kiểm tra viết trên lớp (1 giờ) hoặc trực tiếp giải bài tập và thuyết trình trước lớp.

- **Tiêu chí đánh giá:** theo đáp án của bài kiểm tra hoặc **Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình (10.5)**

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- **Mục đích:** Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết: trắc nghiệm, tự luận (90 phút). Đề thi theo ma trận đề thi.

- **Tiêu chí đánh giá:** Theo đáp án của ma trận đề thi.

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

T T	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần								
		LO. 1.1	LO. 1.2	LO. 1.3	LO. 2.1	LO. 2.2	LO. 2.3	LO. 3.1	LO. 3.2	LO. 3.3
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)	X	X		X	X		X	X	
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thuyết trình

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%
-------------------------	----------------------------------	------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------	-----

- Tiêu chí đánh giá điểm thuyết trình

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%

Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ,	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%
--------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Chương trình đào tạo dự án tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp	KOICA-KOSHA

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Cục An toàn lao động	2013	Hướng dẫn xây dựng Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp khai thác đá vừa và nhỏ	NXB Lao động

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, TL = Thảo luận, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL	KT
1	Chương 1. Giới thiệu về hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp 2.1. Khái quát 2.2. Trình tự xúc tiến chung 2.3. Hiệu quả chứng nhận hệ thống 2.4. Trình tự chứng nhận hệ thống	6	3	
2	Chương 2. Phân tích tiêu chuẩn chứng nhận 3.1. Phạm vi ứng dụng 3.2. Quy cách tham khảo 3.3. Định nghĩa thuật ngữ 3.4. Tiêu chuẩn chứng nhận	7	3	
3	Chương 3: Thẩm định đánh giá hệ thống 5.1. Công việc của thẩm định viên 5.2. Nội dung thẩm định viên cần chấp hành 5.3. Những điều nghiêm cấm 5.4. Thẩm định 5.5. Quản lý cấp sau 5.6. Phương pháp thẩm định	7	3	
	Kiểm tra giữa kỳ			1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

ThS. Nguyễn Hồng Sơn

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Đồ án kỹ thuật an toàn lao động

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên giảng viên: Vũ Văn Thú
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0915357926 - Email: thuvv@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Hồng Sơn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0397911119 - Email: sonnh@dhcd.edu.vn

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên giảng viên: Đỗ Thị Lan Chi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: chidtl@dhcd.edu.vn

2.4. Giảng viên 4

- Họ và tên giảng viên: Đào Bằng Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: giangdb@dhcd.edu.vn

2.5. Giảng viên 5

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Tuyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 02438517081

- Email: tuyennt@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **ĐỒ ÁN KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**

- Tên (tiếng Anh): **Labour Safety Technique Essay**

- Mã học phần: **1012**

4. Số tín chỉ: 3

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20

- Giờ thực hành: 25

- Giờ bài tập: 0

- Giờ báo cáo thực tế: 0

- Giờ tự học: 135

6. Mục tiêu của học phần:

Đồ án môn học Kỹ thuật An toàn lao động giúp sinh viên ngành kỹ thuật Bảo hộ lao động làm quen với công việc nghiên cứu, tính toán, thiết kế một đơn nguyên của công trình trong một số lĩnh vực như An toàn thiết bị chịu áp lực, an toàn thiết bị nâng vận chuyển, an toàn điện, an toàn xây dựng, an toàn hóa chất v.v... Qua đó sinh viên rèn luyện khả năng ứng dụng kiến thức được học từ các môn học khác nhau vào một công trình cụ thể.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Nhận diện, đánh giá rủi ro môi trường lao động	4	LO.4
<i>LO.1.2</i>	An toàn điện	4	
<i>LO.1.3</i>	An toàn trong xây dựng	4	
<i>LO.1.4</i>	Ecgonomi	4	
<i>LO1.5</i>	Phòng chống cháy nổ	4	

LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Nhận diện được các mối nguy gây mất an toàn, các yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp, đánh giá được rủi ro môi trường lao động, đề xuất được biện pháp cải thiện điều kiện làm việc	4	LO.6 LO.8
<i>LO.2.2</i>	Đưa ra được nội quy an toàn với thiết bị điện và hệ thống điện	4	
<i>LO.2.3</i>	Có kỹ năng thanh tra, kiểm tra, đánh giá và đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn trong các công trình xây dựng	4	
<i>LO.2.4</i>	Ứng dụng được các nguyên lý Ergonomics đảm bảo an toàn và cải thiện điều kiện lao động	5	
<i>LO.2.5</i>	Sử dụng phương tiện chữa cháy, cứu nạn và sơ cấp cứu	4	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Có thái độ đúng đắn trong công tác quản lý rủi ro, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm bản thân và tập thể với việc phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động	4	LO.14 LO.16
<i>LO.3.2</i>	Có thái độ đúng đắn trong công tác quản lý rủi ro, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm bản thân và tập thể với việc phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động	4	
<i>LO.3.3</i>	Có thái độ đúng đắn trong công tác quản lý rủi ro, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm bản thân và tập thể với việc phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động	4	
<i>LO.3.4</i>	Có thái độ đúng đắn trong công tác quản lý rủi ro, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm bản thân và tập thể với việc phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động	4	
<i>LO.3.5</i>	Có thái độ đúng đắn trong công tác quản lý rủi ro, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm bản thân và tập thể với	4	

	việc phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động		
--	-------------------------------------------------------------------------	--	--

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Trong đề án môn học, sinh viên cần trình bày kiến thức cơ bản về lĩnh vực làm đề án: Một số khái niệm, các nguy hiểm, tai nạn thường xảy ra trong lĩnh vực đó, các nguyên lý, cơ chế, biện pháp cơ bản đảm bảo an toàn trong quá trình bảo quản, sửa chữa, vận hành và sử dụng hệ thiết bị thuộc lĩnh vực: điện, thiết bị chịu áp lực, thiết bị nâng và khai thác, xây dựng v.v... Tính toán, thiết kế một số công đoạn, chi tiết đảm bảo an toàn trong lĩnh vực thiết bị chịu áp lực, thiết bị nâng vận chuyển, an toàn điện, an toàn hóa chất hoặc xây dựng.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Đề án nhận diện, đánh giá rủi ro môi trường lao động	Chia sinh viên theo nhóm, mỗi nhóm thực hiện một đề án	Mỗi nhóm sinh viên tự chọn đề án, thực hiện và bảo vệ đề án	LO.1.1	Tài liệu 1,2
	LO.2.1				
	LO.3.1				
2	Đề án Kỹ thuật an toàn điện			LO.1.2	Tài liệu 3,4,5
	LO.2.2				
	LO.3.2				
3	Đề án Kỹ thuật an toàn trong xây dựng	LO.1.3	Tài liệu 4,5,6		
	LO.2.3				
	LO.3.3				
4	Đề án Ergonomi	LO.1.4	Tài liệu 6, 7		
	LO.2.4				
	LO.3.4				
5	Đề án phòng chống cháy nổ	LO.1.5	Tài liệu 7,8,9		
	LO.2.5				
	LO.3.5				

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Người học đã học các học phần

- Tên học phần học trước 1: Quản lý rủi ro an toàn vệ sinh lao động Mã HP: 1052
- Tên học phần học trước 2: An toàn điện, Mã HP: 1001
- Tên học phần học trước 4: Kỹ thuật an toàn trong xây dựng Mã HP: 1017
- Tên học phần học trước 3: Ecgônômi Mã HP: 1014
- Tên học phần học trước 5: Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn Mã HP: 1029

9.2. Yêu cầu khác:

Trong đồ án môn học, sinh viên cần trình bày kiến thức cơ bản về khái niệm, các nguy hiểm, tai nạn thường xảy ra, các nguyên lý, cơ chế, biện pháp đảm bảo an toàn trong lĩnh vực điện, thiết bị chịu áp lực, thiết bị nâng, xây dựng, kiểm soát rủi ro, phòng cháy chữa cháy. Sinh viên phải chấp hành nghiêm chỉnh kế hoạch làm đồ án, tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, làm đồ án theo sự hướng dẫn của giảng viên, viết đồ án theo đúng yêu cầu.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: trọng số: 30 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (1 giờ)

10.2. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của

cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- Hình thức: Viết báo cáo đề án, giảng viên chấm đề án

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

T T	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần														
		LO 1.1.	LO .1.2	LO .1.3	LO .1.4	LO .1.5	LO .2.1	LO .2.2	LO .3.2	LO .2.4	LO .2.5	LO .3.1	LO .3.2	LO .3.3	LO .3.4	LO .3.5
1	Điểm thư ờng xuy ên (30 %)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	x	x	x	x	x
2	Điểm bảo vệ đề án (70 %)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	x	x	x	x	x

10.6. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học >40%	Đi học không chuyên cần 30%- 40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	16 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng,	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video	50%

	hợp	giải thích chưa rõ ràng	họa rõ ràng	đẹp, có sử dụng video	và giải thích cụ thể	
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Chương trình tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	An toàn thang máy	KOICA-KOSHA
2	Chương trình tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	An toàn trong sử dụng thiết bị hóa chất và nồi hơi	KOICA-KOSHA
3	Chương trình tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	Hướng dẫn khảo sát máy gia công áp lực, máy cắt	KOICA-KOSHA
4	Chương trình tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	Nhân viên kiểm tra cần cẩu	KOICA-KOSHA
5	Chương trình tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	Kiểm tra thiết bị điện	KOICA-KOSHA
6	Nguyễn Văn Mỹ	2013	An toàn lao động trong công trình xây dựng	NXB Xây dựng
7	Dương Trường Giang	2019	Hướng dẫn thuyết minh, tính toán đồ án môn học máy và thiết bị nâng	NXB Xây dựng
8	Đình Tuấn Hải	2018	Quản lý rủi ro trong xây dựng	NXB Xây dựng

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Nguyễn An Lương (chủ biên)	2006	Bảo hộ lao động	NXB Lao động

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, TH = Thực hành

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian	
		LT	TH
1	Đồ án an toàn thiết bị áp lực	4	5
2	Đồ án an toàn thiết bị nâng và vận chuyển	4	5

3	Đồ án an toàn điện	4	5
4	Đồ án an toàn phóng xạ và bức xạ có hại	4	5
5	Đồ án phòng chống cháy nổ	4	5

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

TS. Vũ Văn Thú

- Điện thoại: 02438517081

- Email: Tuyennt@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **ĐỒ ÁN KỸ THUẬT VỆ SINH LAO ĐỘNG**

- Tên (tiếng Anh): **Labour Hygiene Technique Essay**

- Mã học phần: **1013**

4. Số tín chỉ: 3

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 20

- Giờ thực hành: 25

- Giờ bài tập: 0

- Giờ báo cáo thực tế: 0

- Giờ tự học: 135

6. Mục tiêu của học phần:

Đồ án môn học Kỹ thuật Vệ sinh lao động giúp sinh viên ngành kỹ thuật BHLĐ làm quen với công việc thiết kế một công trình, đơn nguyên trong hệ thống xử lý: khí thải, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, tiếng ồn – rung động. Qua đó, sinh viên rèn luyện khả năng ứng dụng kiến thức được học từ các môn học khác nhau vào một công trình cụ thể, gắn liền thực tế.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Xử lý ô nhiễm môi trường nước	4	LO.4
<i>LO.1.2</i>	Xử lý môi trường khí	4	
<i>LO.1.3</i>	Quản lý chất thải rắn	4	
<i>LO.1.4</i>	Kỹ thuật xử lý tiếng ồn và rung động	4	
<i>LO1.5</i>	Kỹ thuật chiếu sáng công nghiệp	4	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Đưa ra được biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường nước	4	LO.6

LO.2.2	Đánh giá được chất lượng xử lý môi trường khí	4	LO.8
LO.2.3	Đưa ra được biện pháp quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	4	
LO.2.4	Đưa ra được biện pháp xử lý nguồn gây tiếng ồn và rung động trong sản xuất	5	
LO.2.5	Có kỹ năng thiết kế hệ thống chiếu sáng cho nhà xưởng, văn phòng	4	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
LO.3.1	Có thái độ đúng đắn trong công tác quản lý rủi ro, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm bản thân và tập thể với việc phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động	4	LO.12 LO.16
LO.3.2	Có thái độ đúng đắn trong công tác quản lý rủi ro, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm bản thân và tập thể với việc phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động	4	
LO.3.3	Có thái độ đúng đắn trong công tác quản lý rủi ro, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm bản thân và tập thể với việc phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động	4	
LO.3.4	Có thái độ đúng đắn trong công tác quản lý rủi ro, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm bản thân và tập thể với việc phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động	4	
LO.3.5	Có thái độ đúng đắn trong công tác quản lý rủi ro, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm bản thân và tập thể với việc phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Trong đồ án môn học, sinh viên cần trình bày kiến thức cơ bản về lĩnh vực làm đồ án: Một số khái niệm, các nguyên lý, cơ chế, biện pháp cơ bản đảm bảo vệ sinh công nghiệp trong quá trình sản xuất, hạn chế gây ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Thực tập nghiên cứu, tính toán, thiết kế một công trình, đơn nguyên trong hệ thống xử lý: khí thải, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, tiếng ồn – rung động.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Đồ án xử lý ô nhiễm môi trường nước	Chia sinh viên theo nhóm, mỗi nhóm thực hiện một đồ án	Mỗi nhóm sinh viên tự chọn đề án, thực hiện và bảo vệ đề án	LO.1.1	Tài liệu 1,6
2	Đồ án xử lý môi trường khí			LO.2.1	
				LO.3.1	
3	Đồ án Quản lý chất thải rắn			LO.1.2	Tài liệu 2,6
				LO.2.2	
LO.3.2					
4	Đồ án Kỹ thuật xử lý tiếng ồn và rung động	LO.1.3	Tài liệu 3,6		
		LO.2.3			
LO.3.3					
5	Đồ án Kỹ thuật chiếu sáng công nghiệp	LO.1.4	Tài liệu 4,6		
		LO.2.4			
LO.3.4					
		LO.1.5	Tài liệu 5,6		
		LO.2.5			
LO.3.5					

9. Yêu cầu của học phần:**9.1. Học phần học trước:** Người học đã học các học phần

- Tên học phần học trước 1: Kỹ thuật chiếu sáng công nghiệp, Mã HP: 1018
- Tên học phần học trước 2: Kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường khí, Mã HP: 1024
- Tên học phần học trước 3: Kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường nước, Mã HP: 1025
- Tên học phần học trước 4: Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, Mã HP: 1033
- Học phần học trước 5: Tiếng ồn, rung động trong sản xuất và kỹ thuật xử lý, Mã HP: 1050

9.2. Yêu cầu khác:

Yêu cầu sinh viên học tập trung theo lớp, mỗi modul học 9 tiết lý thuyết. Sinh viên phải chấp hành nghiêm chỉnh kế hoạch làm đồ án, tham gia đầy đủ các buổi học lý

thuyết. Mỗi sinh viên làm 1 đề án theo 1 modul lựa chọn dưới sự hướng dẫn của giảng viên và bảo vệ đề án trước Hội đồng.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: trọng số 30 %

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận và các giờ bài tập trên lớp.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập viết (1 giờ)

10.2. Thi cuối kỳ:(Điểm thi hết học phần) trọng số: 70 %

- *Mục đích:* Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên.

- *Các kỹ thuật đánh giá:*

- + Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.
- + Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề
- + Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.

- *Hình thức:* Viết báo cáo đề án, giảng viên chấm đề án

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

T T	Đi m bộ phậ n	Chuẩn đầu ra của học phần
----------------	--------------------------------------	----------------------------------

		LO 1.1.	LO .1.2	LO .1.3	LO .1.4	LO .1.5	LO .2.1	LO .2.2	LO .3.2	LO .2.4	LO .2.5	LO .3.1	LO .3.2	LO .3.3	LO .3.4	LO .3.5
1	Điểm thường xuyên (30 %)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X					
3	Điểm bảo vệ độc án (70 %)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X					

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi học >40%	Đi học không chuyên cần 30%- 40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70 %
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30 %
Điểm trừ	17 lần khiến trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2					

điểm)

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%

Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định, sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Chương trình tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	Quá trình quản lý ý tế công nghiệp	KOICA-KOSHA
2	Nguyễn Văn Phước	2015	Quản lý và xử lý chất thải rắn	NXB ĐH Quốc gia TP HCM
3	Trần Thị Ngọc Lan	2012	Hướng dẫn ATVSLĐ phòng chống BNN trong các cơ sở khai thác mỏ	NXB LĐXH
4	Lương Mai Anh	2017	Phương pháp giám sát thương tích do TNLĐ và các giải pháp phòng chống	NXB Y học
5	Vũ Văn Thú (chủ biên)	2011	Tiếng ồn và rung động trong sản xuất và kỹ thuật xử lý	NXB Lao động

11.2. Danh mục liệu tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Nguyễn An Lương (chủ biên)	2012	Bảo hộ lao động	NXB Lao động

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, TH = Thực hành

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian	
		LT	TH
1	Đồ án Xử lý ô nhiễm môi trường nước	4	5
2	Đồ án Xử lý môi trường khí	4	5
3	Đồ án Quản lý chất thải rắn	4	5
4	Đồ án Kỹ thuật xử lý tiếng ồn và rung động	4	5
5	Đồ án Kỹ thuật chiếu sáng công nghiệp	4	5

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

TS. Đỗ Thị Lan Chi

- Điện thoại: 02438517081

- Email: tuyennt@dhcd.edu.vn

2.6. Giảng viên 6

- Họ và tên giảng viên: Tô Xuân Quỳnh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 02438517081

- Email: Quynhtx@dhcd.edu.vn

2.7. Giảng viên 7

- Họ và tên giảng viên: Trương Thị Yến Nhi

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn

- Điện thoại: 02438517081

- Email: Nhitty@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **ĐỒ ÁN THỰC TẬP AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

- Tên (tiếng Anh): **Safety and Labour Hygiene Practical Essay**

- Mã học phần: 1055

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết:	0
- Giờ thực hành:	30
- Giờ bài tập:	0
- Giờ báo cáo thực tế:	0
- Giờ tự học:	90

6. Mục tiêu của học phần:

Đồ án Thực tập An toàn - Vệ sinh lao động giúp sinh viên ngành kỹ thuật BHLĐ tìm hiểu quy trình sản xuất, thực trạng công tác bảo hộ lao động tại cơ sở, vai trò của hoạt động bảo hộ lao động của tổ chức công đoàn của một phân xưởng sản xuất. Đồ án giúp sinh viên tìm hiểu thực trạng tình hình thực hiện luật pháp, chính sách, chế độ an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, cải thiện điều kiện lao động và ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Tìm hiểu sự phối hợp giữa người sử dụng lao động, người lao động và Công đoàn trong công tác an toàn vệ sinh lao động. Qua đó, sinh viên rèn luyện khả năng ứng dụng kiến thức được học từ các môn học khác nhau vào một cơ sở cụ thể, gắn liền thực tế, rèn luyện phương pháp nghiên cứu khoa học, khảo sát thực tiễn, liên hệ giữa lý luận và thực tế sản xuất; đề xuất ra được các kiến nghị, giải pháp về an toàn, vệ sinh lao động; tu

duỡng về ý thức tổ chức kỉ luật, rèn luyện tác phong, phương pháp làm việc của kĩ sư an toàn, một cán bộ công đoàn có chuyên môn sâu.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Nắm được quy trình sản xuất tại cơ sở, máy, thiết bị, tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình trang thiết bị, công nghệ sản xuất, vật tư, tổ chức sản xuất	4	LO.4
<i>LO.1.2</i>	Nắm được công tác an toàn vệ sinh lao động tại cơ sở, kĩ thuật an toàn, kĩ thuật vệ sinh, các giải pháp cải thiện môi trường lao động, y học lao động, bệnh nghề nghiệp, ergonomi, phòng cháy chữa cháy, công tác xanh-sạch-đẹp, tổ chức bộ máy làm công tác an toàn vệ sinh lao động tại cơ sở, hệ thống quản lý an toàn – sức khỏe – môi trường (HSE) trong doanh nghiệp, tổ chức bộ máy làm công tác an toàn vệ sinh lao động của Công đoàn	4	
<i>LO.1.3</i>	Tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng để khắc phục, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác an toàn vệ sinh lao động tại cơ sở	5	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Có kĩ năng quan sát khi tham quan cơ sở sản xuất	4	LO.6 LO.8
<i>LO.2.2</i>	Viết được báo cáo thực trạng công tác an toàn vệ sinh lao động tại cơ sở một cách rõ ràng, mạch lạc, đầy đủ	4	
<i>LO.2.3</i>	Đưa ra được biện pháp khắc phục những tồn tại về công tác an toàn vệ sinh lao động tại cơ sở	5	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		

LO.3.1	Chấp hành nghiêm chỉnh kế hoạch kiến tập của Khoa, nội quy của cơ sở kiến tập, sự hướng dẫn của giảng viên dẫn đoàn.	4	LO.15 LO.16
LO.3.2	Chấp hành nghiêm chỉnh kế hoạch kiến tập của Khoa, nội quy của cơ sở kiến tập, sự hướng dẫn của giảng viên dẫn đoàn. Văn hóa an toàn tại doanh nghiệp	4	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Địa điểm kiến tập do Khoa Bảo hộ lao động lựa chọn, ví dụ Công ty Acecook Việt Nam tại tỉnh Hưng Yên chuyên sản xuất mì tôm. Thời gian kiến tập tháng 5 hàng năm. Sau kiến tập, sinh viên viết báo cáo giới thiệu chung về cơ sở, quy trình sản xuất tại cơ sở, công tác an toàn vệ sinh lao động tại cơ sở. Giảng viên nhận xét, đánh giá, chấm điểm báo cáo của sinh viên.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CĐR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Phổ biến kế hoạch kiến tập cho sinh viên, giúp sinh viên hiểu rõ mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ, các nội dung kiến tập	Làm công tác tư tưởng cho SV trước khi đi kiến tập; kiểm tra, đôn đốc SV thực hiện kế hoạch kiến tập	Thực hiện theo hướng dẫn của GV, tích cực trong hoạt động kiến tập, viết báo cáo cẩn thận, đúng hạn	LO.1.1 LO.2.1 LO.3.1	Tài liệu 1-7
2	Đưa sinh viên đi kiến tập tại cơ sở			LO.1.2 LO.2.2 LO.3.2	
3	Nhận xét, đánh giá, chấm điểm báo cáo của sinh viên			LO.1.3 LO.2.3	

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước: Người học đã học các học phần

- Tên học phần học trước 1: Kỹ thuật chiếu sáng công nghiệp, Mã HP: 1018
- Tên học phần học trước 2: Kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường khí, Mã HP: 1024

- Tên học phần học trước 3: Kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường nước, Mã HP: 1025
- Tên học phần học trước 4: Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, Mã HP: 1033
- Tên học phần học trước 5: Tiếng ồn, rung động trong sản xuất và kỹ thuật xử lý, Mã HP: 1050

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên cần có ý thức tự giác, tham gia kiên tập đầy đủ, đúng giờ, chấp hành nghiêm chỉnh kế hoạch thực tập tốt nghiệp, nội quy cơ sở kiến tập và sự quản lý của giảng viên dẫn đoàn và cán bộ hướng dẫn ở cơ sở, tích cực tham gia thảo luận trong buổi trao đổi với đại diện bộ phận an toàn của doanh nghiệp, hoàn thành tốt yêu cầu viết báo cáo. Sinh viên không tham gia kiên tập sẽ nhận điểm F của học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

Đánh giá dựa trên việc tham gia kiên tập đầy đủ, đúng giờ, chấp hành các quy định của cơ sở kiến tập và hướng dẫn của giảng viên dẫn đoàn, và dựa trên báo cáo của sinh viên về kết quả kiên tập.

10.1. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần							
		LO1.1.	LO.1.2	LO.1.3	LO.2.1	LO.2.2	LO.2.3	LO.3.1	LO.3.2
1	Điểm chuyên cần (30%)	X	X	X	X	X	X	X	x
2	Điểm báo cáo (70%)	X	X	X	X	X	X	X	x

10.2. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, báo cáo.

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi kiên tập	Đi muộn, vi phạm kỉ luật	Vi phạm kỉ luật của cơ sở bị nhắc	Đi muộn	Đi đúng giờ, chấp hành tốt quy định	

			nhờ		của cơ sở	
--	--	--	-----	--	-----------	--

- Tiêu chí đánh giá điểm báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D	Mức C	Mức B	Mức A
Báo cáo	Không có báo cáo	Báo cáo nộp muộn, viết sơ sài, nhiều lỗi, không đúng quy định	Báo cáo nộp đúng hạn, ít lỗi, đúng quy định	Báo cáo nộp đúng hạn, ít lỗi, đúng quy định, viết chi tiết, cẩn thận, đầy đủ

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
1	Nguyễn An Lương	2012	Bảo hộ lao động	NXB Lao động
2	Vũ Quang Thọ	2011	Tập bài giảng Bảo hộ lao động	NXB Dân trí
3	Chương trình tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	Đào tạo cán bộ quản lý ATLĐ ngành xây dựng	KOICA-KOSHA

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
1	Chương trình tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	Chương trình đào tạo người quản lý an toàn	KOICA-KOSHA
2	Vũ Văn Thú (chủ biên)	2011	Tiếng ồn và rung động trong sản xuất và kỹ thuật xử lý	NXB Lao động
3	Chương trình tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	Bồi dưỡng giảng viên ATVSLĐ	KOICA-KOSHA
4	Chương trình tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	Chương trình người quản lý an toàn	KOICA-KOSHA

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian
1	Phổ biến kế hoạch kiến tập đến sinh viên	2
2	Đi thực tế tại cơ sở	6
3	Viết báo cáo kiến tập	24

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

TS. Đỗ Thị Lan Chi

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Thực hành kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Khoa Bảo hộ lao động

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên giảng viên: Đỗ Thị Lan Chi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0912768614 - Email: bhld.dhcd@gmail.com

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên giảng viên: Vũ Văn Thú
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0915357926 - Email: thuvv@dhcd.edu.vn

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Hồng Sơn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 0397911119 - Email: sonnh@dhcd.edu.vn

2.4. Giảng viên 4

- Họ và tên giảng viên: Đào Bằng Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: giangdb@dhcd.edu.vn

2.5. Giảng viên 5

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Tuyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: tuyennt@dhcd.edu.vn

2.6. Giảng viên 6

- Họ và tên giảng viên: Tô Xuân Quỳnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: Quynhtx@dhcd.edu.vn

2.7. Giảng viên 7

- Họ và tên giảng viên: Trương Thị Yến Nhi
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 02438517081 - Email: Nhitty@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): **THỰC TẬP KỸ THUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**
- Tên (tiếng Anh): **Labour Safety and Hygiene Engineering Exercise**
- Mã học phần: **1056**

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 0
- Giờ thực hành: 30
- Giờ bài tập: 0
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Đồ án Thực tập An toàn - Vệ sinh lao động giúp sinh viên ngành kỹ thuật BHLĐ tìm hiểu các nguy cơ, các yếu tố có hại tại một bộ phận, phân xưởng sản xuất, đồng thời xây dựng phương án đo đạc, kiểm soát một trong các yếu tố, nguy cơ đó.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

Mã CDR	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)

LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	phương tiện chữa cháy, thoát nạn, sơ cấp cứu	4	LO.4
<i>LO.1.2</i>	thiết bị áp lực	4	
<i>LO.1.3</i>	an toàn thiết bị nâng	4	
<i>LO.1.4</i>	thiết bị điện và đánh giá an toàn hệ thống cung cấp điện	4	
<i>LO.1.5</i>	làm việc an toàn trong không gian hạn chế	4	
<i>LO.1.6</i>	làm việc an toàn với thiết bị hàn cắt kim loại	4	
<i>LO.1.7</i>	làm việc an toàn với hóa chất công nghiệp độc hại	4	
<i>LO.1.8</i>	sơ cấp cứu người bị nạn do hỏa hoạn, điện giật, phơi nhiễm hóa chất và thương tích khác	4	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Có kỹ năng sử dụng phương tiện chữa cháy, thoát nạn, sơ cấp cứu	4	LO.6 LO.8
<i>LO.2.2</i>	Có kỹ năng sử dụng an toàn thiết bị áp lực	4	
<i>LO.2.3</i>	Có kỹ năng sử dụng an toàn thiết bị nâng	4	
<i>LO.2.4</i>	Có kỹ năng sử dụng an toàn thiết bị điện và đánh giá an toàn hệ thống cung cấp điện	5	
<i>LO.2.5</i>	Có kỹ năng làm việc an toàn trong không gian hạn chế	4	
<i>LO.2.6</i>	Có kỹ năng làm việc an toàn với thiết bị hàn cắt kim loại	4	
<i>LO.2.7</i>	Có kỹ năng làm việc an toàn với hóa chất công nghiệp độc hại	4	
<i>LO.2.8</i>	Có kỹ năng sơ cấp cứu người bị nạn do hỏa hoạn, điện giật, phơi nhiễm hóa chất và thương tích khác	5	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1- LO.3.8</i>	Tham gia thực hành đầy đủ, tác phong công nghiệp, đúng giờ, chấp hành nghiêm chỉnh kế hoạch thực tập, nội quy, sự quản lý của cơ sở.	4	LO.14 LO.16

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

8 bài thực hành : Phòng cháy chữa cháy, An toàn thiết bị áp lực, An toàn thiết bị nâng, An toàn điện, An toàn làm việc trong không gian hạn chế, An toàn hóa chất, An toàn hàn cắt và Sơ cấp cứu.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phương pháp dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV		
1	Thực hành phòng cháy chữa cháy	Làm công tác tư tướng cho SV trước khi đi thực tập; kiểm tra, đôn đốc SV thực hiện kế hoạch thực tập	Thực hiện theo hướng dẫn của GV, tích cực trong hoạt động thực tập	LO.1.1 LO.2.1 LO.3.1	Tài liệu 3, 4, 5
2	Thực hành an toàn thiết bị áp lực			LO.1.2 LO.2.2 LO.3.2	Tài liệu 3, 4
3	Thực hành an toàn thiết bị nâng			LO.1.3 LO.2.3 LO.3.3	Tài liệu 3, 4
4	Thực hành an toàn điện			LO.1.4 LO.2.4 LO.3.4	Tài liệu 3, 4
5	Thực hành an toàn làm việc trong không gian hạn chế			LO.1.5 LO.2.5 LO.3.5	Tài liệu 3, 4
6	Thực hành an toàn hàn cắt			LO.1.6 LO.2.6 LO.3.6	Tài liệu 3, 4, 5
7	Thực hành an toàn hóa chất			LO.1.7 LO.2.7 LO.3.7	Tài liệu 3, 4, 5
8	Thực hành sơ cấp cứu			LO.1.8	Tài liệu 6

				LO.2.8	
				LO.3.8	

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Học phần học trước:

- Tên học phần học trước 1: Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn, Mã HP: 1029
- Tên học phần học trước 2: Quản lý an toàn máy, thiết bị tại nơi làm việc, Mã HP: 1031
- Tên học phần học trước 3: An toàn điện, Mã HP: 1001
- Tên học phần học trước 4: An toàn hóa chất, Mã HP: 1002
- Tên học phần học trước 5: Quản lý rủi ro an toàn vệ sinh lao động, Mã HP: 1052

9.2. Yêu cầu khác:

Sinh viên có mặt đầy đủ, đúng giờ, tác phong công nghiệp, đi giày bảo hộ. Sinh viên không tham gia thực tập sẽ nhận điểm F của học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

Đánh giá dựa trên việc tham gia thực tập đầy đủ, đúng giờ, chấp hành các quy định của cơ sở thực tập và hướng dẫn của giảng viên, và dựa trên kết quả thực tập của sinh viên.

10.1. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

Chuẩn đầu ra của học phần	Điểm chuyên cần (30%)	Điểm thực tập (70%)
LO.1.1 – LO.1.8	x	x
LO.2.1 – LO.2.8	x	x
LO.3.1 – LO.3.8	x	x

10.2. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, báo cáo.

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	
Chuyên cần	Không đi thực tập	Đi muộn, vi phạm kỉ luật	Vi phạm kỉ luật của cơ sở bị nhắc nhở	Đi muộn	Đi đúng giờ, chấp hành tốt quy định của cơ sở	

- Tiêu chí đánh giá điểm thực tập

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D	Mức C	Mức B	Mức A
Thực hành	Không đi thực tập	Thực hiện sai quy trình vận hành, quy tắc an toàn	Thực hiện đúng quy trình vận hành, quy tắc an toàn nhưng chưa thành thạo	Thực hiện đúng quy trình vận hành, quy tắc an toàn một cách chính xác, nhanh chóng.

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
1	Nguyễn An Lương	2012	Bảo hộ lao động	NXB Lao động
2	Vũ Quang Thọ (chủ biên)	2011	Tập bài giảng Bảo hộ lao động	NXB Dân trí
3	Chương trình tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	Chương trình người quản lý an toàn	KOICA-KOSHA

11.1. Danh mục tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
1	Chương trình tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	Bồi dưỡng giảng viên ATVSLĐ	KOICA-KOSHA
2	Chương trình tăng cường năng lực phát triển OSHTC Việt Nam	2015	Chương trình đào tạo người quản lý an toàn	KOICA-KOSHA
3	Đình Tuấn Hải	2018	Quản lý rủi ro trong xây dựng	NXB Xây dựng

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian
-----	-----------------------------------------------------	-------------------

1	Phổ biến kế hoạch thực tập đến sinh viên	2
2	Đi thực tập tại cơ sở	24
3	Đánh giá kết quả thực tập	4

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

TS. Vũ Văn Thú

TS. Đỗ Thị Lan Chi

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Tin học ứng dụng cho ngành Bảo hộ lao động

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy: Bộ môn Tin học

2. Giảng viên đảm nhiệm giảng dạy:

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thủy Khánh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin học, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-4-38573608 - Email: khanhnt@dhcd.edu.vn

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên giảng viên: Trần Minh Tuyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin học, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-4-38573608 - Email: tuyentm@dhcd.edu.vn

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thanh Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin học, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-4-38573608 - Email: binhnt@dhcd.edu.vn

2.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thu Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tin học, Trường Đại học Công đoàn
- Điện thoại: 84-4-38573608 - Email: trangnt@dhcd.edu.vn

3. Tên học phần

- Tên (tiếng Việt): Tin học ứng dụng cho ngành Bảo hộ lao động

- Tên (tiếng Anh): Applied information for labor protection - Applied information for labor safe - Applied information for Occupational Safety and Health

- Mã học phần: 2405

4. Số tín chỉ: 2

5. Cấu trúc học phần:

- Giờ lý thuyết: 24
- Giờ thảo luận: 12
- Giờ bài tập: 0
- Giờ báo cáo thực tế: 0
- Giờ tự học: 90

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị, cung cấp các kỹ năng ứng dụng cho sinh viên triển khai bản vẽ kỹ thuật 2D hoàn chỉnh trên máy tính theo đúng các yêu cầu của một bản vẽ theo tiêu chuẩn Việt Nam.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (LO):

Mã CDR học phần	Mô tả nội dung CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Liên kết với CDR của CTĐT (Đáp ứng CDR CTĐT)
LO.1	Chuẩn về kiến thức		
<i>LO.1.1</i>	Biết kiến thức cơ bản và các thành phần chính của bản vẽ: phân biệt được các đơn vị làm việc chung của phần mềm và đơn vị áp dụng cho bản vẽ, khái niệm các lớp bản vẽ và cách chồng các lớp khác nhau để có bản vẽ tổng hợp, khái niệm hệ tọa độ của bản vẽ.	2	LO.3
<i>LO.1.2</i>	Biết nguyên tắc thực hiện các công cụ, lệnh vẽ 2D cơ bản.	3	

<i>LO.1.3</i>	Biết nguyên tắc thực hiện các công cụ, lệnh hiệu chỉnh.	4	
<i>LO.1.4</i>	Hiểu cách thức quản lý màn hình. Biết khái niệm đặc tính, thuộc tính của lớp.	4	
<i>LO.1.5</i>	Hiểu khái niệm mặt cắt, cách đo đặc đối tượng, viết chữ trên bản vẽ.	4	
LO.2	Chuẩn về Kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	Biết cách thực hiện các thao tác cơ bản với file bản vẽ. Biết cách áp dụng các hệ tọa độ để tạo các bản vẽ 2D trên máy tính.	3	LO.10
<i>LO.2.2</i>	Biết cách thực hiện các lệnh vẽ cơ bản: đường thẳng, đường tròn, đa giác đều ...	3	
<i>LO.2.3</i>	Biết cách thực hiện các lệnh hiệu chỉnh: sao chép, cắt dán, di chuyển, xóa các đối tượng, cắt lấy (trim, fillet) một đối tượng ...	4	
<i>LO.2.4</i>	Biết cách tạo, gán các đặc tính, thuộc tính cho lớp và thay đổi các đặc tính, thuộc tính của lớp.	4	
<i>LO.2.5</i>	Biết cách tạo mặt cắt, đo đặc đối tượng, viết chữ trên bản vẽ.	4	
LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
<i>LO.3.1</i>	Vận dụng hiểu biết về bản vẽ để tạo và sử dụng bản vẽ mẫu có sẵn.	3	LO.14 LO.15
<i>LO.3.2</i>	Vận dụng kiến thức về các lệnh vẽ cơ bản để tạo bản vẽ chi tiết, vật thể 2D.	4	
<i>LO.3.3</i>	Vận dụng kiến thức về các lệnh hiệu chỉnh để hoàn thiện các chi tiết trong bản vẽ.	6	
<i>LO.3.4</i>	Vận dụng hiểu biết về các công cụ để quản lý màn hình và quản lý các lớp đối tượng.	4	
<i>LO.3.5</i>	Vận dụng hiểu biết để xác định kích thước, chèn văn bản (text), vẽ hình chiếu, mặt cắt.	3	

8. Nội dung học phần:

8.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Cung cấp các kỹ năng ứng dụng phần mềm Autocad để vẽ và thiết kế các chi tiết cơ khí trên máy vi tính. Chuẩn bị một bản vẽ; vẽ chính xác trong Autocad: Các lệnh vẽ, hiệu chỉnh; Các lệnh hỗ trợ dựng hình; Chữ và số; Ghi kích thước; ký hiệu vật liệu; lệnh tra cứu thông tin, điều khiển màn hình, xuất bản vẽ ra giấy và tập tin.

8.2. Bảng mô tả nội dung của học phần:

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục	Phương pháp, hoạt động dạy & học		CDR học phần	Tài liệu học tập/ Tài liệu tham khảo
		Giảng viên	Sinh viên		
1	<p>Chương I. Khái niệm chung</p> <p>1.1. Giới thiệu</p> <p>1.2. Khởi động</p> <p>1.3. Màn hình giao diện</p> <p>1.4. Một số khái niệm và các thao tác cơ bản</p> <p><i>1.4.1. Cách vào lệnh</i></p> <p><i>1.4.2. Một số phím chức năng</i></p> <p><i>1.4.3. Cách vào dữ liệu</i></p> <p><i>1.4.4. Lệnh mở 1 bản vẽ</i></p> <p><i>1.4.5. Lưu giữ bản vẽ</i></p> <p><i>1.4.6 Lệnh thoát khỏi AutoCad</i></p> <p><i>1.4.7. Lệnh thiết lập đơn vị vẽ</i></p> <p><i>1.4.8. Lệnh đặt giới hạn bản vẽ</i></p> <p><i>1.4.9. Thao tác tạo bản vẽ khởi thủy</i></p> <p>Bài tập chương 1</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài Làm BT chương 1	<i>LO.1.1</i> <i>LO.2.1</i> <i>LO.3.1</i>	Tài liệu học tập Tin học ứng dụng dành cho ngành Bảo hộ lao động tr 3- tr23
2	<p>Chương II. Các lệnh vẽ cơ bản</p> <p>2.1. Vẽ điểm</p> <p>2.2. Vẽ đường thẳng (đoạn, tia,</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể,	Đọc TLTK Tham gia	LO.1.2 LO.2.2 LO.3.2	Tài liệu học tập Tin học

	đường kiến tạo...) 2.3. Vẽ đa tuyến 2.4. Vẽ đường tròn 2.5. Vẽ cung tròn 2.6. Vẽ đa giác đều 2.7. Vẽ đường vành khuyên 2.8. Vẽ Ellipse 2.9. Vẽ miền đặc 2.10. Lệnh bắt điểm (OSNAP) Bài tập chương 2	câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thực hiện các BT chương 2		ứng dụng dành cho ngành Bảo hộ lao động tr 24- tr 32
3	Chương III. Các lệnh hiệu chỉnh 3.1. Chọn đối tượng 3.2. Xoá đối tượng 3.3. Ngắt bỏ 1 phần của đối tượng 3.4. Chặt tia các đối tượng 3.5. Di chuyển đối tượng 3.6. Sao chép đối tượng 3.7. Xoay đối tượng quanh 1 điểm 3.8. Thay đổi tỷ lệ của đối tượng 3.9. Kéo dãn 1 phần của đối tượng 3.10. Lệnh tạo đối tượng đối xứng 3.11. Lệnh kéo dài đối tượng tới 1 đường biên 3.12. Lệnh sao chép đối tượng thành 1 mảng 3.13. Lệnh làm tròn góc đối tượng 3.14. Lệnh làm vát góc đối tượng Bài tập chương 3	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thực hiện các BT chương 3	LO.1.3 LO.2.3 LO.3.3	Tài liệu học tập Tin học ứng dụng dành cho ngành Bảo hộ lao động tr 33- tr 48
4	Chương IV. Quản lý màn hình và Lớp	Thuyết giảng, giải	Đọc TLTK	LO.1.4 LO.2.4	Tài liệu học tập

	<p>4.1. Các lệnh quản lý màn hình</p> <p>4.1.1. Lệnh ZOOM</p> <p>4.1.2. Lệnh PAN</p> <p>4.1.3. Lệnh VIEW</p> <p>4.1.4. Lệnh REDRAW</p> <p>4.2. Lớp - layer</p> <p>4.2.1. Khái niệm</p> <p>4.2.2. Tạo lớp</p> <p>4.2.3. Các thuộc tính của lớp</p> <p>Bài tập chương 4</p>	thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thực hiện các BT chương 4	LO.3.4	Tin học ứng dụng dành cho ngành Bảo hộ lao động tr 49- tr56
5	<p>Chương V. Vẽ mặt cắt, ghi kích thước, viết chữ</p> <p>5.1. Vẽ mặt cắt</p> <p>5.2. Ghi kích thước</p> <p>5.3. Viết chữ</p> <p>Bài tập chương 5</p>	Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, học nhóm, giao bài về nhà	Đọc TLTK Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài, thực hiện các BT chương 5	LO.1.5 LO.2.5 LO.3.5	Tài liệu học tập Tin học ứng dụng dành cho ngành Bảo hộ lao động tr 57- tr 68
	Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)		Thực hiện theo đề tài được giao		

9. Yêu cầu của học phần:

9.1. Yêu cầu học trước: Người học đã học các học phần

- Tên học phần tiên quyết: Hình họa - Vẽ Kỹ thuật

Mã HP: 1015

9.2. Yêu cầu khác:

Khi học học phần này, yêu cầu sinh viên có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu

hỏi, bài tập được giao, có mặt đầy đủ trên lớp, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận, hoàn thành tốt các bài tập làm trên máy tính, các yêu cầu kiểm tra-đánh giá thường xuyên, kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và kiểm tra-đánh giá kết thúc học phần.

10. Phương thức kiểm tra/đánh giá của học phần:

10.1. Kiểm tra-đánh giá thường xuyên: (Điểm chuyên cần) trọng số: 10%

Được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ lý thuyết, thảo luận và các giờ làm bài tập trên máy tính.

- *Mục tiêu:* Kiểm tra-đánh giá thường xuyên nhằm củng cố các tri thức, hình thành các kỹ năng nhận dạng vấn đề và giải quyết các bài tập được giao, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, đồng thời hình thành thái độ tích cực đối với môn học. Nhằm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách học và cách dạy cho phù hợp

- *Tiêu chí đánh giá thường xuyên (điều kiện)*

- + Xác định được vấn đề nghiên cứu, hiểu được nhiệm vụ, mục đích vấn đề.
- + Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp khi giải quyết nhiệm vụ
- + Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- + Chuẩn bị và làm bài đầy đủ
- + Tích cực tham gia ý kiến

- *Hình thức kiểm tra thường xuyên*

Kiểm tra bằng miệng, kiểm tra bài tập trên máy (điều kiện)

10.2. Kiểm tra giữa kỳ: (Điểm kiểm tra học trình) trọng số: 20%

Bài kiểm tra giữa kì. (Tuần 8)

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau các chương học, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.
- Các kỹ thuật đánh giá: (Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu)
- Hình thức: Bài làm trên máy tính (1 giờ)

10.3. Thi cuối kỳ: (Điểm thi hết học phần) trọng số: 70%

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được của cả môn học của sinh viên, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng

viên và cách học của sinh viên.

- Các kỹ thuật đánh giá:

+ Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý.

+ Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ NC.

+ Trình bày rõ ràng, lô gíc vấn đề

+ Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ.

- Hình thức: Thi trên máy tính (90 phút)

10.4. Bảng mô tả phương thức đánh giá học phần:

TT	Điểm bộ phận	Chuẩn đầu ra của học phần						
		LO1.1	LO1.2 LO1.3	LO1.4 LO1.5	LO2.1 LO2.2 LO2.3	LO2.4 LO2.5	LO3.1 LO3.2 LO3.3	LO3.4 LO3.5
1	Điểm chuyên cần (10%)	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%)							
2.1	Bài kiểm tra	X	X	X	X	X	X	X
2.2	Hoặc thảo luận nhóm (nếu có)	X		X		X		X
3	Điểm thi kết thúc học phần (70%)	X	X	X	X	X	X	X

10.5. Bảng tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần, thảo luận, thuyết trình (nếu có).

- Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

RUBIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D 0,5 - 2,8 điểm	Mức C 3-4,8 điểm	Mức B 5-7,8 điểm	Mức A 8-10 điểm	

Chuyên cần	Không đi học <40%	Đi học không chuyên cần 30%-40%	Đi học khá chuyên cần 20%-30%	Đi học chuyên cần 10%-20%	Đi học rất chuyên cần 0%-10%	50%/70%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%/30%
Điểm trừ	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

- Tiêu chí đánh giá điểm thảo luận của các thành viên trong nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

- Tiêu chí đánh điểm thuyết trình của nhóm

RUBIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH		
Tiêu	Mức độ đạt chuẩn quy định	Trọng

chỉ đánh giá						số
	Mức F 0-3,9	Mức D 4,0-5,4	Mức C 5,5-6,9	Mức B 7,0-8,4	Mức A 8,5-10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh minh họa rõ ràng, phong phú đẹp, có sử dụng video và giải thích cụ thể	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ, hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày bố cục logic, rõ ràng, gồm mở đầu, thân bài và kết luận. Thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%

Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn 1 số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe, có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản dễ hiểu. Bố cục rõ ràng, giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu được nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả các nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%
--------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

11. Danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần

11.1. Danh mục tài liệu chính:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
1	Bộ môn Tin học	Được cập nhật hàng năm	Tài liệu Tin học ứng dụng danh cho ngành Bảo hộ lao động	

11.2. Danh mục tài liệu tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm	Tên sách, giáo trình,	NXB, tên tạp chí/nơi
----	-------------	-----	-----------------------	----------------------

		XB	tên bài báo, văn bản	ban hành VB
1	TS. Nguyễn Hữu Lộc	2017	Hướng dẫn sử dụng AutoCAD 2010	NXB Thành phố Hồ Chí Minh

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần:

LT = Lý thuyết, TL/TH = Thảo luận/Thực hành, KT = Kiểm tra

STT	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian		
		LT	TL/TH	KT
1	<p>Chương I. Khái niệm chung</p> <p>1.1. Giới thiệu</p> <p>1.2. Khởi động</p> <p>1.3. Màn hình giao diện</p> <p>1.4. Một số khái niệm và các thao tác cơ bản</p> <p> 1.4.1. Cách vào lệnh</p> <p> 1.4.2. Một số phím chức năng</p> <p> 1.4.3. Cách vào dữ liệu</p> <p> 1.4.4. Lệnh mở 1 bản vẽ</p> <p> 1.4.5. Lưu giữ bản vẽ</p> <p> 1.4.6 Lệnh thoát khỏi AutoCad</p> <p> 1.4.7. Lệnh thiết lập đơn vị vẽ</p> <p> 1.4.8. Lệnh đặt giới hạn bản vẽ</p> <p> 1.4.9. Thao tác tạo bản vẽ khởi thủy</p> <p>Bài tập chương 1</p>	4	2	
2	<p>Chương II. Các lệnh vẽ cơ bản</p> <p>2.1. Vẽ điểm</p> <p>2.2. Vẽ đường thẳng (đoạn, tia, đường kiến tạo...)</p> <p>2.3. Vẽ đa tuyến</p> <p>2.4. Vẽ đường tròn</p> <p>2.5. Vẽ cung tròn</p> <p>2.6. Vẽ đa giác đều</p> <p>2.7. Vẽ đường vành khuyên</p> <p>2.8. Vẽ Ellipse</p>	8	4	

	<p>2.9. Vẽ miền đặc</p> <p>2.10. Lệnh bắt điểm (OSNAP)</p> <p>Bài tập chương 2</p>			
3	<p>Chương III. Các lệnh hiệu chỉnh</p> <p>3.1. Chọn đối tượng</p> <p>3.2. Xoá đối tượng</p> <p>3.3. Ngắt bỏ 1 phần của đối tượng</p> <p>3.4. Chặt tia các đối tượng</p> <p>3.5. Di chuyển đối tượng</p> <p>3.6. Sao chép đối tượng</p> <p>3.7. Xoay đối tượng quanh 1 điểm</p> <p>3.8. Thay đổi tỷ lệ của đối tượng</p> <p>3.9. Kéo dài 1 phần của đối tượng</p> <p>3.10. Lệnh tạo đối tượng đối xứng</p> <p>3.11. Lệnh kéo dài đối tượng tới 1 đường biên</p> <p>3.12. Lệnh sao chép đối tượng thành 1 mảng</p> <p>3.13. Lệnh làm tròn góc đối tượng</p> <p>3.14. Lệnh làm vát góc đối tượng</p> <p>Bài tập chương 3</p>	8	4	
4	<p>Chương IV. Quản lý màn hình và Lớp</p> <p>4.1. Các lệnh quản lý màn hình</p> <p> 4.1.1. Lệnh ZOOM</p> <p> 4.1.2. Lệnh PAN</p> <p> 4.1.3. Lệnh VIEW</p> <p> 4.1.4. Lệnh REDRAW</p> <p>4.2. Lớp - layer</p> <p> 4.2.1. Khái niệm</p> <p> 4.2.2. Tạo lớp</p> <p> 4.2.3. Các thuộc tính của lớp</p> <p>Bài tập chương 4</p>	2	1	
5	<p>Chương V. Vẽ mặt cắt, ghi kích thước, viết chữ</p>	2	1	

5.1. Vẽ mặt cắt 5.2. Ghi kích thước 5.3. Viết chữ <i>Bài tập chương 5</i>			
<i>Bài kiểm tra (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</i>			1
<i>Cộng</i>	24	12	1

1. Ngày ký: 30/08/2019

2. Thời điểm áp dụng: TS năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Đức Tĩnh

Nguyễn Thủy Khánh

Nguyễn Thủy Khánh